

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ CÁC NGÀY
27/8/2024 VÀ 28/8/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô các ngày 27/8/2024 và 28/8/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 27/8/2024: Trước 16h30' ngày 24/8/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 24/8/2024).

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 28/8/2024: Trước 16h30' ngày 25/8/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 25/8/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe**" trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

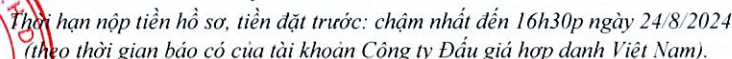
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.



Lâm Thị Mai Anh



Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'

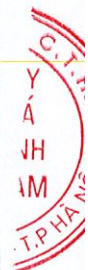
THAN

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
49	30K-824.99	Hà Nội	1049	30K-823.98	Hà Nội	2049	30K-812.96	Hà Nội
50	30K-844.99	Hà Nội	1050	30K-857.57	Hà Nội	2050	30K-815.69	Hà Nội
51	30K-847.79	Hà Nội	1051	30K-871.98	Hà Nội	2051	30K-820.89	Hà Nội
52	30K-890.96	Hà Nội	1052	30K-873.88	Hà Nội	2052	30K-822.96	Hà Nội
53	30K-904.40	Hà Nội	1053	30K-904.68	Hà Nội	2053	30K-830.39	Hà Nội
54	30K-915.69	Hà Nội	1054	30K-911.44	Hà Nội	2054	30K-834.79	Hà Nội
55	30K-924.88	Hà Nội	1055	30K-918.69	Hà Nội	2055	30K-842.86	Hà Nội
56	30K-931.86	Hà Nội	1056	30K-918.79	Hà Nội	2056	30K-844.89	Hà Nội
57	30K-971.98	Hà Nội	1057	30K-931.79	Hà Nội	2057	30K-849.66	Hà Nội
58	30K-984.69	Hà Nội	1058	30K-934.86	Hà Nội	2058	30K-853.89	Hà Nội
59	30L-001.86	Hà Nội	1059	30K-941.14	Hà Nội	2059	30K-857.66	Hà Nội
60	30L-023.66	Hà Nội	1060	30K-942.99	Hà Nội	2060	30K-870.66	Hà Nội
61	30L-041.86	Hà Nội	1061	30K-947.66	Hà Nội	2061	30K-870.89	Hà Nội
62	30L-047.99	Hà Nội	1062	30K-953.88	Hà Nội	2062	30K-873.39	Hà Nội
63	30L-055.38	Hà Nội	1063	30K-954.44	Hà Nội	2063	30K-904.88	Hà Nội
64	30L-058.69	Hà Nội	1064	30K-970.00	Hà Nội	2064	30K-905.68	Hà Nội
65	30L-058.99	Hà Nội	1065	30K-973.68	Hà Nội	2065	30K-912.66	Hà Nội
66	30L-073.69	Hà Nội	1066	30L-000.27	Hà Nội	2066	30K-929.65	Hà Nội
67	30L-084.89	Hà Nội	1067	30L-003.39	Hà Nội	2067	30K-932.96	Hà Nội
68	30L-088.39	Hà Nội	1068	30L-010.69	Hà Nội	2068	30K-934.39	Hà Nội
69	30L-093.66	Hà Nội	1069	30L-031.79	Hà Nội	2069	30K-941.88	Hà Nội
70	30L-094.99	Hà Nội	1070	30L-043.88	Hà Nội	2070	30K-949.88	Hà Nội
71	30L-100.68	Hà Nội	1071	30L-044.99	Hà Nội	2071	30K-952.99	Hà Nội
72	30L-110.68	Hà Nội	1072	30L-048.69	Hà Nội	2072	30K-953.39	Hà Nội
73	30L-115.39	Hà Nội	1073	30L-057.86	Hà Nội	2073	30K-962.89	Hà Nội
74	30L-118.69	Hà Nội	1074	30L-059.86	Hà Nội	2074	30K-966.35	Hà Nội
75	30L-131.39	Hà Nội	1075	30L-062.89	Hà Nội	2075	30K-984.39	Hà Nội
76	30L-146.68	Hà Nội	1076	30L-064.44	Hà Nội	2076	30L-025.86	Hà Nội
77	30L-147.39	Hà Nội	1077	30L-074.79	Hà Nội	2077	30L-027.69	Hà Nội
78	30L-152.22	Hà Nội	1078	30L-078.39	Hà Nội	2078	30L-040.68	Hà Nội
79	30L-157.68	Hà Nội	1079	30L-101.99	Hà Nội	2079	30L-049.39	Hà Nội
80	30L-158.39	Hà Nội	1080	30L-104.98	Hà Nội	2080	30L-061.89	Hà Nội
81	30L-187.39	Hà Nội	1081	30L-114.66	Hà Nội	2081	30L-070.69	Hà Nội
82	30L-201.88	Hà Nội	1082	30L-141.11	Hà Nội	2082	30L-072.39	Hà Nội
83	30L-272.27	Hà Nội	1083	30L-162.39	Hà Nội	2083	30L-082.79	Hà Nội
84	30L-280.68	Hà Nội	1084	30L-171.69	Hà Nội	2084	30L-085.39	Hà Nội
85	30L-300.86	Hà Nội	1085	30L-205.50	Hà Nội	2085	30L-108.08	Hà Nội
86	30L-342.39	Hà Nội	1086	30L-305.99	Hà Nội	2086	30L-114.79	Hà Nội
87	30L-387.79	Hà Nội	1087	30L-321.99	Hà Nội	2087	30L-145.79	Hà Nội
88	30L-419.98	Hà Nội	1088	30L-340.40	Hà Nội	2088	30L-148.66	Hà Nội
89	30L-432.68	Hà Nội	1089	30L-346.89	Hà Nội	2089	30L-152.39	Hà Nội
90	30L-444.35	Hà Nội	1090	30L-425.79	Hà Nội	2090	30L-152.79	Hà Nội
91	30L-464.79	Hà Nội	1091	30L-465.39	Hà Nội	2091	30L-171.39	Hà Nội
92	30L-471.79	Hà Nội	1092	30L-474.74	Hà Nội	2092	30L-234.43	Hà Nội
93	30L-510.01	Hà Nội	1093	30L-549.88	Hà Nội	2093	30L-248.89	Hà Nội
94	30L-521.39	Hà Nội	1094	30L-549.89	Hà Nội	2094	30L-258.69	Hà Nội
95	30L-532.33	Hà Nội	1095	30L-551.26	Hà Nội	2095	30L-277.33	Hà Nội
96	30L-532.89	Hà Nội	1096	30L-551.52	Hà Nội	2096	30L-291.69	Hà Nội
97	30L-533.89	Hà Nội	1097	30L-560.29	Hà Nội	2097	30L-344.66	Hà Nội
98	30L-544.39	Hà Nội	1098	30L-561.69	Hà Nội	2098	30L-346.39	Hà Nội
99	30L-547.95	Hà Nội	1099	30L-562.79	Hà Nội	2099	30L-395.86	Hà Nội

41
ÔNG
AU G
JP DA
ỆT N
XUÂN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
100	30L-548.15	Hà Nội	1100	30L-564.16	Hà Nội	2100	30L-402.89	Hà Nội
101	30L-549.45	Hà Nội	1101	30L-564.99	Hà Nội	2101	30L-404.69	Hà Nội
102	30L-551.83	Hà Nội	1102	30L-566.60	Hà Nội	2102	30L-419.92	Hà Nội
103	30L-553.68	Hà Nội	1103	30L-571.88	Hà Nội	2103	30L-421.86	Hà Nội
104	30L-554.79	Hà Nội	1104	30L-580.66	Hà Nội	2104	30L-430.66	Hà Nội
105	30L-555.72	Hà Nội	1105	30L-590.69	Hà Nội	2105	30L-459.95	Hà Nội
106	30L-558.19	Hà Nội	1106	30L-591.18	Hà Nội	2106	30L-462.22	Hà Nội
107	30L-560.86	Hà Nội	1107	30L-591.26	Hà Nội	2107	30L-464.66	Hà Nội
108	30L-561.56	Hà Nội	1108	30L-594.26	Hà Nội	2108	30L-490.00	Hà Nội
109	30L-564.69	Hà Nội	1109	30L-596.58	Hà Nội	2109	30L-494.44	Hà Nội
110	30L-567.33	Hà Nội	1110	30L-597.69	Hà Nội	2110	30L-503.89	Hà Nội
111	30L-571.18	Hà Nội	1111	30L-604.66	Hà Nội	2111	30L-524.86	Hà Nội
112	30L-574.57	Hà Nội	1112	30L-605.28	Hà Nội	2112	30L-530.79	Hà Nội
113	30L-575.66	Hà Nội	1113	30L-608.08	Hà Nội	2113	30L-544.99	Hà Nội
114	30L-582.39	Hà Nội	1114	30L-615.66	Hà Nội	2114	30L-547.88	Hà Nội
115	30L-583.96	Hà Nội	1115	30L-616.59	Hà Nội	2115	30L-548.85	Hà Nội
116	30L-583.99	Hà Nội	1116	30L-618.16	Hà Nội	2116	30L-549.86	Hà Nội
117	30L-584.65	Hà Nội	1117	30L-621.12	Hà Nội	2117	30L-550.96	Hà Nội
118	30L-599.70	Hà Nội	1118	30L-624.42	Hà Nội	2118	30L-552.69	Hà Nội
119	30L-600.29	Hà Nội	1119	30L-626.65	Hà Nội	2119	30L-554.65	Hà Nội
120	30L-602.89	Hà Nội	1120	30L-627.68	Hà Nội	2120	30L-568.80	Hà Nội
121	30L-603.03	Hà Nội	1121	30L-627.96	Hà Nội	2121	30L-570.75	Hà Nội
122	30L-605.50	Hà Nội	1122	30L-628.69	Hà Nội	2122	30L-571.75	Hà Nội
123	30L-605.83	Hà Nội	1123	30L-629.65	Hà Nội	2123	30L-580.79	Hà Nội
124	30L-607.09	Hà Nội	1124	30L-631.58	Hà Nội	2124	30L-580.89	Hà Nội
125	30L-617.39	Hà Nội	1125	30L-632.79	Hà Nội	2125	30L-580.98	Hà Nội
126	30L-621.79	Hà Nội	1126	30L-634.09	Hà Nội	2126	30L-586.61	Hà Nội
127	30L-624.85	Hà Nội	1127	30L-637.59	Hà Nội	2127	30L-586.96	Hà Nội
128	30L-627.38	Hà Nội	1128	30L-639.44	Hà Nội	2128	30L-588.16	Hà Nội
129	30L-629.66	Hà Nội	1129	30L-641.26	Hà Nội	2129	30L-594.88	Hà Nội
130	30L-633.22	Hà Nội	1130	30L-642.36	Hà Nội	2130	30L-596.95	Hà Nội
131	30L-640.28	Hà Nội	1131	30L-642.89	Hà Nội	2131	30L-597.98	Hà Nội
132	30L-641.83	Hà Nội	1132	30L-643.89	Hà Nội	2132	30L-609.16	Hà Nội
133	30L-642.46	Hà Nội	1133	30L-645.88	Hà Nội	2133	30L-615.08	Hà Nội
134	30L-649.89	Hà Nội	1134	30L-646.99	Hà Nội	2134	30L-617.71	Hà Nội
135	30L-651.85	Hà Nội	1135	30L-649.26	Hà Nội	2135	30L-621.98	Hà Nội
136	30L-653.33	Hà Nội	1136	30L-651.29	Hà Nội	2136	30L-621.99	Hà Nội
137	30L-654.08	Hà Nội	1137	30L-651.97	Hà Nội	2137	30L-630.03	Hà Nội
138	30L-654.45	Hà Nội	1138	30L-652.11	Hà Nội	2138	30L-630.31	Hà Nội
139	30L-654.85	Hà Nội	1139	30L-657.58	Hà Nội	2139	30L-632.38	Hà Nội
140	30L-658.08	Hà Nội	1140	30L-661.96	Hà Nội	2140	30L-633.69	Hà Nội
141	30L-659.16	Hà Nội	1141	30L-664.98	Hà Nội	2141	30L-643.29	Hà Nội
142	30L-659.56	Hà Nội	1142	30L-667.25	Hà Nội	2142	30L-643.46	Hà Nội
143	30L-664.15	Hà Nội	1143	30L-672.22	Hà Nội	2143	30L-649.29	Hà Nội
144	30L-664.38	Hà Nội	1144	30L-672.98	Hà Nội	2144	30L-651.52	Hà Nội
145	30L-673.16	Hà Nội	1145	30L-674.28	Hà Nội	2145	30L-653.08	Hà Nội
146	30L-673.86	Hà Nội	1146	30L-675.29	Hà Nội	2146	30L-654.25	Hà Nội
147	30L-674.25	Hà Nội	1147	30L-677.08	Hà Nội	2147	30L-655.85	Hà Nội
148	30L-674.56	Hà Nội	1148	30L-677.96	Hà Nội	2148	30L-657.95	Hà Nội
149	30L-675.75	Hà Nội	1149	30L-678.25	Hà Nội	2149	30L-660.85	Hà Nội
150	30L-677.59	Hà Nội	1150	30L-678.62	Hà Nội	2150	30L-665.63	Hà Nội



Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
151	30L-677.67	Hà Nội	1151	30L-681.85	Hà Nội	2151	30L-666.17	Hà Nội
152	30L-678.65	Hà Nội	1152	30L-684.85	Hà Nội	2152	30L-666.25	Hà Nội
153	30L-679.18	Hà Nội	1153	30L-685.09	Hà Nội	2153	30L-666.41	Hà Nội
154	30L-679.33	Hà Nội	1154	30L-688.23	Hà Nội	2154	30L-670.07	Hà Nội
155	30L-680.26	Hà Nội	1155	30L-692.89	Hà Nội	2155	30L-671.19	Hà Nội
156	30L-687.26	Hà Nội	1156	30L-695.25	Hà Nội	2156	30L-673.99	Hà Nội
157	30L-688.49	Hà Nội	1157	30L-703.07	Hà Nội	2157	30L-678.37	Hà Nội
158	30L-700.33	Hà Nội	1158	30L-704.07	Hà Nội	2158	30L-678.85	Hà Nội
159	30L-700.86	Hà Nội	1159	30L-707.96	Hà Nội	2159	30L-679.95	Hà Nội
160	30L-701.38	Hà Nội	1160	30L-709.39	Hà Nội	2160	30L-684.48	Hà Nội
161	30L-703.19	Hà Nội	1161	30L-710.86	Hà Nội	2161	30L-691.91	Hà Nội
162	30L-704.79	Hà Nội	1162	30L-712.85	Hà Nội	2162	30L-695.98	Hà Nội
163	30L-704.95	Hà Nội	1163	30L-713.18	Hà Nội	2163	30L-698.56	Hà Nội
164	30L-705.05	Hà Nội	1164	30L-718.65	Hà Nội	2164	30L-699.11	Hà Nội
165	30L-708.86	Hà Nội	1165	30L-720.96	Hà Nội	2165	30L-704.29	Hà Nội
166	30L-710.17	Hà Nội	1166	30L-721.00	Hà Nội	2166	30L-705.66	Hà Nội
167	30L-721.72	Hà Nội	1167	30L-721.11	Hà Nội	2167	30L-706.19	Hà Nội
168	30L-722.59	Hà Nội	1168	30L-721.86	Hà Nội	2168	30L-706.25	Hà Nội
169	30L-724.27	Hà Nội	1169	30L-722.83	Hà Nội	2169	30L-712.28	Hà Nội
170	30L-727.99	Hà Nội	1170	30L-724.89	Hà Nội	2170	30L-713.96	Hà Nội
171	30L-728.85	Hà Nội	1171	30L-732.18	Hà Nội	2171	30L-718.69	Hà Nội
172	30L-730.35	Hà Nội	1172	30L-734.43	Hà Nội	2172	30L-719.70	Hà Nội
173	30L-734.39	Hà Nội	1173	30L-735.73	Hà Nội	2173	30L-721.16	Hà Nội
174	30L-735.29	Hà Nội	1174	30L-735.99	Hà Nội	2174	30L-729.25	Hà Nội
175	30L-736.63	Hà Nội	1175	30L-740.39	Hà Nội	2175	30L-729.68	Hà Nội
176	30L-737.16	Hà Nội	1176	30L-741.42	Hà Nội	2176	30L-731.66	Hà Nội
177	30L-738.66	Hà Nội	1177	30L-746.64	Hà Nội	2177	30L-734.34	Hà Nội
178	30L-740.47	Hà Nội	1178	30L-747.68	Hà Nội	2178	30L-734.37	Hà Nội
179	30L-740.88	Hà Nội	1179	30L-748.56	Hà Nội	2179	30L-734.38	Hà Nội
180	30L-741.79	Hà Nội	1180	30L-748.68	Hà Nội	2180	30L-735.56	Hà Nội
181	30L-743.29	Hà Nội	1181	30L-748.74	Hà Nội	2181	30L-737.58	Hà Nội
182	30L-744.55	Hà Nội	1182	30L-748.86	Hà Nội	2182	30L-739.89	Hà Nội
183	30L-750.15	Hà Nội	1183	30L-749.74	Hà Nội	2183	30L-739.96	Hà Nội
184	30L-753.88	Hà Nội	1184	30L-749.86	Hà Nội	2184	30L-742.33	Hà Nội
185	30L-754.38	Hà Nội	1185	30L-751.79	Hà Nội	2185	30L-742.74	Hà Nội
186	30L-755.89	Hà Nội	1186	30L-752.18	Hà Nội	2186	30L-744.28	Hà Nội
187	30L-756.65	Hà Nội	1187	30L-752.88	Hà Nội	2187	30L-745.45	Hà Nội
188	30L-760.39	Hà Nội	1188	30L-753.36	Hà Nội	2188	30L-748.09	Hà Nội
189	30L-763.65	Hà Nội	1189	30L-753.79	Hà Nội	2189	30L-748.66	Hà Nội
190	30L-765.66	Hà Nội	1190	30L-756.38	Hà Nội	2190	30L-749.36	Hà Nội
191	30L-765.89	Hà Nội	1191	30L-756.75	Hà Nội	2191	30L-749.65	Hà Nội
192	30L-768.18	Hà Nội	1192	30L-760.35	Hà Nội	2192	30L-751.97	Hà Nội
193	30L-769.06	Hà Nội	1193	30L-763.89	Hà Nội	2193	30L-753.68	Hà Nội
194	30L-770.29	Hà Nội	1194	30L-769.92	Hà Nội	2194	30L-754.09	Hà Nội
195	30L-770.79	Hà Nội	1195	30L-774.95	Hà Nội	2195	30L-758.18	Hà Nội
196	30L-773.79	Hà Nội	1196	30L-777.22	Hà Nội	2196	30L-759.66	Hà Nội
197	30L-775.99	Hà Nội	1197	30L-777.38	Hà Nội	2197	30L-760.65	Hà Nội
198	30L-777.48	Hà Nội	1198	30L-778.66	Hà Nội	2198	30L-763.09	Hà Nội
199	30L-790.90	Hà Nội	1199	30L-797.28	Hà Nội	2199	30L-764.39	Hà Nội
200	30L-791.59	Hà Nội	1200	30L-806.36	Hà Nội	2200	30L-765.15	Hà Nội
201	30L-796.36	Hà Nội	1201	30L-807.88	Hà Nội	2201	30L-773.86	Hà Nội

Ca đầu buổi sáng

Thời gian đầu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đầu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đầu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
202	30L-800.19	Hà Nội	1202	30L-809.06	Hà Nội	2202	30L-774.58	Hà Nội
203	30L-800.59	Hà Nội	1203	30L-811.00	Hà Nội	2203	30L-775.44	Hà Nội
204	30L-803.11	Hà Nội	1204	30L-816.65	Hà Nội	2204	30L-776.96	Hà Nội
205	30L-803.88	Hà Nội	1205	30L-817.69	Hà Nội	2205	30L-779.69	Hà Nội
206	30L-808.85	Hà Nội	1206	30L-820.79	Hà Nội	2206	30L-780.66	Hà Nội
207	30L-814.41	Hà Nội	1207	30L-820.83	Hà Nội	2207	30L-782.56	Hà Nội
208	30L-820.99	Hà Nội	1208	30L-821.11	Hà Nội	2208	30L-782.83	Hà Nội
209	30L-831.09	Hà Nội	1209	30L-829.18	Hà Nội	2209	30L-783.85	Hà Nội
210	30L-840.28	Hà Nội	1210	30L-834.99	Hà Nội	2210	30L-785.35	Hà Nội
211	30L-840.68	Hà Nội	1211	30L-842.42	Hà Nội	2211	30L-785.39	Hà Nội
212	30L-842.22	Hà Nội	1212	30L-845.69	Hà Nội	2212	30L-786.06	Hà Nội
213	30L-843.58	Hà Nội	1213	30L-848.66	Hà Nội	2213	30L-786.38	Hà Nội
214	30L-844.25	Hà Nội	1214	30L-849.84	Hà Nội	2214	30L-786.60	Hà Nội
215	30L-844.68	Hà Nội	1215	30L-852.88	Hà Nội	2215	30L-789.20	Hà Nội
216	30L-847.59	Hà Nội	1216	30L-854.39	Hà Nội	2216	30L-789.25	Hà Nội
217	30L-849.83	Hà Nội	1217	30L-854.58	Hà Nội	2217	30L-790.36	Hà Nội
218	30L-851.51	Hà Nội	1218	30L-857.57	Hà Nội	2218	30L-792.98	Hà Nội
219	30L-854.55	Hà Nội	1219	30L-861.23	Hà Nội	2219	30L-793.29	Hà Nội
220	30L-854.98	Hà Nội	1220	30L-862.32	Hà Nội	2220	30L-793.97	Hà Nội
221	30L-855.11	Hà Nội	1221	30L-864.59	Hà Nội	2221	30L-794.95	Hà Nội
222	30L-855.92	Hà Nội	1222	30L-867.69	Hà Nội	2222	30L-797.25	Hà Nội
223	30L-857.26	Hà Nội	1223	30L-867.83	Hà Nội	2223	30L-798.38	Hà Nội
224	30L-857.79	Hà Nội	1224	30L-878.29	Hà Nội	2224	30L-798.85	Hà Nội
225	30L-861.44	Hà Nội	1225	30L-886.74	Hà Nội	2225	30L-799.33	Hà Nội
226	30L-862.18	Hà Nội	1226	30L-893.79	Hà Nội	2226	30L-799.94	Hà Nội
227	30L-865.11	Hà Nội	1227	30L-896.36	Hà Nội	2227	30L-803.66	Hà Nội
228	30L-866.21	Hà Nội	1228	30L-901.88	Hà Nội	2228	30L-809.44	Hà Nội
229	30L-880.08	Hà Nội	1229	30L-905.79	Hà Nội	2229	30L-811.16	Hà Nội
230	30L-884.77	Hà Nội	1230	30L-908.80	Hà Nội	2230	30L-811.44	Hà Nội
231	30L-885.96	Hà Nội	1231	30L-911.65	Hà Nội	2231	30L-813.83	Hà Nội
232	30L-886.59	Hà Nội	1232	30L-912.65	Hà Nội	2232	30L-815.18	Hà Nội
233	30L-891.58	Hà Nội	1233	30L-916.65	Hà Nội	2233	30L-821.28	Hà Nội
234	30L-897.16	Hà Nội	1234	30L-922.23	Hà Nội	2234	30L-821.99	Hà Nội
235	30L-899.77	Hà Nội	1235	30L-922.26	Hà Nội	2235	30L-825.79	Hà Nội
236	30L-900.88	Hà Nội	1236	30L-927.72	Hà Nội	2236	30L-827.33	Hà Nội
237	30L-901.66	Hà Nội	1237	30L-931.97	Hà Nội	2237	30L-835.77	Hà Nội
238	30L-902.29	Hà Nội	1238	30L-932.85	Hà Nội	2238	30L-838.25	Hà Nội
239	30L-916.35	Hà Nội	1239	30L-933.25	Hà Nội	2239	30L-843.84	Hà Nội
240	30L-916.59	Hà Nội	1240	30L-937.08	Hà Nội	2240	30L-846.39	Hà Nội
241	30L-917.15	Hà Nội	1241	30L-938.69	Hà Nội	2241	30L-846.69	Hà Nội
242	30L-923.95	Hà Nội	1242	30L-939.36	Hà Nội	2242	30L-848.26	Hà Nội
243	30L-925.08	Hà Nội	1243	30L-942.95	Hà Nội	2243	30L-849.69	Hà Nội
244	30L-925.16	Hà Nội	1244	30L-943.36	Hà Nội	2244	30L-850.69	Hà Nội
245	30L-931.38	Hà Nội	1245	30L-945.39	Hà Nội	2245	30L-861.62	Hà Nội
246	30L-932.22	Hà Nội	1246	30L-953.54	Hà Nội	2246	30L-861.99	Hà Nội
247	30L-932.33	Hà Nội	1247	30L-955.22	Hà Nội	2247	30L-867.08	Hà Nội
248	30L-934.43	Hà Nội	1248	30L-956.15	Hà Nội	2248	30L-871.88	Hà Nội
249	30L-936.58	Hà Nội	1249	30L-956.92	Hà Nội	2249	30L-873.28	Hà Nội
250	30L-937.26	Hà Nội	1250	30L-960.29	Hà Nội	2250	30L-873.95	Hà Nội
251	30L-938.28	Hà Nội	1251	30L-960.89	Hà Nội	2251	30L-876.39	Hà Nội
252	30L-940.65	Hà Nội	1252	30L-961.16	Hà Nội	2252	30L-877.00	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
253	30L-944.68	Hà Nội	1253	30L-961.59	Hà Nội	2253	30L-885.32	Hà Nội
254	30L-946.83	Hà Nội	1254	30L-971.69	Hà Nội	2254	30L-886.78	Hà Nội
255	30L-946.89	Hà Nội	1255	30L-972.96	Hà Nội	2255	30L-887.39	Hà Nội
256	30L-950.85	Hà Nội	1256	30L-972.98	Hà Nội	2256	30L-888.09	Hà Nội
257	30L-957.88	Hà Nội	1257	30L-977.35	Hà Nội	2257	30L-888.14	Hà Nội
258	30L-965.58	Hà Nội	1258	30L-987.29	Hà Nội	2258	30L-892.18	Hà Nội
259	30L-966.09	Hà Nội	1259	30L-988.08	Hà Nội	2259	30L-896.09	Hà Nội
260	30L-971.17	Hà Nội	1260	30L-988.77	Hà Nội	2260	30L-899.00	Hà Nội
261	30L-973.95	Hà Nội	1261	30L-996.35	Hà Nội	2261	30L-902.35	Hà Nội
262	30L-974.89	Hà Nội	1262	30L-999.20	Hà Nội	2262	30L-903.04	Hà Nội
263	30L-975.88	Hà Nội	1263	30M-000.76	Hà Nội	2263	30L-905.50	Hà Nội
264	30L-976.55	Hà Nội	1264	30M-005.50	Hà Nội	2264	30L-906.08	Hà Nội
265	30L-977.00	Hà Nội	1265	30M-005.98	Hà Nội	2265	30L-910.29	Hà Nội
266	30L-983.16	Hà Nội	1266	30M-007.26	Hà Nội	2266	30L-912.95	Hà Nội
267	30L-984.69	Hà Nội	1267	30M-008.39	Hà Nội	2267	30L-913.79	Hà Nội
268	30L-986.63	Hà Nội	1268	30M-009.15	Hà Nội	2268	30L-913.96	Hà Nội
269	30L-987.95	Hà Nội	1269	30M-014.89	Hà Nội	2269	30L-916.85	Hà Nội
270	30L-988.06	Hà Nội	1270	30M-015.44	Hà Nội	2270	30L-920.02	Hà Nội
271	30L-991.79	Hà Nội	1271	30M-018.44	Hà Nội	2271	30L-920.08	Hà Nội
272	30L-993.94	Hà Nội	1272	30M-019.28	Hà Nội	2272	30L-920.95	Hà Nội
273	30M-000.85	Hà Nội	1273	30M-024.15	Hà Nội	2273	30L-927.26	Hà Nội
274	30M-004.40	Hà Nội	1274	30M-025.28	Hà Nội	2274	30L-935.29	Hà Nội
275	30M-006.99	Hà Nội	1275	30M-026.59	Hà Nội	2275	30L-938.09	Hà Nội
276	30M-007.39	Hà Nội	1276	30M-026.69	Hà Nội	2276	30L-939.28	Hà Nội
277	30M-010.95	Hà Nội	1277	30M-027.20	Hà Nội	2277	30L-940.68	Hà Nội
278	30M-012.09	Hà Nội	1278	30M-027.68	Hà Nội	2278	30L-944.22	Hà Nội
279	30M-013.14	Hà Nội	1279	30M-028.65	Hà Nội	2279	30L-949.16	Hà Nội
280	30M-015.08	Hà Nội	1280	51K-983.66	Hồ Chí Minh	2280	30L-951.15	Hà Nội
281	30M-018.09	Hà Nội	1281	51L-007.66	Hồ Chí Minh	2281	30L-951.29	Hà Nội
282	30M-018.98	Hà Nội	1282	51L-014.88	Hồ Chí Minh	2282	30L-951.86	Hà Nội
283	30M-021.22	Hà Nội	1283	51L-016.86	Hồ Chí Minh	2283	30L-957.95	Hà Nội
284	30M-021.58	Hà Nội	1284	51L-022.86	Hồ Chí Minh	2284	30L-959.25	Hà Nội
285	30M-022.59	Hà Nội	1285	51L-039.66	Hồ Chí Minh	2285	30L-960.39	Hà Nội
286	30M-024.02	Hà Nội	1286	51L-063.39	Hồ Chí Minh	2286	30L-960.86	Hà Nội
287	30M-025.25	Hà Nội	1287	51L-065.66	Hồ Chí Minh	2287	30L-964.28	Hà Nội
288	51L-020.66	Hồ Chí Minh	1288	51L-069.39	Hồ Chí Minh	2288	30L-972.18	Hà Nội
289	51L-028.69	Hồ Chí Minh	1289	51L-080.66	Hồ Chí Minh	2289	30L-972.99	Hà Nội
290	51L-053.68	Hồ Chí Minh	1290	51L-100.44	Hồ Chí Minh	2290	30L-974.68	Hà Nội
291	51L-067.69	Hồ Chí Minh	1291	51L-112.39	Hồ Chí Minh	2291	30L-977.44	Hà Nội
292	51L-072.39	Hồ Chí Minh	1292	51L-113.89	Hồ Chí Minh	2292	30L-987.59	Hà Nội
293	51L-074.39	Hồ Chí Minh	1293	51L-116.86	Hồ Chí Minh	2293	30L-990.19	Hà Nội
294	51L-078.69	Hồ Chí Minh	1294	51L-124.99	Hồ Chí Minh	2294	30L-990.58	Hà Nội
295	51L-083.86	Hồ Chí Minh	1295	51L-145.66	Hồ Chí Minh	2295	30L-990.91	Hà Nội
296	51L-097.69	Hồ Chí Minh	1296	51L-150.50	Hồ Chí Minh	2296	30L-993.36	Hà Nội
297	51L-110.69	Hồ Chí Minh	1297	51L-152.79	Hồ Chí Minh	2297	30L-995.35	Hà Nội
298	51L-129.86	Hồ Chí Minh	1298	51L-164.39	Hồ Chí Minh	2298	30L-999.27	Hà Nội
299	51L-130.98	Hồ Chí Minh	1299	51L-183.69	Hồ Chí Minh	2299	30M-009.66	Hà Nội
300	51L-131.89	Hồ Chí Minh	1300	51L-190.39	Hồ Chí Minh	2300	30M-009.90	Hà Nội
301	51L-144.86	Hồ Chí Minh	1301	51L-193.88	Hồ Chí Minh	2301	30M-015.15	Hà Nội
302	51L-145.86	Hồ Chí Minh	1302	51L-195.86	Hồ Chí Minh	2302	30M-018.58	Hà Nội
303	51L-162.88	Hồ Chí Minh	1303	51L-201.69	Hồ Chí Minh	2303	30M-021.21	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
304	51L-170.99	Hồ Chí Minh	1304	51L-202.66	Hồ Chí Minh	2304	30M-023.88	Hà Nội
305	51L-175.39	Hồ Chí Minh	1305	51L-210.66	Hồ Chí Minh	2305	30M-026.19	Hà Nội
306	51L-176.88	Hồ Chí Minh	1306	51L-213.86	Hồ Chí Minh	2306	30M-028.00	Hà Nội
307	51L-177.66	Hồ Chí Minh	1307	51L-219.69	Hồ Chí Minh	2307	51K-994.79	Hồ Chí Minh
308	51L-201.89	Hồ Chí Minh	1308	51L-223.25	Hồ Chí Minh	2308	51L-004.44	Hồ Chí Minh
309	51L-203.79	Hồ Chí Minh	1309	51L-225.89	Hồ Chí Minh	2309	51L-018.39	Hồ Chí Minh
310	51L-206.68	Hồ Chí Minh	1310	51L-248.69	Hồ Chí Minh	2310	51L-037.99	Hồ Chí Minh
311	51L-209.89	Hồ Chí Minh	1311	51L-249.66	Hồ Chí Minh	2311	51L-061.86	Hồ Chí Minh
312	51L-213.79	Hồ Chí Minh	1312	51L-254.99	Hồ Chí Minh	2312	51L-061.88	Hồ Chí Minh
313	51L-214.99	Hồ Chí Minh	1313	51L-260.86	Hồ Chí Minh	2313	51L-062.22	Hồ Chí Minh
314	51L-224.66	Hồ Chí Minh	1314	51L-265.39	Hồ Chí Minh	2314	51L-063.86	Hồ Chí Minh
315	51L-230.79	Hồ Chí Minh	1315	51L-265.89	Hồ Chí Minh	2315	51L-065.99	Hồ Chí Minh
316	51L-230.98	Hồ Chí Minh	1316	51L-287.86	Hồ Chí Minh	2316	51L-067.86	Hồ Chí Minh
317	51L-231.99	Hồ Chí Minh	1317	51L-290.39	Hồ Chí Minh	2317	51L-070.99	Hồ Chí Minh
318	51L-236.62	Hồ Chí Minh	1318	51L-295.79	Hồ Chí Minh	2318	51L-074.44	Hồ Chí Minh
319	51L-240.79	Hồ Chí Minh	1319	51L-314.99	Hồ Chí Minh	2319	51L-095.86	Hồ Chí Minh
320	51L-249.79	Hồ Chí Minh	1320	51L-323.79	Hồ Chí Minh	2320	51L-109.66	Hồ Chí Minh
321	51L-249.88	Hồ Chí Minh	1321	51L-324.66	Hồ Chí Minh	2321	51L-109.68	Hồ Chí Minh
322	51L-258.86	Hồ Chí Minh	1322	51L-324.99	Hồ Chí Minh	2322	51L-115.79	Hồ Chí Minh
323	51L-269.89	Hồ Chí Minh	1323	51L-340.69	Hồ Chí Minh	2323	51L-121.89	Hồ Chí Minh
324	51L-277.39	Hồ Chí Minh	1324	51L-342.88	Hồ Chí Minh	2324	51L-127.99	Hồ Chí Minh
325	51L-291.89	Hồ Chí Minh	1325	51L-344.79	Hồ Chí Minh	2325	51L-129.88	Hồ Chí Minh
326	51L-292.66	Hồ Chí Minh	1326	51L-348.66	Hồ Chí Minh	2326	51L-147.39	Hồ Chí Minh
327	51L-298.39	Hồ Chí Minh	1327	51L-349.69	Hồ Chí Minh	2327	51L-147.68	Hồ Chí Minh
328	51L-304.79	Hồ Chí Minh	1328	51L-362.99	Hồ Chí Minh	2328	51L-147.69	Hồ Chí Minh
329	51L-305.66	Hồ Chí Minh	1329	51L-378.69	Hồ Chí Minh	2329	51L-149.79	Hồ Chí Minh
330	51L-310.69	Hồ Chí Minh	1330	51L-390.68	Hồ Chí Minh	2330	51L-150.68	Hồ Chí Minh
331	51L-317.99	Hồ Chí Minh	1331	51L-394.88	Hồ Chí Minh	2331	51L-182.86	Hồ Chí Minh
332	51L-328.79	Hồ Chí Minh	1332	51L-423.66	Hồ Chí Minh	2332	51L-194.79	Hồ Chí Minh
333	51L-331.66	Hồ Chí Minh	1333	51L-435.89	Hồ Chí Minh	2333	51L-203.33	Hồ Chí Minh
334	51L-340.00	Hồ Chí Minh	1334	51L-437.79	Hồ Chí Minh	2334	51L-216.86	Hồ Chí Minh
335	51L-358.38	Hồ Chí Minh	1335	51L-447.66	Hồ Chí Minh	2335	51L-220.02	Hồ Chí Minh
336	51L-371.86	Hồ Chí Minh	1336	51L-467.69	Hồ Chí Minh	2336	51L-221.55	Hồ Chí Minh
337	51L-372.39	Hồ Chí Minh	1337	51L-481.79	Hồ Chí Minh	2337	51L-221.98	Hồ Chí Minh
338	51L-373.89	Hồ Chí Minh	1338	51L-500.11	Hồ Chí Minh	2338	51L-251.86	Hồ Chí Minh
339	51L-374.66	Hồ Chí Minh	1339	51L-518.79	Hồ Chí Minh	2339	51L-288.39	Hồ Chí Minh
340	51L-374.89	Hồ Chí Minh	1340	51L-521.25	Hồ Chí Minh	2340	51L-295.66	Hồ Chí Minh
341	51L-375.86	Hồ Chí Minh	1341	51L-529.89	Hồ Chí Minh	2341	51L-296.39	Hồ Chí Minh
342	51L-449.79	Hồ Chí Minh	1342	51L-555.01	Hồ Chí Minh	2342	51L-298.86	Hồ Chí Minh
343	51L-475.99	Hồ Chí Minh	1343	51L-582.89	Hồ Chí Minh	2343	51L-302.88	Hồ Chí Minh
344	51L-538.83	Hồ Chí Minh	1344	51L-593.89	Hồ Chí Minh	2344	51L-314.68	Hồ Chí Minh
345	51L-544.69	Hồ Chí Minh	1345	51L-621.08	Hồ Chí Minh	2345	51L-314.88	Hồ Chí Minh
346	51L-548.99	Hồ Chí Minh	1346	51L-622.44	Hồ Chí Minh	2346	51L-330.69	Hồ Chí Minh
347	51L-553.53	Hồ Chí Minh	1347	51L-622.77	Hồ Chí Minh	2347	51L-342.22	Hồ Chí Minh
348	51L-558.39	Hồ Chí Minh	1348	51L-630.66	Hồ Chí Minh	2348	51L-344.39	Hồ Chí Minh
349	51L-617.99	Hồ Chí Minh	1349	51L-631.32	Hồ Chí Minh	2349	51L-344.99	Hồ Chí Minh
350	51L-618.06	Hồ Chí Minh	1350	51L-640.69	Hồ Chí Minh	2350	51L-350.88	Hồ Chí Minh
351	51L-618.69	Hồ Chí Minh	1351	51L-648.25	Hồ Chí Minh	2351	51L-353.68	Hồ Chí Minh
352	51L-624.65	Hồ Chí Minh	1352	51L-649.28	Hồ Chí Minh	2352	51L-354.98	Hồ Chí Minh
353	51L-625.15	Hồ Chí Minh	1353	51L-650.88	Hồ Chí Minh	2353	51L-368.22	Hồ Chí Minh
354	51L-627.66	Hồ Chí Minh	1354	51L-651.25	Hồ Chí Minh	2354	51L-377.39	Hồ Chí Minh

Y
Á
VH
M
T.P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
355	51L-628.99	Hồ Chí Minh	1355	51L-651.68	Hồ Chí Minh	2355	51L-381.79	Hồ Chí Minh
356	51L-629.63	Hồ Chí Minh	1356	51L-652.89	Hồ Chí Minh	2356	51L-391.89	Hồ Chí Minh
357	51L-637.99	Hồ Chí Minh	1357	51L-655.79	Hồ Chí Minh	2357	51L-397.69	Hồ Chí Minh
358	51L-643.95	Hồ Chí Minh	1358	51L-660.18	Hồ Chí Minh	2358	51L-420.86	Hồ Chí Minh
359	51L-643.98	Hồ Chí Minh	1359	51L-669.28	Hồ Chí Minh	2359	51L-449.86	Hồ Chí Minh
360	51L-645.06	Hồ Chí Minh	1360	51L-670.39	Hồ Chí Minh	2360	51L-460.60	Hồ Chí Minh
361	51L-646.22	Hồ Chí Minh	1361	51L-672.86	Hồ Chí Minh	2361	51L-460.79	Hồ Chí Minh
362	51L-646.29	Hồ Chí Minh	1362	51L-680.38	Hồ Chí Minh	2362	51L-487.79	Hồ Chí Minh
363	51L-649.86	Hồ Chí Minh	1363	51L-681.66	Hồ Chí Minh	2363	51L-490.69	Hồ Chí Minh
364	51L-651.52	Hồ Chí Minh	1364	51L-681.81	Hồ Chí Minh	2364	51L-520.69	Hồ Chí Minh
365	51L-660.96	Hồ Chí Minh	1365	51L-681.99	Hồ Chí Minh	2365	51L-521.22	Hồ Chí Minh
366	51L-664.26	Hồ Chí Minh	1366	51L-682.29	Hồ Chí Minh	2366	51L-536.79	Hồ Chí Minh
367	51L-670.07	Hồ Chí Minh	1367	51L-682.88	Hồ Chí Minh	2367	51L-540.39	Hồ Chí Minh
368	51L-672.69	Hồ Chí Minh	1368	51L-686.33	Hồ Chí Minh	2368	51L-548.48	Hồ Chí Minh
369	51L-674.99	Hồ Chí Minh	1369	51L-686.78	Hồ Chí Minh	2369	51L-560.88	Hồ Chí Minh
370	51L-684.99	Hồ Chí Minh	1370	51L-688.35	Hồ Chí Minh	2370	51L-564.69	Hồ Chí Minh
371	51L-687.15	Hồ Chí Minh	1371	51L-689.86	Hồ Chí Minh	2371	51L-589.39	Hồ Chí Minh
372	51L-690.08	Hồ Chí Minh	1372	51L-691.79	Hồ Chí Minh	2372	51L-619.67	Hồ Chí Minh
373	51L-697.15	Hồ Chí Minh	1373	51L-693.88	Hồ Chí Minh	2373	51L-620.29	Hồ Chí Minh
374	51L-702.58	Hồ Chí Minh	1374	51L-693.96	Hồ Chí Minh	2374	51L-621.06	Hồ Chí Minh
375	51L-704.66	Hồ Chí Minh	1375	51L-694.88	Hồ Chí Minh	2375	51L-623.95	Hồ Chí Minh
376	51L-706.56	Hồ Chí Minh	1376	51L-699.49	Hồ Chí Minh	2376	51L-624.39	Hồ Chí Minh
377	51L-706.88	Hồ Chí Minh	1377	51L-699.73	Hồ Chí Minh	2377	51L-624.59	Hồ Chí Minh
378	51L-707.58	Hồ Chí Minh	1378	51L-705.38	Hồ Chí Minh	2378	51L-625.52	Hồ Chí Minh
379	51L-708.16	Hồ Chí Minh	1379	51L-706.07	Hồ Chí Minh	2379	51L-625.69	Hồ Chí Minh
380	51L-709.98	Hồ Chí Minh	1380	51L-707.08	Hồ Chí Minh	2380	51L-635.63	Hồ Chí Minh
381	51L-710.28	Hồ Chí Minh	1381	51L-709.83	Hồ Chí Minh	2381	51L-638.36	Hồ Chí Minh
382	51L-711.08	Hồ Chí Minh	1382	51L-710.58	Hồ Chí Minh	2382	51L-640.40	Hồ Chí Minh
383	51L-711.33	Hồ Chí Minh	1383	51L-714.17	Hồ Chí Minh	2383	51L-641.14	Hồ Chí Minh
384	51L-713.31	Hồ Chí Minh	1384	51L-714.33	Hồ Chí Minh	2384	51L-644.33	Hồ Chí Minh
385	51L-713.95	Hồ Chí Minh	1385	51L-716.56	Hồ Chí Minh	2385	51L-647.58	Hồ Chí Minh
386	51L-717.88	Hồ Chí Minh	1386	51L-717.58	Hồ Chí Minh	2386	51L-649.22	Hồ Chí Minh
387	51L-719.77	Hồ Chí Minh	1387	51L-721.06	Hồ Chí Minh	2387	51L-657.36	Hồ Chí Minh
388	51L-723.85	Hồ Chí Minh	1388	51L-721.11	Hồ Chí Minh	2388	51L-658.59	Hồ Chí Minh
389	51L-725.95	Hồ Chí Minh	1389	51L-723.29	Hồ Chí Minh	2389	51L-659.22	Hồ Chí Minh
390	51L-727.35	Hồ Chí Minh	1390	51L-724.27	Hồ Chí Minh	2390	51L-664.89	Hồ Chí Minh
391	51L-730.88	Hồ Chí Minh	1391	51L-725.86	Hồ Chí Minh	2391	51L-665.69	Hồ Chí Minh
392	51L-731.56	Hồ Chí Minh	1392	51L-727.16	Hồ Chí Minh	2392	51L-673.25	Hồ Chí Minh
393	51L-731.79	Hồ Chí Minh	1393	51L-730.59	Hồ Chí Minh	2393	51L-674.76	Hồ Chí Minh
394	51L-732.83	Hồ Chí Minh	1394	51L-736.59	Hồ Chí Minh	2394	51L-678.06	Hồ Chí Minh
395	51L-736.29	Hồ Chí Minh	1395	51L-741.41	Hồ Chí Minh	2395	51L-688.33	Hồ Chí Minh
396	51L-737.66	Hồ Chí Minh	1396	51L-741.65	Hồ Chí Minh	2396	51L-693.28	Hồ Chí Minh
397	51L-740.28	Hồ Chí Minh	1397	51L-741.98	Hồ Chí Minh	2397	51L-699.35	Hồ Chí Minh
398	51L-744.47	Hồ Chí Minh	1398	51L-743.19	Hồ Chí Minh	2398	51L-699.59	Hồ Chí Minh
399	51L-747.48	Hồ Chí Minh	1399	51L-743.22	Hồ Chí Minh	2399	51L-703.39	Hồ Chí Minh
400	51L-747.65	Hồ Chí Minh	1400	51L-744.68	Hồ Chí Minh	2400	51L-709.89	Hồ Chí Minh
401	51L-747.96	Hồ Chí Minh	1401	51L-745.47	Hồ Chí Minh	2401	51L-710.10	Hồ Chí Minh
402	51L-749.47	Hồ Chí Minh	1402	51L-745.79	Hồ Chí Minh	2402	51L-710.17	Hồ Chí Minh
403	51L-752.06	Hồ Chí Minh	1403	51L-747.79	Hồ Chí Minh	2403	51L-713.39	Hồ Chí Minh
404	51L-753.56	Hồ Chí Minh	1404	51L-749.96	Hồ Chí Minh	2404	51L-714.09	Hồ Chí Minh
405	51L-753.69	Hồ Chí Minh	1405	51L-753.89	Hồ Chí Minh	2405	51L-714.14	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
406	51L-753.86	Hồ Chí Minh	1406	51L-761.85	Hồ Chí Minh	2406	51L-716.38	Hồ Chí Minh
407	51L-759.68	Hồ Chí Minh	1407	51L-762.96	Hồ Chí Minh	2407	51L-719.76	Hồ Chí Minh
408	51L-771.59	Hồ Chí Minh	1408	51L-764.83	Hồ Chí Minh	2408	51L-721.12	Hồ Chí Minh
409	51L-771.97	Hồ Chí Minh	1409	51L-765.06	Hồ Chí Minh	2409	51L-724.66	Hồ Chí Minh
410	51L-775.68	Hồ Chí Minh	1410	51L-765.39	Hồ Chí Minh	2410	51L-726.39	Hồ Chí Minh
411	51L-775.88	Hồ Chí Minh	1411	51L-765.76	Hồ Chí Minh	2411	51L-728.85	Hồ Chí Minh
412	51L-777.24	Hồ Chí Minh	1412	51L-765.86	Hồ Chí Minh	2412	51L-730.89	Hồ Chí Minh
413	51L-780.35	Hồ Chí Minh	1413	51L-766.55	Hồ Chí Minh	2413	51L-735.68	Hồ Chí Minh
414	51L-781.97	Hồ Chí Minh	1414	51L-773.66	Hồ Chí Minh	2414	51L-738.08	Hồ Chí Minh
415	51L-784.78	Hồ Chí Minh	1415	51L-781.89	Hồ Chí Minh	2415	51L-740.08	Hồ Chí Minh
416	51L-785.89	Hồ Chí Minh	1416	51L-785.25	Hồ Chí Minh	2416	51L-740.65	Hồ Chí Minh
417	51L-792.69	Hồ Chí Minh	1417	51L-786.99	Hồ Chí Minh	2417	51L-741.16	Hồ Chí Minh
418	51L-800.69	Hồ Chí Minh	1418	51L-787.58	Hồ Chí Minh	2418	51L-742.39	Hồ Chí Minh
419	51L-804.79	Hồ Chí Minh	1419	51L-795.59	Hồ Chí Minh	2419	51L-748.26	Hồ Chí Minh
420	51L-809.89	Hồ Chí Minh	1420	51L-797.16	Hồ Chí Minh	2420	51L-749.59	Hồ Chí Minh
421	51L-813.83	Hồ Chí Minh	1421	51L-800.33	Hồ Chí Minh	2421	51L-750.26	Hồ Chí Minh
422	51L-814.38	Hồ Chí Minh	1422	51L-802.25	Hồ Chí Minh	2422	51L-751.88	Hồ Chí Minh
423	51L-821.11	Hồ Chí Minh	1423	51L-809.26	Hồ Chí Minh	2423	51L-752.89	Hồ Chí Minh
424	51L-821.35	Hồ Chí Minh	1424	51L-812.66	Hồ Chí Minh	2424	51L-756.29	Hồ Chí Minh
425	51L-825.99	Hồ Chí Minh	1425	51L-814.15	Hồ Chí Minh	2425	51L-757.26	Hồ Chí Minh
426	51L-827.68	Hồ Chí Minh	1426	51L-818.36	Hồ Chí Minh	2426	51L-759.83	Hồ Chí Minh
427	51L-829.25	Hồ Chí Minh	1427	51L-819.66	Hồ Chí Minh	2427	51L-760.33	Hồ Chí Minh
428	51L-839.66	Hồ Chí Minh	1428	51L-821.19	Hồ Chí Minh	2428	51L-761.99	Hồ Chí Minh
429	51L-840.16	Hồ Chí Minh	1429	51L-821.79	Hồ Chí Minh	2429	51L-770.35	Hồ Chí Minh
430	51L-840.59	Hồ Chí Minh	1430	51L-822.82	Hồ Chí Minh	2430	51L-777.26	Hồ Chí Minh
431	51L-841.48	Hồ Chí Minh	1431	51L-827.82	Hồ Chí Minh	2431	51L-780.28	Hồ Chí Minh
432	51L-845.66	Hồ Chí Minh	1432	51L-830.31	Hồ Chí Minh	2432	51L-782.16	Hồ Chí Minh
433	51L-845.83	Hồ Chí Minh	1433	51L-831.28	Hồ Chí Minh	2433	51L-789.64	Hồ Chí Minh
434	51L-847.06	Hồ Chí Minh	1434	51L-843.68	Hồ Chí Minh	2434	51L-792.28	Hồ Chí Minh
435	51L-847.16	Hồ Chí Minh	1435	51L-846.79	Hồ Chí Minh	2435	51L-799.22	Hồ Chí Minh
436	51L-847.48	Hồ Chí Minh	1436	51L-847.00	Hồ Chí Minh	2436	51L-799.35	Hồ Chí Minh
437	51L-847.59	Hồ Chí Minh	1437	51L-849.79	Hồ Chí Minh	2437	51L-804.29	Hồ Chí Minh
438	51L-847.74	Hồ Chí Minh	1438	51L-860.39	Hồ Chí Minh	2438	51L-805.88	Hồ Chí Minh
439	51L-854.96	Hồ Chí Minh	1439	51L-861.88	Hồ Chí Minh	2439	51L-808.35	Hồ Chí Minh
440	51L-855.19	Hồ Chí Minh	1440	51L-864.18	Hồ Chí Minh	2440	51L-809.86	Hồ Chí Minh
441	51L-857.83	Hồ Chí Minh	1441	51L-864.39	Hồ Chí Minh	2441	51L-810.81	Hồ Chí Minh
442	51L-861.39	Hồ Chí Minh	1442	51L-864.69	Hồ Chí Minh	2442	51L-812.95	Hồ Chí Minh
443	51L-861.95	Hồ Chí Minh	1443	51L-868.15	Hồ Chí Minh	2443	51L-814.41	Hồ Chí Minh
444	51L-862.58	Hồ Chí Minh	1444	51L-873.35	Hồ Chí Minh	2444	51L-819.89	Hồ Chí Minh
445	51L-864.86	Hồ Chí Minh	1445	51L-874.09	Hồ Chí Minh	2445	51L-819.93	Hồ Chí Minh
446	51L-865.65	Hồ Chí Minh	1446	51L-875.98	Hồ Chí Minh	2446	51L-822.00	Hồ Chí Minh
447	51L-866.42	Hồ Chí Minh	1447	51L-879.98	Hồ Chí Minh	2447	51L-823.88	Hồ Chí Minh
448	51L-866.95	Hồ Chí Minh	1448	51L-882.68	Hồ Chí Minh	2448	51L-824.28	Hồ Chí Minh
449	51L-875.56	Hồ Chí Minh	1449	51L-885.06	Hồ Chí Minh	2449	51L-825.56	Hồ Chí Minh
450	51L-876.79	Hồ Chí Minh	1450	51L-888.26	Hồ Chí Minh	2450	51L-825.68	Hồ Chí Minh
451	51L-885.19	Hồ Chí Minh	1451	51L-890.91	Hồ Chí Minh	2451	51L-826.89	Hồ Chí Minh
452	11A-116.69	Cao Bằng	1452	51L-892.79	Hồ Chí Minh	2452	51L-830.88	Hồ Chí Minh
453	11A-132.22	Cao Bằng	1453	11A-122.39	Cao Bằng	2453	51L-846.77	Hồ Chí Minh
454	11C-085.66	Cao Bằng	1454	11A-132.79	Cao Bằng	2454	51L-852.88	Hồ Chí Minh
455	12A-244.88	Lạng Sơn	1455	11A-134.43	Cao Bằng	2455	51L-854.19	Hồ Chí Minh
456	12A-252.39	Lạng Sơn	1456	12A-222.56	Lạng Sơn	2456	51L-856.19	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
457	14A-853.89	Quảng Ninh	1457	12A-253.88	Lạng Sơn	2457	51L-859.86	Hồ Chí Minh
458	14A-872.86	Quảng Ninh	1458	12A-254.55	Lạng Sơn	2458	51L-861.69	Hồ Chí Minh
459	14A-899.22	Quảng Ninh	1459	12A-257.58	Lạng Sơn	2459	51L-863.39	Hồ Chí Minh
460	14A-906.60	Quảng Ninh	1460	14A-882.96	Quảng Ninh	2460	51L-872.58	Hồ Chí Minh
461	14A-925.29	Quảng Ninh	1461	14A-915.51	Quảng Ninh	2461	51L-873.28	Hồ Chí Minh
462	14A-931.69	Quảng Ninh	1462	14A-918.79	Quảng Ninh	2462	51L-873.79	Hồ Chí Minh
463	14A-941.66	Quảng Ninh	1463	14A-937.38	Quảng Ninh	2463	51L-875.59	Hồ Chí Minh
464	14A-946.64	Quảng Ninh	1464	14A-947.89	Quảng Ninh	2464	51L-876.87	Hồ Chí Minh
465	14A-953.39	Quảng Ninh	1465	14A-957.68	Quảng Ninh	2465	51L-885.35	Hồ Chí Minh
466	14A-953.68	Quảng Ninh	1466	15K-213.33	Hải Phòng	2466	51L-890.25	Hồ Chí Minh
467	15B-052.88	Hải Phòng	1467	15K-231.79	Hải Phòng	2467	51L-896.16	Hồ Chí Minh
468	15K-315.39	Hải Phòng	1468	15K-250.98	Hải Phòng	2468	11A-117.39	Cao Bằng
469	15K-325.66	Hải Phòng	1469	15K-254.68	Hải Phòng	2469	11A-121.21	Cao Bằng
470	15K-342.66	Hải Phòng	1470	15K-275.75	Hải Phòng	2470	11B-011.89	Cao Bằng
471	15K-343.86	Hải Phòng	1471	15K-291.11	Hải Phòng	2471	11C-083.79	Cao Bằng
472	15K-344.77	Hải Phòng	1472	15K-297.77	Hải Phòng	2472	12A-230.39	Lạng Sơn
473	15K-352.79	Hải Phòng	1473	15K-297.86	Hải Phòng	2473	12A-230.68	Lạng Sơn
474	15K-353.89	Hải Phòng	1474	15K-302.99	Hải Phòng	2474	12A-247.74	Lạng Sơn
475	15K-359.66	Hải Phòng	1475	15K-318.39	Hải Phòng	2475	12A-262.79	Lạng Sơn
476	15K-361.11	Hải Phòng	1476	15K-337.86	Hải Phòng	2476	14A-842.99	Quảng Ninh
477	15K-364.65	Hải Phòng	1477	15K-385.86	Hải Phòng	2477	14A-871.88	Quảng Ninh
478	15K-371.73	Hải Phòng	1478	15K-394.39	Hải Phòng	2478	14A-888.25	Quảng Ninh
479	15K-379.73	Hải Phòng	1479	15K-407.86	Hải Phòng	2479	14A-934.66	Quảng Ninh
480	15K-383.84	Hải Phòng	1480	15K-410.86	Hải Phòng	2480	14A-943.88	Quảng Ninh
481	15K-384.89	Hải Phòng	1481	15K-419.77	Hải Phòng	2481	14A-950.66	Quảng Ninh
482	15K-402.69	Hải Phòng	1482	15K-422.42	Hải Phòng	2482	14A-971.69	Quảng Ninh
483	15K-403.04	Hải Phòng	1483	17A-434.98	Thái Bình	2483	14A-985.66	Quảng Ninh
484	15K-404.89	Hải Phòng	1484	17A-444.77	Thái Bình	2484	15K-209.68	Hải Phòng
485	15K-407.08	Hải Phòng	1485	17A-467.69	Thái Bình	2485	15K-278.69	Hải Phòng
486	15K-413.14	Hải Phòng	1486	17A-473.73	Thái Bình	2486	15K-294.88	Hải Phòng
487	15K-418.86	Hải Phòng	1487	17A-477.55	Thái Bình	2487	15K-303.39	Hải Phòng
488	15K-420.00	Hải Phòng	1488	17A-486.84	Thái Bình	2488	15K-311.22	Hải Phòng
489	15K-421.42	Hải Phòng	1489	17A-490.86	Thái Bình	2489	15K-312.21	Hải Phòng
490	15K-422.11	Hải Phòng	1490	17A-490.94	Thái Bình	2490	15K-317.88	Hải Phòng
491	17A-430.03	Thái Bình	1491	18A-405.68	Nam Định	2491	15K-322.55	Hải Phòng
492	17A-461.68	Thái Bình	1492	18A-416.89	Nam Định	2492	15K-343.68	Hải Phòng
493	17A-464.86	Thái Bình	1493	18A-425.52	Nam Định	2493	15K-343.79	Hải Phòng
494	17A-465.65	Thái Bình	1494	18A-448.86	Nam Định	2494	15K-371.72	Hải Phòng
495	17A-483.38	Thái Bình	1495	18A-481.89	Nam Định	2495	15K-377.22	Hải Phòng
496	17A-484.44	Thái Bình	1496	18A-484.86	Nam Định	2496	15K-393.94	Hải Phòng
497	18A-401.11	Nam Định	1497	18A-484.89	Nam Định	2497	15K-420.02	Hải Phòng
498	18A-402.79	Nam Định	1498	19A-582.66	Phú Thọ	2498	17A-446.68	Thái Bình
499	18A-416.16	Nam Định	1499	19A-582.88	Phú Thọ	2499	17A-448.69	Thái Bình
500	18A-418.89	Nam Định	1500	19A-587.78	Phú Thọ	2500	17A-457.99	Thái Bình
501	18A-426.99	Nam Định	1501	19A-590.66	Phú Thọ	2501	17A-460.06	Thái Bình
502	18A-440.00	Nam Định	1502	19A-607.69	Phú Thọ	2502	17A-462.69	Thái Bình
503	18A-442.79	Nam Định	1503	19A-614.89	Phú Thọ	2503	17A-483.79	Thái Bình
504	18A-443.89	Nam Định	1504	19A-620.88	Phú Thọ	2504	17A-491.99	Thái Bình
505	18A-455.77	Nam Định	1505	19A-628.69	Phú Thọ	2505	17B-028.39	Thái Bình
506	18A-455.88	Nam Định	1506	19A-643.33	Phú Thọ	2506	17C-211.55	Thái Bình
507	18A-470.88	Nam Định	1507	19A-687.88	Phú Thọ	2507	17D-012.66	Thái Bình

47
NG
U G
Đ DA
T N
UÂN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
508	18A-476.76	Nam Định	1508	19A-704.05	Phú Thọ	2508	18A-417.66	Nam Định
509	18A-485.86	Nam Định	1509	19A-709.86	Phú Thọ	2509	18A-421.66	Nam Định
510	18B-028.28	Nam Định	1510	19A-711.77	Phú Thọ	2510	18A-460.88	Nam Định
511	19A-565.79	Phú Thọ	1511	20A-728.89	Thái Nguyên	2511	18A-464.89	Nam Định
512	19A-594.44	Phú Thọ	1512	20A-734.43	Thái Nguyên	2512	18A-472.86	Nam Định
513	19A-649.86	Phú Thọ	1513	20A-734.89	Thái Nguyên	2513	18A-481.39	Nam Định
514	19A-666.09	Phú Thọ	1514	20A-744.77	Thái Nguyên	2514	19A-585.39	Phú Thọ
515	19A-671.88	Phú Thọ	1515	20A-762.66	Thái Nguyên	2515	19A-587.99	Phú Thọ
516	19A-688.55	Phú Thọ	1516	20A-766.44	Thái Nguyên	2516	19A-591.86	Phú Thọ
517	19A-692.66	Phú Thọ	1517	20A-781.69	Thái Nguyên	2517	19A-602.39	Phú Thọ
518	19A-705.06	Phú Thọ	1518	20A-787.99	Thái Nguyên	2518	19A-615.51	Phú Thọ
519	19A-706.69	Phú Thọ	1519	20A-832.68	Thái Nguyên	2519	19A-629.92	Phú Thọ
520	19A-710.01	Phú Thọ	1520	20A-838.69	Thái Nguyên	2520	19A-641.99	Phú Thọ
521	19A-710.11	Phú Thọ	1521	20A-840.86	Thái Nguyên	2521	19A-644.99	Phú Thọ
522	20A-721.86	Thái Nguyên	1522	20A-843.84	Thái Nguyên	2522	19A-661.11	Phú Thọ
523	20A-728.39	Thái Nguyên	1523	20A-856.39	Thái Nguyên	2523	19A-672.99	Phú Thọ
524	20A-737.73	Thái Nguyên	1524	20C-297.68	Thái Nguyên	2524	19A-673.39	Phú Thọ
525	20A-744.96	Thái Nguyên	1525	20D-028.66	Thái Nguyên	2525	19A-673.73	Phú Thọ
526	20A-745.88	Thái Nguyên	1526	21A-184.99	Yên Bái	2526	19A-677.86	Phú Thọ
527	20A-756.96	Thái Nguyên	1527	21A-188.96	Yên Bái	2527	19A-682.99	Phú Thọ
528	20A-762.88	Thái Nguyên	1528	21A-190.69	Yên Bái	2528	19A-704.07	Phú Thọ
529	20A-778.66	Thái Nguyên	1529	21A-190.79	Yên Bái	2529	19A-704.66	Phú Thọ
530	20A-787.88	Thái Nguyên	1530	21A-201.11	Yên Bái	2530	19B-026.62	Phú Thọ
531	20A-847.48	Thái Nguyên	1531	21A-214.39	Yên Bái	2531	19C-251.69	Phú Thọ
532	20A-855.33	Thái Nguyên	1532	21A-214.66	Yên Bái	2532	19C-251.86	Phú Thọ
533	20C-297.86	Thái Nguyên	1533	21A-219.21	Yên Bái	2533	19D-015.79	Phú Thọ
534	21A-182.39	Yên Bái	1534	22A-210.88	Tuyên Quang	2534	20A-703.86	Thái Nguyên
535	21A-193.88	Yên Bái	1535	22A-213.66	Tuyên Quang	2535	20A-723.69	Thái Nguyên
536	21A-205.68	Yên Bái	1536	22A-221.86	Tuyên Quang	2536	20A-733.79	Thái Nguyên
537	22A-213.89	Tuyên Quang	1537	22A-232.98	Tuyên Quang	2537	20A-734.39	Thái Nguyên
538	22A-219.86	Tuyên Quang	1538	22A-235.68	Tuyên Quang	2538	20A-753.68	Thái Nguyên
539	22A-259.95	Tuyên Quang	1539	22A-250.79	Tuyên Quang	2539	20A-763.33	Thái Nguyên
540	22C-111.16	Tuyên Quang	1540	23A-145.54	Hà Giang	2540	20A-783.86	Thái Nguyên
541	22C-111.78	Tuyên Quang	1541	23A-151.79	Hà Giang	2541	20A-784.66	Thái Nguyên
542	23A-138.79	Hà Giang	1542	23A-158.86	Hà Giang	2542	20A-785.88	Thái Nguyên
543	23A-153.88	Hà Giang	1543	23A-161.11	Hà Giang	2543	20A-793.68	Thái Nguyên
544	24A-303.39	Lào Cai	1544	24A-257.77	Lào Cai	2544	20A-822.11	Thái Nguyên
545	24A-306.68	Lào Cai	1545	25A-076.67	Lai Châu	2545	20A-833.22	Thái Nguyên
546	24A-314.14	Lào Cai	1546	25A-080.08	Lai Châu	2546	20A-844.66	Thái Nguyên
547	24C-161.86	Lào Cai	1547	25C-059.59	Lai Châu	2547	20A-848.66	Thái Nguyên
548	25A-077.11	Lai Châu	1548	26A-202.20	Sơn La	2548	20A-855.44	Thái Nguyên
549	26A-187.79	Sơn La	1549	26A-205.99	Sơn La	2549	20A-857.68	Thái Nguyên
550	26A-205.89	Sơn La	1550	26A-207.39	Sơn La	2550	20D-029.88	Thái Nguyên
551	26A-216.69	Sơn La	1551	26A-211.55	Sơn La	2551	21A-183.39	Yên Bái
552	27A-111.16	Điện Biên	1552	26A-220.88	Sơn La	2552	21A-192.88	Yên Bái
553	27A-120.88	Điện Biên	1553	26D-011.55	Sơn La	2553	21A-194.99	Yên Bái
554	27A-126.99	Điện Biên	1554	27A-111.44	Điện Biên	2554	21A-195.95	Yên Bái
555	28A-219.68	Hòa Bình	1555	27C-073.89	Điện Biên	2555	21A-210.68	Yên Bái
556	28A-223.86	Hòa Bình	1556	28A-224.88	Hòa Bình	2556	21B-011.86	Yên Bái
557	28A-224.79	Hòa Bình	1557	28A-228.55	Hòa Bình	2557	22A-230.66	Tuyên Quang
558	28A-230.98	Hòa Bình	1558	28A-238.79	Hòa Bình	2558	22A-243.66	Tuyên Quang

Y
Á
JH
M
I.P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
559	28A-233.69	Hòa Bình	1559	28A-255.25	Hòa Bình	2559	22A-251.68	Tuyên Quang
560	28A-243.66	Hòa Bình	1560	28C-116.79	Hòa Bình	2560	22A-264.68	Tuyên Quang
561	28A-243.69	Hòa Bình	1561	29D-605.69	Hà Nội	2561	23A-135.39	Hà Giang
562	28A-244.39	Hòa Bình	1562	29D-618.89	Hà Nội	2562	23A-159.39	Hà Giang
563	29B-649.99	Hà Nội	1563	29K-222.11	Hà Nội	2563	24A-270.69	Lào Cai
564	29K-227.08	Hà Nội	1564	29K-223.11	Hà Nội	2564	24A-274.68	Lào Cai
565	29K-228.86	Hà Nội	1565	29K-227.22	Hà Nội	2565	24A-301.11	Lào Cai
566	29K-230.39	Hà Nội	1566	29K-227.86	Hà Nội	2566	24A-308.80	Lào Cai
567	29K-235.09	Hà Nội	1567	29K-228.25	Hà Nội	2567	24A-308.86	Lào Cai
568	29K-235.18	Hà Nội	1568	29K-230.55	Hà Nội	2568	24A-310.01	Lào Cai
569	29K-235.23	Hà Nội	1569	29K-245.79	Hà Nội	2569	24C-161.68	Lào Cai
570	29K-243.79	Hà Nội	1570	29K-252.77	Hà Nội	2570	25A-072.79	Lai Châu
571	29K-247.83	Hà Nội	1571	29K-260.59	Hà Nội	2571	25A-075.89	Lai Châu
572	29K-248.96	Hà Nội	1572	29K-264.22	Hà Nội	2572	26A-200.33	Sơn La
573	29K-251.22	Hà Nội	1573	29K-265.86	Hà Nội	2573	26A-202.79	Sơn La
574	29K-258.59	Hà Nội	1574	29K-267.79	Hà Nội	2574	26A-203.98	Sơn La
575	29K-260.08	Hà Nội	1575	29K-275.68	Hà Nội	2575	26A-213.31	Sơn La
576	29K-267.81	Hà Nội	1576	29K-278.22	Hà Nội	2576	26A-220.86	Sơn La
577	29K-268.77	Hà Nội	1577	29K-281.58	Hà Nội	2577	26A-227.86	Sơn La
578	29K-268.85	Hà Nội	1578	29K-293.16	Hà Nội	2578	26A-231.86	Sơn La
579	29K-271.79	Hà Nội	1579	29K-296.97	Hà Nội	2579	26A-233.11	Sơn La
580	29K-275.27	Hà Nội	1580	29K-297.39	Hà Nội	2580	26D-011.89	Sơn La
581	29K-276.77	Hà Nội	1581	29K-310.55	Hà Nội	2581	26D-013.13	Sơn La
582	29K-288.95	Hà Nội	1582	29K-313.28	Hà Nội	2582	27A-109.69	Điện Biên
583	29K-292.59	Hà Nội	1583	29K-323.23	Hà Nội	2583	27A-119.68	Điện Biên
584	29K-294.96	Hà Nội	1584	34A-736.68	Hải Dương	2584	27A-124.69	Điện Biên
585	29K-296.77	Hà Nội	1585	34A-743.79	Hải Dương	2585	28A-222.63	Hòa Bình
586	29K-301.02	Hà Nội	1586	34A-745.86	Hải Dương	2586	28A-222.86	Hòa Bình
587	29K-311.55	Hà Nội	1587	34A-753.99	Hải Dương	2587	28A-225.99	Hòa Bình
588	29K-311.56	Hà Nội	1588	34A-755.68	Hải Dương	2588	28A-250.89	Hòa Bình
589	34A-737.66	Hải Dương	1589	34A-756.89	Hải Dương	2589	28A-251.15	Hòa Bình
590	34A-743.68	Hải Dương	1590	34A-760.00	Hải Dương	2590	28A-253.69	Hòa Bình
591	34A-772.79	Hải Dương	1591	34A-761.86	Hải Dương	2591	29D-622.69	Hà Nội
592	34A-772.99	Hải Dương	1592	34A-765.39	Hải Dương	2592	29K-230.16	Hà Nội
593	34A-817.17	Hải Dương	1593	34A-769.98	Hải Dương	2593	29K-237.68	Hà Nội
594	34A-824.66	Hải Dương	1594	34A-803.03	Hải Dương	2594	29K-242.42	Hà Nội
595	34A-830.66	Hải Dương	1595	34A-829.68	Hải Dương	2595	29K-252.16	Hà Nội
596	34A-857.75	Hải Dương	1596	34A-832.79	Hải Dương	2596	29K-253.36	Hà Nội
597	34A-857.85	Hải Dương	1597	34A-833.44	Hải Dương	2597	29K-260.19	Hà Nội
598	34A-876.99	Hải Dương	1598	34A-835.86	Hải Dương	2598	29K-264.58	Hà Nội
599	34A-888.12	Hải Dương	1599	34A-842.66	Hải Dương	2599	29K-265.56	Hà Nội
600	34A-892.79	Hải Dương	1600	34A-844.39	Hải Dương	2600	29K-265.62	Hà Nội
601	34A-892.98	Hải Dương	1601	34A-862.99	Hải Dương	2601	29K-267.33	Hà Nội
602	34A-894.95	Hải Dương	1602	34A-864.65	Hải Dương	2602	29K-273.36	Hà Nội
603	34A-897.86	Hải Dương	1603	34A-895.66	Hải Dương	2603	29K-287.59	Hà Nội
604	34A-899.00	Hải Dương	1604	34A-900.77	Hải Dương	2604	29K-290.66	Hà Nội
605	34A-902.68	Hải Dương	1605	34A-910.11	Hải Dương	2605	29K-291.79	Hà Nội
606	34A-903.30	Hải Dương	1606	34A-914.41	Hải Dương	2606	29K-307.58	Hà Nội
607	34A-907.99	Hải Dương	1607	34D-035.88	Hải Dương	2607	29K-308.16	Hà Nội
608	34A-910.88	Hải Dương	1608	35A-374.88	Ninh Bình	2608	29K-321.32	Hà Nội
609	34C-428.68	Hải Dương	1609	35A-403.98	Ninh Bình	2609	29K-324.08	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
610	35A-372.86	Ninh Bình	1610	35A-427.77	Ninh Bình	2610	34A-781.11	Hải Dương
611	35A-394.94	Ninh Bình	1611	35A-430.30	Ninh Bình	2611	34A-783.99	Hải Dương
612	35A-405.66	Ninh Bình	1612	35A-451.45	Ninh Bình	2612	34A-784.88	Hải Dương
613	35A-410.88	Ninh Bình	1613	35A-451.86	Ninh Bình	2613	34A-788.69	Hải Dương
614	35A-416.61	Ninh Bình	1614	35D-013.86	Ninh Bình	2614	34A-863.66	Hải Dương
615	35A-419.69	Ninh Bình	1615	36C-519.68	Thanh Hóa	2615	34A-863.88	Hải Dương
616	35A-450.00	Ninh Bình	1616	36C-526.86	Thanh Hóa	2616	34A-872.89	Hải Dương
617	35A-458.85	Ninh Bình	1617	36C-527.77	Thanh Hóa	2617	34A-873.78	Hải Dương
618	36C-522.66	Thanh Hóa	1618	36K-011.69	Thanh Hóa	2618	34A-873.88	Hải Dương
619	36C-525.88	Thanh Hóa	1619	36K-021.89	Thanh Hóa	2619	34A-879.39	Hải Dương
620	36C-529.66	Thanh Hóa	1620	36K-025.69	Thanh Hóa	2620	34A-885.69	Hải Dương
621	36K-043.43	Thanh Hóa	1621	36K-037.73	Thanh Hóa	2621	34A-915.19	Hải Dương
622	36K-077.69	Thanh Hóa	1622	36K-039.89	Thanh Hóa	2622	35A-372.68	Ninh Bình
623	36K-100.99	Thanh Hóa	1623	36K-055.11	Thanh Hóa	2623	35A-375.79	Ninh Bình
624	36K-103.30	Thanh Hóa	1624	36K-084.39	Thanh Hóa	2624	35A-401.66	Ninh Bình
625	36K-104.68	Thanh Hóa	1625	36K-110.86	Thanh Hóa	2625	35A-402.89	Ninh Bình
626	36K-111.39	Thanh Hóa	1626	36K-112.12	Thanh Hóa	2626	35A-409.69	Ninh Bình
627	36K-116.39	Thanh Hóa	1627	36K-112.39	Thanh Hóa	2627	35A-421.88	Ninh Bình
628	36K-153.88	Thanh Hóa	1628	36K-125.26	Thanh Hóa	2628	35A-445.54	Ninh Bình
629	36K-154.86	Thanh Hóa	1629	36K-127.68	Thanh Hóa	2629	35A-452.79	Ninh Bình
630	36K-158.59	Thanh Hóa	1630	36K-128.86	Thanh Hóa	2630	35A-457.39	Ninh Bình
631	36K-177.11	Thanh Hóa	1631	36K-138.99	Thanh Hóa	2631	35A-461.89	Ninh Bình
632	36K-188.00	Thanh Hóa	1632	36K-144.22	Thanh Hóa	2632	36K-009.66	Thanh Hóa
633	36K-190.88	Thanh Hóa	1633	36K-144.77	Thanh Hóa	2633	36K-033.98	Thanh Hóa
634	36K-194.79	Thanh Hóa	1634	36K-171.86	Thanh Hóa	2634	36K-085.69	Thanh Hóa
635	36K-197.89	Thanh Hóa	1635	36K-177.22	Thanh Hóa	2635	36K-091.79	Thanh Hóa
636	36K-200.02	Thanh Hóa	1636	36K-178.89	Thanh Hóa	2636	36K-094.68	Thanh Hóa
637	36K-213.69	Thanh Hóa	1637	36K-186.39	Thanh Hóa	2637	36K-095.88	Thanh Hóa
638	36K-219.72	Thanh Hóa	1638	36K-191.86	Thanh Hóa	2638	36K-124.86	Thanh Hóa
639	36K-220.88	Thanh Hóa	1639	36K-193.33	Thanh Hóa	2639	36K-145.45	Thanh Hóa
640	36K-224.99	Thanh Hóa	1640	36K-217.71	Thanh Hóa	2640	36K-148.86	Thanh Hóa
641	36K-228.29	Thanh Hóa	1641	36K-222.15	Thanh Hóa	2641	36K-152.99	Thanh Hóa
642	37C-559.89	Nghệ An	1642	36K-224.69	Thanh Hóa	2642	36K-159.96	Thanh Hóa
643	37C-566.33	Nghệ An	1643	37K-301.39	Nghệ An	2643	36K-161.88	Thanh Hóa
644	37K-290.79	Nghệ An	1644	37K-304.88	Nghệ An	2644	36K-165.39	Thanh Hóa
645	37K-331.11	Nghệ An	1645	37K-314.39	Nghệ An	2645	36K-167.79	Thanh Hóa
646	37K-331.39	Nghệ An	1646	37K-314.41	Nghệ An	2646	36K-176.71	Thanh Hóa
647	37K-334.66	Nghệ An	1647	37K-327.69	Nghệ An	2647	36K-176.86	Thanh Hóa
648	37K-350.68	Nghệ An	1648	37K-341.99	Nghệ An	2648	36K-180.68	Thanh Hóa
649	37K-362.88	Nghệ An	1649	37K-348.84	Nghệ An	2649	36K-180.89	Thanh Hóa
650	37K-383.39	Nghệ An	1650	37K-387.83	Nghệ An	2650	36K-195.86	Thanh Hóa
651	37K-384.68	Nghệ An	1651	37K-388.44	Nghệ An	2651	36K-198.39	Thanh Hóa
652	37K-393.94	Nghệ An	1652	37K-395.96	Nghệ An	2652	36K-199.77	Thanh Hóa
653	37K-400.86	Nghệ An	1653	37K-405.88	Nghệ An	2653	36K-200.22	Thanh Hóa
654	37K-403.69	Nghệ An	1654	37K-407.79	Nghệ An	2654	36K-207.07	Thanh Hóa
655	37K-404.88	Nghệ An	1655	37K-412.21	Nghệ An	2655	36K-209.90	Thanh Hóa
656	37K-406.60	Nghệ An	1656	37K-418.41	Nghệ An	2656	36K-218.81	Thanh Hóa
657	37K-424.66	Nghệ An	1657	37K-419.73	Nghệ An	2657	37C-559.39	Nghệ An
658	37K-437.89	Nghệ An	1658	37K-423.33	Nghệ An	2658	37K-265.39	Nghệ An
659	37K-441.42	Nghệ An	1659	37K-433.77	Nghệ An	2659	37K-274.69	Nghệ An
660	37K-457.86	Nghệ An	1660	37K-452.45	Nghệ An	2660	37K-277.00	Nghệ An

Đ
C
Đ
H
V
V
H X

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
661	37K-459.69	Nghệ An	1661	37K-453.99	Nghệ An	2661	37K-295.59	Nghệ An
662	37K-469.86	Nghệ An	1662	37K-456.45	Nghệ An	2662	37K-300.86	Nghệ An
663	38A-580.99	Hà Tĩnh	1663	37K-459.39	Nghệ An	2663	37K-325.39	Nghệ An
664	38A-590.09	Hà Tĩnh	1664	37K-478.47	Nghệ An	2664	37K-333.06	Nghệ An
665	38A-590.66	Hà Tĩnh	1665	38A-587.98	Hà Tĩnh	2665	37K-341.68	Nghệ An
666	38A-601.96	Hà Tĩnh	1666	38A-591.39	Hà Tĩnh	2666	37K-382.66	Nghệ An
667	38A-605.89	Hà Tĩnh	1667	38A-591.86	Hà Tĩnh	2667	37K-384.39	Nghệ An
668	38A-607.99	Hà Tĩnh	1668	38A-609.09	Hà Tĩnh	2668	37K-402.02	Nghệ An
669	38A-613.66	Hà Tĩnh	1669	38A-620.00	Hà Tĩnh	2669	37K-409.96	Nghệ An
670	38A-631.79	Hà Tĩnh	1670	38A-625.52	Hà Tĩnh	2670	37K-422.88	Nghệ An
671	38A-640.40	Hà Tĩnh	1671	38A-642.69	Hà Tĩnh	2671	37K-428.89	Nghệ An
672	38A-641.64	Hà Tĩnh	1672	38A-673.74	Hà Tĩnh	2672	37K-431.68	Nghệ An
673	38A-651.51	Hà Tĩnh	1673	38C-235.39	Hà Tĩnh	2673	37K-435.89	Nghệ An
674	38A-653.65	Hà Tĩnh	1674	43A-837.96	Đà Nẵng	2674	37K-451.39	Nghệ An
675	38A-658.56	Hà Tĩnh	1675	43A-837.99	Đà Nẵng	2675	37K-454.86	Nghệ An
676	38A-661.16	Hà Tĩnh	1676	43A-842.79	Đà Nẵng	2676	37K-462.86	Nghệ An
677	38A-671.66	Hà Tĩnh	1677	43A-857.75	Đà Nẵng	2677	38A-571.39	Hà Tĩnh
678	38A-673.69	Hà Tĩnh	1678	43A-862.79	Đà Nẵng	2678	38A-584.68	Hà Tĩnh
679	38A-673.99	Hà Tĩnh	1679	43A-871.68	Đà Nẵng	2679	38A-587.39	Hà Tĩnh
680	38A-674.47	Hà Tĩnh	1680	43A-873.73	Đà Nẵng	2680	38A-590.68	Hà Tĩnh
681	38A-675.88	Hà Tĩnh	1681	43A-874.88	Đà Nẵng	2681	38A-591.66	Hà Tĩnh
682	38C-232.89	Hà Tĩnh	1682	43A-875.88	Đà Nẵng	2682	38A-600.33	Hà Tĩnh
683	43A-801.88	Đà Nẵng	1683	43A-911.68	Đà Nẵng	2683	38A-600.77	Hà Tĩnh
684	43A-855.11	Đà Nẵng	1684	43C-306.88	Đà Nẵng	2684	38A-617.99	Hà Tĩnh
685	43A-873.79	Đà Nẵng	1685	43D-011.79	Đà Nẵng	2685	38A-624.88	Hà Tĩnh
686	43A-882.79	Đà Nẵng	1686	47A-630.88	Đắk Lắk	2686	38A-625.39	Hà Tĩnh
687	43A-882.89	Đà Nẵng	1687	47A-650.69	Đắk Lắk	2687	38A-630.03	Hà Tĩnh
688	43A-917.71	Đà Nẵng	1688	47A-654.66	Đắk Lắk	2688	38A-634.34	Hà Tĩnh
689	43A-928.39	Đà Nẵng	1689	47A-670.99	Đắk Lắk	2689	38A-651.88	Hà Tĩnh
690	43A-939.96	Đà Nẵng	1690	47A-688.82	Đắk Lắk	2690	38C-233.88	Hà Tĩnh
691	47A-630.99	Đắk Lắk	1691	47A-717.89	Đắk Lắk	2691	43A-842.39	Đà Nẵng
692	47A-634.39	Đắk Lắk	1692	47A-732.89	Đắk Lắk	2692	43A-845.86	Đà Nẵng
693	47A-664.86	Đắk Lắk	1693	47A-747.79	Đắk Lắk	2693	43A-846.46	Đà Nẵng
694	47A-667.69	Đắk Lắk	1694	47A-756.69	Đắk Lắk	2694	43A-848.69	Đà Nẵng
695	47A-672.69	Đắk Lắk	1695	47A-760.66	Đắk Lắk	2695	43A-849.96	Đà Nẵng
696	47A-672.79	Đắk Lắk	1696	47A-766.89	Đắk Lắk	2696	43A-851.79	Đà Nẵng
697	47A-694.96	Đắk Lắk	1697	47A-769.39	Đắk Lắk	2697	43A-870.89	Đà Nẵng
698	47A-708.69	Đắk Lắk	1698	47A-780.69	Đắk Lắk	2698	43A-898.66	Đà Nẵng
699	47A-715.89	Đắk Lắk	1699	47A-795.88	Đắk Lắk	2699	43A-900.90	Đà Nẵng
700	47A-721.88	Đắk Lắk	1700	47A-799.86	Đắk Lắk	2700	43A-907.79	Đà Nẵng
701	47A-721.89	Đắk Lắk	1701	47D-015.99	Đắk Lắk	2701	43A-930.89	Đà Nẵng
702	47A-745.69	Đắk Lắk	1702	48A-216.98	Đắk Nông	2702	43A-934.93	Đà Nẵng
703	47A-771.89	Đắk Lắk	1703	48A-219.79	Đắk Nông	2703	43C-313.66	Đà Nẵng
704	47A-777.04	Đắk Lắk	1704	48A-235.89	Đắk Nông	2704	47A-633.77	Đắk Lắk
705	47A-783.33	Đắk Lắk	1705	48A-236.99	Đắk Nông	2705	47A-640.86	Đắk Lắk
706	47A-785.78	Đắk Lắk	1706	49A-644.96	Lâm Đồng	2706	47A-668.36	Đắk Lắk
707	47A-802.88	Đắk Lắk	1707	49A-649.86	Lâm Đồng	2707	47A-692.88	Đắk Lắk
708	47A-805.06	Đắk Lắk	1708	49A-668.33	Lâm Đồng	2708	47A-701.99	Đắk Lắk
709	47A-806.08	Đắk Lắk	1709	49A-692.88	Lâm Đồng	2709	47A-702.86	Đắk Lắk
710	47B-039.99	Đắk Lắk	1710	49A-694.69	Lâm Đồng	2710	47A-705.99	Đắk Lắk
711	47C-377.55	Đắk Lắk	1711	49A-726.99	Lâm Đồng	2711	47A-714.41	Đắk Lắk

47
G T
I GI
DAN
NA
AN - 1

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
712	48A-209.68	Đắk Nông	1712	49A-733.22	Lâm Đồng	2712	47A-725.86	Đắk Lắk
713	48A-231.13	Đắk Nông	1713	49C-375.55	Lâm Đồng	2713	47A-733.44	Đắk Lắk
714	48A-239.32	Đắk Nông	1714	49C-375.79	Lâm Đồng	2714	47A-743.43	Đắk Lắk
715	48A-240.79	Đắk Nông	1715	49C-376.79	Lâm Đồng	2715	47A-767.39	Đắk Lắk
716	48A-244.68	Đắk Nông	1716	51D-852.79	Hồ Chí Minh	2716	47A-771.99	Đắk Lắk
717	48A-246.69	Đắk Nông	1717	51D-862.39	Hồ Chí Minh	2717	47A-792.93	Đắk Lắk
718	48C-112.86	Đắk Nông	1718	51D-862.86	Hồ Chí Minh	2718	47A-793.68	Đắk Lắk
719	49A-647.68	Lâm Đồng	1719	51E-331.79	Hồ Chí Minh	2719	47A-812.13	Đắk Lắk
720	49A-649.49	Lâm Đồng	1720	51M-010.88	Hồ Chí Minh	2720	47C-378.86	Đắk Lắk
721	49A-660.33	Lâm Đồng	1721	51M-019.18	Hồ Chí Minh	2721	48A-214.98	Đắk Nông
722	49A-661.16	Lâm Đồng	1722	51M-022.33	Hồ Chí Minh	2722	48A-234.69	Đắk Nông
723	49A-665.96	Lâm Đồng	1723	51M-028.79	Hồ Chí Minh	2723	48A-241.79	Đắk Nông
724	49A-670.69	Lâm Đồng	1724	51M-031.11	Hồ Chí Minh	2724	48A-241.88	Đắk Nông
725	49A-672.79	Lâm Đồng	1725	51M-038.79	Hồ Chí Minh	2725	48A-247.74	Đắk Nông
726	49A-684.69	Lâm Đồng	1726	51M-046.95	Hồ Chí Minh	2726	49A-648.48	Lâm Đồng
727	49A-690.79	Lâm Đồng	1727	51M-047.44	Hồ Chí Minh	2727	49A-652.79	Lâm Đồng
728	49A-695.59	Lâm Đồng	1728	51M-048.99	Hồ Chí Minh	2728	49A-660.88	Lâm Đồng
729	49A-698.39	Lâm Đồng	1729	60K-427.86	Đồng Nai	2729	49A-692.86	Lâm Đồng
730	49A-701.99	Lâm Đồng	1730	60K-432.39	Đồng Nai	2730	49A-708.70	Lâm Đồng
731	49A-702.89	Lâm Đồng	1731	60K-441.86	Đồng Nai	2731	49A-710.01	Lâm Đồng
732	49A-705.69	Lâm Đồng	1732	60K-453.88	Đồng Nai	2732	49A-716.17	Lâm Đồng
733	49A-705.86	Lâm Đồng	1733	60K-472.72	Đồng Nai	2733	49A-716.69	Lâm Đồng
734	49A-719.68	Lâm Đồng	1734	60K-485.88	Đồng Nai	2734	49A-717.79	Lâm Đồng
735	49A-723.33	Lâm Đồng	1735	60K-501.66	Đồng Nai	2735	49A-723.39	Lâm Đồng
736	49A-725.89	Lâm Đồng	1736	60K-503.66	Đồng Nai	2736	49A-728.27	Lâm Đồng
737	49A-742.24	Lâm Đồng	1737	60K-503.79	Đồng Nai	2737	49A-735.35	Lâm Đồng
738	49A-743.34	Lâm Đồng	1738	60K-503.88	Đồng Nai	2738	49A-738.79	Lâm Đồng
739	51D-856.89	Hồ Chí Minh	1739	60K-505.50	Đồng Nai	2739	49A-743.44	Lâm Đồng
740	51E-338.86	Hồ Chí Minh	1740	60K-531.66	Đồng Nai	2740	51D-876.66	Hồ Chí Minh
741	51M-010.69	Hồ Chí Minh	1741	60K-534.79	Đồng Nai	2741	51D-879.66	Hồ Chí Minh
742	51M-017.29	Hồ Chí Minh	1742	60K-555.25	Đồng Nai	2742	51E-329.66	Hồ Chí Minh
743	51M-018.55	Hồ Chí Minh	1743	60K-558.55	Đồng Nai	2743	51M-008.66	Hồ Chí Minh
744	51M-023.33	Hồ Chí Minh	1744	60K-568.98	Đồng Nai	2744	51M-009.95	Hồ Chí Minh
745	51M-034.68	Hồ Chí Minh	1745	60K-583.68	Đồng Nai	2745	51M-010.22	Hồ Chí Minh
746	51M-040.79	Hồ Chí Minh	1746	60K-584.39	Đồng Nai	2746	51M-017.01	Hồ Chí Minh
747	51M-040.85	Hồ Chí Minh	1747	60K-584.44	Đồng Nai	2747	51M-020.06	Hồ Chí Minh
748	51M-042.04	Hồ Chí Minh	1748	60K-591.89	Đồng Nai	2748	51M-020.79	Hồ Chí Minh
749	51M-045.55	Hồ Chí Minh	1749	60K-593.68	Đồng Nai	2749	51M-021.21	Hồ Chí Minh
750	60K-433.44	Đồng Nai	1750	60K-594.68	Đồng Nai	2750	51M-034.43	Hồ Chí Minh
751	60K-462.98	Đồng Nai	1751	60K-602.79	Đồng Nai	2751	51M-036.03	Hồ Chí Minh
752	60K-471.71	Đồng Nai	1752	60K-609.39	Đồng Nai	2752	51M-044.99	Hồ Chí Minh
753	60K-498.86	Đồng Nai	1753	61C-588.55	Bình Dương	2753	60C-728.79	Đồng Nai
754	60K-499.68	Đồng Nai	1754	61C-605.69	Bình Dương	2754	60C-729.66	Đồng Nai
755	60K-502.88	Đồng Nai	1755	61K-318.99	Bình Dương	2755	60C-755.33	Đồng Nai
756	60K-509.86	Đồng Nai	1756	61K-375.57	Bình Dương	2756	60K-421.11	Đồng Nai
757	60K-516.69	Đồng Nai	1757	61K-380.99	Bình Dương	2757	60K-430.88	Đồng Nai
758	60K-516.89	Đồng Nai	1758	61K-384.99	Bình Dương	2758	60K-488.95	Đồng Nai
759	60K-521.88	Đồng Nai	1759	61K-389.69	Bình Dương	2759	60K-510.01	Đồng Nai
760	60K-522.69	Đồng Nai	1760	61K-410.39	Bình Dương	2760	60K-511.99	Đồng Nai
761	60K-545.79	Đồng Nai	1761	61K-429.86	Bình Dương	2761	60K-551.15	Đồng Nai
762	60K-553.68	Đồng Nai	1762	61K-429.88	Bình Dương	2762	60K-555.34	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
763	60K-555.03	Đồng Nai	1763	61K-435.35	Bình Dương	2763	60K-561.65	Đồng Nai
764	60K-555.18	Đồng Nai	1764	61K-441.69	Bình Dương	2764	60K-563.64	Đồng Nai
765	60K-562.56	Đồng Nai	1765	61K-449.89	Bình Dương	2765	60K-573.74	Đồng Nai
766	60K-564.86	Đồng Nai	1766	61K-451.54	Bình Dương	2766	60K-574.69	Đồng Nai
767	60K-565.86	Đồng Nai	1767	61K-454.45	Bình Dương	2767	60K-580.66	Đồng Nai
768	60K-573.73	Đồng Nai	1768	61K-458.99	Bình Dương	2768	60K-601.60	Đồng Nai
769	60K-575.76	Đồng Nai	1769	61K-461.68	Bình Dương	2769	60K-602.68	Đồng Nai
770	60K-578.69	Đồng Nai	1770	61K-487.79	Bình Dương	2770	60K-615.68	Đồng Nai
771	60K-586.58	Đồng Nai	1771	61K-488.77	Bình Dương	2771	61K-321.66	Bình Dương
772	60K-592.79	Đồng Nai	1772	61K-492.29	Bình Dương	2772	61K-336.89	Bình Dương
773	60K-600.39	Đồng Nai	1773	61K-494.49	Bình Dương	2773	61K-425.25	Bình Dương
774	60K-607.08	Đồng Nai	1774	61K-495.66	Bình Dương	2774	61K-429.66	Bình Dương
775	61K-308.39	Bình Dương	1775	61K-495.79	Bình Dương	2775	61K-433.22	Bình Dương
776	61K-357.66	Bình Dương	1776	61K-496.89	Bình Dương	2776	61K-436.39	Bình Dương
777	61K-384.86	Bình Dương	1777	61K-500.55	Bình Dương	2777	61K-464.39	Bình Dương
778	61K-427.89	Bình Dương	1778	61K-510.66	Bình Dương	2778	61K-467.86	Bình Dương
779	61K-450.69	Bình Dương	1779	61K-511.69	Bình Dương	2779	61K-481.81	Bình Dương
780	61K-454.68	Bình Dương	1780	61K-518.15	Bình Dương	2780	61K-486.39	Bình Dương
781	61K-465.39	Bình Dương	1781	62A-381.39	Long An	2781	61K-493.94	Bình Dương
782	61K-465.69	Bình Dương	1782	62A-395.79	Long An	2782	61K-514.39	Bình Dương
783	61K-473.66	Bình Dương	1783	62A-399.22	Long An	2783	61K-517.66	Bình Dương
784	61K-502.79	Bình Dương	1784	62A-401.86	Long An	2784	62A-385.69	Long An
785	61K-511.77	Bình Dương	1785	62A-403.68	Long An	2785	62A-399.95	Long An
786	62A-384.48	Long An	1786	62A-405.86	Long An	2786	62A-421.21	Long An
787	62A-396.68	Long An	1787	62A-415.39	Long An	2787	62A-431.99	Long An
788	62A-444.15	Long An	1788	62A-430.89	Long An	2788	62A-448.48	Long An
789	62A-454.68	Long An	1789	62A-437.77	Long An	2789	62A-449.94	Long An
790	62A-459.59	Long An	1790	62A-451.54	Long An	2790	62A-451.66	Long An
791	62A-460.79	Long An	1791	62A-463.89	Long An	2791	62A-457.69	Long An
792	62A-461.62	Long An	1792	62A-467.79	Long An	2792	62A-459.68	Long An
793	62A-466.33	Long An	1793	62D-011.68	Long An	2793	62A-464.44	Long An
794	62B-028.66	Long An	1794	62D-011.99	Long An	2794	63A-284.99	Tiền Giang
795	62C-211.33	Long An	1795	62D-012.86	Long An	2795	63A-295.55	Tiền Giang
796	63A-275.89	Tiền Giang	1796	63A-284.98	Tiền Giang	2796	63A-308.66	Tiền Giang
797	63A-285.28	Tiền Giang	1797	64A-176.86	Vĩnh Long	2797	63A-312.86	Tiền Giang
798	63A-288.39	Tiền Giang	1798	64A-180.80	Vĩnh Long	2798	64A-172.68	Vĩnh Long
799	63A-307.66	Tiền Giang	1799	65A-415.86	Cần Thơ	2799	64A-175.75	Vĩnh Long
800	63A-311.77	Tiền Giang	1800	65A-428.86	Cần Thơ	2800	64A-190.88	Vĩnh Long
801	63A-322.86	Tiền Giang	1801	65A-436.66	Cần Thơ	2801	65A-407.88	Cần Thơ
802	63B-031.69	Tiền Giang	1802	65A-444.22	Cần Thơ	2802	65A-442.22	Cần Thơ
803	63B-031.89	Tiền Giang	1803	65A-445.66	Cần Thơ	2803	65A-451.89	Cần Thơ
804	64A-185.88	Vĩnh Long	1804	65A-450.89	Cần Thơ	2804	65A-461.66	Cần Thơ
805	64A-188.55	Vĩnh Long	1805	65A-454.68	Cần Thơ	2805	65A-461.86	Cần Thơ
806	64A-197.68	Vĩnh Long	1806	65A-506.39	Cần Thơ	2806	65A-467.88	Cần Thơ
807	65A-407.77	Cần Thơ	1807	65C-228.68	Cần Thơ	2807	65A-474.86	Cần Thơ
808	65A-408.68	Cần Thơ	1808	65C-232.86	Cần Thơ	2808	65A-475.39	Cần Thơ
809	65A-408.79	Cần Thơ	1809	66A-249.86	Đồng Tháp	2809	65A-485.99	Cần Thơ
810	65A-420.66	Cần Thơ	1810	66A-264.46	Đồng Tháp	2810	65A-512.12	Cần Thơ
811	65A-423.79	Cần Thơ	1811	66A-281.79	Đồng Tháp	2811	65C-239.89	Cần Thơ
812	65A-484.84	Cần Thơ	1812	66A-284.44	Đồng Tháp	2812	66A-247.89	Đồng Tháp
813	65A-491.89	Cần Thơ	1813	66A-287.99	Đồng Tháp	2813	66A-253.88	Đồng Tháp

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
814	65A-504.99	Cần Thơ	1814	66A-294.89	Đồng Tháp	2814	66A-272.22	Đồng Tháp
815	65C-236.66	Cần Thơ	1815	66A-296.89	Đồng Tháp	2815	66A-273.39	Đồng Tháp
816	66A-264.98	Đồng Tháp	1816	66A-299.44	Đồng Tháp	2816	66A-281.81	Đồng Tháp
817	66A-288.79	Đồng Tháp	1817	67A-294.94	An Giang	2817	66A-287.66	Đồng Tháp
818	66A-289.86	Đồng Tháp	1818	67A-315.89	An Giang	2818	66B-021.99	Đồng Tháp
819	66A-290.66	Đồng Tháp	1819	67A-321.88	An Giang	2819	66C-182.86	Đồng Tháp
820	67A-294.98	An Giang	1820	68A-333.08	Kiên Giang	2820	67A-288.58	An Giang
821	67A-301.68	An Giang	1821	68A-334.99	Kiên Giang	2821	67A-295.95	An Giang
822	67A-322.99	An Giang	1822	68A-351.89	Kiên Giang	2822	67A-300.96	An Giang
823	67A-324.32	An Giang	1823	68A-353.79	Kiên Giang	2823	67A-320.89	An Giang
824	67B-028.68	An Giang	1824	68C-176.66	Kiên Giang	2824	67A-321.11	An Giang
825	67B-029.68	An Giang	1825	69A-142.22	Cà Mau	2825	67B-028.66	An Giang
826	68A-315.79	Kiên Giang	1826	69A-153.88	Cà Mau	2826	68A-321.68	Kiên Giang
827	68A-316.89	Kiên Giang	1827	69B-012.69	Cà Mau	2827	68A-322.86	Kiên Giang
828	68A-324.69	Kiên Giang	1828	70A-513.13	Tây Ninh	2828	68A-359.35	Kiên Giang
829	68A-343.89	Kiên Giang	1829	70A-535.69	Tây Ninh	2829	68A-361.63	Kiên Giang
830	68A-354.45	Kiên Giang	1830	70A-542.39	Tây Ninh	2830	68A-364.66	Kiên Giang
831	68A-356.86	Kiên Giang	1831	70A-548.68	Tây Ninh	2831	68B-032.89	Kiên Giang
832	68A-359.88	Kiên Giang	1832	70A-554.39	Tây Ninh	2832	70A-513.39	Tây Ninh
833	69A-152.66	Cà Mau	1833	70A-560.86	Tây Ninh	2833	70A-530.30	Tây Ninh
834	69A-156.96	Cà Mau	1834	70A-563.86	Tây Ninh	2834	70A-532.68	Tây Ninh
835	69A-158.79	Cà Mau	1835	70A-564.69	Tây Ninh	2835	70A-556.88	Tây Ninh
836	70A-504.40	Tây Ninh	1836	70A-564.88	Tây Ninh	2836	70A-570.07	Tây Ninh
837	70A-504.66	Tây Ninh	1837	70A-565.99	Tây Ninh	2837	70A-570.39	Tây Ninh
838	70A-517.79	Tây Ninh	1838	70A-569.88	Tây Ninh	2838	71A-193.68	Bến Tre
839	70A-554.68	Tây Ninh	1839	70A-570.00	Tây Ninh	2839	71A-193.69	Bến Tre
840	70A-563.68	Tây Ninh	1840	70A-576.68	Tây Ninh	2840	71A-199.00	Bến Tre
841	70A-565.56	Tây Ninh	1841	70A-578.68	Tây Ninh	2841	71A-199.33	Bến Tre
842	70A-572.79	Tây Ninh	1842	71A-195.95	Bến Tre	2842	71A-207.20	Bến Tre
843	70B-031.86	Tây Ninh	1843	71A-201.88	Bến Tre	2843	71A-211.77	Bến Tre
844	71A-190.68	Bến Tre	1844	72A-769.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2844	72A-790.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
845	71A-196.86	Bến Tre	1845	72A-802.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2845	72A-794.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
846	71A-197.86	Bến Tre	1846	72A-808.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	2846	72A-807.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
847	71A-198.79	Bến Tre	1847	72A-819.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2847	72A-819.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
848	71A-204.86	Bến Tre	1848	72A-831.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	2848	72A-828.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
849	71A-209.68	Bến Tre	1849	72C-232.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2849	72A-830.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
850	71C-131.99	Bến Tre	1850	72C-233.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	2850	72C-236.79	Bà Rịa - Vũng Tàu
851	72A-760.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	1851	73A-332.86	Quảng Bình	2851	73A-334.79	Quảng Bình
852	72A-814.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	1852	73A-337.69	Quảng Bình	2852	73A-357.99	Quảng Bình
853	72A-820.20	Bà Rịa - Vũng Tàu	1853	74A-277.55	Quảng Trị	2853	73B-015.88	Quảng Bình
854	72A-827.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	1854	74D-011.22	Quảng Trị	2854	74A-254.44	Quảng Trị
855	72A-831.13	Bà Rịa - Vũng Tàu	1855	75A-363.98	Thừa Thiên Huế	2855	74A-261.79	Quảng Trị
856	72A-835.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	1856	76A-285.99	Quảng Ngãi	2856	74A-271.27	Quảng Trị
857	73A-320.88	Quảng Bình	1857	76A-290.88	Quảng Ngãi	2857	75A-337.99	Thừa Thiên Huế
858	73A-326.86	Quảng Bình	1858	76A-301.69	Quảng Ngãi	2858	75A-355.33	Thừa Thiên Huế
859	73A-340.86	Quảng Bình	1859	76A-313.31	Quảng Ngãi	2859	76A-287.69	Quảng Ngãi
860	73A-361.62	Quảng Bình	1860	76D-011.86	Quảng Ngãi	2860	76A-288.11	Quảng Ngãi
861	74A-244.79	Quảng Trị	1861	77A-304.44	Bình Định	2861	76A-291.19	Quảng Ngãi
862	74A-255.00	Quảng Trị	1862	77A-306.79	Bình Định	2862	76A-292.66	Quảng Ngãi
863	74B-016.68	Quảng Trị	1863	77A-318.89	Bình Định	2863	76A-322.55	Quảng Ngãi
864	75A-349.68	Thừa Thiên Huế	1864	77A-336.36	Bình Định	2864	76B-026.86	Quảng Ngãi

A.Đ
 CÔ
 Đ
 H
 VI
 NH X

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
865	75A-373.33	Thừa Thiên Huế	1865	77A-340.68	Bình Định	2865	77A-300.79	Bình Định
866	75A-373.79	Thừa Thiên Huế	1866	77A-349.39	Bình Định	2866	77A-328.86	Bình Định
867	75A-386.69	Thừa Thiên Huế	1867	77C-257.79	Bình Định	2867	77A-345.39	Bình Định
868	76A-291.66	Quảng Ngãi	1868	78A-185.66	Phú Yên	2868	77A-349.79	Bình Định
869	77A-309.79	Bình Định	1869	78A-194.49	Phú Yên	2869	78A-190.39	Phú Yên
870	77A-311.44	Bình Định	1870	79A-506.89	Khánh Hòa	2870	78A-210.89	Phú Yên
871	77A-316.69	Bình Định	1871	79A-512.66	Khánh Hòa	2871	78C-122.89	Phú Yên
872	77A-319.19	Bình Định	1872	79A-547.88	Khánh Hòa	2872	79A-501.68	Khánh Hòa
873	77A-320.39	Bình Định	1873	79A-548.66	Khánh Hòa	2873	79A-512.12	Khánh Hòa
874	77A-347.79	Bình Định	1874	79A-553.33	Khánh Hòa	2874	79A-522.89	Khánh Hòa
875	77A-352.89	Bình Định	1875	79A-562.66	Khánh Hòa	2875	79A-527.69	Khánh Hòa
876	77A-355.56	Bình Định	1876	79A-565.88	Khánh Hòa	2876	79A-530.69	Khánh Hòa
877	78A-188.33	Phú Yên	1877	79A-567.66	Khánh Hòa	2877	79A-535.89	Khánh Hòa
878	78A-195.86	Phú Yên	1878	81A-386.89	Gia Lai	2878	79A-551.68	Khánh Hòa
879	78A-204.89	Phú Yên	1879	81A-392.79	Gia Lai	2879	81A-384.84	Gia Lai
880	78A-213.66	Phú Yên	1880	81A-395.39	Gia Lai	2880	81A-394.44	Gia Lai
881	78A-213.88	Phú Yên	1881	81A-395.89	Gia Lai	2881	81A-407.66	Gia Lai
882	79A-506.06	Khánh Hòa	1882	81A-399.95	Gia Lai	2882	81A-413.39	Gia Lai
883	79A-506.99	Khánh Hòa	1883	81A-406.79	Gia Lai	2883	81A-417.68	Gia Lai
884	79A-511.77	Khánh Hòa	1884	81A-411.88	Gia Lai	2884	81A-418.69	Gia Lai
885	79A-518.86	Khánh Hòa	1885	81A-425.69	Gia Lai	2885	81A-428.28	Gia Lai
886	79A-523.89	Khánh Hòa	1886	81A-427.79	Gia Lai	2886	81A-438.79	Gia Lai
887	79A-530.39	Khánh Hòa	1887	81A-431.88	Gia Lai	2887	82A-134.39	Kon Tum
888	79A-541.39	Khánh Hòa	1888	81A-438.86	Gia Lai	2888	82A-137.86	Kon Tum
889	79A-559.96	Khánh Hòa	1889	81A-444.36	Gia Lai	2889	82A-138.79	Kon Tum
890	79A-564.99	Khánh Hòa	1890	81A-447.48	Gia Lai	2890	82A-138.86	Kon Tum
891	79C-222.36	Khánh Hòa	1891	81B-025.52	Gia Lai	2891	82A-150.88	Kon Tum
892	81A-393.69	Gia Lai	1892	81C-272.69	Gia Lai	2892	82A-155.86	Kon Tum
893	81A-399.58	Gia Lai	1893	82A-140.89	Kon Tum	2893	83A-184.68	Sóc Trăng
894	81A-400.44	Gia Lai	1894	82A-143.96	Kon Tum	2894	83A-184.86	Sóc Trăng
895	81A-423.88	Gia Lai	1895	82A-146.88	Kon Tum	2895	83A-186.18	Sóc Trăng
896	81A-435.53	Gia Lai	1896	82A-151.89	Kon Tum	2896	83B-021.99	Sóc Trăng
897	81A-441.42	Gia Lai	1897	83A-169.39	Sóc Trăng	2897	84A-123.68	Trà Vinh
898	81A-444.38	Gia Lai	1898	83A-171.11	Sóc Trăng	2898	84A-131.11	Trà Vinh
899	81A-450.86	Gia Lai	1899	83A-172.96	Sóc Trăng	2899	84A-137.39	Trà Vinh
900	81C-271.39	Gia Lai	1900	83A-173.96	Sóc Trăng	2900	84A-139.69	Trà Vinh
901	82A-141.99	Kon Tum	1901	84A-127.68	Trà Vinh	2901	84A-140.99	Trà Vinh
902	82A-154.45	Kon Tum	1902	84A-135.53	Trà Vinh	2902	84A-142.69	Trà Vinh
903	82A-155.77	Kon Tum	1903	84A-138.66	Trà Vinh	2903	85A-120.86	Ninh Thuận
904	84A-134.69	Trà Vinh	1904	84A-138.68	Trà Vinh	2904	85A-132.66	Ninh Thuận
905	85A-130.79	Ninh Thuận	1905	84A-142.24	Trà Vinh	2905	85A-143.34	Ninh Thuận
906	85A-140.68	Ninh Thuận	1906	84A-142.79	Trà Vinh	2906	85C-083.88	Ninh Thuận
907	85A-143.33	Ninh Thuận	1907	84A-142.88	Trà Vinh	2907	86A-293.68	Bình Thuận
908	85A-143.39	Ninh Thuận	1908	84A-145.39	Trà Vinh	2908	86A-309.30	Bình Thuận
909	85A-143.43	Ninh Thuận	1909	85A-124.86	Ninh Thuận	2909	86A-311.22	Bình Thuận
910	85A-143.88	Ninh Thuận	1910	85A-125.89	Ninh Thuận	2910	86A-315.99	Bình Thuận
911	85B-013.86	Ninh Thuận	1911	85A-135.69	Ninh Thuận	2911	86A-319.74	Bình Thuận
912	86A-287.98	Bình Thuận	1912	85A-135.89	Ninh Thuận	2912	86C-206.79	Bình Thuận
913	86A-308.68	Bình Thuận	1913	85A-140.66	Ninh Thuận	2913	88A-650.66	Vĩnh Phúc
914	88A-659.39	Vĩnh Phúc	1914	86A-299.77	Bình Thuận	2914	88A-652.68	Vĩnh Phúc
915	88A-661.55	Vĩnh Phúc	1915	86A-301.86	Bình Thuận	2915	88A-661.56	Vĩnh Phúc

41
JG
UG
DA
TN
JAN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
916	88A-680.88	Vĩnh Phúc	1916	86A-315.79	Bình Thuận	2916	88A-667.86	Vĩnh Phúc
917	88A-700.69	Vĩnh Phúc	1917	86A-317.77	Bình Thuận	2917	88A-699.33	Vĩnh Phúc
918	88A-709.68	Vĩnh Phúc	1918	88A-652.66	Vĩnh Phúc	2918	88A-704.44	Vĩnh Phúc
919	88A-720.02	Vĩnh Phúc	1919	88A-673.88	Vĩnh Phúc	2919	88A-706.69	Vĩnh Phúc
920	88A-734.43	Vĩnh Phúc	1920	88A-685.36	Vĩnh Phúc	2920	88A-723.79	Vĩnh Phúc
921	88A-753.69	Vĩnh Phúc	1921	88A-689.93	Vĩnh Phúc	2921	88A-725.99	Vĩnh Phúc
922	88A-753.79	Vĩnh Phúc	1922	88A-694.79	Vĩnh Phúc	2922	88A-730.00	Vĩnh Phúc
923	88A-767.76	Vĩnh Phúc	1923	88A-705.99	Vĩnh Phúc	2923	88A-752.89	Vĩnh Phúc
924	88A-778.66	Vĩnh Phúc	1924	88A-718.89	Vĩnh Phúc	2924	88A-753.35	Vĩnh Phúc
925	88C-303.69	Vĩnh Phúc	1925	88A-722.86	Vĩnh Phúc	2925	88A-764.68	Vĩnh Phúc
926	88C-308.69	Vĩnh Phúc	1926	88A-724.88	Vĩnh Phúc	2926	88A-769.88	Vĩnh Phúc
927	89A-430.86	Hung Yên	1927	88A-726.86	Vĩnh Phúc	2927	88A-773.77	Vĩnh Phúc
928	89A-435.66	Hung Yên	1928	88A-730.39	Vĩnh Phúc	2928	88A-776.76	Vĩnh Phúc
929	89A-443.66	Hung Yên	1929	88A-731.31	Vĩnh Phúc	2929	89A-438.59	Hung Yên
930	89A-451.88	Hung Yên	1930	88A-733.66	Vĩnh Phúc	2930	89A-443.88	Hung Yên
931	89A-453.88	Hung Yên	1931	88A-750.79	Vĩnh Phúc	2931	89A-455.00	Hung Yên
932	89A-466.38	Hung Yên	1932	88A-751.75	Vĩnh Phúc	2932	89A-457.39	Hung Yên
933	89A-509.88	Hung Yên	1933	88A-756.79	Vĩnh Phúc	2933	89A-473.39	Hung Yên
934	89A-512.79	Hung Yên	1934	88A-761.61	Vĩnh Phúc	2934	89A-476.76	Hung Yên
935	89A-521.52	Hung Yên	1935	88A-762.79	Vĩnh Phúc	2935	89A-487.79	Hung Yên
936	90A-260.39	Hà Nam	1936	88A-775.68	Vĩnh Phúc	2936	89A-492.88	Hung Yên
937	90A-265.69	Hà Nam	1937	88A-779.39	Vĩnh Phúc	2937	89A-504.66	Hung Yên
938	92A-391.91	Quảng Nam	1938	88C-305.99	Vĩnh Phúc	2938	89A-507.77	Hung Yên
939	92A-400.99	Quảng Nam	1939	88C-306.89	Vĩnh Phúc	2939	89D-021.39	Hung Yên
940	92A-416.68	Quảng Nam	1940	89A-429.89	Hung Yên	2940	89D-021.89	Hung Yên
941	92A-419.41	Quảng Nam	1941	89A-442.22	Hung Yên	2941	90A-241.99	Hà Nam
942	92A-427.72	Quảng Nam	1942	89A-445.79	Hung Yên	2942	90A-253.99	Hà Nam
943	92B-037.69	Quảng Nam	1943	89A-448.99	Hung Yên	2943	90A-255.19	Hà Nam
944	93A-444.22	Bình Phước	1944	89A-475.39	Hung Yên	2944	90A-256.38	Hà Nam
945	93A-447.47	Bình Phước	1945	89A-476.88	Hung Yên	2945	90A-270.69	Hà Nam
946	93A-450.98	Bình Phước	1946	89A-496.89	Hung Yên	2946	90A-274.27	Hà Nam
947	93A-454.44	Bình Phước	1947	89A-499.11	Hung Yên	2947	90A-281.66	Hà Nam
948	93A-463.88	Bình Phước	1948	89A-529.69	Hung Yên	2948	90A-284.69	Hà Nam
949	93A-469.89	Bình Phước	1949	90A-251.66	Hà Nam	2949	90A-284.89	Hà Nam
950	93A-472.99	Bình Phước	1950	90A-253.39	Hà Nam	2950	90C-151.99	Hà Nam
951	93A-497.49	Bình Phước	1951	90A-260.69	Hà Nam	2951	92A-371.79	Quảng Nam
952	95A-112.38	Hậu Giang	1952	90A-270.99	Hà Nam	2952	92A-375.99	Quảng Nam
953	95A-115.55	Hậu Giang	1953	90A-274.79	Hà Nam	2953	92A-380.59	Quảng Nam
954	95A-127.99	Hậu Giang	1954	90A-284.66	Hà Nam	2954	92A-390.09	Quảng Nam
955	95A-130.03	Hậu Giang	1955	92A-391.39	Quảng Nam	2955	92A-391.66	Quảng Nam
956	95B-012.69	Hậu Giang	1956	92A-412.68	Quảng Nam	2956	92A-394.44	Quảng Nam
957	97A-080.86	Bắc Kạn	1957	92A-424.79	Quảng Nam	2957	92A-413.33	Quảng Nam
958	97A-090.69	Bắc Kạn	1958	92B-035.68	Quảng Nam	2958	92A-415.86	Quảng Nam
959	97A-091.86	Bắc Kạn	1959	93A-440.99	Bình Phước	2959	92A-421.69	Quảng Nam
960	97A-091.89	Bắc Kạn	1960	93A-443.68	Bình Phước	2960	92B-037.86	Quảng Nam
961	97A-092.93	Bắc Kạn	1961	93A-466.77	Bình Phước	2961	93A-455.86	Bình Phước
962	97A-093.68	Bắc Kạn	1962	93A-494.49	Bình Phước	2962	93A-459.39	Bình Phước
963	98A-703.86	Bắc Giang	1963	94A-103.69	Bạc Liêu	2963	93A-460.39	Bình Phước
964	98A-716.68	Bắc Giang	1964	95A-132.79	Hậu Giang	2964	93A-464.66	Bình Phước
965	98A-729.98	Bắc Giang	1965	95A-133.68	Hậu Giang	2965	93A-471.86	Bình Phước
966	98A-764.66	Bắc Giang	1966	97A-078.86	Bắc Kạn	2966	93A-479.88	Bình Phước

Y
A
JH
M
T.P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
967	98A-771.69	Bắc Giang	1967	97A-082.18	Bắc Kạn	2967	93A-487.84	Bình Phước
968	98A-778.68	Bắc Giang	1968	98A-690.66	Bắc Giang	2968	93A-502.02	Bình Phước
969	98A-780.88	Bắc Giang	1969	98A-717.96	Bắc Giang	2969	93C-198.86	Bình Phước
970	98A-781.89	Bắc Giang	1970	98A-730.66	Bắc Giang	2970	94A-105.79	Bạc Liêu
971	98A-788.44	Bắc Giang	1971	98A-747.77	Bắc Giang	2971	94A-108.86	Bạc Liêu
972	98A-788.55	Bắc Giang	1972	98A-751.69	Bắc Giang	2972	95A-115.66	Hậu Giang
973	98A-803.99	Bắc Giang	1973	98A-754.88	Bắc Giang	2973	95A-134.79	Hậu Giang
974	98A-810.10	Bắc Giang	1974	98A-763.33	Bắc Giang	2974	95D-021.39	Hậu Giang
975	98A-816.69	Bắc Giang	1975	98A-773.73	Bắc Giang	2975	95D-022.88	Hậu Giang
976	98A-824.89	Bắc Giang	1976	98A-790.66	Bắc Giang	2976	97A-076.39	Bắc Kạn
977	98A-844.68	Bắc Giang	1977	98A-794.88	Bắc Giang	2977	97A-085.39	Bắc Kạn
978	98C-371.69	Bắc Giang	1978	98A-801.99	Bắc Giang	2978	98A-701.68	Bắc Giang
979	99A-714.44	Bắc Ninh	1979	98A-811.86	Bắc Giang	2979	98A-705.96	Bắc Giang
980	99A-737.68	Bắc Ninh	1980	98A-817.77	Bắc Giang	2980	98A-713.99	Bắc Giang
981	99A-737.88	Bắc Ninh	1981	98A-829.89	Bắc Giang	2981	98A-757.89	Bắc Giang
982	99A-737.96	Bắc Ninh	1982	98A-843.66	Bắc Giang	2982	98A-760.00	Bắc Giang
983	99A-745.54	Bắc Ninh	1983	98A-843.68	Bắc Giang	2983	98A-780.79	Bắc Giang
984	99A-748.79	Bắc Ninh	1984	98A-849.84	Bắc Giang	2984	98A-795.68	Bắc Giang
985	99A-749.88	Bắc Ninh	1985	98A-856.57	Bắc Giang	2985	98A-802.89	Bắc Giang
986	99A-754.68	Bắc Ninh	1986	98C-361.39	Bắc Giang	2986	98A-807.86	Bắc Giang
987	99A-756.96	Bắc Ninh	1987	99A-733.66	Bắc Ninh	2987	98A-818.79	Bắc Giang
988	99A-772.22	Bắc Ninh	1988	99A-744.89	Bắc Ninh	2988	98A-820.21	Bắc Giang
989	99A-777.44	Bắc Ninh	1989	99A-747.79	Bắc Ninh	2989	99A-704.44	Bắc Ninh
990	99A-787.99	Bắc Ninh	1990	99A-750.66	Bắc Ninh	2990	99A-714.99	Bắc Ninh
991	99A-797.86	Bắc Ninh	1991	99A-761.39	Bắc Ninh	2991	99A-720.86	Bắc Ninh
992	99A-804.04	Bắc Ninh	1992	99A-804.68	Bắc Ninh	2992	99A-735.79	Bắc Ninh
993	99A-813.66	Bắc Ninh	1993	99A-809.89	Bắc Ninh	2993	99A-745.96	Bắc Ninh
994	99A-814.86	Bắc Ninh	1994	99A-814.44	Bắc Ninh	2994	99A-770.70	Bắc Ninh
995	99A-820.21	Bắc Ninh	1995	99A-815.79	Bắc Ninh	2995	99A-792.39	Bắc Ninh
996	99A-832.68	Bắc Ninh	1996	99A-823.39	Bắc Ninh	2996	99A-804.88	Bắc Ninh
997	99A-844.33	Bắc Ninh	1997	99A-831.89	Bắc Ninh	2997	99A-822.44	Bắc Ninh
998	99A-846.79	Bắc Ninh	1998	99A-839.86	Bắc Ninh	2998	99A-831.66	Bắc Ninh
999	99B-028.69	Bắc Ninh	1999	99A-840.89	Bắc Ninh	2999	99A-848.48	Bắc Ninh
1000	99C-323.88	Bắc Ninh	2000	99A-843.69	Bắc Ninh	3000	99C-323.23	Bắc Ninh



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3001	27A-123.45	Điện Biên	4001	60K-566.66	Đồng Nai			
3002	14A-986.86	Quảng Ninh	4002	14A-966.95	Quảng Ninh			
3003	15K-393.98	Hải Phòng	4003	30L-888.84	Hà Nội			
3004	20A-833.33	Thái Nguyên	4004	34A-888.87	Hải Dương			
3005	29K-266.66	Hà Nội	4005	38A-668.88	Hà Tĩnh			
3006	30L-889.99	Hà Nội	4006	47A-789.89	Đắk Lắk			
3007	30L-988.97	Hà Nội	4007	51L-788.88	Hồ Chí Minh			
3008	37K-397.96	Nghệ An	4008	51L-866.82	Hồ Chí Minh			
3009	17A-488.89	Thái Bình	4009	37K-211.77	Nghệ An			
3010	30L-023.79	Hà Nội	4010	18A-469.96	Nam Định			
3011	30L-669.94	Hà Nội	4011	20C-299.79	Thái Nguyên			
3012	30L-683.66	Hà Nội	4012	24A-278.89	Lào Cai			
3013	30L-686.63	Hà Nội	4013	29K-262.66	Hà Nội			
3014	30L-801.23	Hà Nội	4014	30L-415.55	Hà Nội			
3015	30L-997.98	Hà Nội	4015	30L-567.83	Hà Nội			
3016	34A-789.88	Hải Dương	4016	30L-601.23	Hà Nội			
3017	37K-409.99	Nghệ An	4017	30L-701.23	Hà Nội			
3018	47A-796.99	Đắk Lắk	4018	47A-683.96	Đắk Lắk			
3019	51L-087.77	Hồ Chí Minh	4019	47A-766.86	Đắk Lắk			
3020	51L-248.86	Hồ Chí Minh	4020	49A-685.85	Lâm Đồng			
3021	51L-406.66	Hồ Chí Minh	4021	51L-086.79	Hồ Chí Minh			
3022	51L-489.98	Hồ Chí Minh	4022	51L-195.55	Hồ Chí Minh			
3023	51L-746.66	Hồ Chí Minh	4023	51L-607.77	Hồ Chí Minh			
3024	51L-815.55	Hồ Chí Minh	4024	51L-889.90	Hồ Chí Minh			
3025	51L-868.82	Hồ Chí Minh	4025	60K-555.53	Đồng Nai			
3026	51L-889.69	Hồ Chí Minh	4026	60K-599.69	Đồng Nai			
3027	60K-575.55	Đồng Nai	4027	61K-465.55	Bình Dương			
3028	61K-479.86	Bình Dương	4028	72A-838.89	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3029	66A-262.69	Đồng Tháp	4029	76A-288.86	Quảng Ngãi			
3030	66C-179.99	Đồng Tháp	4030	77A-345.55	Bình Định			
3031	71A-188.98	Bến Tre	4031	83A-168.39	Sóc Trăng			
3032	77A-326.62	Bình Định	4032	88A-668.85	Vĩnh Phúc			
3033	86B-023.45	Bình Thuận	4033	88A-683.96	Vĩnh Phúc			
3034	92A-428.88	Quảng Nam	4034	98C-366.63	Bắc Giang			
3035	30K-627.66	Hà Nội	4035	30K-705.88	Hà Nội			
3036	30K-650.86	Hà Nội	4036	30K-705.89	Hà Nội			
3037	30K-664.89	Hà Nội	4037	30K-716.69	Hà Nội			
3038	30K-665.39	Hà Nội	4038	30K-723.79	Hà Nội			
3039	30K-672.99	Hà Nội	4039	30K-739.93	Hà Nội			
3040	30K-704.68	Hà Nội	4040	30K-751.88	Hà Nội			
3041	30K-705.99	Hà Nội	4041	30K-761.39	Hà Nội			
3042	30K-708.99	Hà Nội	4042	30K-763.89	Hà Nội			
3043	30K-712.69	Hà Nội	4043	30K-770.00	Hà Nội			
3044	30K-735.89	Hà Nội	4044	30K-779.69	Hà Nội			
3045	30K-754.44	Hà Nội	4045	30K-803.79	Hà Nội			
3046	30K-791.88	Hà Nội	4046	30K-812.66	Hà Nội			
3047	30K-794.39	Hà Nội	4047	30K-824.88	Hà Nội			
3048	30K-802.69	Hà Nội	4048	30K-824.89	Hà Nội			
3049	30K-803.03	Hà Nội	4049	30K-824.98	Hà Nội			
3050	30K-810.86	Hà Nội	4050	30K-837.68	Hà Nội			
3051	30K-829.22	Hà Nội	4051	30K-837.88	Hà Nội			

1. D
 C
 D
 H
 V
 1/4/

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3052	30K-837.96	Hà Nội	4052	30K-840.79	Hà Nội			
3053	30K-843.99	Hà Nội	4053	30K-849.68	Hà Nội			
3054	30K-844.86	Hà Nội	4054	30K-850.96	Hà Nội			
3055	30K-849.79	Hà Nội	4055	30K-854.68	Hà Nội			
3056	30K-853.88	Hà Nội	4056	30K-860.89	Hà Nội			
3057	30K-897.66	Hà Nội	4057	30K-874.99	Hà Nội			
3058	30K-924.66	Hà Nội	4058	30K-913.98	Hà Nội			
3059	30K-928.69	Hà Nội	4059	30K-934.79	Hà Nội			
3060	30K-944.69	Hà Nội	4060	30K-938.59	Hà Nội			
3061	30L-006.96	Hà Nội	4061	30K-960.86	Hà Nội			
3062	30L-007.69	Hà Nội	4062	30K-963.39	Hà Nội			
3063	30L-029.88	Hà Nội	4063	30L-032.99	Hà Nội			
3064	30L-030.89	Hà Nội	4064	30L-035.86	Hà Nội			
3065	30L-034.39	Hà Nội	4065	30L-041.88	Hà Nội			
3066	30L-034.69	Hà Nội	4066	30L-046.68	Hà Nội			
3067	30L-046.96	Hà Nội	4067	30L-057.79	Hà Nội			
3068	30L-052.52	Hà Nội	4068	30L-063.98	Hà Nội			
3069	30L-053.69	Hà Nội	4069	30L-072.27	Hà Nội			
3070	30L-071.79	Hà Nội	4070	30L-080.69	Hà Nội			
3071	30L-072.99	Hà Nội	4071	30L-091.39	Hà Nội			
3072	30L-080.39	Hà Nội	4072	30L-092.69	Hà Nội			
3073	30L-092.98	Hà Nội	4073	30L-094.68	Hà Nội			
3074	30L-111.14	Hà Nội	4074	30L-095.69	Hà Nội			
3075	30L-129.95	Hà Nội	4075	30L-114.69	Hà Nội			
3076	30L-132.99	Hà Nội	4076	30L-154.39	Hà Nội			
3077	30L-143.66	Hà Nội	4077	30L-241.39	Hà Nội			
3078	30L-157.69	Hà Nội	4078	30L-250.89	Hà Nội			
3079	30L-194.69	Hà Nội	4079	30L-281.89	Hà Nội			
3080	30L-213.88	Hà Nội	4080	30L-299.11	Hà Nội			
3081	30L-380.86	Hà Nội	4081	30L-301.68	Hà Nội			
3082	30L-441.39	Hà Nội	4082	30L-310.88	Hà Nội			
3083	30L-443.68	Hà Nội	4083	30L-313.69	Hà Nội			
3084	30L-444.33	Hà Nội	4084	30L-328.39	Hà Nội			
3085	30L-461.62	Hà Nội	4085	30L-334.43	Hà Nội			
3086	30L-469.39	Hà Nội	4086	30L-360.60	Hà Nội			
3087	30L-499.11	Hà Nội	4087	30L-372.69	Hà Nội			
3088	30L-513.79	Hà Nội	4088	30L-384.84	Hà Nội			
3089	30L-522.39	Hà Nội	4089	30L-385.69	Hà Nội			
3090	30L-534.69	Hà Nội	4090	30L-385.79	Hà Nội			
3091	30L-544.86	Hà Nội	4091	30L-434.68	Hà Nội			
3092	30L-548.54	Hà Nội	4092	30L-463.86	Hà Nội			
3093	30L-549.18	Hà Nội	4093	30L-466.44	Hà Nội			
3094	30L-549.28	Hà Nội	4094	30L-528.29	Hà Nội			
3095	30L-551.79	Hà Nội	4095	30L-532.35	Hà Nội			
3096	30L-555.11	Hà Nội	4096	30L-534.44	Hà Nội			
3097	30L-562.96	Hà Nội	4097	30L-538.66	Hà Nội			
3098	30L-564.46	Hà Nội	4098	30L-543.89	Hà Nội			
3099	30L-571.68	Hà Nội	4099	30L-547.86	Hà Nội			
3100	30L-573.33	Hà Nội	4100	30L-549.69	Hà Nội			
3101	30L-582.16	Hà Nội	4101	30L-550.50	Hà Nội			
3102	30L-582.36	Hà Nội	4102	30L-554.28	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3103	30L-582.99	Hà Nội	4103	30L-557.28	Hà Nội			
3104	30L-584.84	Hà Nội	4104	30L-558.26	Hà Nội			
3105	30L-584.86	Hà Nội	4105	30L-564.98	Hà Nội			
3106	30L-584.99	Hà Nội	4106	30L-575.88	Hà Nội			
3107	30L-585.35	Hà Nội	4107	30L-578.36	Hà Nội			
3108	30L-586.25	Hà Nội	4108	30L-581.09	Hà Nội			
3109	30L-593.25	Hà Nội	4109	30L-588.93	Hà Nội			
3110	30L-595.32	Hà Nội	4110	30L-589.83	Hà Nội			
3111	30L-599.00	Hà Nội	4111	30L-591.08	Hà Nội			
3112	30L-599.71	Hà Nội	4112	30L-599.90	Hà Nội			
3113	30L-600.79	Hà Nội	4113	30L-600.28	Hà Nội			
3114	30L-603.18	Hà Nội	4114	30L-600.55	Hà Nội			
3115	30L-604.06	Hà Nội	4115	30L-601.60	Hà Nội			
3116	30L-605.09	Hà Nội	4116	30L-602.03	Hà Nội			
3117	30L-606.60	Hà Nội	4117	30L-603.08	Hà Nội			
3118	30L-618.06	Hà Nội	4118	30L-603.58	Hà Nội			
3119	30L-624.86	Hà Nội	4119	30L-604.86	Hà Nội			
3120	30L-625.88	Hà Nội	4120	30L-605.60	Hà Nội			
3121	30L-632.85	Hà Nội	4121	30L-606.35	Hà Nội			
3122	30L-633.83	Hà Nội	4122	30L-607.68	Hà Nội			
3123	30L-635.25	Hà Nội	4123	30L-609.69	Hà Nội			
3124	30L-635.99	Hà Nội	4124	30L-610.38	Hà Nội			
3125	30L-636.85	Hà Nội	4125	30L-611.35	Hà Nội			
3126	30L-637.69	Hà Nội	4126	30L-613.99	Hà Nội			
3127	30L-637.85	Hà Nội	4127	30L-614.15	Hà Nội			
3128	30L-639.09	Hà Nội	4128	30L-616.78	Hà Nội			
3129	30L-640.33	Hà Nội	4129	30L-622.15	Hà Nội			
3130	30L-642.64	Hà Nội	4130	30L-622.23	Hà Nội			
3131	30L-647.48	Hà Nội	4131	30L-622.83	Hà Nội			
3132	30L-648.28	Hà Nội	4132	30L-624.83	Hà Nội			
3133	30L-649.46	Hà Nội	4133	30L-627.58	Hà Nội			
3134	30L-649.69	Hà Nội	4134	30L-630.18	Hà Nội			
3135	30L-651.15	Hà Nội	4135	30L-631.63	Hà Nội			
3136	30L-659.39	Hà Nội	4136	30L-634.39	Hà Nội			
3137	30L-661.36	Hà Nội	4137	30L-637.86	Hà Nội			
3138	30L-668.22	Hà Nội	4138	30L-641.86	Hà Nội			
3139	30L-671.99	Hà Nội	4139	30L-643.28	Hà Nội			
3140	30L-672.33	Hà Nội	4140	30L-644.89	Hà Nội			
3141	30L-673.00	Hà Nội	4141	30L-650.56	Hà Nội			
3142	30L-675.88	Hà Nội	4142	30L-653.95	Hà Nội			
3143	30L-684.39	Hà Nội	4143	30L-655.33	Hà Nội			
3144	30L-686.35	Hà Nội	4144	30L-657.29	Hà Nội			
3145	30L-688.34	Hà Nội	4145	30L-659.25	Hà Nội			
3146	30L-692.83	Hà Nội	4146	30L-663.22	Hà Nội			
3147	30L-698.09	Hà Nội	4147	30L-665.09	Hà Nội			
3148	30L-698.62	Hà Nội	4148	30L-666.13	Hà Nội			
3149	30L-699.75	Hà Nội	4149	30L-671.65	Hà Nội			
3150	30L-700.66	Hà Nội	4150	30L-672.25	Hà Nội			
3151	30L-701.79	Hà Nội	4151	30L-677.77	Hà Nội			
3152	30L-702.89	Hà Nội	4152	30L-676.69	Hà Nội			
3153	30L-707.95	Hà Nội	4153	30L-680.29	Hà Nội			

GY
IA
NH
AM
- T.P.H

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3154	30L-710.98	Hà Nội	4154	30L-684.96	Hà Nội			
3155	30L-713.99	Hà Nội	4155	30L-686.91	Hà Nội			
3156	30L-714.39	Hà Nội	4156	30L-690.59	Hà Nội			
3157	30L-717.28	Hà Nội	4157	30L-692.85	Hà Nội			
3158	30L-717.69	Hà Nội	4158	30L-700.70	Hà Nội			
3159	30L-717.89	Hà Nội	4159	30L-701.18	Hà Nội			
3160	30L-720.65	Hà Nội	4160	30L-703.96	Hà Nội			
3161	30L-723.23	Hà Nội	4161	30L-704.25	Hà Nội			
3162	30L-724.06	Hà Nội	4162	30L-706.16	Hà Nội			
3163	30L-724.99	Hà Nội	4163	30L-708.36	Hà Nội			
3164	30L-731.79	Hà Nội	4164	30L-708.80	Hà Nội			
3165	30L-736.86	Hà Nội	4165	30L-710.69	Hà Nội			
3166	30L-740.74	Hà Nội	4166	30L-712.99	Hà Nội			
3167	30L-740.99	Hà Nội	4167	30L-713.08	Hà Nội			
3168	30L-741.14	Hà Nội	4168	30L-714.36	Hà Nội			
3169	30L-743.47	Hà Nội	4169	30L-714.86	Hà Nội			
3170	30L-743.58	Hà Nội	4170	30L-717.19	Hà Nội			
3171	30L-745.39	Hà Nội	4171	30L-717.66	Hà Nội			
3172	30L-745.88	Hà Nội	4172	30L-718.36	Hà Nội			
3173	30L-751.29	Hà Nội	4173	30L-722.68	Hà Nội			
3174	30L-755.35	Hà Nội	4174	30L-723.29	Hà Nội			
3175	30L-756.09	Hà Nội	4175	30L-725.66	Hà Nội			
3176	30L-757.68	Hà Nội	4176	30L-726.86	Hà Nội			
3177	30L-759.08	Hà Nội	4177	30L-728.89	Hà Nội			
3178	30L-764.09	Hà Nội	4178	30L-733.38	Hà Nội			
3179	30L-766.16	Hà Nội	4179	30L-741.47	Hà Nội			
3180	30L-767.98	Hà Nội	4180	30L-747.66	Hà Nội			
3181	30L-772.29	Hà Nội	4181	30L-748.99	Hà Nội			
3182	30L-774.68	Hà Nội	4182	30L-752.65	Hà Nội			
3183	30L-775.95	Hà Nội	4183	30L-754.79	Hà Nội			
3184	30L-778.97	Hà Nội	4184	30L-759.68	Hà Nội			
3185	30L-779.19	Hà Nội	4185	30L-764.38	Hà Nội			
3186	30L-781.95	Hà Nội	4186	30L-771.88	Hà Nội			
3187	30L-783.69	Hà Nội	4187	30L-774.47	Hà Nội			
3188	30L-785.88	Hà Nội	4188	30L-777.47	Hà Nội			
3189	30L-789.18	Hà Nội	4189	30L-777.93	Hà Nội			
3190	30L-792.69	Hà Nội	4190	30L-786.77	Hà Nội			
3191	30L-793.58	Hà Nội	4191	30L-792.97	Hà Nội			
3192	30L-794.29	Hà Nội	4192	30L-795.97	Hà Nội			
3193	30L-795.69	Hà Nội	4193	30L-804.05	Hà Nội			
3194	30L-799.64	Hà Nội	4194	30L-805.86	Hà Nội			
3195	30L-803.39	Hà Nội	4195	30L-806.08	Hà Nội			
3196	30L-809.95	Hà Nội	4196	30L-808.19	Hà Nội			
3197	30L-811.12	Hà Nội	4197	30L-808.96	Hà Nội			
3198	30L-812.66	Hà Nội	4198	30L-809.86	Hà Nội			
3199	30L-813.25	Hà Nội	4199	30L-812.39	Hà Nội			
3200	30L-827.69	Hà Nội	4200	30L-821.65	Hà Nội			
3201	30L-829.88	Hà Nội	4201	30L-823.82	Hà Nội			
3202	30L-830.39	Hà Nội	4202	30L-831.32	Hà Nội			
3203	30L-836.11	Hà Nội	4203	30L-831.79	Hà Nội			
3204	30L-841.14	Hà Nội	4204	30L-841.84	Hà Nội			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3205	30L-844.69	Hà Nội	4205	30L-843.22	Hà Nội			
3206	30L-847.69	Hà Nội	4206	30L-844.45	Hà Nội			
3207	30L-850.16	Hà Nội	4207	30L-844.95	Hà Nội			
3208	30L-853.39	Hà Nội	4208	30L-856.16	Hà Nội			
3209	30L-857.19	Hà Nội	4209	30L-857.39	Hà Nội			
3210	30L-857.99	Hà Nội	4210	30L-857.59	Hà Nội			
3211	30L-860.85	Hà Nội	4211	30L-859.32	Hà Nội			
3212	30L-861.61	Hà Nội	4212	30L-869.59	Hà Nội			
3213	30L-862.16	Hà Nội	4213	30L-871.78	Hà Nội			
3214	30L-864.64	Hà Nội	4214	30L-874.75	Hà Nội			
3215	30L-866.24	Hà Nội	4215	30L-874.99	Hà Nội			
3216	30L-870.70	Hà Nội	4216	30L-876.67	Hà Nội			
3217	30L-872.22	Hà Nội	4217	30L-877.28	Hà Nội			
3218	30L-879.95	Hà Nội	4218	30L-884.85	Hà Nội			
3219	30L-886.49	Hà Nội	4219	30L-893.59	Hà Nội			
3220	30L-888.01	Hà Nội	4220	30L-896.83	Hà Nội			
3221	30L-894.58	Hà Nội	4221	30L-898.55	Hà Nội			
3222	30L-899.15	Hà Nội	4222	30L-899.33	Hà Nội			
3223	30L-899.70	Hà Nội	4223	30L-903.83	Hà Nội			
3224	30L-900.08	Hà Nội	4224	30L-907.06	Hà Nội			
3225	30L-909.97	Hà Nội	4225	30L-908.90	Hà Nội			
3226	30L-911.29	Hà Nội	4226	30L-914.89	Hà Nội			
3227	30L-912.39	Hà Nội	4227	30L-920.06	Hà Nội			
3228	30L-914.36	Hà Nội	4228	30L-927.79	Hà Nội			
3229	30L-914.39	Hà Nội	4229	30L-942.43	Hà Nội			
3230	30L-917.68	Hà Nội	4230	30L-945.16	Hà Nội			
3231	30L-920.86	Hà Nội	4231	30L-945.79	Hà Nội			
3232	30L-921.99	Hà Nội	4232	30L-948.28	Hà Nội			
3233	30L-923.83	Hà Nội	4233	30L-950.50	Hà Nội			
3234	30L-924.85	Hà Nội	4234	30L-951.00	Hà Nội			
3235	30L-925.06	Hà Nội	4235	30L-951.06	Hà Nội			
3236	30L-925.59	Hà Nội	4236	30L-954.79	Hà Nội			
3237	30L-925.88	Hà Nội	4237	30L-955.06	Hà Nội			
3238	30L-928.15	Hà Nội	4238	30L-961.39	Hà Nội			
3239	30L-929.85	Hà Nội	4239	30L-966.82	Hà Nội			
3240	30L-934.96	Hà Nội	4240	30L-975.75	Hà Nội			
3241	30L-942.19	Hà Nội	4241	30L-976.36	Hà Nội			
3242	30L-944.00	Hà Nội	4242	30L-981.66	Hà Nội			
3243	30L-944.19	Hà Nội	4243	30L-986.67	Hà Nội			
3244	30L-945.46	Hà Nội	4244	30L-991.18	Hà Nội			
3245	30L-945.85	Hà Nội	4245	30L-997.58	Hà Nội			
3246	30L-945.94	Hà Nội	4246	30L-998.58	Hà Nội			
3247	30L-946.88	Hà Nội	4247	30L-999.61	Hà Nội			
3248	30L-947.66	Hà Nội	4248	30M-000.45	Hà Nội			
3249	30L-952.15	Hà Nội	4249	30M-001.19	Hà Nội			
3250	30L-954.55	Hà Nội	4250	30M-002.39	Hà Nội			
3251	30L-955.56	Hà Nội	4251	30M-003.25	Hà Nội			
3252	30L-956.59	Hà Nội	4252	30M-003.65	Hà Nội			
3253	30L-958.18	Hà Nội	4253	30M-009.95	Hà Nội			
3254	30L-962.89	Hà Nội	4254	30M-014.77	Hà Nội			
3255	30L-964.88	Hà Nội	4255	30M-018.10	Hà Nội			

1. Đ
 CÔ
 Đ
 HỢ
 VI
 3 NH X

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3256	30L-966.44	Hà Nội	4256	30M-018.66	Hà Nội			
3257	30L-966.55	Hà Nội	4257	30M-018.83	Hà Nội			
3258	30L-967.79	Hà Nội	4258	30M-019.55	Hà Nội			
3259	30L-969.36	Hà Nội	4259	30M-019.77	Hà Nội			
3260	30L-970.08	Hà Nội	4260	30M-021.98	Hà Nội			
3261	30L-975.59	Hà Nội	4261	30M-024.89	Hà Nội			
3262	30L-977.22	Hà Nội	4262	51K-990.39	Hồ Chí Minh			
3263	30L-977.39	Hà Nội	4263	51L-010.88	Hồ Chí Minh			
3264	30L-984.29	Hà Nội	4264	51L-017.66	Hồ Chí Minh			
3265	30L-990.59	Hà Nội	4265	51L-032.22	Hồ Chí Minh			
3266	30L-992.93	Hà Nội	4266	51L-033.79	Hồ Chí Minh			
3267	30L-994.16	Hà Nội	4267	51L-039.88	Hồ Chí Minh			
3268	30L-995.15	Hà Nội	4268	51L-045.68	Hồ Chí Minh			
3269	30L-995.18	Hà Nội	4269	51L-051.69	Hồ Chí Minh			
3270	30L-995.63	Hà Nội	4270	51L-061.68	Hồ Chí Minh			
3271	30L-996.06	Hà Nội	4271	51L-077.11	Hồ Chí Minh			
3272	30M-000.16	Hà Nội	4272	51L-097.39	Hồ Chí Minh			
3273	30M-011.09	Hà Nội	4273	51L-104.39	Hồ Chí Minh			
3274	30M-013.31	Hà Nội	4274	51L-120.69	Hồ Chí Minh			
3275	30M-013.66	Hà Nội	4275	51L-123.98	Hồ Chí Minh			
3276	30M-014.68	Hà Nội	4276	51L-127.66	Hồ Chí Minh			
3277	30M-015.77	Hà Nội	4277	51L-134.68	Hồ Chí Minh			
3278	30M-018.81	Hà Nội	4278	51L-135.69	Hồ Chí Minh			
3279	30M-020.68	Hà Nội	4279	51L-163.88	Hồ Chí Minh			
3280	30M-021.08	Hà Nội	4280	51L-163.89	Hồ Chí Minh			
3281	30M-025.86	Hà Nội	4281	51L-166.98	Hồ Chí Minh			
3282	30M-029.18	Hà Nội	4282	51L-170.88	Hồ Chí Minh			
3283	51K-984.66	Hồ Chí Minh	4283	51L-194.69	Hồ Chí Minh			
3284	51L-004.79	Hồ Chí Minh	4284	51L-260.79	Hồ Chí Minh			
3285	51L-080.79	Hồ Chí Minh	4285	51L-267.96	Hồ Chí Minh			
3286	51L-093.68	Hồ Chí Minh	4286	51L-273.68	Hồ Chí Minh			
3287	51L-103.86	Hồ Chí Minh	4287	51L-276.89	Hồ Chí Minh			
3288	51L-115.86	Hồ Chí Minh	4288	51L-281.88	Hồ Chí Minh			
3289	51L-119.69	Hồ Chí Minh	4289	51L-284.44	Hồ Chí Minh			
3290	51L-127.69	Hồ Chí Minh	4290	51L-293.89	Hồ Chí Minh			
3291	51L-131.66	Hồ Chí Minh	4291	51L-298.66	Hồ Chí Minh			
3292	51L-134.39	Hồ Chí Minh	4292	51L-304.39	Hồ Chí Minh			
3293	51L-143.88	Hồ Chí Minh	4293	51L-304.99	Hồ Chí Minh			
3294	51L-148.39	Hồ Chí Minh	4294	51L-307.89	Hồ Chí Minh			
3295	51L-149.86	Hồ Chí Minh	4295	51L-308.66	Hồ Chí Minh			
3296	51L-150.66	Hồ Chí Minh	4296	51L-308.86	Hồ Chí Minh			
3297	51L-155.69	Hồ Chí Minh	4297	51L-309.79	Hồ Chí Minh			
3298	51L-177.86	Hồ Chí Minh	4298	51L-315.99	Hồ Chí Minh			
3299	51L-178.39	Hồ Chí Minh	4299	51L-360.39	Hồ Chí Minh			
3300	51L-181.98	Hồ Chí Minh	4300	51L-371.88	Hồ Chí Minh			
3301	51L-184.39	Hồ Chí Minh	4301	51L-389.69	Hồ Chí Minh			
3302	51L-192.88	Hồ Chí Minh	4302	51L-389.93	Hồ Chí Minh			
3303	51L-198.79	Hồ Chí Minh	4303	51L-423.32	Hồ Chí Minh			
3304	51L-209.88	Hồ Chí Minh	4304	51L-427.27	Hồ Chí Minh			
3305	51L-217.79	Hồ Chí Minh	4305	51L-443.79	Hồ Chí Minh			
3306	51L-227.69	Hồ Chí Minh	4306	51L-455.79	Hồ Chí Minh			

47
IG T
J GI
DAN
T NA
JAN -

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3307	51L-241.11	Hồ Chí Minh	4307	51L-461.88	Hồ Chí Minh			
3308	51L-241.39	Hồ Chí Minh	4308	51L-504.79	Hồ Chí Minh			
3309	51L-242.69	Hồ Chí Minh	4309	51L-533.44	Hồ Chí Minh			
3310	51L-255.39	Hồ Chí Minh	4310	51L-541.68	Hồ Chí Minh			
3311	51L-256.39	Hồ Chí Minh	4311	51L-544.55	Hồ Chí Minh			
3312	51L-260.88	Hồ Chí Minh	4312	51L-554.55	Hồ Chí Minh			
3313	51L-270.79	Hồ Chí Minh	4313	51L-556.65	Hồ Chí Minh			
3314	51L-271.99	Hồ Chí Minh	4314	51L-562.65	Hồ Chí Minh			
3315	51L-290.68	Hồ Chí Minh	4315	51L-577.39	Hồ Chí Minh			
3316	51L-291.68	Hồ Chí Minh	4316	51L-619.86	Hồ Chí Minh			
3317	51L-294.68	Hồ Chí Minh	4317	51L-619.91	Hồ Chí Minh			
3318	51L-306.69	Hồ Chí Minh	4318	51L-621.68	Hồ Chí Minh			
3319	51L-306.99	Hồ Chí Minh	4319	51L-623.85	Hồ Chí Minh			
3320	51L-307.39	Hồ Chí Minh	4320	51L-624.00	Hồ Chí Minh			
3321	51L-317.89	Hồ Chí Minh	4321	51L-624.24	Hồ Chí Minh			
3322	51L-321.11	Hồ Chí Minh	4322	51L-625.79	Hồ Chí Minh			
3323	51L-335.69	Hồ Chí Minh	4323	51L-626.18	Hồ Chí Minh			
3324	51L-337.66	Hồ Chí Minh	4324	51L-626.23	Hồ Chí Minh			
3325	51L-346.89	Hồ Chí Minh	4325	51L-635.86	Hồ Chí Minh			
3326	51L-351.11	Hồ Chí Minh	4326	51L-638.06	Hồ Chí Minh			
3327	51L-368.55	Hồ Chí Minh	4327	51L-639.36	Hồ Chí Minh			
3328	51L-387.39	Hồ Chí Minh	4328	51L-642.39	Hồ Chí Minh			
3329	51L-444.11	Hồ Chí Minh	4329	51L-642.64	Hồ Chí Minh			
3330	51L-480.79	Hồ Chí Minh	4330	51L-645.89	Hồ Chí Minh			
3331	51L-501.66	Hồ Chí Minh	4331	51L-655.51	Hồ Chí Minh			
3332	51L-505.39	Hồ Chí Minh	4332	51L-656.36	Hồ Chí Minh			
3333	51L-521.99	Hồ Chí Minh	4333	51L-657.89	Hồ Chí Minh			
3334	51L-528.39	Hồ Chí Minh	4334	51L-664.16	Hồ Chí Minh			
3335	51L-536.39	Hồ Chí Minh	4335	51L-668.28	Hồ Chí Minh			
3336	51L-542.42	Hồ Chí Minh	4336	51L-671.85	Hồ Chí Minh			
3337	51L-557.69	Hồ Chí Minh	4337	51L-671.97	Hồ Chí Minh			
3338	51L-571.69	Hồ Chí Minh	4338	51L-675.58	Hồ Chí Minh			
3339	51L-580.86	Hồ Chí Minh	4339	51L-678.32	Hồ Chí Minh			
3340	51L-594.79	Hồ Chí Minh	4340	51L-678.36	Hồ Chí Minh			
3341	51L-600.99	Hồ Chí Minh	4341	51L-685.38	Hồ Chí Minh			
3342	51L-615.86	Hồ Chí Minh	4342	51L-701.88	Hồ Chí Minh			
3343	51L-621.25	Hồ Chí Minh	4343	51L-702.98	Hồ Chí Minh			
3344	51L-621.66	Hồ Chí Minh	4344	51L-703.38	Hồ Chí Minh			
3345	51L-623.33	Hồ Chí Minh	4345	51L-703.70	Hồ Chí Minh			
3346	51L-624.86	Hồ Chí Minh	4346	51L-704.79	Hồ Chí Minh			
3347	51L-627.62	Hồ Chí Minh	4347	51L-705.25	Hồ Chí Minh			
3348	51L-630.31	Hồ Chí Minh	4348	51L-705.79	Hồ Chí Minh			
3349	51L-631.11	Hồ Chí Minh	4349	51L-706.16	Hồ Chí Minh			
3350	51L-634.88	Hồ Chí Minh	4350	51L-706.79	Hồ Chí Minh			
3351	51L-637.38	Hồ Chí Minh	4351	51L-710.98	Hồ Chí Minh			
3352	51L-640.09	Hồ Chí Minh	4352	51L-714.25	Hồ Chí Minh			
3353	51L-640.79	Hồ Chí Minh	4353	51L-714.69	Hồ Chí Minh			
3354	51L-640.88	Hồ Chí Minh	4354	51L-714.86	Hồ Chí Minh			
3355	51L-643.69	Hồ Chí Minh	4355	51L-718.39	Hồ Chí Minh			
3356	51L-644.38	Hồ Chí Minh	4356	51L-719.39	Hồ Chí Minh			
3357	51L-647.28	Hồ Chí Minh	4357	51L-719.71	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3358	51L-650.96	Hồ Chí Minh	4358	51L-719.78	Hồ Chí Minh			
3359	51L-651.15	Hồ Chí Minh	4359	51L-720.15	Hồ Chí Minh			
3360	51L-654.38	Hồ Chí Minh	4360	51L-721.66	Hồ Chí Minh			
3361	51L-656.79	Hồ Chí Minh	4361	51L-724.89	Hồ Chí Minh			
3362	51L-658.29	Hồ Chí Minh	4362	51L-728.58	Hồ Chí Minh			
3363	51L-659.56	Hồ Chí Minh	4363	51L-730.03	Hồ Chí Minh			
3364	51L-659.83	Hồ Chí Minh	4364	51L-737.28	Hồ Chí Minh			
3365	51L-664.64	Hồ Chí Minh	4365	51L-737.88	Hồ Chí Minh			
3366	51L-671.76	Hồ Chí Minh	4366	51L-738.29	Hồ Chí Minh			
3367	51L-677.68	Hồ Chí Minh	4367	51L-740.26	Hồ Chí Minh			
3368	51L-702.18	Hồ Chí Minh	4368	51L-740.89	Hồ Chí Minh			
3369	51L-704.59	Hồ Chí Minh	4369	51L-748.66	Hồ Chí Minh			
3370	51L-705.29	Hồ Chí Minh	4370	51L-749.15	Hồ Chí Minh			
3371	51L-706.69	Hồ Chí Minh	4371	51L-754.29	Hồ Chí Minh			
3372	51L-709.39	Hồ Chí Minh	4372	51L-760.59	Hồ Chí Minh			
3373	51L-711.68	Hồ Chí Minh	4373	51L-766.39	Hồ Chí Minh			
3374	51L-714.66	Hồ Chí Minh	4374	51L-769.59	Hồ Chí Minh			
3375	51L-720.16	Hồ Chí Minh	4375	51L-769.89	Hồ Chí Minh			
3376	51L-721.22	Hồ Chí Minh	4376	51L-770.07	Hồ Chí Minh			
3377	51L-723.88	Hồ Chí Minh	4377	51L-771.56	Hồ Chí Minh			
3378	51L-725.39	Hồ Chí Minh	4378	51L-774.83	Hồ Chí Minh			
3379	51L-725.79	Hồ Chí Minh	4379	51L-776.19	Hồ Chí Minh			
3380	51L-726.78	Hồ Chí Minh	4380	51L-786.78	Hồ Chí Minh			
3381	51L-728.66	Hồ Chí Minh	4381	51L-792.29	Hồ Chí Minh			
3382	51L-731.36	Hồ Chí Minh	4382	51L-793.09	Hồ Chí Minh			
3383	51L-733.37	Hồ Chí Minh	4383	51L-794.96	Hồ Chí Minh			
3384	51L-740.41	Hồ Chí Minh	4384	51L-798.25	Hồ Chí Minh			
3385	51L-744.55	Hồ Chí Minh	4385	51L-799.67	Hồ Chí Minh			
3386	51L-744.89	Hồ Chí Minh	4386	51L-800.29	Hồ Chí Minh			
3387	51L-747.86	Hồ Chí Minh	4387	51L-801.66	Hồ Chí Minh			
3388	51L-750.66	Hồ Chí Minh	4388	51L-805.66	Hồ Chí Minh			
3389	51L-754.57	Hồ Chí Minh	4389	51L-806.89	Hồ Chí Minh			
3390	51L-754.75	Hồ Chí Minh	4390	51L-811.89	Hồ Chí Minh			
3391	51L-754.89	Hồ Chí Minh	4391	51L-813.99	Hồ Chí Minh			
3392	51L-755.25	Hồ Chí Minh	4392	51L-814.77	Hồ Chí Minh			
3393	51L-760.86	Hồ Chí Minh	4393	51L-814.79	Hồ Chí Minh			
3394	51L-761.16	Hồ Chí Minh	4394	51L-816.08	Hồ Chí Minh			
3395	51L-762.68	Hồ Chí Minh	4395	51L-821.58	Hồ Chí Minh			
3396	51L-771.06	Hồ Chí Minh	4396	51L-824.79	Hồ Chí Minh			
3397	51L-771.39	Hồ Chí Minh	4397	51L-825.66	Hồ Chí Minh			
3398	51L-771.66	Hồ Chí Minh	4398	51L-825.69	Hồ Chí Minh			
3399	51L-772.98	Hồ Chí Minh	4399	51L-830.39	Hồ Chí Minh			
3400	51L-775.99	Hồ Chí Minh	4400	51L-832.79	Hồ Chí Minh			
3401	51L-776.11	Hồ Chí Minh	4401	51L-841.41	Hồ Chí Minh			
3402	51L-778.19	Hồ Chí Minh	4402	51L-841.86	Hồ Chí Minh			
3403	51L-779.06	Hồ Chí Minh	4403	51L-842.79	Hồ Chí Minh			
3404	51L-780.81	Hồ Chí Minh	4404	51L-845.35	Hồ Chí Minh			
3405	51L-780.87	Hồ Chí Minh	4405	51L-845.65	Hồ Chí Minh			
3406	51L-789.37	Hồ Chí Minh	4406	51L-845.69	Hồ Chí Minh			
3407	51L-799.18	Hồ Chí Minh	4407	51L-845.98	Hồ Chí Minh			
3408	51L-800.89	Hồ Chí Minh	4408	51L-847.89	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3409	51L-803.04	Hồ Chí Minh	4409	51L-849.89	Hồ Chí Minh			
3410	51L-809.80	Hồ Chí Minh	4410	51L-863.83	Hồ Chí Minh			
3411	51L-810.39	Hồ Chí Minh	4411	51L-864.19	Hồ Chí Minh			
3412	51L-813.66	Hồ Chí Minh	4412	51L-865.36	Hồ Chí Minh			
3413	51L-816.78	Hồ Chí Minh	4413	51L-866.02	Hồ Chí Minh			
3414	51L-819.85	Hồ Chí Minh	4414	51L-866.53	Hồ Chí Minh			
3415	51L-824.24	Hồ Chí Minh	4415	51L-871.16	Hồ Chí Minh			
3416	51L-824.82	Hồ Chí Minh	4416	51L-874.66	Hồ Chí Minh			
3417	51L-827.56	Hồ Chí Minh	4417	51L-878.87	Hồ Chí Minh			
3418	51L-829.39	Hồ Chí Minh	4418	51L-880.66	Hồ Chí Minh			
3419	51L-830.38	Hồ Chí Minh	4419	51L-882.39	Hồ Chí Minh			
3420	51L-836.19	Hồ Chí Minh	4420	51L-882.66	Hồ Chí Minh			
3421	51L-842.29	Hồ Chí Minh	4421	51L-884.55	Hồ Chí Minh			
3422	51L-845.79	Hồ Chí Minh	4422	51L-885.16	Hồ Chí Minh			
3423	51L-849.08	Hồ Chí Minh	4423	51L-892.86	Hồ Chí Minh			
3424	51L-852.19	Hồ Chí Minh	4424	51L-894.49	Hồ Chí Minh			
3425	51L-853.77	Hồ Chí Minh	4425	11A-115.15	Cao Bằng			
3426	51L-861.61	Hồ Chí Minh	4426	11A-131.66	Cao Bằng			
3427	51L-862.89	Hồ Chí Minh	4427	12A-222.77	Lạng Sơn			
3428	51L-866.00	Hồ Chí Minh	4428	12A-232.89	Lạng Sơn			
3429	51L-866.61	Hồ Chí Minh	4429	12A-251.39	Lạng Sơn			
3430	51L-868.26	Hồ Chí Minh	4430	12A-255.79	Lạng Sơn			
3431	51L-870.99	Hồ Chí Minh	4431	12A-255.86	Lạng Sơn			
3432	51L-874.25	Hồ Chí Minh	4432	12B-013.33	Lạng Sơn			
3433	51L-877.55	Hồ Chí Minh	4433	12D-006.66	Lạng Sơn			
3434	51L-885.77	Hồ Chí Minh	4434	14A-840.86	Quảng Ninh			
3435	51L-886.06	Hồ Chí Minh	4435	14A-873.69	Quảng Ninh			
3436	51L-889.28	Hồ Chí Minh	4436	14A-907.99	Quảng Ninh			
3437	51L-889.36	Hồ Chí Minh	4437	14A-922.44	Quảng Ninh			
3438	51L-891.16	Hồ Chí Minh	4438	14A-937.77	Quảng Ninh			
3439	51L-891.85	Hồ Chí Minh	4439	14A-943.49	Quảng Ninh			
3440	51L-892.25	Hồ Chí Minh	4440	14A-947.66	Quảng Ninh			
3441	51L-893.59	Hồ Chí Minh	4441	14A-955.11	Quảng Ninh			
3442	51L-896.06	Hồ Chí Minh	4442	14A-970.89	Quảng Ninh			
3443	11A-113.69	Cao Bằng	4443	14A-978.66	Quảng Ninh			
3444	11A-131.39	Cao Bằng	4444	14A-978.78	Quảng Ninh			
3445	11B-011.79	Cao Bằng	4445	15D-051.88	Hải Phòng			
3446	11B-012.68	Cao Bằng	4446	15K-246.46	Hải Phòng			
3447	12A-242.99	Lạng Sơn	4447	15K-251.96	Hải Phòng			
3448	12A-253.86	Lạng Sơn	4448	15K-260.39	Hải Phòng			
3449	12B-013.99	Lạng Sơn	4449	15K-310.69	Hải Phòng			
3450	14A-845.55	Quảng Ninh	4450	15K-310.79	Hải Phòng			
3451	14A-876.98	Quảng Ninh	4451	15K-321.21	Hải Phòng			
3452	14A-928.69	Quảng Ninh	4452	15K-331.86	Hải Phòng			
3453	14A-928.79	Quảng Ninh	4453	15K-333.05	Hải Phòng			
3454	14A-949.66	Quảng Ninh	4454	15K-337.69	Hải Phòng			
3455	14A-952.68	Quảng Ninh	4455	15K-341.39	Hải Phòng			
3456	14A-954.69	Quảng Ninh	4456	15K-353.86	Hải Phòng			
3457	14A-954.86	Quảng Ninh	4457	15K-360.61	Hải Phòng			
3458	14A-971.17	Quảng Ninh	4458	15K-411.44	Hải Phòng			
3459	14A-975.76	Quảng Ninh	4459	15K-419.68	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3460	14A-977.68	Quảng Ninh	4460	15K-424.69	Hải Phòng			
3461	15K-222.67	Hải Phòng	4461	17A-438.39	Thái Bình			
3462	15K-229.92	Hải Phòng	4462	17A-444.45	Thái Bình			
3463	15K-245.39	Hải Phòng	4463	17A-447.77	Thái Bình			
3464	15K-247.68	Hải Phòng	4464	17A-448.68	Thái Bình			
3465	15K-248.98	Hải Phòng	4465	17A-458.85	Thái Bình			
3466	15K-311.33	Hải Phòng	4466	17A-459.66	Thái Bình			
3467	15K-334.66	Hải Phòng	4467	17A-472.89	Thái Bình			
3468	15K-345.55	Hải Phòng	4468	17A-474.66	Thái Bình			
3469	15K-352.25	Hải Phòng	4469	17A-485.66	Thái Bình			
3470	15K-352.86	Hải Phòng	4470	17A-490.91	Thái Bình			
3471	15K-353.53	Hải Phòng	4471	17A-491.89	Thái Bình			
3472	15K-372.86	Hải Phòng	4472	18A-402.99	Nam Định			
3473	15K-378.73	Hải Phòng	4473	18A-407.86	Nam Định			
3474	15K-384.83	Hải Phòng	4474	18A-419.66	Nam Định			
3475	15K-394.99	Hải Phòng	4475	18A-427.99	Nam Định			
3476	15K-401.68	Hải Phòng	4476	18A-445.86	Nam Định			
3477	15K-408.66	Hải Phòng	4477	18A-452.88	Nam Định			
3478	15K-409.89	Hải Phòng	4478	18A-473.99	Nam Định			
3479	15K-420.20	Hải Phòng	4479	19A-592.22	Phú Thọ			
3480	17A-427.89	Thái Bình	4480	19A-598.85	Phú Thọ			
3481	17A-430.68	Thái Bình	4481	19A-600.22	Phú Thọ			
3482	17A-431.13	Thái Bình	4482	19A-605.66	Phú Thọ			
3483	17A-455.00	Thái Bình	4483	19A-606.96	Phú Thọ			
3484	17A-463.39	Thái Bình	4484	19A-608.96	Phú Thọ			
3485	17A-469.46	Thái Bình	4485	19A-616.89	Phú Thọ			
3486	17A-474.68	Thái Bình	4486	19A-622.79	Phú Thọ			
3487	17A-475.79	Thái Bình	4487	19A-634.44	Phú Thọ			
3488	17A-478.39	Thái Bình	4488	19A-637.39	Phú Thọ			
3489	17A-487.79	Thái Bình	4489	19A-660.60	Phú Thọ			
3490	17A-487.87	Thái Bình	4490	19A-683.69	Phú Thọ			
3491	18A-413.31	Nam Định	4491	19A-685.89	Phú Thọ			
3492	18A-422.66	Nam Định	4492	19A-688.00	Phú Thọ			
3493	18A-436.69	Nam Định	4493	19A-694.99	Phú Thọ			
3494	18A-457.79	Nam Định	4494	19A-711.86	Phú Thọ			
3495	18A-466.00	Nam Định	4495	19A-713.13	Phú Thọ			
3496	18A-479.89	Nam Định	4496	19A-715.16	Phú Thọ			
3497	18A-482.83	Nam Định	4497	19B-025.86	Phú Thọ			
3498	18A-487.99	Nam Định	4498	20A-715.66	Thái Nguyên			
3499	19A-581.68	Phú Thọ	4499	20A-722.69	Thái Nguyên			
3500	19A-609.69	Phú Thọ	4500	20A-732.22	Thái Nguyên			
3501	19A-615.98	Phú Thọ	4501	20A-741.89	Thái Nguyên			
3502	19A-624.42	Phú Thọ	4502	20A-749.94	Thái Nguyên			
3503	19A-631.66	Phú Thọ	4503	20A-760.68	Thái Nguyên			
3504	19A-646.99	Phú Thọ	4504	20A-764.39	Thái Nguyên			
3505	19A-657.66	Phú Thọ	4505	20A-766.55	Thái Nguyên			
3506	19A-666.28	Phú Thọ	4506	20A-783.68	Thái Nguyên			
3507	19A-676.86	Phú Thọ	4507	20A-800.55	Thái Nguyên			
3508	19A-681.66	Phú Thọ	4508	20A-800.66	Thái Nguyên			
3509	19A-714.69	Phú Thọ	4509	20A-806.79	Thái Nguyên			
3510	20A-708.86	Thái Nguyên	4510	20A-810.00	Thái Nguyên			

31/4
 ĐNG
 AU
 P D
 T I
 UAN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3511	20A-712.86	Thái Nguyên	4511	20A-814.88	Thái Nguyên			
3512	20A-714.89	Thái Nguyên	4512	20A-815.86	Thái Nguyên			
3513	20A-720.88	Thái Nguyên	4513	20A-833.89	Thái Nguyên			
3514	20A-727.88	Thái Nguyên	4514	20A-840.66	Thái Nguyên			
3515	20A-738.98	Thái Nguyên	4515	20A-849.68	Thái Nguyên			
3516	20A-742.39	Thái Nguyên	4516	21A-182.79	Yên Bái			
3517	20A-772.69	Thái Nguyên	4517	22A-218.86	Tuyên Quang			
3518	20A-783.66	Thái Nguyên	4518	22A-243.33	Tuyên Quang			
3519	20A-788.77	Thái Nguyên	4519	22A-256.69	Tuyên Quang			
3520	20A-810.39	Thái Nguyên	4520	22C-109.68	Tuyên Quang			
3521	20A-831.86	Thái Nguyên	4521	22C-109.89	Tuyên Quang			
3522	20A-851.85	Thái Nguyên	4522	22C-111.67	Tuyên Quang			
3523	21A-194.79	Yên Bái	4523	23A-141.68	Hà Giang			
3524	21A-195.68	Yên Bái	4524	23A-141.86	Hà Giang			
3525	21A-201.69	Yên Bái	4525	23A-145.69	Hà Giang			
3526	21A-214.99	Yên Bái	4526	23A-147.88	Hà Giang			
3527	21A-215.89	Yên Bái	4527	23A-163.16	Hà Giang			
3528	22A-212.79	Tuyên Quang	4528	23D-006.66	Hà Giang			
3529	22A-217.89	Tuyên Quang	4529	24A-271.66	Lào Cai			
3530	22A-219.91	Tuyên Quang	4530	24A-286.39	Lào Cai			
3531	22A-229.95	Tuyên Quang	4531	24A-288.69	Lào Cai			
3532	22A-230.98	Tuyên Quang	4532	24A-305.99	Lào Cai			
3533	22A-239.93	Tuyên Quang	4533	24C-162.39	Lào Cai			
3534	23A-141.69	Hà Giang	4534	26A-201.11	Sơn La			
3535	23A-147.89	Hà Giang	4535	26A-225.26	Sơn La			
3536	23A-148.84	Hà Giang	4536	26A-229.39	Sơn La			
3537	23A-148.86	Hà Giang	4537	26C-157.39	Sơn La			
3538	23A-155.39	Hà Giang	4538	26D-011.69	Sơn La			
3539	23A-161.79	Hà Giang	4539	27A-107.89	Điện Biên			
3540	23C-088.80	Hà Giang	4540	27A-110.68	Điện Biên			
3541	24A-281.79	Lào Cai	4541	27A-120.69	Điện Biên			
3542	24A-292.39	Lào Cai	4542	27A-124.42	Điện Biên			
3543	24A-303.99	Lào Cai	4543	27A-127.39	Điện Biên			
3544	24A-305.68	Lào Cai	4544	27B-013.39	Điện Biên			
3545	24C-163.89	Lào Cai	4545	27C-072.72	Điện Biên			
3546	25A-074.79	Lai Châu	4546	28A-227.66	Hòa Bình			
3547	25A-078.79	Lai Châu	4547	28A-247.99	Hòa Bình			
3548	26A-207.07	Sơn La	4548	28A-257.69	Hòa Bình			
3549	26A-210.68	Sơn La	4549	28A-258.39	Hòa Bình			
3550	26A-214.79	Sơn La	4550	29D-606.79	Hà Nội			
3551	26A-222.08	Sơn La	4551	29K-221.77	Hà Nội			
3552	26A-227.39	Sơn La	4552	29K-222.77	Hà Nội			
3553	26A-230.89	Sơn La	4553	29K-239.86	Hà Nội			
3554	27A-111.22	Điện Biên	4554	29K-251.83	Hà Nội			
3555	27A-117.79	Điện Biên	4555	29K-252.88	Hà Nội			
3556	27A-117.88	Điện Biên	4556	29K-253.35	Hà Nội			
3557	27A-123.33	Điện Biên	4557	29K-258.06	Hà Nội			
3558	28A-222.82	Hòa Bình	4558	29K-259.11	Hà Nội			
3559	28A-230.79	Hòa Bình	4559	29K-263.59	Hà Nội			
3560	28A-232.22	Hòa Bình	4560	29K-275.99	Hà Nội			
3561	28A-250.88	Hòa Bình	4561	29K-279.55	Hà Nội			

T.Y.
I.A.
NH
AM
-T.P.V

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3562	29K-223.83	Hà Nội	4562	29K-280.28	Hà Nội			
3563	29K-226.79	Hà Nội	4563	29K-284.48	Hà Nội			
3564	29K-226.89	Hà Nội	4564	29K-286.00	Hà Nội			
3565	29K-230.32	Hà Nội	4565	29K-289.68	Hà Nội			
3566	29K-240.58	Hà Nội	4566	29K-291.96	Hà Nội			
3567	29K-244.42	Hà Nội	4567	29K-291.99	Hà Nội			
3568	29K-246.18	Hà Nội	4568	29K-302.08	Hà Nội			
3569	29K-256.25	Hà Nội	4569	29K-304.88	Hà Nội			
3570	29K-258.68	Hà Nội	4570	29K-307.55	Hà Nội			
3571	29K-271.68	Hà Nội	4571	29K-311.89	Hà Nội			
3572	29K-276.22	Hà Nội	4572	29K-312.35	Hà Nội			
3573	29K-277.00	Hà Nội	4573	29K-313.31	Hà Nội			
3574	29K-285.69	Hà Nội	4574	29K-315.16	Hà Nội			
3575	29K-287.87	Hà Nội	4575	29K-317.59	Hà Nội			
3576	29K-289.83	Hà Nội	4576	29K-325.59	Hà Nội			
3577	29K-290.39	Hà Nội	4577	34A-753.89	Hải Dương			
3578	29K-295.79	Hà Nội	4578	34A-758.66	Hải Dương			
3579	29K-303.66	Hà Nội	4579	34A-759.98	Hải Dương			
3580	29K-306.38	Hà Nội	4580	34A-789.66	Hải Dương			
3581	29K-310.59	Hà Nội	4581	34A-797.68	Hải Dương			
3582	29K-310.68	Hà Nội	4582	34A-875.75	Hải Dương			
3583	29K-313.44	Hà Nội	4583	34A-875.99	Hải Dương			
3584	34A-739.86	Hải Dương	4584	34A-887.66	Hải Dương			
3585	34A-771.11	Hải Dương	4585	34A-890.68	Hải Dương			
3586	34A-773.68	Hải Dương	4586	34A-890.89	Hải Dương			
3587	34A-782.68	Hải Dương	4587	35A-381.66	Ninh Bình			
3588	34A-790.99	Hải Dương	4588	35A-390.39	Ninh Bình			
3589	34A-795.39	Hải Dương	4589	35A-397.88	Ninh Bình			
3590	34A-800.89	Hải Dương	4590	35A-420.89	Ninh Bình			
3591	34A-810.89	Hải Dương	4591	35A-449.96	Ninh Bình			
3592	34A-812.89	Hải Dương	4592	36C-516.99	Thanh Hóa			
3593	34A-814.88	Hải Dương	4593	36C-523.33	Thanh Hóa			
3594	34A-845.68	Hải Dương	4594	36K-059.86	Thanh Hóa			
3595	34A-847.47	Hải Dương	4595	36K-063.66	Thanh Hóa			
3596	34A-871.17	Hải Dương	4596	36K-092.39	Thanh Hóa			
3597	34A-891.88	Hải Dương	4597	36K-094.44	Thanh Hóa			
3598	34A-891.89	Hải Dương	4598	36K-111.10	Thanh Hóa			
3599	34A-905.88	Hải Dương	4599	36K-116.69	Thanh Hóa			
3600	34A-918.91	Hải Dương	4600	36K-146.68	Thanh Hóa			
3601	35A-376.39	Ninh Bình	4601	36K-153.39	Thanh Hóa			
3602	35A-394.86	Ninh Bình	4602	36K-172.89	Thanh Hóa			
3603	35A-400.79	Ninh Bình	4603	36K-182.86	Thanh Hóa			
3604	35A-421.68	Ninh Bình	4604	36K-186.18	Thanh Hóa			
3605	35A-422.79	Ninh Bình	4605	36K-204.68	Thanh Hóa			
3606	35A-427.68	Ninh Bình	4606	36K-205.68	Thanh Hóa			
3607	35A-444.55	Ninh Bình	4607	37C-555.79	Nghệ An			
3608	35A-445.69	Ninh Bình	4608	37C-562.39	Nghệ An			
3609	35A-447.74	Ninh Bình	4609	37K-250.39	Nghệ An			
3610	35A-453.66	Ninh Bình	4610	37K-262.39	Nghệ An			
3611	36C-518.89	Thanh Hóa	4611	37K-272.88	Nghệ An			
3612	36K-015.68	Thanh Hóa	4612	37K-291.69	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3613	36K-027.72	Thanh Hóa	4613	37K-300.55	Nghệ An			
3614	36K-035.69	Thanh Hóa	4614	37K-346.64	Nghệ An			
3615	36K-045.39	Thanh Hóa	4615	37K-366.55	Nghệ An			
3616	36K-050.99	Thanh Hóa	4616	37K-374.88	Nghệ An			
3617	36K-080.08	Thanh Hóa	4617	37K-422.00	Nghệ An			
3618	36K-090.86	Thanh Hóa	4618	37K-423.69	Nghệ An			
3619	36K-096.86	Thanh Hóa	4619	37K-439.34	Nghệ An			
3620	36K-106.69	Thanh Hóa	4620	37K-440.86	Nghệ An			
3621	36K-111.35	Thanh Hóa	4621	37K-444.12	Nghệ An			
3622	36K-126.39	Thanh Hóa	4622	37K-447.88	Nghệ An			
3623	36K-155.77	Thanh Hóa	4623	37K-460.64	Nghệ An			
3624	36K-160.66	Thanh Hóa	4624	37K-469.68	Nghệ An			
3625	36K-162.89	Thanh Hóa	4625	37K-477.86	Nghệ An			
3626	36K-165.61	Thanh Hóa	4626	38A-623.23	Hà Tĩnh			
3627	36K-169.88	Thanh Hóa	4627	38A-627.79	Hà Tĩnh			
3628	36K-173.88	Thanh Hóa	4628	38A-633.69	Hà Tĩnh			
3629	36K-174.99	Thanh Hóa	4629	38A-639.36	Hà Tĩnh			
3630	36K-184.48	Thanh Hóa	4630	38A-639.93	Hà Tĩnh			
3631	36K-192.79	Thanh Hóa	4631	38A-640.69	Hà Tĩnh			
3632	36K-196.97	Thanh Hóa	4632	38A-640.99	Hà Tĩnh			
3633	36K-207.86	Thanh Hóa	4633	38A-651.11	Hà Tĩnh			
3634	37C-557.69	Nghệ An	4634	38C-237.37	Hà Tĩnh			
3635	37C-558.89	Nghệ An	4635	38D-016.86	Hà Tĩnh			
3636	37C-565.69	Nghệ An	4636	43A-803.68	Đà Nẵng			
3637	37K-270.66	Nghệ An	4637	43A-804.86	Đà Nẵng			
3638	37K-271.89	Nghệ An	4638	43A-805.66	Đà Nẵng			
3639	37K-301.69	Nghệ An	4639	43A-807.68	Đà Nẵng			
3640	37K-309.79	Nghệ An	4640	43A-819.88	Đà Nẵng			
3641	37K-321.11	Nghệ An	4641	43A-822.86	Đà Nẵng			
3642	37K-323.39	Nghệ An	4642	43A-823.39	Đà Nẵng			
3643	37K-361.99	Nghệ An	4643	43A-845.66	Đà Nẵng			
3644	37K-364.64	Nghệ An	4644	43A-846.69	Đà Nẵng			
3645	37K-381.89	Nghệ An	4645	43A-850.50	Đà Nẵng			
3646	37K-382.69	Nghệ An	4646	43A-853.88	Đà Nẵng			
3647	37K-391.93	Nghệ An	4647	43A-858.79	Đà Nẵng			
3648	37K-405.55	Nghệ An	4648	43A-864.39	Đà Nẵng			
3649	37K-415.79	Nghệ An	4649	43A-877.22	Đà Nẵng			
3650	37K-424.86	Nghệ An	4650	43A-883.69	Đà Nẵng			
3651	37K-431.79	Nghệ An	4651	43A-890.69	Đà Nẵng			
3652	37K-433.89	Nghệ An	4652	43A-911.69	Đà Nẵng			
3653	37K-435.39	Nghệ An	4653	43A-914.69	Đà Nẵng			
3654	37K-437.43	Nghệ An	4654	43A-915.89	Đà Nẵng			
3655	37K-444.13	Nghệ An	4655	43A-916.99	Đà Nẵng			
3656	37K-455.45	Nghệ An	4656	43A-924.69	Đà Nẵng			
3657	37K-466.22	Nghệ An	4657	43C-312.89	Đà Nẵng			
3658	38A-580.66	Hà Tĩnh	4658	47A-637.79	Đắk Lắk			
3659	38A-589.39	Hà Tĩnh	4659	47A-694.89	Đắk Lắk			
3660	38A-601.39	Hà Tĩnh	4660	47A-704.39	Đắk Lắk			
3661	38A-601.88	Hà Tĩnh	4661	47A-706.79	Đắk Lắk			
3662	38A-606.69	Hà Tĩnh	4662	47A-712.86	Đắk Lắk			
3663	38A-626.27	Hà Tĩnh	4663	47A-713.66	Đắk Lắk			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3664	38A-630.69	Hà Tĩnh	4664	47A-714.44	Đắk Lắk			
3665	38A-642.86	Hà Tĩnh	4665	47A-730.79	Đắk Lắk			
3666	38A-648.46	Hà Tĩnh	4666	47A-731.89	Đắk Lắk			
3667	38A-653.79	Hà Tĩnh	4667	47A-765.88	Đắk Lắk			
3668	38A-666.24	Hà Tĩnh	4668	47A-782.83	Đắk Lắk			
3669	38A-674.79	Hà Tĩnh	4669	47A-783.69	Đắk Lắk			
3670	38C-233.79	Hà Tĩnh	4670	47A-810.86	Đắk Lắk			
3671	43A-813.88	Đà Nẵng	4671	47A-812.69	Đắk Lắk			
3672	43A-815.68	Đà Nẵng	4672	47C-386.89	Đắk Lắk			
3673	43A-840.68	Đà Nẵng	4673	47C-388.79	Đắk Lắk			
3674	43A-860.86	Đà Nẵng	4674	48A-210.00	Đắk Nông			
3675	43A-866.77	Đà Nẵng	4675	48A-240.00	Đắk Nông			
3676	43A-899.77	Đà Nẵng	4676	48A-240.40	Đắk Nông			
3677	43A-907.08	Đà Nẵng	4677	48B-011.69	Đắk Nông			
3678	43A-916.79	Đà Nẵng	4678	48B-012.68	Đắk Nông			
3679	43A-936.79	Đà Nẵng	4679	48C-112.99	Đắk Nông			
3680	47A-655.69	Đắk Lắk	4680	49A-633.86	Lâm Đồng			
3681	47A-667.39	Đắk Lắk	4681	49A-642.98	Lâm Đồng			
3682	47A-680.99	Đắk Lắk	4682	49A-662.86	Lâm Đồng			
3683	47A-681.99	Đắk Lắk	4683	49A-665.39	Lâm Đồng			
3684	47A-682.89	Đắk Lắk	4684	49A-692.22	Lâm Đồng			
3685	47A-700.11	Đắk Lắk	4685	49A-694.66	Lâm Đồng			
3686	47A-707.98	Đắk Lắk	4686	49A-695.39	Lâm Đồng			
3687	47A-725.69	Đắk Lắk	4687	49A-739.66	Lâm Đồng			
3688	47A-734.86	Đắk Lắk	4688	49A-745.46	Lâm Đồng			
3689	47A-746.99	Đắk Lắk	4689	49C-372.72	Lâm Đồng			
3690	47A-748.69	Đắk Lắk	4690	49C-373.69	Lâm Đồng			
3691	47A-754.88	Đắk Lắk	4691	49C-378.87	Lâm Đồng			
3692	47A-755.39	Đắk Lắk	4692	51B-603.99	Hồ Chí Minh			
3693	47A-760.89	Đắk Lắk	4693	51D-873.69	Hồ Chí Minh			
3694	47A-764.86	Đắk Lắk	4694	51E-327.69	Hồ Chí Minh			
3695	47A-764.88	Đắk Lắk	4695	51E-331.68	Hồ Chí Minh			
3696	47A-767.69	Đắk Lắk	4696	51M-009.65	Hồ Chí Minh			
3697	47A-775.57	Đắk Lắk	4697	51M-012.09	Hồ Chí Minh			
3698	47A-795.66	Đắk Lắk	4698	51M-020.44	Hồ Chí Minh			
3699	47A-808.69	Đắk Lắk	4699	51M-022.09	Hồ Chí Minh			
3700	47A-810.66	Đắk Lắk	4700	51M-023.79	Hồ Chí Minh			
3701	48A-210.99	Đắk Nông	4701	51M-028.20	Hồ Chí Minh			
3702	48A-219.98	Đắk Nông	4702	51M-031.32	Hồ Chí Minh			
3703	48A-220.66	Đắk Nông	4703	51M-036.37	Hồ Chí Minh			
3704	48A-228.79	Đắk Nông	4704	51M-036.83	Hồ Chí Minh			
3705	48A-235.69	Đắk Nông	4705	51M-048.98	Hồ Chí Minh			
3706	48A-241.41	Đắk Nông	4706	60B-069.89	Đồng Nai			
3707	48A-245.45	Đắk Nông	4707	60C-738.89	Đồng Nai			
3708	48B-011.55	Đắk Nông	4708	60K-464.89	Đồng Nai			
3709	49A-657.99	Lâm Đồng	4709	60K-471.86	Đồng Nai			
3710	49A-659.89	Lâm Đồng	4710	60K-490.86	Đồng Nai			
3711	49A-667.66	Lâm Đồng	4711	60K-495.66	Đồng Nai			
3712	49A-709.39	Lâm Đồng	4712	60K-504.99	Đồng Nai			
3713	49A-711.68	Lâm Đồng	4713	60K-520.66	Đồng Nai			
3714	49A-720.27	Lâm Đồng	4714	60K-530.69	Đồng Nai			

31.4
 0NG
 AU C
 P DA
 ET N
 YUAN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3715	49A-720.79	Lâm Đồng	4715	60K-532.39	Đồng Nai			
3716	49A-720.89	Lâm Đồng	4716	60K-544.66	Đồng Nai			
3717	49A-731.86	Lâm Đồng	4717	60K-545.68	Đồng Nai			
3718	49C-378.86	Lâm Đồng	4718	60K-564.56	Đồng Nai			
3719	51B-711.33	Hồ Chí Minh	4719	60K-566.77	Đồng Nai			
3720	51D-835.66	Hồ Chí Minh	4720	60K-577.88	Đồng Nai			
3721	51D-837.88	Hồ Chí Minh	4721	60K-601.89	Đồng Nai			
3722	51D-871.66	Hồ Chí Minh	4722	60K-605.05	Đồng Nai			
3723	51D-877.69	Hồ Chí Minh	4723	60K-610.69	Đồng Nai			
3724	51D-888.33	Hồ Chí Minh	4724	60K-611.86	Đồng Nai			
3725	51D-899.39	Hồ Chí Minh	4725	61C-588.77	Bình Dương			
3726	51E-333.56	Hồ Chí Minh	4726	61K-350.79	Bình Dương			
3727	51M-009.28	Hồ Chí Minh	4727	61K-365.88	Bình Dương			
3728	51M-014.68	Hồ Chí Minh	4728	61K-370.68	Bình Dương			
3729	51M-016.15	Hồ Chí Minh	4729	61K-370.88	Bình Dương			
3730	51M-032.33	Hồ Chí Minh	4730	61K-375.99	Bình Dương			
3731	51M-038.33	Hồ Chí Minh	4731	61K-380.89	Bình Dương			
3732	51M-047.39	Hồ Chí Minh	4732	61K-384.98	Bình Dương			
3733	51M-048.55	Hồ Chí Minh	4733	61K-397.69	Bình Dương			
3734	60C-733.68	Đồng Nai	4734	61K-402.86	Bình Dương			
3735	60D-019.97	Đồng Nai	4735	61K-409.88	Bình Dương			
3736	60D-021.39	Đồng Nai	4736	61K-424.44	Bình Dương			
3737	60K-422.77	Đồng Nai	4737	61K-432.88	Bình Dương			
3738	60K-458.79	Đồng Nai	4738	61K-452.99	Bình Dương			
3739	60K-461.39	Đồng Nai	4739	61K-465.56	Bình Dương			
3740	60K-475.55	Đồng Nai	4740	61K-465.65	Bình Dương			
3741	60K-475.68	Đồng Nai	4741	61K-471.39	Bình Dương			
3742	60K-478.78	Đồng Nai	4742	61K-474.39	Bình Dương			
3743	60K-493.68	Đồng Nai	4743	61K-482.66	Bình Dương			
3744	60K-501.69	Đồng Nai	4744	61K-485.84	Bình Dương			
3745	60K-507.70	Đồng Nai	4745	61K-490.09	Bình Dương			
3746	60K-523.39	Đồng Nai	4746	61K-492.68	Bình Dương			
3747	60K-528.99	Đồng Nai	4747	61K-493.89	Bình Dương			
3748	60K-540.79	Đồng Nai	4748	61K-504.40	Bình Dương			
3749	60K-544.88	Đồng Nai	4749	61K-505.50	Bình Dương			
3750	60K-545.69	Đồng Nai	4750	61K-510.68	Bình Dương			
3751	60K-550.05	Đồng Nai	4751	61K-511.88	Bình Dương			
3752	60K-561.56	Đồng Nai	4752	61K-514.99	Bình Dương			
3753	60K-572.66	Đồng Nai	4753	62A-400.22	Long An			
3754	60K-582.79	Đồng Nai	4754	62A-402.39	Long An			
3755	60K-590.66	Đồng Nai	4755	62A-404.88	Long An			
3756	60K-595.89	Đồng Nai	4756	62A-414.68	Long An			
3757	60K-608.69	Đồng Nai	4757	62A-422.66	Long An			
3758	60K-615.51	Đồng Nai	4758	62A-428.82	Long An			
3759	61K-327.89	Bình Dương	4759	62A-437.39	Long An			
3760	61K-353.88	Bình Dương	4760	62A-445.88	Long An			
3761	61K-363.55	Bình Dương	4761	62A-461.88	Long An			
3762	61K-381.66	Bình Dương	4762	62A-466.22	Long An			
3763	61K-386.69	Bình Dương	4763	63A-297.39	Tiền Giang			
3764	61K-386.96	Bình Dương	4764	63A-307.39	Tiền Giang			
3765	61K-391.68	Bình Dương	4765	63A-311.55	Tiền Giang			

Y
Á
VH
IM
T.P.H.A

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3766	61K-402.79	Bình Dương	4766	63C-226.68	Tiền Giang			
3767	61K-408.39	Bình Dương	4767	64B-013.99	Vĩnh Long			
3768	61K-410.99	Bình Dương	4768	65A-413.86	Cần Thơ			
3769	61K-414.44	Bình Dương	4769	65A-432.86	Cần Thơ			
3770	61K-442.44	Bình Dương	4770	65A-450.68	Cần Thơ			
3771	61K-450.66	Bình Dương	4771	65A-456.86	Cần Thơ			
3772	61K-460.68	Bình Dương	4772	65A-492.79	Cần Thơ			
3773	61K-460.86	Bình Dương	4773	65A-499.39	Cần Thơ			
3774	61K-472.89	Bình Dương	4774	65A-510.69	Cần Thơ			
3775	61K-476.67	Bình Dương	4775	65A-512.51	Cần Thơ			
3776	61K-484.48	Bình Dương	4776	65A-513.13	Cần Thơ			
3777	61K-484.85	Bình Dương	4777	66A-250.98	Đồng Tháp			
3778	61K-500.88	Bình Dương	4778	66A-277.86	Đồng Tháp			
3779	61K-511.89	Bình Dương	4779	66A-290.86	Đồng Tháp			
3780	61K-512.89	Bình Dương	4780	67A-283.39	An Giang			
3781	62A-390.89	Long An	4781	67A-289.69	An Giang			
3782	62A-401.88	Long An	4782	67A-292.68	An Giang			
3783	62A-403.86	Long An	4783	67A-304.44	An Giang			
3784	62A-420.79	Long An	4784	67A-304.66	An Giang			
3785	62A-424.42	Long An	4785	67A-309.89	An Giang			
3786	62A-431.89	Long An	4786	67A-313.89	An Giang			
3787	62A-444.06	Long An	4787	67A-317.79	An Giang			
3788	62A-444.42	Long An	4788	68A-314.99	Kiên Giang			
3789	62A-453.35	Long An	4789	68A-322.39	Kiên Giang			
3790	62A-462.79	Long An	4790	68A-344.00	Kiên Giang			
3791	62A-464.39	Long An	4791	68A-346.89	Kiên Giang			
3792	62A-467.99	Long An	4792	68A-352.66	Kiên Giang			
3793	62C-215.68	Long An	4793	69A-163.64	Cà Mau			
3794	63A-272.99	Tiền Giang	4794	70A-488.39	Tây Ninh			
3795	63A-288.58	Tiền Giang	4795	70A-501.10	Tây Ninh			
3796	63A-302.99	Tiền Giang	4796	70A-512.68	Tây Ninh			
3797	63A-311.22	Tiền Giang	4797	70A-523.68	Tây Ninh			
3798	63A-313.99	Tiền Giang	4798	70A-525.68	Tây Ninh			
3799	63B-031.79	Tiền Giang	4799	70A-525.86	Tây Ninh			
3800	63C-221.79	Tiền Giang	4800	70A-543.33	Tây Ninh			
3801	64A-193.86	Vĩnh Long	4801	70A-548.79	Tây Ninh			
3802	64A-200.39	Vĩnh Long	4802	70A-558.39	Tây Ninh			
3803	65A-411.55	Cần Thơ	4803	70A-558.66	Tây Ninh			
3804	65A-414.89	Cần Thơ	4804	70A-559.88	Tây Ninh			
3805	65A-417.17	Cần Thơ	4805	70A-570.89	Tây Ninh			
3806	65A-417.79	Cần Thơ	4806	70A-579.88	Tây Ninh			
3807	65A-420.89	Cần Thơ	4807	70B-031.68	Tây Ninh			
3808	65A-425.55	Cần Thơ	4808	71A-184.99	Bến Tre			
3809	65A-425.79	Cần Thơ	4809	71A-186.39	Bến Tre			
3810	65A-442.68	Cần Thơ	4810	71A-195.39	Bến Tre			
3811	65A-444.00	Cần Thơ	4811	71A-200.33	Bến Tre			
3812	65A-445.39	Cần Thơ	4812	71A-204.44	Bến Tre			
3813	65A-471.86	Cần Thơ	4813	71A-206.07	Bến Tre			
3814	65A-482.88	Cần Thơ	4814	72A-748.68	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3815	65A-511.68	Cần Thơ	4815	72A-754.96	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3816	66A-270.86	Đồng Tháp	4816	72A-759.98	Bà Rịa - Vũng Tàu			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3817	66A-270.89	Đồng Tháp	4817	72A-769.88	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3818	66A-274.99	Đồng Tháp	4818	72A-771.17	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3819	66A-292.89	Đồng Tháp	4819	72A-782.22	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3820	67A-289.79	An Giang	4820	72A-788.22	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3821	67A-310.89	An Giang	4821	72A-806.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3822	68A-310.99	Kiên Giang	4822	72A-815.16	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3823	68A-349.69	Kiên Giang	4823	72A-835.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3824	68A-354.79	Kiên Giang	4824	72C-239.88	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3825	68A-362.66	Kiên Giang	4825	73A-345.45	Quảng Bình			
3826	68B-033.89	Kiên Giang	4826	73A-351.88	Quảng Bình			
3827	70A-492.68	Tây Ninh	4827	74A-265.66	Quảng Trị			
3828	70A-499.39	Tây Ninh	4828	75A-353.88	Thừa Thiên Huế			
3829	70A-511.39	Tây Ninh	4829	75A-358.86	Thừa Thiên Huế			
3830	70A-515.58	Tây Ninh	4830	75A-361.68	Thừa Thiên Huế			
3831	70A-542.66	Tây Ninh	4831	75A-361.98	Thừa Thiên Huế			
3832	70A-563.66	Tây Ninh	4832	75A-364.68	Thừa Thiên Huế			
3833	70A-571.66	Tây Ninh	4833	75A-371.99	Thừa Thiên Huế			
3834	70A-574.99	Tây Ninh	4834	75A-377.22	Thừa Thiên Huế			
3835	70A-576.39	Tây Ninh	4835	75B-026.66	Thừa Thiên Huế			
3836	70B-033.77	Tây Ninh	4836	76A-285.68	Quảng Ngãi			
3837	71A-182.66	Bến Tre	4837	76A-300.89	Quảng Ngãi			
3838	71A-202.39	Bến Tre	4838	76A-305.69	Quảng Ngãi			
3839	71A-203.04	Bến Tre	4839	76A-306.68	Quảng Ngãi			
3840	72A-755.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	4840	76A-319.72	Quảng Ngãi			
3841	72A-759.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	4841	77A-298.68	Bình Định			
3842	72A-762.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	4842	77A-316.66	Bình Định			
3843	72A-800.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	4843	77A-317.86	Bình Định			
3844	72A-801.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	4844	77A-325.39	Bình Định			
3845	72A-819.91	Bà Rịa - Vũng Tàu	4845	77A-329.66	Bình Định			
3846	72A-824.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	4846	77A-332.33	Bình Định			
3847	72A-828.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	4847	77A-332.89	Bình Định			
3848	73A-322.79	Quảng Bình	4848	77A-348.89	Bình Định			
3849	73A-332.96	Quảng Bình	4849	77B-035.35	Bình Định			
3850	73A-333.46	Quảng Bình	4850	77B-035.68	Bình Định			
3851	73A-341.89	Quảng Bình	4851	78A-210.00	Phú Yên			
3852	73A-357.79	Quảng Bình	4852	78A-211.89	Phú Yên			
3853	74A-241.39	Quảng Trị	4853	78A-212.89	Phú Yên			
3854	74A-269.86	Quảng Trị	4854	79A-510.66	Khánh Hòa			
3855	74C-136.89	Quảng Trị	4855	79A-521.99	Khánh Hòa			
3856	75A-336.69	Thừa Thiên Huế	4856	79A-524.99	Khánh Hòa			
3857	75A-350.05	Thừa Thiên Huế	4857	79A-540.89	Khánh Hòa			
3858	75A-371.73	Thừa Thiên Huế	4858	79A-542.99	Khánh Hòa			
3859	75A-375.57	Thừa Thiên Huế	4859	79A-550.99	Khánh Hòa			
3860	75A-375.76	Thừa Thiên Huế	4860	79A-555.00	Khánh Hòa			
3861	75A-382.69	Thừa Thiên Huế	4861	79A-555.29	Khánh Hòa			
3862	76A-285.86	Quảng Ngãi	4862	81A-384.88	Gia Lai			
3863	76A-290.89	Quảng Ngãi	4863	81A-393.96	Gia Lai			
3864	76A-313.14	Quảng Ngãi	4864	81A-424.42	Gia Lai			
3865	76A-314.89	Quảng Ngãi	4865	81A-439.43	Gia Lai			
3866	76A-320.66	Quảng Ngãi	4866	81A-441.99	Gia Lai			
3867	76A-322.11	Quảng Ngãi	4867	81A-453.35	Gia Lai			

H.Đ
C
Đ
H
V
THÀNH

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3868	77A-308.68	Bình Định	4868	81B-027.72	Gia Lai			
3869	77A-311.96	Bình Định	4869	82A-135.68	Kon Tum			
3870	77A-325.68	Bình Định	4870	83A-167.69	Sóc Trăng			
3871	77A-337.69	Bình Định	4871	83A-172.27	Sóc Trăng			
3872	77A-352.39	Bình Định	4872	83A-184.99	Sóc Trăng			
3873	77C-255.99	Bình Định	4873	83B-022.39	Sóc Trăng			
3874	78A-208.02	Phú Yên	4874	84A-126.68	Trà Vinh			
3875	78A-214.14	Phú Yên	4875	84A-132.99	Trà Vinh			
3876	78C-123.99	Phú Yên	4876	84A-141.69	Trà Vinh			
3877	79A-501.88	Khánh Hòa	4877	84A-141.86	Trà Vinh			
3878	79A-502.02	Khánh Hòa	4878	84A-142.42	Trà Vinh			
3879	79A-522.44	Khánh Hòa	4879	85A-134.79	Ninh Thuận			
3880	79A-527.68	Khánh Hòa	4880	85A-145.68	Ninh Thuận			
3881	79A-528.39	Khánh Hòa	4881	86A-283.89	Bình Thuận			
3882	79A-529.29	Khánh Hòa	4882	86A-291.86	Bình Thuận			
3883	79A-531.89	Khánh Hòa	4883	86A-293.89	Bình Thuận			
3884	79A-542.45	Khánh Hòa	4884	86A-293.96	Bình Thuận			
3885	79A-542.66	Khánh Hòa	4885	86A-301.69	Bình Thuận			
3886	79A-554.44	Khánh Hòa	4886	86A-311.31	Bình Thuận			
3887	81A-391.69	Gia Lai	4887	86A-319.92	Bình Thuận			
3888	81A-403.33	Gia Lai	4888	86B-023.79	Bình Thuận			
3889	81A-429.24	Gia Lai	4889	86C-207.68	Bình Thuận			
3890	81A-434.99	Gia Lai	4890	88A-669.36	Vĩnh Phúc			
3891	81A-443.86	Gia Lai	4891	88A-672.79	Vĩnh Phúc			
3892	81A-444.23	Gia Lai	4892	88A-673.39	Vĩnh Phúc			
3893	81C-276.86	Gia Lai	4893	88A-721.21	Vĩnh Phúc			
3894	82A-135.69	Kon Tum	4894	88A-722.00	Vĩnh Phúc			
3895	82A-150.50	Kon Tum	4895	88A-723.68	Vĩnh Phúc			
3896	83A-174.86	Sóc Trăng	4896	88A-733.44	Vĩnh Phúc			
3897	83A-191.39	Sóc Trăng	4897	88A-736.89	Vĩnh Phúc			
3898	84A-129.98	Trà Vinh	4898	88A-743.34	Vĩnh Phúc			
3899	84A-130.88	Trà Vinh	4899	88A-760.39	Vĩnh Phúc			
3900	84A-136.39	Trà Vinh	4900	88A-772.73	Vĩnh Phúc			
3901	84B-017.99	Trà Vinh	4901	88A-783.83	Vĩnh Phúc			
3902	84C-121.66	Trà Vinh	4902	88C-298.68	Vĩnh Phúc			
3903	84C-122.88	Trà Vinh	4903	89A-429.69	Hung Yên			
3904	85A-125.86	Ninh Thuận	4904	89A-444.22	Hung Yên			
3905	85A-131.69	Ninh Thuận	4905	89A-455.16	Hung Yên			
3906	86A-293.33	Bình Thuận	4906	89A-461.89	Hung Yên			
3907	86A-302.22	Bình Thuận	4907	89A-481.89	Hung Yên			
3908	86A-305.86	Bình Thuận	4908	89A-485.86	Hung Yên			
3909	86A-313.68	Bình Thuận	4909	89A-503.86	Hung Yên			
3910	86A-313.99	Bình Thuận	4910	89A-504.88	Hung Yên			
3911	86A-316.17	Bình Thuận	4911	89A-510.00	Hung Yên			
3912	86C-205.88	Bình Thuận	4912	89A-513.69	Hung Yên			
3913	86C-206.88	Bình Thuận	4913	89A-513.88	Hung Yên			
3914	88A-657.86	Vĩnh Phúc	4914	89A-516.39	Hung Yên			
3915	88A-691.79	Vĩnh Phúc	4915	89A-523.69	Hung Yên			
3916	88A-703.30	Vĩnh Phúc	4916	89A-525.52	Hung Yên			
3917	88A-733.55	Vĩnh Phúc	4917	89A-528.25	Hung Yên			
3918	88A-741.79	Vĩnh Phúc	4918	89A-530.53	Hung Yên			

41
 NG
 Ứ C
 P D
 Ề T M
 QUẢN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3919	88A-758.68	Vĩnh Phúc	4919	89C-333.89	Hưng Yên			
3920	88A-772.99	Vĩnh Phúc	4920	89C-335.55	Hưng Yên			
3921	89A-436.86	Hưng Yên	4921	90A-242.89	Hà Nam			
3922	89A-449.79	Hưng Yên	4922	90A-245.89	Hà Nam			
3923	89A-466.22	Hưng Yên	4923	90A-255.00	Hà Nam			
3924	89A-477.66	Hưng Yên	4924	90A-255.98	Hà Nam			
3925	89A-480.68	Hưng Yên	4925	90A-266.44	Hà Nam			
3926	89A-487.88	Hưng Yên	4926	90A-272.66	Hà Nam			
3927	89A-492.89	Hưng Yên	4927	90A-274.69	Hà Nam			
3928	89A-517.15	Hưng Yên	4928	90A-281.11	Hà Nam			
3929	89A-518.39	Hưng Yên	4929	90D-007.77	Hà Nam			
3930	89D-019.68	Hưng Yên	4930	92A-377.68	Quảng Nam			
3931	90A-242.68	Hà Nam	4931	92A-401.10	Quảng Nam			
3932	90A-246.99	Hà Nam	4932	92A-408.86	Quảng Nam			
3933	90A-251.51	Hà Nam	4933	92A-415.15	Quảng Nam			
3934	92A-380.39	Quảng Nam	4934	92A-416.39	Quảng Nam			
3935	92A-381.58	Quảng Nam	4935	92A-420.02	Quảng Nam			
3936	92A-387.88	Quảng Nam	4936	92A-422.42	Quảng Nam			
3937	92A-406.68	Quảng Nam	4937	92A-423.32	Quảng Nam			
3938	92A-407.99	Quảng Nam	4938	92A-425.69	Quảng Nam			
3939	92A-422.89	Quảng Nam	4939	92C-256.89	Quảng Nam			
3940	92A-427.86	Quảng Nam	4940	93A-440.86	Bình Phước			
3941	92A-430.86	Quảng Nam	4941	93A-450.39	Bình Phước			
3942	92A-432.66	Quảng Nam	4942	93A-450.79	Bình Phước			
3943	93A-441.68	Bình Phước	4943	93A-452.88	Bình Phước			
3944	93A-448.69	Bình Phước	4944	93A-504.68	Bình Phước			
3945	93A-450.66	Bình Phước	4945	95A-112.86	Hậu Giang			
3946	93A-460.86	Bình Phước	4946	95A-113.88	Hậu Giang			
3947	93A-486.87	Bình Phước	4947	95A-114.89	Hậu Giang			
3948	93A-493.68	Bình Phước	4948	95A-116.89	Hậu Giang			
3949	93A-499.49	Bình Phước	4949	95A-116.96	Hậu Giang			
3950	94A-100.66	Bạc Liêu	4950	95A-126.66	Hậu Giang			
3951	94A-106.39	Bạc Liêu	4951	95D-021.88	Hậu Giang			
3952	94B-013.88	Bạc Liêu	4952	97A-082.59	Bắc Kạn			
3953	95A-112.68	Hậu Giang	4953	98A-670.00	Bắc Giang			
3954	95A-113.86	Hậu Giang	4954	98A-690.36	Bắc Giang			
3955	95A-114.79	Hậu Giang	4955	98A-693.79	Bắc Giang			
3956	95A-119.85	Hậu Giang	4956	98A-714.68	Bắc Giang			
3957	95A-131.13	Hậu Giang	4957	98A-723.68	Bắc Giang			
3958	97A-087.89	Bắc Kạn	4958	98A-723.98	Bắc Giang			
3959	97A-094.69	Bắc Kạn	4959	98A-730.39	Bắc Giang			
3960	98A-705.39	Bắc Giang	4960	98A-734.98	Bắc Giang			
3961	98A-705.69	Bắc Giang	4961	98A-737.39	Bắc Giang			
3962	98A-706.39	Bắc Giang	4962	98A-742.86	Bắc Giang			
3963	98A-716.69	Bắc Giang	4963	98A-747.79	Bắc Giang			
3964	98A-718.56	Bắc Giang	4964	98A-752.39	Bắc Giang			
3965	98A-733.77	Bắc Giang	4965	98A-755.11	Bắc Giang			
3966	98A-755.22	Bắc Giang	4966	98A-760.99	Bắc Giang			
3967	98A-763.66	Bắc Giang	4967	98A-777.26	Bắc Giang			
3968	98A-772.79	Bắc Giang	4968	98A-777.38	Bắc Giang			
3969	98A-775.86	Bắc Giang	4969	98A-782.28	Bắc Giang			

Y
Á
NH
AM
-T.P.H

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3970	98A-778.66	Bắc Giang	4970	98A-783.86	Bắc Giang			
3971	98A-800.80	Bắc Giang	4971	98A-793.88	Bắc Giang			
3972	98A-801.80	Bắc Giang	4972	98A-827.79	Bắc Giang			
3973	98A-807.80	Bắc Giang	4973	98A-837.88	Bắc Giang			
3974	98A-810.88	Bắc Giang	4974	98A-839.83	Bắc Giang			
3975	98A-812.79	Bắc Giang	4975	98A-843.39	Bắc Giang			
3976	98A-825.26	Bắc Giang	4976	98A-846.47	Bắc Giang			
3977	98A-825.79	Bắc Giang	4977	98A-848.84	Bắc Giang			
3978	98A-831.11	Bắc Giang	4978	98A-848.99	Bắc Giang			
3979	98A-834.83	Bắc Giang	4979	98A-849.69	Bắc Giang			
3980	98A-835.69	Bắc Giang	4980	98A-854.44	Bắc Giang			
3981	98A-837.73	Bắc Giang	4981	98C-357.68	Bắc Giang			
3982	98A-850.86	Bắc Giang	4982	98C-359.68	Bắc Giang			
3983	98C-363.36	Bắc Giang	4983	98C-362.69	Bắc Giang			
3984	99A-701.01	Bắc Ninh	4984	98D-015.69	Bắc Giang			
3985	99A-701.66	Bắc Ninh	4985	99A-711.68	Bắc Ninh			
3986	99A-713.89	Bắc Ninh	4986	99A-713.88	Bắc Ninh			
3987	99A-754.44	Bắc Ninh	4987	99A-718.99	Bắc Ninh			
3988	99A-758.59	Bắc Ninh	4988	99A-733.96	Bắc Ninh			
3989	99A-761.16	Bắc Ninh	4989	99A-740.79	Bắc Ninh			
3990	99A-764.98	Bắc Ninh	4990	99A-745.68	Bắc Ninh			
3991	99A-782.99	Bắc Ninh	4991	99A-756.69	Bắc Ninh			
3992	99A-791.19	Bắc Ninh	4992	99A-761.98	Bắc Ninh			
3993	99A-795.86	Bắc Ninh	4993	99A-787.69	Bắc Ninh			
3994	99A-795.89	Bắc Ninh	4994	99A-806.79	Bắc Ninh			
3995	99A-803.68	Bắc Ninh	4995	99A-825.86	Bắc Ninh			
3996	99A-806.06	Bắc Ninh	4996	99A-844.77	Bắc Ninh			
3997	99A-810.99	Bắc Ninh	4997	99A-846.64	Bắc Ninh			
3998	99A-813.31	Bắc Ninh	4998	99A-850.66	Bắc Ninh			
3999	99A-823.28	Bắc Ninh	4999	99C-317.39	Bắc Ninh			
4000	99D-021.69	Bắc Ninh	5000	99D-021.89	Bắc Ninh			



A.D. 10/1

DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 28/8/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: chậm nhất đến 16h30p ngày 25/8/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	61K-333.33	Bình Dương	1001	30L-333.33	Hà Nội	2001	51L-666.66	Hồ Chí Minh
2	29K-234.56	Hà Nội	1002	51D-868.68	Hồ Chí Minh	2002	34A-888.89	Hải Dương
3	15K-397.97	Hải Phòng	1003	14A-966.97	Quảng Ninh	2003	15K-397.98	Hải Phòng
4	30L-669.97	Hà Nội	1004	15K-397.96	Hải Phòng	2004	30L-898.96	Hà Nội
5	34A-888.86	Hải Dương	1005	30L-866.88	Hà Nội	2005	30L-977.98	Hà Nội
6	34A-897.79	Hải Dương	1006	30L-966.98	Hà Nội	2006	34A-899.86	Hải Dương
7	51D-888.87	Hồ Chí Minh	1007	34A-868.86	Hải Dương	2007	51L-866.86	Hồ Chí Minh
8	51L-889.97	Hồ Chí Minh	1008	49A-733.33	Lâm Đồng	2008	62A-466.88	Long An
9	19A-685.58	Phú Thọ	1009	11B-012.39	Cao Bằng	2009	18A-478.88	Nam Định
10	24C-162.26	Lào Cai	1010	18A-485.85	Nam Định	2010	21A-212.34	Yên Bái
11	30L-666.44	Hà Nội	1011	24C-158.58	Lào Cai	2011	30L-027.77	Hà Nội
12	30L-699.64	Hà Nội	1012	30L-075.55	Hà Nội	2012	30L-587.79	Hà Nội
13	30L-966.93	Hà Nội	1013	30L-588.96	Hà Nội	2013	30L-769.66	Hà Nội
14	30L-996.39	Hà Nội	1014	30L-616.58	Hà Nội	2014	30L-939.96	Hà Nội
15	34A-879.86	Hải Dương	1015	30L-666.75	Hà Nội	2015	30L-988.90	Hà Nội
16	34A-909.96	Hải Dương	1016	30L-762.62	Hà Nội	2016	36K-076.66	Thanh Hóa
17	35A-426.26	Ninh Bình	1017	34A-855.86	Hải Dương	2017	37C-562.26	Nghe An
18	43A-897.77	Đà Nẵng	1018	36K-102.68	Thanh Hóa	2018	37K-455.54	Nghe An
19	43A-926.69	Đà Nẵng	1019	43A-886.69	Đà Nẵng	2019	47A-785.58	Đắk Lắk
20	51D-856.68	Hồ Chí Minh	1020	51L-146.66	Hồ Chí Minh	2020	51L-026.68	Hồ Chí Minh
21	51D-889.68	Hồ Chí Minh	1021	51L-147.77	Hồ Chí Minh	2021	51L-467.77	Hồ Chí Minh
22	51L-029.66	Hồ Chí Minh	1022	51L-777.72	Hồ Chí Minh	2022	51L-876.68	Hồ Chí Minh
23	51L-562.26	Hồ Chí Minh	1023	51L-801.23	Hồ Chí Minh	2023	61K-379.86	Bình Dương
24	51L-625.55	Hồ Chí Minh	1024	60K-445.55	Đồng Nai	2024	62D-012.39	Long An
25	51L-679.96	Hồ Chí Minh	1025	64A-198.88	Vĩnh Long	2025	70A-488.86	Tây Ninh
26	51L-706.66	Hồ Chí Minh	1026	70A-579.97	Tây Ninh	2026	72A-778.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
27	51L-858.56	Hồ Chí Minh	1027	74A-256.66	Quảng Trị	2027	78A-212.34	Phú Yên
28	60K-596.68	Đồng Nai	1028	76A-319.99	Quảng Ngãi	2028	79A-526.26	Khánh Hòa
29	66A-265.55	Đồng Tháp	1029	79A-526.62	Khánh Hòa	2029	83A-188.68	Sóc Trăng
30	89A-479.68	Hưng Yên	1030	90A-268.39	Hà Nam	2030	89A-468.39	Hưng Yên
31	92A-419.99	Quảng Nam	1031	98A-812.34	Bắc Giang	2031	98A-785.55	Bắc Giang
32	98A-669.39	Bắc Giang	1032	99A-817.77	Bắc Ninh	2032	99A-829.68	Bắc Ninh
33	30K-653.33	Hà Nội	1033	30K-657.86	Hà Nội	2033	30K-644.68	Hà Nội
34	30K-672.69	Hà Nội	1034	30K-670.39	Hà Nội	2034	30K-653.79	Hà Nội
35	30K-672.79	Hà Nội	1035	30K-690.79	Hà Nội	2035	30K-675.66	Hà Nội
36	30K-682.39	Hà Nội	1036	30K-701.68	Hà Nội	2036	30K-713.86	Hà Nội
37	30K-713.33	Hà Nội	1037	30K-703.30	Hà Nội	2037	30K-714.44	Hà Nội
38	30K-714.99	Hà Nội	1038	30K-712.22	Hà Nội	2038	30K-718.86	Hà Nội
39	30K-722.66	Hà Nội	1039	30K-741.39	Hà Nội	2039	30K-718.99	Hà Nội
40	30K-731.69	Hà Nội	1040	30K-746.88	Hà Nội	2040	30K-728.79	Hà Nội
41	30K-732.66	Hà Nội	1041	30K-754.68	Hà Nội	2041	30K-740.89	Hà Nội
42	30K-739.68	Hà Nội	1042	30K-762.69	Hà Nội	2042	30K-741.69	Hà Nội
43	30K-742.69	Hà Nội	1043	30K-770.66	Hà Nội	2043	30K-751.39	Hà Nội
44	30K-752.89	Hà Nội	1044	30K-772.66	Hà Nội	2044	30K-764.99	Hà Nội
45	30K-756.86	Hà Nội	1045	30K-773.88	Hà Nội	2045	30K-780.88	Hà Nội
46	30K-771.89	Hà Nội	1046	30K-774.79	Hà Nội	2046	30K-781.99	Hà Nội
47	30K-800.39	Hà Nội	1047	30K-802.55	Hà Nội	2047	30K-805.69	Hà Nội
48	30K-800.69	Hà Nội	1048	30K-805.98	Hà Nội	2048	30K-814.39	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
49	30K-824.66	Hà Nội	1049	30K-806.99	Hà Nội	2049	30K-835.39	Hà Nội
50	30K-842.99	Hà Nội	1050	30K-824.86	Hà Nội	2050	30K-847.96	Hà Nội
51	30K-847.66	Hà Nội	1051	30K-831.31	Hà Nội	2051	30K-850.79	Hà Nội
52	30K-870.39	Hà Nội	1052	30K-837.69	Hà Nội	2052	30K-860.99	Hà Nội
53	30K-872.79	Hà Nội	1053	30K-845.39	Hà Nội	2053	30K-861.96	Hà Nội
54	30K-875.88	Hà Nội	1054	30K-845.66	Hà Nội	2054	30K-864.99	Hà Nội
55	30K-880.69	Hà Nội	1055	30K-849.39	Hà Nội	2055	30K-880.79	Hà Nội
56	30K-907.66	Hà Nội	1056	30K-854.86	Hà Nội	2056	30K-902.86	Hà Nội
57	30K-926.39	Hà Nội	1057	30K-870.99	Hà Nội	2057	30K-933.62	Hà Nội
58	30K-951.66	Hà Nội	1058	30K-872.98	Hà Nội	2058	30K-934.99	Hà Nội
59	30K-972.66	Hà Nội	1059	30K-876.39	Hà Nội	2059	30K-946.86	Hà Nội
60	30L-012.86	Hà Nội	1060	30K-909.95	Hà Nội	2060	30K-946.99	Hà Nội
61	30L-020.88	Hà Nội	1061	30K-920.66	Hà Nội	2061	30K-949.79	Hà Nội
62	30L-021.89	Hà Nội	1062	30K-920.86	Hà Nội	2062	30L-017.86	Hà Nội
63	30L-042.42	Hà Nội	1063	30K-944.79	Hà Nội	2063	30L-034.89	Hà Nội
64	30L-049.86	Hà Nội	1064	30K-957.39	Hà Nội	2064	30L-041.99	Hà Nội
65	30L-064.88	Hà Nội	1065	30K-964.79	Hà Nội	2065	30L-063.39	Hà Nội
66	30L-077.22	Hà Nội	1066	30K-964.99	Hà Nội	2066	30L-067.86	Hà Nội
67	30L-081.11	Hà Nội	1067	30K-966.44	Hà Nội	2067	30L-070.39	Hà Nội
68	30L-084.69	Hà Nội	1068	30K-972.86	Hà Nội	2068	30L-072.86	Hà Nội
69	30L-091.89	Hà Nội	1069	30K-974.44	Hà Nội	2069	30L-075.86	Hà Nội
70	30L-105.68	Hà Nội	1070	30K-977.22	Hà Nội	2070	30L-082.89	Hà Nội
71	30L-130.86	Hà Nội	1071	30K-980.00	Hà Nội	2071	30L-094.79	Hà Nội
72	30L-134.68	Hà Nội	1072	30L-014.99	Hà Nội	2072	30L-100.33	Hà Nội
73	30L-142.68	Hà Nội	1073	30L-022.77	Hà Nội	2073	30L-120.66	Hà Nội
74	30L-175.57	Hà Nội	1074	30L-030.68	Hà Nội	2074	30L-129.33	Hà Nội
75	30L-200.69	Hà Nội	1075	30L-034.99	Hà Nội	2075	30L-129.69	Hà Nội
76	30L-247.79	Hà Nội	1076	30L-040.89	Hà Nội	2076	30L-130.89	Hà Nội
77	30L-294.49	Hà Nội	1077	30L-053.89	Hà Nội	2077	30L-148.39	Hà Nội
78	30L-347.66	Hà Nội	1078	30L-069.86	Hà Nội	2078	30L-159.39	Hà Nội
79	30L-349.88	Hà Nội	1079	30L-089.79	Hà Nội	2079	30L-171.68	Hà Nội
80	30L-395.93	Hà Nội	1080	30L-094.88	Hà Nội	2080	30L-206.68	Hà Nội
81	30L-423.89	Hà Nội	1081	30L-134.39	Hà Nội	2081	30L-210.88	Hà Nội
82	30L-432.32	Hà Nội	1082	30L-141.69	Hà Nội	2082	30L-221.39	Hà Nội
83	30L-444.03	Hà Nội	1083	30L-142.39	Hà Nội	2083	30L-253.88	Hà Nội
84	30L-449.79	Hà Nội	1084	30L-147.66	Hà Nội	2084	30L-260.89	Hà Nội
85	30L-459.59	Hà Nội	1085	30L-153.53	Hà Nội	2085	30L-302.69	Hà Nội
86	30L-484.79	Hà Nội	1086	30L-153.68	Hà Nội	2086	30L-307.88	Hà Nội
87	30L-492.22	Hà Nội	1087	30L-164.39	Hà Nội	2087	30L-320.02	Hà Nội
88	30L-533.22	Hà Nội	1088	30L-170.66	Hà Nội	2088	30L-342.22	Hà Nội
89	30L-547.48	Hà Nội	1089	30L-208.69	Hà Nội	2089	30L-347.79	Hà Nội
90	30L-552.33	Hà Nội	1090	30L-244.86	Hà Nội	2090	30L-403.86	Hà Nội
91	30L-555.44	Hà Nội	1091	30L-271.99	Hà Nội	2091	30L-422.86	Hà Nội
92	30L-557.36	Hà Nội	1092	30L-284.39	Hà Nội	2092	30L-423.66	Hà Nội
93	30L-564.66	Hà Nội	1093	30L-294.88	Hà Nội	2093	30L-436.79	Hà Nội
94	30L-570.16	Hà Nội	1094	30L-305.86	Hà Nội	2094	30L-446.39	Hà Nội
95	30L-570.89	Hà Nội	1095	30L-330.69	Hà Nội	2095	30L-447.68	Hà Nội
96	30L-577.33	Hà Nội	1096	30L-337.73	Hà Nội	2096	30L-475.75	Hà Nội
97	30L-577.59	Hà Nội	1097	30L-403.99	Hà Nội	2097	30L-482.39	Hà Nội
98	30L-587.78	Hà Nội	1098	30L-427.79	Hà Nội	2098	30L-537.68	Hà Nội
99	30L-587.99	Hà Nội	1099	30L-430.39	Hà Nội	2099	30L-547.47	Hà Nội

41
JG
UG
Đ D
.TN
UÂN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
100	30L-588.22	Hà Nội	1100	30L-444.42	Hà Nội	2100	30L-548.45	Hà Nội
101	30L-588.35	Hà Nội	1101	30L-462.39	Hà Nội	2101	30L-549.65	Hà Nội
102	30L-591.89	Hà Nội	1102	30L-471.39	Hà Nội	2102	30L-549.66	Hà Nội
103	30L-592.98	Hà Nội	1103	30L-474.86	Hà Nội	2103	30L-563.39	Hà Nội
104	30L-593.69	Hà Nội	1104	30L-481.68	Hà Nội	2104	30L-566.39	Hà Nội
105	30L-594.00	Hà Nội	1105	30L-497.86	Hà Nội	2105	30L-569.32	Hà Nội
106	30L-602.60	Hà Nội	1106	30L-524.99	Hà Nội	2106	30L-571.66	Hà Nội
107	30L-605.00	Hà Nội	1107	30L-529.52	Hà Nội	2107	30L-575.67	Hà Nội
108	30L-606.78	Hà Nội	1108	30L-547.74	Hà Nội	2108	30L-578.18	Hà Nội
109	30L-609.88	Hà Nội	1109	30L-548.28	Hà Nội	2109	30L-587.38	Hà Nội
110	30L-610.65	Hà Nội	1110	30L-550.79	Hà Nội	2110	30L-588.08	Hà Nội
111	30L-610.89	Hà Nội	1111	30L-553.54	Hà Nội	2111	30L-588.77	Hà Nội
112	30L-613.33	Hà Nội	1112	30L-556.64	Hà Nội	2112	30L-590.91	Hà Nội
113	30L-623.22	Hà Nội	1113	30L-572.68	Hà Nội	2113	30L-591.38	Hà Nội
114	30L-629.36	Hà Nội	1114	30L-574.18	Hà Nội	2114	30L-597.68	Hà Nội
115	30L-630.59	Hà Nội	1115	30L-577.88	Hà Nội	2115	30L-598.59	Hà Nội
116	30L-634.33	Hà Nội	1116	30L-578.96	Hà Nội	2116	30L-600.98	Hà Nội
117	30L-635.06	Hà Nội	1117	30L-579.96	Hà Nội	2117	30L-603.06	Hà Nội
118	30L-639.08	Hà Nội	1118	30L-583.28	Hà Nội	2118	30L-606.58	Hà Nội
119	30L-645.09	Hà Nội	1119	30L-587.69	Hà Nội	2119	30L-612.22	Hà Nội
120	30L-645.11	Hà Nội	1120	30L-590.35	Hà Nội	2120	30L-614.41	Hà Nội
121	30L-647.46	Hà Nội	1121	30L-594.36	Hà Nội	2121	30L-614.98	Hà Nội
122	30L-648.64	Hà Nội	1122	30L-594.68	Hà Nội	2122	30L-617.66	Hà Nội
123	30L-649.97	Hà Nội	1123	30L-595.16	Hà Nội	2123	30L-619.78	Hà Nội
124	30L-651.26	Hà Nội	1124	30L-598.85	Hà Nội	2124	30L-625.16	Hà Nội
125	30L-652.22	Hà Nội	1125	30L-601.88	Hà Nội	2125	30L-625.36	Hà Nội
126	30L-653.53	Hà Nội	1126	30L-603.86	Hà Nội	2126	30L-626.16	Hà Nội
127	30L-660.69	Hà Nội	1127	30L-607.89	Hà Nội	2127	30L-633.34	Hà Nội
128	30L-667.18	Hà Nội	1128	30L-611.59	Hà Nội	2128	30L-635.83	Hà Nội
129	30L-671.71	Hà Nội	1129	30L-612.29	Hà Nội	2129	30L-640.38	Hà Nội
130	30L-679.59	Hà Nội	1130	30L-615.39	Hà Nội	2130	30L-646.88	Hà Nội
131	30L-679.69	Hà Nội	1131	30L-620.16	Hà Nội	2131	30L-648.46	Hà Nội
132	30L-684.26	Hà Nội	1132	30L-628.39	Hà Nội	2132	30L-653.66	Hà Nội
133	30L-684.58	Hà Nội	1133	30L-633.77	Hà Nội	2133	30L-654.55	Hà Nội
134	30L-685.16	Hà Nội	1134	30L-634.85	Hà Nội	2134	30L-661.39	Hà Nội
135	30L-691.06	Hà Nội	1135	30L-634.96	Hà Nội	2135	30L-664.65	Hà Nội
136	30L-699.73	Hà Nội	1136	30L-635.15	Hà Nội	2136	30L-664.69	Hà Nội
137	30L-701.88	Hà Nội	1137	30L-638.18	Hà Nội	2137	30L-666.05	Hà Nội
138	30L-702.68	Hà Nội	1138	30L-640.69	Hà Nội	2138	30L-667.83	Hà Nội
139	30L-702.79	Hà Nội	1139	30L-640.86	Hà Nội	2139	30L-668.59	Hà Nội
140	30L-707.56	Hà Nội	1140	30L-641.42	Hà Nội	2140	30L-669.82	Hà Nội
141	30L-710.11	Hà Nội	1141	30L-641.59	Hà Nội	2141	30L-672.16	Hà Nội
142	30L-715.68	Hà Nội	1142	30L-642.43	Hà Nội	2142	30L-674.75	Hà Nội
143	30L-717.68	Hà Nội	1143	30L-643.38	Hà Nội	2143	30L-675.58	Hà Nội
144	30L-720.86	Hà Nội	1144	30L-643.65	Hà Nội	2144	30L-678.73	Hà Nội
145	30L-725.18	Hà Nội	1145	30L-644.77	Hà Nội	2145	30L-679.22	Hà Nội
146	30L-725.86	Hà Nội	1146	30L-644.79	Hà Nội	2146	30L-680.66	Hà Nội
147	30L-726.98	Hà Nội	1147	30L-645.54	Hà Nội	2147	30L-688.32	Hà Nội
148	30L-728.27	Hà Nội	1148	30L-650.59	Hà Nội	2148	30L-689.09	Hà Nội
149	30L-729.89	Hà Nội	1149	30L-657.25	Hà Nội	2149	30L-690.35	Hà Nội
150	30L-732.08	Hà Nội	1150	30L-662.56	Hà Nội	2150	30L-691.26	Hà Nội



Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
151	30L-732.33	Hà Nội	1151	30L-664.86	Hà Nội	2151	30L-692.19	Hà Nội
152	30L-732.83	Hà Nội	1152	30L-666.47	Hà Nội	2152	30L-694.58	Hà Nội
153	30L-743.95	Hà Nội	1153	30L-666.57	Hà Nội	2153	30L-699.28	Hà Nội
154	30L-748.39	Hà Nội	1154	30L-669.85	Hà Nội	2154	30L-702.88	Hà Nội
155	30L-748.49	Hà Nội	1155	30L-670.71	Hà Nội	2155	30L-702.98	Hà Nội
156	30L-759.85	Hà Nội	1156	30L-672.09	Hà Nội	2156	30L-703.39	Hà Nội
157	30L-759.86	Hà Nội	1157	30L-672.96	Hà Nội	2157	30L-704.70	Hà Nội
158	30L-759.95	Hà Nội	1158	30L-673.59	Hà Nội	2158	30L-704.96	Hà Nội
159	30L-761.18	Hà Nội	1159	30L-677.11	Hà Nội	2159	30L-705.16	Hà Nội
160	30L-763.68	Hà Nội	1160	30L-680.88	Hà Nội	2160	30L-707.99	Hà Nội
161	30L-773.58	Hà Nội	1161	30L-685.32	Hà Nội	2161	30L-710.79	Hà Nội
162	30L-774.79	Hà Nội	1162	30L-686.06	Hà Nội	2162	30L-714.69	Hà Nội
163	30L-781.87	Hà Nội	1163	30L-687.83	Hà Nội	2163	30L-720.72	Hà Nội
164	30L-782.89	Hà Nội	1164	30L-688.24	Hà Nội	2164	30L-724.19	Hà Nội
165	30L-782.99	Hà Nội	1165	30L-690.18	Hà Nội	2165	30L-728.44	Hà Nội
166	30L-783.38	Hà Nội	1166	30L-690.91	Hà Nội	2166	30L-729.86	Hà Nội
167	30L-793.94	Hà Nội	1167	30L-692.92	Hà Nội	2167	30L-731.65	Hà Nội
168	30L-795.66	Hà Nội	1168	30L-694.18	Hà Nội	2168	30L-733.00	Hà Nội
169	30L-806.99	Hà Nội	1169	30L-694.36	Hà Nội	2169	30L-745.89	Hà Nội
170	30L-809.68	Hà Nội	1170	30L-696.25	Hà Nội	2170	30L-746.25	Hà Nội
171	30L-810.11	Hà Nội	1171	30L-697.33	Hà Nội	2171	30L-747.88	Hà Nội
172	30L-810.69	Hà Nội	1172	30L-698.95	Hà Nội	2172	30L-748.48	Hà Nội
173	30L-812.09	Hà Nội	1173	30L-700.58	Hà Nội	2173	30L-749.55	Hà Nội
174	30L-814.81	Hà Nội	1174	30L-703.16	Hà Nội	2174	30L-753.35	Hà Nội
175	30L-814.89	Hà Nội	1175	30L-703.99	Hà Nội	2175	30L-770.11	Hà Nội
176	30L-815.99	Hà Nội	1176	30L-704.18	Hà Nội	2176	30L-770.59	Hà Nội
177	30L-816.26	Hà Nội	1177	30L-705.07	Hà Nội	2177	30L-771.00	Hà Nội
178	30L-820.08	Hà Nội	1178	30L-708.85	Hà Nội	2178	30L-771.86	Hà Nội
179	30L-828.16	Hà Nội	1179	30L-710.66	Hà Nội	2179	30L-774.86	Hà Nội
180	30L-832.09	Hà Nội	1180	30L-712.19	Hà Nội	2180	30L-781.82	Hà Nội
181	30L-832.26	Hà Nội	1181	30L-712.69	Hà Nội	2181	30L-783.39	Hà Nội
182	30L-832.35	Hà Nội	1182	30L-715.39	Hà Nội	2182	30L-786.85	Hà Nội
183	30L-832.82	Hà Nội	1183	30L-717.88	Hà Nội	2183	30L-792.15	Hà Nội
184	30L-833.11	Hà Nội	1184	30L-722.11	Hà Nội	2184	30L-794.89	Hà Nội
185	30L-835.25	Hà Nội	1185	30L-722.77	Hà Nội	2185	30L-802.06	Hà Nội
186	30L-843.34	Hà Nội	1186	30L-723.98	Hà Nội	2186	30L-804.04	Hà Nội
187	30L-843.56	Hà Nội	1187	30L-727.38	Hà Nội	2187	30L-805.66	Hà Nội
188	30L-845.88	Hà Nội	1188	30L-728.82	Hà Nội	2188	30L-820.18	Hà Nội
189	30L-850.65	Hà Nội	1189	30L-732.23	Hà Nội	2189	30L-821.21	Hà Nội
190	30L-850.79	Hà Nội	1190	30L-733.55	Hà Nội	2190	30L-829.06	Hà Nội
191	30L-853.99	Hà Nội	1191	30L-734.33	Hà Nội	2191	30L-833.34	Hà Nội
192	30L-858.28	Hà Nội	1192	30L-734.86	Hà Nội	2192	30L-834.65	Hà Nội
193	30L-860.58	Hà Nội	1193	30L-734.89	Hà Nội	2193	30L-836.93	Hà Nội
194	30L-864.36	Hà Nội	1194	30L-734.99	Hà Nội	2194	30L-837.66	Hà Nội
195	30L-870.78	Hà Nội	1195	30L-735.00	Hà Nội	2195	30L-843.99	Hà Nội
196	30L-876.83	Hà Nội	1196	30L-736.18	Hà Nội	2196	30L-844.86	Hà Nội
197	30L-877.11	Hà Nội	1197	30L-738.79	Hà Nội	2197	30L-847.99	Hà Nội
198	30L-877.69	Hà Nội	1198	30L-743.18	Hà Nội	2198	30L-850.88	Hà Nội
199	30L-881.08	Hà Nội	1199	30L-743.28	Hà Nội	2199	30L-851.86	Hà Nội
200	30L-883.96	Hà Nội	1200	30L-743.43	Hà Nội	2200	30L-853.79	Hà Nội
201	30L-884.18	Hà Nội	1201	30L-743.56	Hà Nội	2201	30L-857.28	Hà Nội

Ca đầu buổi sáng

Thời gian đầu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đầu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đầu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
202	30L-889.52	Hà Nội	1202	30L-745.59	Hà Nội	2202	30L-863.58	Hà Nội
203	30L-890.66	Hà Nội	1203	30L-761.28	Hà Nội	2203	30L-863.63	Hà Nội
204	30L-895.66	Hà Nội	1204	30L-761.76	Hà Nội	2204	30L-870.79	Hà Nội
205	30L-900.16	Hà Nội	1205	30L-763.18	Hà Nội	2205	30L-872.66	Hà Nội
206	30L-900.85	Hà Nội	1206	30L-766.55	Hà Nội	2206	30L-879.56	Hà Nội
207	30L-904.19	Hà Nội	1207	30L-769.97	Hà Nội	2207	30L-879.58	Hà Nội
208	30L-904.39	Hà Nội	1208	30L-770.58	Hà Nội	2208	30L-881.56	Hà Nội
209	30L-905.99	Hà Nội	1209	30L-772.65	Hà Nội	2209	30L-882.39	Hà Nội
210	30L-906.79	Hà Nội	1210	30L-772.68	Hà Nội	2210	30L-886.16	Hà Nội
211	30L-907.39	Hà Nội	1211	30L-777.35	Hà Nội	2211	30L-896.59	Hà Nội
212	30L-909.55	Hà Nội	1212	30L-777.36	Hà Nội	2212	30L-902.68	Hà Nội
213	30L-910.08	Hà Nội	1213	30L-779.33	Hà Nội	2213	30L-904.58	Hà Nội
214	30L-911.12	Hà Nội	1214	30L-789.97	Hà Nội	2214	30L-906.07	Hà Nội
215	30L-912.12	Hà Nội	1215	30L-798.08	Hà Nội	2215	30L-906.65	Hà Nội
216	30L-913.65	Hà Nội	1216	30L-800.39	Hà Nội	2216	30L-908.19	Hà Nội
217	30L-914.28	Hà Nội	1217	30L-802.96	Hà Nội	2217	30L-910.01	Hà Nội
218	30L-921.38	Hà Nội	1218	30L-806.88	Hà Nội	2218	30L-910.96	Hà Nội
219	30L-932.18	Hà Nội	1219	30L-807.65	Hà Nội	2219	30L-915.66	Hà Nội
220	30L-932.28	Hà Nội	1220	30L-807.66	Hà Nội	2220	30L-916.39	Hà Nội
221	30L-932.66	Hà Nội	1221	30L-816.06	Hà Nội	2221	30L-919.56	Hà Nội
222	30L-933.85	Hà Nội	1222	30L-816.83	Hà Nội	2222	30L-920.38	Hà Nội
223	30L-934.29	Hà Nội	1223	30L-825.19	Hà Nội	2223	30L-920.79	Hà Nội
224	30L-936.95	Hà Nội	1224	30L-828.39	Hà Nội	2224	30L-921.18	Hà Nội
225	30L-937.38	Hà Nội	1225	30L-828.59	Hà Nội	2225	30L-921.88	Hà Nội
226	30L-939.35	Hà Nội	1226	30L-828.65	Hà Nội	2226	30L-924.66	Hà Nội
227	30L-940.56	Hà Nội	1227	30L-831.77	Hà Nội	2227	30L-928.83	Hà Nội
228	30L-940.88	Hà Nội	1228	30L-835.38	Hà Nội	2228	30L-932.62	Hà Nội
229	30L-943.86	Hà Nội	1229	30L-844.59	Hà Nội	2229	30L-934.99	Hà Nội
230	30L-946.95	Hà Nội	1230	30L-846.56	Hà Nội	2230	30L-937.89	Hà Nội
231	30L-948.25	Hà Nội	1231	30L-849.59	Hà Nội	2231	30L-940.40	Hà Nội
232	30L-954.99	Hà Nội	1232	30L-851.68	Hà Nội	2232	30L-942.86	Hà Nội
233	30L-956.57	Hà Nội	1233	30L-853.98	Hà Nội	2233	30L-945.77	Hà Nội
234	30L-957.75	Hà Nội	1234	30L-856.52	Hà Nội	2234	30L-945.86	Hà Nội
235	30L-960.99	Hà Nội	1235	30L-859.63	Hà Nội	2235	30L-948.18	Hà Nội
236	30L-961.19	Hà Nội	1236	30L-864.46	Hà Nội	2236	30L-949.97	Hà Nội
237	30L-967.66	Hà Nội	1237	30L-866.20	Hà Nội	2237	30L-950.88	Hà Nội
238	30L-971.96	Hà Nội	1238	30L-866.30	Hà Nội	2238	30L-961.89	Hà Nội
239	30L-973.85	Hà Nội	1239	30L-866.93	Hà Nội	2239	30L-963.26	Hà Nội
240	30L-974.39	Hà Nội	1240	30L-868.92	Hà Nội	2240	30L-972.72	Hà Nội
241	30L-975.38	Hà Nội	1241	30L-878.39	Hà Nội	2241	30L-978.83	Hà Nội
242	30L-976.18	Hà Nội	1242	30L-878.59	Hà Nội	2242	30L-979.59	Hà Nội
243	30L-982.69	Hà Nội	1243	30L-884.69	Hà Nội	2243	30L-983.08	Hà Nội
244	30L-983.85	Hà Nội	1244	30L-895.18	Hà Nội	2244	30L-992.56	Hà Nội
245	30L-988.26	Hà Nội	1245	30L-898.08	Hà Nội	2245	30L-998.76	Hà Nội
246	30L-992.96	Hà Nội	1246	30L-898.09	Hà Nội	2246	30M-001.11	Hà Nội
247	30M-004.05	Hà Nội	1247	30L-902.03	Hà Nội	2247	30M-004.65	Hà Nội
248	30M-004.85	Hà Nội	1248	30L-904.05	Hà Nội	2248	30M-006.22	Hà Nội
249	30M-007.08	Hà Nội	1249	30L-904.66	Hà Nội	2249	30M-008.28	Hà Nội
250	30M-013.15	Hà Nội	1250	30L-914.41	Hà Nội	2250	30M-011.35	Hà Nội
251	30M-019.09	Hà Nội	1251	30L-914.66	Hà Nội	2251	30M-012.56	Hà Nội
252	30M-027.27	Hà Nội	1252	30L-919.26	Hà Nội	2252	30M-016.56	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
253	51K-997.86	Hồ Chí Minh	1253	30L-920.09	Hà Nội	2253	30M-019.72	Hà Nội
254	51L-001.39	Hồ Chí Minh	1254	30L-924.55	Hà Nội	2254	30M-021.11	Hà Nội
255	51L-004.88	Hồ Chí Minh	1255	30L-925.44	Hà Nội	2255	30M-023.35	Hà Nội
256	51L-006.79	Hồ Chí Minh	1256	30L-933.65	Hà Nội	2256	30M-024.42	Hà Nội
257	51L-028.89	Hồ Chí Minh	1257	30L-934.68	Hà Nội	2257	51L-003.86	Hồ Chí Minh
258	51L-051.89	Hồ Chí Minh	1258	30L-934.79	Hà Nội	2258	51L-007.68	Hồ Chí Minh
259	51L-073.99	Hồ Chí Minh	1259	30L-948.00	Hà Nội	2259	51L-015.88	Hồ Chí Minh
260	51L-082.86	Hồ Chí Minh	1260	30L-951.88	Hà Nội	2260	51L-024.79	Hồ Chí Minh
261	51L-087.89	Hồ Chí Minh	1261	30L-957.15	Hà Nội	2261	51L-031.88	Hồ Chí Minh
262	51L-119.39	Hồ Chí Minh	1262	30L-962.69	Hà Nội	2262	51L-053.89	Hồ Chí Minh
263	51L-130.39	Hồ Chí Minh	1263	30L-963.23	Hà Nội	2263	51L-076.68	Hồ Chí Minh
264	51L-135.39	Hồ Chí Minh	1264	30L-964.59	Hà Nội	2264	51L-079.66	Hồ Chí Minh
265	51L-144.88	Hồ Chí Minh	1265	30L-967.39	Hà Nội	2265	51L-097.66	Hồ Chí Minh
266	51L-145.79	Hồ Chí Minh	1266	30L-968.62	Hà Nội	2266	51L-110.89	Hồ Chí Minh
267	51L-150.39	Hồ Chí Minh	1267	30L-971.08	Hà Nội	2267	51L-118.39	Hồ Chí Minh
268	51L-153.89	Hồ Chí Minh	1268	30L-972.97	Hà Nội	2268	51L-137.66	Hồ Chí Minh
269	51L-164.69	Hồ Chí Minh	1269	30L-978.97	Hà Nội	2269	51L-154.39	Hồ Chí Minh
270	51L-171.11	Hồ Chí Minh	1270	30L-986.25	Hà Nội	2270	51L-171.68	Hồ Chí Minh
271	51L-174.44	Hồ Chí Minh	1271	30L-986.93	Hà Nội	2271	51L-182.66	Hồ Chí Minh
272	51L-178.86	Hồ Chí Minh	1272	30L-987.35	Hà Nội	2272	51L-183.99	Hồ Chí Minh
273	51L-181.69	Hồ Chí Minh	1273	30L-992.62	Hà Nội	2273	51L-200.33	Hồ Chí Minh
274	51L-191.86	Hồ Chí Minh	1274	30L-994.89	Hà Nội	2274	51L-203.89	Hồ Chí Minh
275	51L-197.69	Hồ Chí Minh	1275	30L-995.39	Hà Nội	2275	51L-215.39	Hồ Chí Minh
276	51L-200.39	Hồ Chí Minh	1276	30L-999.13	Hà Nội	2276	51L-217.86	Hồ Chí Minh
277	51L-201.11	Hồ Chí Minh	1277	30L-999.44	Hà Nội	2277	51L-218.39	Hồ Chí Minh
278	51L-201.68	Hồ Chí Minh	1278	30M-004.86	Hà Nội	2278	51L-219.63	Hồ Chí Minh
279	51L-208.79	Hồ Chí Minh	1279	30M-006.95	Hà Nội	2279	51L-219.83	Hồ Chí Minh
280	51L-208.86	Hồ Chí Minh	1280	30M-009.16	Hà Nội	2280	51L-242.68	Hồ Chí Minh
281	51L-213.99	Hồ Chí Minh	1281	30M-020.20	Hà Nội	2281	51L-244.69	Hồ Chí Minh
282	51L-215.86	Hồ Chí Minh	1282	30M-023.89	Hà Nội	2282	51L-258.89	Hồ Chí Minh
283	51L-219.95	Hồ Chí Minh	1283	30M-024.39	Hà Nội	2283	51L-259.88	Hồ Chí Minh
284	51L-221.96	Hồ Chí Minh	1284	30M-028.36	Hà Nội	2284	51L-263.99	Hồ Chí Minh
285	51L-225.96	Hồ Chí Minh	1285	51L-029.39	Hồ Chí Minh	2285	51L-284.39	Hồ Chí Minh
286	51L-243.69	Hồ Chí Minh	1286	51L-032.86	Hồ Chí Minh	2286	51L-284.99	Hồ Chí Minh
287	51L-265.66	Hồ Chí Minh	1287	51L-051.99	Hồ Chí Minh	2287	51L-292.33	Hồ Chí Minh
288	51L-275.57	Hồ Chí Minh	1288	51L-064.68	Hồ Chí Minh	2288	51L-297.88	Hồ Chí Minh
289	51L-280.96	Hồ Chí Minh	1289	51L-067.76	Hồ Chí Minh	2289	51L-305.89	Hồ Chí Minh
290	51L-282.39	Hồ Chí Minh	1290	51L-072.27	Hồ Chí Minh	2290	51L-310.99	Hồ Chí Minh
291	51L-286.39	Hồ Chí Minh	1291	51L-092.39	Hồ Chí Minh	2291	51L-317.39	Hồ Chí Minh
292	51L-289.55	Hồ Chí Minh	1292	51L-099.39	Hồ Chí Minh	2292	51L-323.86	Hồ Chí Minh
293	51L-291.69	Hồ Chí Minh	1293	51L-122.69	Hồ Chí Minh	2293	51L-326.89	Hồ Chí Minh
294	51L-292.88	Hồ Chí Minh	1294	51L-124.79	Hồ Chí Minh	2294	51L-327.79	Hồ Chí Minh
295	51L-295.89	Hồ Chí Minh	1295	51L-127.96	Hồ Chí Minh	2295	51L-327.98	Hồ Chí Minh
296	51L-306.39	Hồ Chí Minh	1296	51L-162.69	Hồ Chí Minh	2296	51L-328.35	Hồ Chí Minh
297	51L-306.86	Hồ Chí Minh	1297	51L-184.99	Hồ Chí Minh	2297	51L-330.66	Hồ Chí Minh
298	51L-325.39	Hồ Chí Minh	1298	51L-194.89	Hồ Chí Minh	2298	51L-357.66	Hồ Chí Minh
299	51L-325.89	Hồ Chí Minh	1299	51L-203.66	Hồ Chí Minh	2299	51L-359.68	Hồ Chí Minh
300	51L-330.99	Hồ Chí Minh	1300	51L-205.68	Hồ Chí Minh	2300	51L-359.88	Hồ Chí Minh
301	51L-331.88	Hồ Chí Minh	1301	51L-207.88	Hồ Chí Minh	2301	51L-380.66	Hồ Chí Minh
302	51L-358.39	Hồ Chí Minh	1302	51L-209.86	Hồ Chí Minh	2302	51L-385.69	Hồ Chí Minh
303	51L-365.39	Hồ Chí Minh	1303	51L-225.35	Hồ Chí Minh	2303	51L-390.86	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
304	51L-390.88	Hồ Chí Minh	1304	51L-229.38	Hồ Chí Minh	2304	51L-407.79	Hồ Chí Minh
305	51L-392.29	Hồ Chí Minh	1305	51L-230.68	Hồ Chí Minh	2305	51L-423.23	Hồ Chí Minh
306	51L-430.00	Hồ Chí Minh	1306	51L-230.86	Hồ Chí Minh	2306	51L-436.99	Hồ Chí Minh
307	51L-443.88	Hồ Chí Minh	1307	51L-240.69	Hồ Chí Minh	2307	51L-450.00	Hồ Chí Minh
308	51L-447.86	Hồ Chí Minh	1308	51L-253.39	Hồ Chí Minh	2308	51L-451.88	Hồ Chí Minh
309	51L-471.88	Hồ Chí Minh	1309	51L-260.68	Hồ Chí Minh	2309	51L-505.86	Hồ Chí Minh
310	51L-510.99	Hồ Chí Minh	1310	51L-270.88	Hồ Chí Minh	2310	51L-508.69	Hồ Chí Minh
311	51L-520.89	Hồ Chí Minh	1311	51L-274.79	Hồ Chí Minh	2311	51L-510.68	Hồ Chí Minh
312	51L-523.25	Hồ Chí Minh	1312	51L-305.86	Hồ Chí Minh	2312	51L-516.68	Hồ Chí Minh
313	51L-530.86	Hồ Chí Minh	1313	51L-315.69	Hồ Chí Minh	2313	51L-539.35	Hồ Chí Minh
314	51L-547.69	Hồ Chí Minh	1314	51L-316.86	Hồ Chí Minh	2314	51L-555.00	Hồ Chí Minh
315	51L-554.86	Hồ Chí Minh	1315	51L-320.79	Hồ Chí Minh	2315	51L-562.63	Hồ Chí Minh
316	51L-563.56	Hồ Chí Minh	1316	51L-321.89	Hồ Chí Minh	2316	51L-569.65	Hồ Chí Minh
317	51L-574.69	Hồ Chí Minh	1317	51L-338.85	Hồ Chí Minh	2317	51L-571.39	Hồ Chí Minh
318	51L-618.83	Hồ Chí Minh	1318	51L-347.39	Hồ Chí Minh	2318	51L-572.79	Hồ Chí Minh
319	51L-619.72	Hồ Chí Minh	1319	51L-348.79	Hồ Chí Minh	2319	51L-593.33	Hồ Chí Minh
320	51L-620.16	Hồ Chí Minh	1320	51L-355.86	Hồ Chí Minh	2320	51L-620.79	Hồ Chí Minh
321	51L-620.20	Hồ Chí Minh	1321	51L-363.39	Hồ Chí Minh	2321	51L-622.58	Hồ Chí Minh
322	51L-623.38	Hồ Chí Minh	1322	51L-370.39	Hồ Chí Minh	2322	51L-623.19	Hồ Chí Minh
323	51L-623.96	Hồ Chí Minh	1323	51L-374.69	Hồ Chí Minh	2323	51L-623.59	Hồ Chí Minh
324	51L-624.25	Hồ Chí Minh	1324	51L-375.66	Hồ Chí Minh	2324	51L-623.69	Hồ Chí Minh
325	51L-624.79	Hồ Chí Minh	1325	51L-382.96	Hồ Chí Minh	2325	51L-624.18	Hồ Chí Minh
326	51L-627.86	Hồ Chí Minh	1326	51L-391.86	Hồ Chí Minh	2326	51L-624.83	Hồ Chí Minh
327	51L-628.83	Hồ Chí Minh	1327	51L-417.68	Hồ Chí Minh	2327	51L-626.36	Hồ Chí Minh
328	51L-629.26	Hồ Chí Minh	1328	51L-431.99	Hồ Chí Minh	2328	51L-631.16	Hồ Chí Minh
329	51L-632.95	Hồ Chí Minh	1329	51L-432.39	Hồ Chí Minh	2329	51L-632.65	Hồ Chí Minh
330	51L-636.44	Hồ Chí Minh	1330	51L-450.39	Hồ Chí Minh	2330	51L-633.86	Hồ Chí Minh
331	51L-642.15	Hồ Chí Minh	1331	51L-452.39	Hồ Chí Minh	2331	51L-634.79	Hồ Chí Minh
332	51L-644.39	Hồ Chí Minh	1332	51L-461.66	Hồ Chí Minh	2332	51L-636.19	Hồ Chí Minh
333	51L-648.48	Hồ Chí Minh	1333	51L-496.96	Hồ Chí Minh	2333	51L-637.08	Hồ Chí Minh
334	51L-650.22	Hồ Chí Minh	1334	51L-501.79	Hồ Chí Minh	2334	51L-638.19	Hồ Chí Minh
335	51L-657.08	Hồ Chí Minh	1335	51L-503.99	Hồ Chí Minh	2335	51L-639.33	Hồ Chí Minh
336	51L-663.89	Hồ Chí Minh	1336	51L-520.68	Hồ Chí Minh	2336	51L-641.38	Hồ Chí Minh
337	51L-668.09	Hồ Chí Minh	1337	51L-524.79	Hồ Chí Minh	2337	51L-642.66	Hồ Chí Minh
338	51L-673.44	Hồ Chí Minh	1338	51L-582.85	Hồ Chí Minh	2338	51L-642.85	Hồ Chí Minh
339	51L-678.04	Hồ Chí Minh	1339	51L-601.88	Hồ Chí Minh	2339	51L-643.83	Hồ Chí Minh
340	51L-686.29	Hồ Chí Minh	1340	51L-620.39	Hồ Chí Minh	2340	51L-647.11	Hồ Chí Minh
341	51L-688.44	Hồ Chí Minh	1341	51L-620.96	Hồ Chí Minh	2341	51L-647.33	Hồ Chí Minh
342	51L-689.26	Hồ Chí Minh	1342	51L-623.23	Hồ Chí Minh	2342	51L-648.89	Hồ Chí Minh
343	51L-692.93	Hồ Chí Minh	1343	51L-629.35	Hồ Chí Minh	2343	51L-649.96	Hồ Chí Minh
344	51L-701.01	Hồ Chí Minh	1344	51L-630.89	Hồ Chí Minh	2344	51L-650.79	Hồ Chí Minh
345	51L-703.96	Hồ Chí Minh	1345	51L-636.35	Hồ Chí Minh	2345	51L-651.66	Hồ Chí Minh
346	51L-705.08	Hồ Chí Minh	1346	51L-636.83	Hồ Chí Minh	2346	51L-652.52	Hồ Chí Minh
347	51L-713.16	Hồ Chí Minh	1347	51L-637.18	Hồ Chí Minh	2347	51L-654.86	Hồ Chí Minh
348	51L-714.28	Hồ Chí Minh	1348	51L-639.63	Hồ Chí Minh	2348	51L-655.00	Hồ Chí Minh
349	51L-716.16	Hồ Chí Minh	1349	51L-640.22	Hồ Chí Minh	2349	51L-656.85	Hồ Chí Minh
350	51L-717.66	Hồ Chí Minh	1350	51L-640.44	Hồ Chí Minh	2350	51L-664.36	Hồ Chí Minh
351	51L-722.29	Hồ Chí Minh	1351	51L-642.16	Hồ Chí Minh	2351	51L-664.67	Hồ Chí Minh
352	51L-722.39	Hồ Chí Minh	1352	51L-642.46	Hồ Chí Minh	2352	51L-665.58	Hồ Chí Minh
353	51L-723.06	Hồ Chí Minh	1353	51L-649.66	Hồ Chí Minh	2353	51L-665.86	Hồ Chí Minh
354	51L-726.36	Hồ Chí Minh	1354	51L-650.44	Hồ Chí Minh	2354	51L-665.98	Hồ Chí Minh

1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100
 101
 102
 103
 104
 105
 106
 107
 108
 109
 110
 111
 112
 113
 114
 115
 116
 117
 118
 119
 120
 121
 122
 123
 124
 125
 126
 127
 128
 129
 130
 131
 132
 133
 134
 135
 136
 137
 138
 139
 140
 141
 142
 143
 144
 145
 146
 147
 148
 149
 150
 151
 152
 153
 154
 155
 156
 157
 158
 159
 160
 161
 162
 163
 164
 165
 166
 167
 168
 169
 170
 171
 172
 173
 174
 175
 176
 177
 178
 179
 180
 181
 182
 183
 184
 185
 186
 187
 188
 189
 190
 191
 192
 193
 194
 195
 196
 197
 198
 199
 200
 201
 202
 203
 204
 205
 206
 207
 208
 209
 210
 211
 212
 213
 214
 215
 216
 217
 218
 219
 220
 221
 222
 223
 224
 225
 226
 227
 228
 229
 230
 231
 232
 233
 234
 235
 236
 237
 238
 239
 240
 241
 242
 243
 244
 245
 246
 247
 248
 249
 250
 251
 252
 253
 254
 255
 256
 257
 258
 259
 260
 261
 262
 263
 264
 265
 266
 267
 268
 269
 270
 271
 272
 273
 274
 275
 276
 277
 278
 279
 280
 281
 282
 283
 284
 285
 286
 287
 288
 289
 290
 291
 292
 293
 294
 295
 296
 297
 298
 299
 300
 301
 302
 303
 304
 305
 306
 307
 308
 309
 310
 311
 312
 313
 314
 315
 316
 317
 318
 319
 320
 321
 322
 323
 324
 325
 326
 327
 328
 329
 330
 331
 332
 333
 334
 335
 336
 337
 338
 339
 340
 341
 342
 343
 344
 345
 346
 347
 348
 349
 350
 351
 352
 353
 354
 355
 356
 357
 358
 359
 360
 361
 362
 363
 364
 365
 366
 367
 368
 369
 370
 371
 372
 373
 374
 375
 376
 377
 378
 379
 380
 381
 382
 383
 384
 385
 386
 387
 388
 389
 390
 391
 392
 393
 394
 395
 396
 397
 398
 399
 400
 401
 402
 403
 404
 405
 406
 407
 408
 409
 410
 411
 412
 413
 414
 415
 416
 417
 418
 419
 420
 421
 422
 423
 424
 425
 426
 427
 428
 429
 430
 431
 432
 433
 434
 435
 436
 437
 438
 439
 440
 441
 442
 443
 444
 445
 446
 447
 448
 449
 450
 451
 452
 453
 454
 455
 456
 457
 458
 459
 460
 461
 462
 463
 464
 465
 466
 467
 468
 469
 470
 471
 472
 473
 474
 475
 476
 477
 478
 479
 480
 481
 482
 483
 484
 485
 486
 487
 488
 489
 490
 491
 492
 493
 494
 495
 496
 497
 498
 499
 500
 501
 502
 503
 504
 505
 506
 507
 508
 509
 510
 511
 512
 513
 514
 515
 516
 517
 518
 519
 520
 521
 522
 523
 524
 525
 526
 527
 528
 529
 530
 531
 532
 533
 534
 535
 536
 537
 538
 539
 540
 541
 542
 543
 544
 545
 546
 547
 548
 549
 550
 551
 552
 553
 554
 555
 556
 557
 558
 559
 560
 561
 562
 563
 564
 565
 566
 567
 568
 569
 570
 571
 572
 573
 574
 575
 576
 577
 578
 579
 580
 581
 582
 583
 584
 585
 586
 587
 588
 589
 590
 591
 592
 593
 594
 595
 596
 597
 598
 599
 600
 601
 602
 603
 604
 605
 606
 607
 608
 609
 610
 611
 612
 613
 614
 615
 616
 617
 618
 619
 620
 621
 622
 623
 624
 625
 626
 627
 628
 629
 630
 631
 632
 633
 634
 635
 636
 637
 638
 639
 640
 641
 642
 643
 644
 645
 646
 647
 648
 649
 650
 651
 652
 653
 654
 655
 656
 657
 658
 659
 660
 661
 662
 663
 664
 665
 666
 667
 668
 669
 670
 671
 672
 673
 674
 675
 676
 677
 678
 679
 680
 681
 682
 683
 684
 685
 686
 687
 688
 689
 690
 691
 692
 693
 694
 695
 696
 697
 698
 699
 700
 701
 702
 703
 704
 705
 706
 707
 708
 709
 710
 711
 712
 713
 714
 715
 716
 717
 718
 719
 720
 721
 722
 723
 724
 725
 726
 727
 728
 729
 730
 731
 732
 733
 734
 735
 736
 737
 738
 739
 740
 741
 742
 743
 744
 745
 746
 747
 748
 749
 750
 751
 752
 753
 754
 755
 756
 757
 758
 759
 760
 761
 762
 763
 764
 765
 766
 767
 768
 769
 770
 771
 772
 773
 774
 775
 776
 777
 778
 779
 780
 781
 782
 783
 784
 785
 786
 787
 788
 789
 790
 791
 792
 793
 794
 795
 796
 797
 798
 799
 800
 801
 802
 803
 804
 805
 806
 807
 808
 809
 810
 811
 812
 813
 814
 815
 816
 817
 818
 819
 820
 821
 822
 823
 824
 825
 826
 827
 828
 829
 830
 831
 832
 833
 834
 835
 836
 837
 838
 839
 840
 841
 842
 843
 844
 845
 846
 847
 848
 849
 850
 851
 852
 853
 854
 855
 856
 857
 858
 859
 860
 861
 862
 863
 864
 865
 866
 867
 868
 869
 870
 871
 872
 873
 874
 875
 876
 877
 878
 879
 880

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
355	51L-730.26	Hồ Chí Minh	1355	51L-651.95	Hồ Chí Minh	2355	51L-666.44	Hồ Chí Minh
356	51L-732.33	Hồ Chí Minh	1356	51L-655.22	Hồ Chí Minh	2356	51L-666.73	Hồ Chí Minh
357	51L-732.89	Hồ Chí Minh	1357	51L-657.38	Hồ Chí Minh	2357	51L-670.67	Hồ Chí Minh
358	51L-733.73	Hồ Chí Minh	1358	51L-662.38	Hồ Chí Minh	2358	51L-672.38	Hồ Chí Minh
359	51L-734.77	Hồ Chí Minh	1359	51L-663.79	Hồ Chí Minh	2359	51L-672.99	Hồ Chí Minh
360	51L-736.73	Hồ Chí Minh	1360	51L-666.02	Hồ Chí Minh	2360	51L-673.74	Hồ Chí Minh
361	51L-737.09	Hồ Chí Minh	1361	51L-666.94	Hồ Chí Minh	2361	51L-675.08	Hồ Chí Minh
362	51L-737.86	Hồ Chí Minh	1362	51L-675.95	Hồ Chí Minh	2362	51L-678.67	Hồ Chí Minh
363	51L-739.28	Hồ Chí Minh	1363	51L-680.98	Hồ Chí Minh	2363	51L-681.33	Hồ Chí Minh
364	51L-739.77	Hồ Chí Minh	1364	51L-681.19	Hồ Chí Minh	2364	51L-681.96	Hồ Chí Minh
365	51L-740.39	Hồ Chí Minh	1365	51L-690.39	Hồ Chí Minh	2365	51L-686.95	Hồ Chí Minh
366	51L-754.15	Hồ Chí Minh	1366	51L-690.91	Hồ Chí Minh	2366	51L-688.05	Hồ Chí Minh
367	51L-755.22	Hồ Chí Minh	1367	51L-699.25	Hồ Chí Minh	2367	51L-688.07	Hồ Chí Minh
368	51L-756.16	Hồ Chí Minh	1368	51L-700.65	Hồ Chí Minh	2368	51L-690.44	Hồ Chí Minh
369	51L-757.79	Hồ Chí Minh	1369	51L-701.28	Hồ Chí Minh	2369	51L-691.25	Hồ Chí Minh
370	51L-759.86	Hồ Chí Minh	1370	51L-702.38	Hồ Chí Minh	2370	51L-693.66	Hồ Chí Minh
371	51L-760.69	Hồ Chí Minh	1371	51L-705.69	Hồ Chí Minh	2371	51L-695.36	Hồ Chí Minh
372	51L-762.76	Hồ Chí Minh	1372	51L-705.99	Hồ Chí Minh	2372	51L-697.86	Hồ Chí Minh
373	51L-764.98	Hồ Chí Minh	1373	51L-707.39	Hồ Chí Minh	2373	51L-703.66	Hồ Chí Minh
374	51L-773.68	Hồ Chí Minh	1374	51L-714.68	Hồ Chí Minh	2374	51L-705.66	Hồ Chí Minh
375	51L-775.76	Hồ Chí Minh	1375	51L-721.25	Hồ Chí Minh	2375	51L-707.79	Hồ Chí Minh
376	51L-780.86	Hồ Chí Minh	1376	51L-726.96	Hồ Chí Minh	2376	51L-708.09	Hồ Chí Minh
377	51L-781.78	Hồ Chí Minh	1377	51L-727.39	Hồ Chí Minh	2377	51L-708.22	Hồ Chí Minh
378	51L-782.88	Hồ Chí Minh	1378	51L-727.86	Hồ Chí Minh	2378	51L-712.89	Hồ Chí Minh
379	51L-783.89	Hồ Chí Minh	1379	51L-736.26	Hồ Chí Minh	2379	51L-718.81	Hồ Chí Minh
380	51L-789.67	Hồ Chí Minh	1380	51L-737.99	Hồ Chí Minh	2380	51L-725.38	Hồ Chí Minh
381	51L-791.06	Hồ Chí Minh	1381	51L-742.24	Hồ Chí Minh	2381	51L-727.25	Hồ Chí Minh
382	51L-800.95	Hồ Chí Minh	1382	51L-742.38	Hồ Chí Minh	2382	51L-731.66	Hồ Chí Minh
383	51L-802.08	Hồ Chí Minh	1383	51L-745.83	Hồ Chí Minh	2383	51L-733.28	Hồ Chí Minh
384	51L-805.08	Hồ Chí Minh	1384	51L-746.33	Hồ Chí Minh	2384	51L-735.73	Hồ Chí Minh
385	51L-809.77	Hồ Chí Minh	1385	51L-749.79	Hồ Chí Minh	2385	51L-736.99	Hồ Chí Minh
386	51L-811.22	Hồ Chí Minh	1386	51L-752.29	Hồ Chí Minh	2386	51L-745.35	Hồ Chí Minh
387	51L-811.79	Hồ Chí Minh	1387	51L-752.52	Hồ Chí Minh	2387	51L-749.68	Hồ Chí Minh
388	51L-812.21	Hồ Chí Minh	1388	51L-756.38	Hồ Chí Minh	2388	51L-753.26	Hồ Chí Minh
389	51L-812.79	Hồ Chí Minh	1389	51L-757.66	Hồ Chí Minh	2389	51L-756.65	Hồ Chí Minh
390	51L-814.98	Hồ Chí Minh	1390	51L-758.11	Hồ Chí Minh	2390	51L-759.28	Hồ Chí Minh
391	51L-819.70	Hồ Chí Minh	1391	51L-761.89	Hồ Chí Minh	2391	51L-760.88	Hồ Chí Minh
392	51L-820.11	Hồ Chí Minh	1392	51L-762.22	Hồ Chí Minh	2392	51L-761.77	Hồ Chí Minh
393	51L-823.99	Hồ Chí Minh	1393	51L-766.95	Hồ Chí Minh	2393	51L-762.36	Hồ Chí Minh
394	51L-830.99	Hồ Chí Minh	1394	51L-771.15	Hồ Chí Minh	2394	51L-771.17	Hồ Chí Minh
395	51L-831.15	Hồ Chí Minh	1395	51L-772.25	Hồ Chí Minh	2395	51L-775.56	Hồ Chí Minh
396	51L-831.97	Hồ Chí Minh	1396	51L-772.83	Hồ Chí Minh	2396	51L-799.00	Hồ Chí Minh
397	51L-833.22	Hồ Chí Minh	1397	51L-773.06	Hồ Chí Minh	2397	51L-806.29	Hồ Chí Minh
398	51L-835.59	Hồ Chí Minh	1398	51L-773.39	Hồ Chí Minh	2398	51L-806.83	Hồ Chí Minh
399	51L-837.95	Hồ Chí Minh	1399	51L-777.04	Hồ Chí Minh	2399	51L-806.88	Hồ Chí Minh
400	51L-837.98	Hồ Chí Minh	1400	51L-777.06	Hồ Chí Minh	2400	51L-811.33	Hồ Chí Minh
401	51L-838.59	Hồ Chí Minh	1401	51L-780.78	Hồ Chí Minh	2401	51L-815.28	Hồ Chí Minh
402	51L-844.48	Hồ Chí Minh	1402	51L-782.19	Hồ Chí Minh	2402	51L-815.68	Hồ Chí Minh
403	51L-848.18	Hồ Chí Minh	1403	51L-783.09	Hồ Chí Minh	2403	51L-825.83	Hồ Chí Minh
404	51L-850.39	Hồ Chí Minh	1404	51L-788.11	Hồ Chí Minh	2404	51L-825.86	Hồ Chí Minh
405	51L-853.56	Hồ Chí Minh	1405	51L-788.80	Hồ Chí Minh	2405	51L-826.79	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
406	51L-854.66	Hồ Chí Minh	1406	51L-789.48	Hồ Chí Minh	2406	51L-827.88	Hồ Chí Minh
407	51L-855.79	Hồ Chí Minh	1407	51L-792.09	Hồ Chí Minh	2407	51L-832.33	Hồ Chí Minh
408	51L-864.46	Hồ Chí Minh	1408	51L-793.65	Hồ Chí Minh	2408	51L-832.99	Hồ Chí Minh
409	51L-866.77	Hồ Chí Minh	1409	51L-794.98	Hồ Chí Minh	2409	51L-835.39	Hồ Chí Minh
410	51L-870.79	Hồ Chí Minh	1410	51L-802.02	Hồ Chí Minh	2410	51L-837.08	Hồ Chí Minh
411	51L-871.87	Hồ Chí Minh	1411	51L-803.69	Hồ Chí Minh	2411	51L-837.66	Hồ Chí Minh
412	51L-871.88	Hồ Chí Minh	1412	51L-805.36	Hồ Chí Minh	2412	51L-838.85	Hồ Chí Minh
413	51L-878.18	Hồ Chí Minh	1413	51L-805.58	Hồ Chí Minh	2413	51L-841.06	Hồ Chí Minh
414	51L-878.58	Hồ Chí Minh	1414	51L-807.66	Hồ Chí Minh	2414	51L-844.35	Hồ Chí Minh
415	51L-881.28	Hồ Chí Minh	1415	51L-807.68	Hồ Chí Minh	2415	51L-845.89	Hồ Chí Minh
416	51L-882.58	Hồ Chí Minh	1416	51L-808.38	Hồ Chí Minh	2416	51L-846.18	Hồ Chí Minh
417	51L-885.38	Hồ Chí Minh	1417	51L-809.19	Hồ Chí Minh	2417	51L-846.69	Hồ Chí Minh
418	51L-887.86	Hồ Chí Minh	1418	51L-812.06	Hồ Chí Minh	2418	51L-852.83	Hồ Chí Minh
419	11A-108.89	Cao Bằng	1419	51L-813.36	Hồ Chí Minh	2419	51L-855.15	Hồ Chí Minh
420	11A-127.99	Cao Bằng	1420	51L-815.06	Hồ Chí Minh	2420	51L-855.22	Hồ Chí Minh
421	12A-235.96	Lạng Sơn	1421	51L-815.81	Hồ Chí Minh	2421	51L-857.22	Hồ Chí Minh
422	12A-244.89	Lạng Sơn	1422	51L-818.15	Hồ Chí Minh	2422	51L-860.28	Hồ Chí Minh
423	12A-247.66	Lạng Sơn	1423	51L-818.38	Hồ Chí Minh	2423	51L-864.58	Hồ Chí Minh
424	12A-253.54	Lạng Sơn	1424	51L-818.85	Hồ Chí Minh	2424	51L-866.22	Hồ Chí Minh
425	12A-255.69	Lạng Sơn	1425	51L-819.95	Hồ Chí Minh	2425	51L-870.06	Hồ Chí Minh
426	14A-841.11	Quảng Ninh	1426	51L-820.86	Hồ Chí Minh	2426	51L-870.85	Hồ Chí Minh
427	14A-851.66	Quảng Ninh	1427	51L-821.82	Hồ Chí Minh	2427	51L-874.85	Hồ Chí Minh
428	14A-866.00	Quảng Ninh	1428	51L-823.82	Hồ Chí Minh	2428	51L-874.89	Hồ Chí Minh
429	14A-883.96	Quảng Ninh	1429	51L-824.09	Hồ Chí Minh	2429	51L-880.06	Hồ Chí Minh
430	14A-924.42	Quảng Ninh	1430	51L-831.13	Hồ Chí Minh	2430	51L-881.15	Hồ Chí Minh
431	14A-926.27	Quảng Ninh	1431	51L-835.99	Hồ Chí Minh	2431	51L-881.29	Hồ Chí Minh
432	14A-930.89	Quảng Ninh	1432	51L-838.65	Hồ Chí Minh	2432	51L-881.38	Hồ Chí Minh
433	14A-940.04	Quảng Ninh	1433	51L-840.08	Hồ Chí Minh	2433	51L-881.39	Hồ Chí Minh
434	14A-942.89	Quảng Ninh	1434	51L-841.11	Hồ Chí Minh	2434	51L-882.56	Hồ Chí Minh
435	14A-946.99	Quảng Ninh	1435	51L-842.84	Hồ Chí Minh	2435	51L-882.89	Hồ Chí Minh
436	14A-948.69	Quảng Ninh	1436	51L-843.33	Hồ Chí Minh	2436	51L-886.09	Hồ Chí Minh
437	14A-950.00	Quảng Ninh	1437	51L-843.43	Hồ Chí Minh	2437	51L-891.11	Hồ Chí Minh
438	14A-961.88	Quảng Ninh	1438	51L-845.46	Hồ Chí Minh	2438	51L-894.08	Hồ Chí Minh
439	14D-027.68	Quảng Ninh	1439	51L-849.48	Hồ Chí Minh	2439	51L-894.33	Hồ Chí Minh
440	15K-197.68	Hải Phòng	1440	51L-851.22	Hồ Chí Minh	2440	11A-122.11	Cao Bằng
441	15K-209.86	Hải Phòng	1441	51L-855.11	Hồ Chí Minh	2441	12A-233.79	Lạng Sơn
442	15K-229.55	Hải Phòng	1442	51L-856.16	Hồ Chí Minh	2442	12A-240.69	Lạng Sơn
443	15K-244.79	Hải Phòng	1443	51L-856.35	Hồ Chí Minh	2443	12A-248.99	Lạng Sơn
444	15K-267.88	Hải Phòng	1444	51L-860.96	Hồ Chí Minh	2444	12A-251.11	Lạng Sơn
445	15K-297.88	Hải Phòng	1445	51L-862.63	Hồ Chí Minh	2445	12A-257.69	Lạng Sơn
446	15K-327.88	Hải Phòng	1446	51L-863.33	Hồ Chí Minh	2446	12C-136.99	Lạng Sơn
447	15K-348.39	Hải Phòng	1447	51L-864.29	Hồ Chí Minh	2447	14A-837.68	Quảng Ninh
448	15K-359.68	Hải Phòng	1448	51L-866.09	Hồ Chí Minh	2448	14A-853.79	Quảng Ninh
449	15K-366.00	Hải Phòng	1449	51L-868.55	Hồ Chí Minh	2449	14A-884.44	Quảng Ninh
450	15K-374.75	Hải Phòng	1450	51L-870.26	Hồ Chí Minh	2450	14A-904.89	Quảng Ninh
451	15K-383.69	Hải Phòng	1451	51L-872.25	Hồ Chí Minh	2451	14A-911.44	Quảng Ninh
452	15K-390.69	Hải Phòng	1452	51L-875.87	Hồ Chí Minh	2452	14A-937.93	Quảng Ninh
453	15K-399.00	Hải Phòng	1453	51L-876.39	Hồ Chí Minh	2453	14A-946.89	Quảng Ninh
454	15K-401.10	Hải Phòng	1454	51L-884.86	Hồ Chí Minh	2454	14A-947.69	Quảng Ninh
455	15K-405.89	Hải Phòng	1455	51L-886.17	Hồ Chí Minh	2455	14A-957.69	Quảng Ninh
456	15K-408.04	Hải Phòng	1456	51L-886.42	Hồ Chí Minh	2456	14A-971.99	Quảng Ninh

H. C. E. H. V. ANH

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
457	15K-418.39	Hải Phòng	1457	51L-886.43	Hồ Chí Minh	2457	15K-218.81	Hải Phòng
458	15K-422.44	Hải Phòng	1458	51L-890.95	Hồ Chí Minh	2458	15K-242.99	Hải Phòng
459	15K-423.86	Hải Phòng	1459	51L-893.58	Hồ Chí Minh	2459	15K-266.63	Hải Phòng
460	17A-397.66	Thái Bình	1460	51L-895.36	Hồ Chí Minh	2460	15K-284.84	Hải Phòng
461	17A-418.69	Thái Bình	1461	11A-110.88	Cao Bằng	2461	15K-315.69	Hải Phòng
462	17A-421.68	Thái Bình	1462	11A-135.13	Cao Bằng	2462	15K-337.88	Hải Phòng
463	17A-435.79	Thái Bình	1463	11C-082.82	Cao Bằng	2463	15K-346.46	Hải Phòng
464	17A-439.39	Thái Bình	1464	12A-234.89	Lạng Sơn	2464	15K-349.39	Hải Phòng
465	17A-483.83	Thái Bình	1465	12A-240.86	Lạng Sơn	2465	15K-352.22	Hải Phòng
466	18A-400.77	Nam Định	1466	12A-255.22	Lạng Sơn	2466	15K-352.69	Hải Phòng
467	18A-407.88	Nam Định	1467	12A-262.39	Lạng Sơn	2467	15K-362.66	Hải Phòng
468	18A-416.96	Nam Định	1468	14A-855.11	Quảng Ninh	2468	15K-364.79	Hải Phòng
469	18A-417.17	Nam Định	1469	14A-915.69	Quảng Ninh	2469	15K-372.88	Hải Phòng
470	18A-424.69	Nam Định	1470	14A-921.12	Quảng Ninh	2470	15K-373.39	Hải Phòng
471	18A-438.39	Nam Định	1471	14A-924.39	Quảng Ninh	2471	15K-384.79	Hải Phòng
472	18A-438.89	Nam Định	1472	14A-937.86	Quảng Ninh	2472	15K-390.79	Hải Phòng
473	18A-440.86	Nam Định	1473	14A-944.68	Quảng Ninh	2473	15K-400.77	Hải Phòng
474	18A-446.39	Nam Định	1474	14A-949.68	Quảng Ninh	2474	15K-406.99	Hải Phòng
475	18A-457.75	Nam Định	1475	14A-970.07	Quảng Ninh	2475	15K-410.11	Hải Phòng
476	18A-458.79	Nam Định	1476	15K-200.79	Hải Phòng	2476	15K-415.66	Hải Phòng
477	18A-465.56	Nam Định	1477	15K-213.86	Hải Phòng	2477	15K-424.39	Hải Phòng
478	18A-476.89	Nam Định	1478	15K-255.44	Hải Phòng	2478	17A-414.79	Thái Bình
479	18A-480.89	Nam Định	1479	15K-266.00	Hải Phòng	2479	17A-422.66	Thái Bình
480	18B-029.79	Nam Định	1480	15K-280.86	Hải Phòng	2480	17A-425.55	Thái Bình
481	19A-580.99	Phú Thọ	1481	15K-281.99	Hải Phòng	2481	17A-437.66	Thái Bình
482	19A-593.79	Phú Thọ	1482	15K-299.44	Hải Phòng	2482	17A-444.18	Thái Bình
483	19A-597.98	Phú Thọ	1483	15K-325.88	Hải Phòng	2483	17A-471.69	Thái Bình
484	19A-605.50	Phú Thọ	1484	15K-333.78	Hải Phòng	2484	17A-476.47	Thái Bình
485	19A-653.39	Phú Thọ	1485	15K-335.69	Hải Phòng	2485	17A-477.69	Thái Bình
486	19A-675.75	Phú Thọ	1486	15K-365.89	Hải Phòng	2486	17A-484.89	Thái Bình
487	19A-681.69	Phú Thọ	1487	15K-371.71	Hải Phòng	2487	17A-489.84	Thái Bình
488	19A-681.99	Phú Thọ	1488	15K-390.90	Hải Phòng	2488	17B-028.88	Thái Bình
489	19A-683.39	Phú Thọ	1489	15K-400.04	Hải Phòng	2489	18A-406.88	Nam Định
490	19A-706.07	Phú Thọ	1490	15K-402.40	Hải Phòng	2490	18A-450.05	Nam Định
491	19A-712.21	Phú Thọ	1491	15K-414.15	Hải Phòng	2491	18A-461.66	Nam Định
492	19D-013.66	Phú Thọ	1492	15K-417.71	Hải Phòng	2492	18A-462.22	Nam Định
493	19D-013.86	Phú Thọ	1493	15K-421.86	Hải Phòng	2493	18A-462.66	Nam Định
494	20A-710.69	Thái Nguyên	1494	17A-400.88	Thái Bình	2494	19A-577.44	Phú Thọ
495	20A-740.88	Thái Nguyên	1495	17A-428.89	Thái Bình	2495	19A-588.38	Phú Thọ
496	20A-746.39	Thái Nguyên	1496	17A-451.86	Thái Bình	2496	19A-604.04	Phú Thọ
497	20A-754.98	Thái Nguyên	1497	17A-459.79	Thái Bình	2497	19A-614.86	Phú Thọ
498	20A-778.39	Thái Nguyên	1498	17A-483.66	Thái Bình	2498	19A-624.69	Phú Thọ
499	20A-785.69	Thái Nguyên	1499	17A-486.39	Thái Bình	2499	19A-639.66	Phú Thọ
500	20A-795.68	Thái Nguyên	1500	17B-026.86	Thái Bình	2500	19A-651.69	Phú Thọ
501	20A-801.89	Thái Nguyên	1501	18A-404.68	Nam Định	2501	19A-651.79	Phú Thọ
502	20A-802.02	Thái Nguyên	1502	18A-408.89	Nam Định	2502	19A-654.39	Phú Thọ
503	20A-809.96	Thái Nguyên	1503	18A-420.66	Nam Định	2503	19A-671.66	Phú Thọ
504	20A-820.82	Thái Nguyên	1504	18A-434.79	Nam Định	2504	19A-684.39	Phú Thọ
505	20A-823.24	Thái Nguyên	1505	18A-437.86	Nam Định	2505	19A-700.22	Phú Thọ
506	20A-849.88	Thái Nguyên	1506	18A-440.69	Nam Định	2506	19A-702.03	Phú Thọ
507	20A-852.85	Thái Nguyên	1507	18A-442.68	Nam Định	2507	19A-702.99	Phú Thọ

14
ĐANG
ẤU
P D
T M
UÂN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
508	20A-854.86	Thái Nguyên	1508	18A-445.68	Nam Định	2508	19A-703.79	Phú Thọ
509	20C-307.89	Thái Nguyên	1509	18A-448.79	Nam Định	2509	19A-712.12	Phú Thọ
510	21A-181.79	Yên Bái	1510	18A-454.79	Nam Định	2510	19A-712.69	Phú Thọ
511	21A-205.39	Yên Bái	1511	18A-461.89	Nam Định	2511	19A-713.31	Phú Thọ
512	21A-207.86	Yên Bái	1512	18A-463.88	Nam Định	2512	19B-027.39	Phú Thọ
513	21A-210.88	Yên Bái	1513	18A-475.89	Nam Định	2513	20A-707.39	Thái Nguyên
514	21A-211.77	Yên Bái	1514	18A-481.79	Nam Định	2514	20A-709.89	Thái Nguyên
515	21A-214.12	Yên Bái	1515	18D-012.66	Nam Định	2515	20A-710.88	Thái Nguyên
516	21A-214.88	Yên Bái	1516	19A-563.66	Phú Thọ	2516	20A-738.68	Thái Nguyên
517	21A-219.39	Yên Bái	1517	19A-613.39	Phú Thọ	2517	20A-747.99	Thái Nguyên
518	22A-237.99	Tuyên Quang	1518	19A-637.68	Phú Thọ	2518	20A-751.88	Thái Nguyên
519	22A-251.88	Tuyên Quang	1519	19A-641.66	Phú Thọ	2519	20A-755.69	Thái Nguyên
520	22B-013.79	Tuyên Quang	1520	19A-642.66	Phú Thọ	2520	20A-777.70	Thái Nguyên
521	22B-013.86	Tuyên Quang	1521	19A-671.39	Phú Thọ	2521	20A-783.33	Thái Nguyên
522	22C-111.89	Tuyên Quang	1522	19A-691.88	Phú Thọ	2522	20A-787.68	Thái Nguyên
523	23A-140.40	Hà Giang	1523	19A-697.86	Phú Thọ	2523	20A-795.95	Thái Nguyên
524	23A-157.51	Hà Giang	1524	19A-701.86	Phú Thọ	2524	20A-797.68	Thái Nguyên
525	23A-162.99	Hà Giang	1525	19A-708.66	Phú Thọ	2525	20A-802.66	Thái Nguyên
526	24A-280.66	Lào Cai	1526	19A-711.68	Phú Thọ	2526	20A-804.69	Thái Nguyên
527	25A-072.39	Lai Châu	1527	19B-026.99	Phú Thọ	2527	20A-819.92	Thái Nguyên
528	25A-074.68	Lai Châu	1528	20A-717.68	Thái Nguyên	2528	20A-831.39	Thái Nguyên
529	25A-076.99	Lai Châu	1529	20A-739.86	Thái Nguyên	2529	20A-835.99	Thái Nguyên
530	25A-078.66	Lai Châu	1530	20A-748.79	Thái Nguyên	2530	20A-840.84	Thái Nguyên
531	26A-198.96	Sơn La	1531	20A-751.66	Thái Nguyên	2531	20A-843.99	Thái Nguyên
532	26A-200.00	Sơn La	1532	20A-753.99	Thái Nguyên	2532	20A-849.86	Thái Nguyên
533	26A-206.06	Sơn La	1533	20A-777.19	Thái Nguyên	2533	20A-851.69	Thái Nguyên
534	26A-232.66	Sơn La	1534	20A-782.89	Thái Nguyên	2534	20A-855.11	Thái Nguyên
535	26B-015.99	Sơn La	1535	20A-793.86	Thái Nguyên	2535	21A-208.79	Yên Bái
536	27A-110.99	Điện Biên	1536	20A-800.11	Thái Nguyên	2536	21A-209.09	Yên Bái
537	27A-115.39	Điện Biên	1537	20A-809.39	Thái Nguyên	2537	22A-218.79	Tuyên Quang
538	27A-127.77	Điện Biên	1538	20A-811.55	Thái Nguyên	2538	22A-229.86	Tuyên Quang
539	29D-605.99	Hà Nội	1539	20A-823.82	Thái Nguyên	2539	22A-250.88	Tuyên Quang
540	29K-226.16	Hà Nội	1540	20A-827.39	Thái Nguyên	2540	22A-257.75	Tuyên Quang
541	29K-227.36	Hà Nội	1541	20A-832.38	Thái Nguyên	2541	22A-260.79	Tuyên Quang
542	29K-227.44	Hà Nội	1542	20C-299.39	Thái Nguyên	2542	23A-143.39	Hà Giang
543	29K-227.98	Hà Nội	1543	20C-303.88	Thái Nguyên	2543	23A-144.89	Hà Giang
544	29K-252.58	Hà Nội	1544	21A-180.79	Yên Bái	2544	24A-274.86	Lào Cai
545	29K-253.00	Hà Nội	1545	21A-191.86	Yên Bái	2545	24A-280.79	Lào Cai
546	29K-254.33	Hà Nội	1546	21A-204.44	Yên Bái	2546	24A-311.00	Lào Cai
547	29K-255.36	Hà Nội	1547	21A-208.68	Yên Bái	2547	24A-312.89	Lào Cai
548	29K-261.08	Hà Nội	1548	21A-213.69	Yên Bái	2548	24B-017.99	Lào Cai
549	29K-262.65	Hà Nội	1549	21A-216.61	Yên Bái	2549	25C-058.99	Lai Châu
550	29K-265.11	Hà Nội	1550	22A-225.79	Tuyên Quang	2550	26A-189.69	Sơn La
551	29K-271.99	Hà Nội	1551	22A-232.68	Tuyên Quang	2551	26A-212.69	Sơn La
552	29K-288.80	Hà Nội	1552	22A-232.86	Tuyên Quang	2552	26A-225.52	Sơn La
553	29K-293.28	Hà Nội	1553	22A-237.68	Tuyên Quang	2553	27A-107.77	Điện Biên
554	29K-295.35	Hà Nội	1554	22A-241.14	Tuyên Quang	2554	27A-108.39	Điện Biên
555	29K-296.92	Hà Nội	1555	22A-242.69	Tuyên Quang	2555	27A-117.68	Điện Biên
556	29K-306.30	Hà Nội	1556	22A-243.68	Tuyên Quang	2556	27A-128.28	Điện Biên
557	29K-307.89	Hà Nội	1557	22A-255.79	Tuyên Quang	2557	28A-229.88	Hòa Bình
558	29K-308.65	Hà Nội	1558	22A-263.39	Tuyên Quang	2558	28A-230.66	Hòa Bình

1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100
 101
 102
 103
 104
 105
 106
 107
 108
 109
 110
 111
 112
 113
 114
 115
 116
 117
 118
 119
 120
 121
 122
 123
 124
 125
 126
 127
 128
 129
 130
 131
 132
 133
 134
 135
 136
 137
 138
 139
 140
 141
 142
 143
 144
 145
 146
 147
 148
 149
 150
 151
 152
 153
 154
 155
 156
 157
 158
 159
 160
 161
 162
 163
 164
 165
 166
 167
 168
 169
 170
 171
 172
 173
 174
 175
 176
 177
 178
 179
 180
 181
 182
 183
 184
 185
 186
 187
 188
 189
 190
 191
 192
 193
 194
 195
 196
 197
 198
 199
 200
 201
 202
 203
 204
 205
 206
 207
 208
 209
 210
 211
 212
 213
 214
 215
 216
 217
 218
 219
 220
 221
 222
 223
 224
 225
 226
 227
 228
 229
 230
 231
 232
 233
 234
 235
 236
 237
 238
 239
 240
 241
 242
 243
 244
 245
 246
 247
 248
 249
 250
 251
 252
 253
 254
 255
 256
 257
 258
 259
 260
 261
 262
 263
 264
 265
 266
 267
 268
 269
 270
 271
 272
 273
 274
 275
 276
 277
 278
 279
 280
 281
 282
 283
 284
 285
 286
 287
 288
 289
 290
 291
 292
 293
 294
 295
 296
 297
 298
 299
 300
 301
 302
 303
 304
 305
 306
 307
 308
 309
 310
 311
 312
 313
 314
 315
 316
 317
 318
 319
 320
 321
 322
 323
 324
 325
 326
 327
 328
 329
 330
 331
 332
 333
 334
 335
 336
 337
 338
 339
 340
 341
 342
 343
 344
 345
 346
 347
 348
 349
 350
 351
 352
 353
 354
 355
 356
 357
 358
 359
 360
 361
 362
 363
 364
 365
 366
 367
 368
 369
 370
 371
 372
 373
 374
 375
 376
 377
 378
 379
 380
 381
 382
 383
 384
 385
 386
 387
 388
 389
 390
 391
 392
 393
 394
 395
 396
 397
 398
 399
 400
 401
 402
 403
 404
 405
 406
 407
 408
 409
 410
 411
 412
 413
 414
 415
 416
 417
 418
 419
 420
 421
 422
 423
 424
 425
 426
 427
 428
 429
 430
 431
 432
 433
 434
 435
 436
 437
 438
 439
 440
 441
 442
 443
 444
 445
 446
 447
 448
 449
 450
 451
 452
 453
 454
 455
 456
 457
 458
 459
 460
 461
 462
 463
 464
 465
 466
 467
 468
 469
 470
 471
 472
 473
 474
 475
 476
 477
 478
 479
 480
 481
 482
 483
 484
 485
 486
 487
 488
 489
 490
 491
 492
 493
 494
 495
 496
 497
 498
 499
 500
 501
 502
 503
 504
 505
 506
 507
 508
 509
 510
 511
 512
 513
 514
 515
 516
 517
 518
 519
 520
 521
 522
 523
 524
 525
 526
 527
 528
 529
 530
 531
 532
 533
 534
 535
 536
 537
 538
 539
 540
 541
 542
 543
 544
 545
 546
 547
 548
 549
 550
 551
 552
 553
 554
 555
 556
 557
 558
 559
 560
 561
 562
 563
 564
 565
 566
 567
 568
 569
 570
 571
 572
 573
 574
 575
 576
 577
 578
 579
 580
 581
 582
 583
 584
 585
 586
 587
 588
 589
 590
 591
 592
 593
 594
 595
 596
 597
 598
 599
 600
 601
 602
 603
 604
 605
 606
 607
 608
 609
 610
 611
 612
 613
 614
 615
 616
 617
 618
 619
 620
 621
 622
 623
 624
 625
 626
 627
 628
 629
 630
 631
 632
 633
 634
 635
 636
 637
 638
 639
 640
 641
 642
 643
 644
 645
 646
 647
 648
 649
 650
 651
 652
 653
 654
 655
 656
 657
 658
 659
 660
 661
 662
 663
 664
 665
 666
 667
 668
 669
 670
 671
 672
 673
 674
 675
 676
 677
 678
 679
 680
 681
 682
 683
 684
 685
 686
 687
 688
 689
 690
 691
 692
 693
 694
 695
 696
 697
 698
 699
 700
 701
 702
 703
 704
 705
 706
 707
 708
 709
 710
 711
 712
 713
 714
 715
 716
 717
 718
 719
 720
 721
 722
 723
 724
 725
 726
 727
 728
 729
 730
 731
 732
 733
 734
 735
 736
 737
 738
 739
 740
 741
 742
 743
 744
 745
 746
 747
 748
 749
 750
 751
 752
 753
 754
 755
 756
 757
 758
 759
 760
 761
 762
 763
 764
 765
 766
 767
 768
 769
 770
 771
 772
 773
 774
 775
 776
 777
 778
 779
 780
 781
 782
 783
 784
 785
 786
 787
 788
 789
 790
 791
 792
 793
 794
 795
 796
 797
 798
 799
 800
 801
 802
 803
 804
 805
 806
 807
 808
 809
 810
 811
 812
 813
 814
 815
 816
 817
 818
 819
 820
 821
 822
 823
 824
 825
 826
 827
 828
 829
 830
 831
 832
 833
 834
 835
 836
 837
 838
 839
 840
 841
 842
 843
 844
 845
 846
 847
 848
 849
 850
 851
 852
 853
 854
 855
 856
 857
 858
 859
 860
 861
 862
 863
 864
 865
 866
 867
 868
 869
 870
 871
 872
 873
 874
 875
 876
 877
 878
 879
 880
 881
 882
 883
 884
 885
 886
 887
 888
 889
 890

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
559	29K-317.55	Hà Nội	1559	22B-012.89	Tuyên Quang	2559	28A-231.31	Hòa Bình
560	29K-322.39	Hà Nội	1560	23A-140.98	Hà Giang	2560	28A-236.63	Hòa Bình
561	29K-324.23	Hà Nội	1561	23A-157.69	Hà Giang	2561	28A-248.42	Hòa Bình
562	34A-753.69	Hải Dương	1562	23A-163.69	Hà Giang	2562	28A-253.35	Hòa Bình
563	34A-760.99	Hải Dương	1563	24A-271.79	Lào Cai	2563	28A-256.89	Hòa Bình
564	34A-807.79	Hải Dương	1564	24A-290.89	Lào Cai	2564	29K-222.25	Hà Nội
565	34A-813.89	Hải Dương	1565	24A-303.68	Lào Cai	2565	29K-222.67	Hà Nội
566	34A-817.86	Hải Dương	1566	24A-304.79	Lào Cai	2566	29K-232.56	Hà Nội
567	34A-817.89	Hải Dương	1567	24A-308.69	Lào Cai	2567	29K-236.78	Hà Nội
568	34A-834.69	Hải Dương	1568	24A-311.22	Lào Cai	2568	29K-243.89	Hà Nội
569	34A-837.86	Hải Dương	1569	25A-074.86	Lai Châu	2569	29K-244.79	Hà Nội
570	34A-839.96	Hải Dương	1570	25A-083.08	Lai Châu	2570	29K-251.15	Hà Nội
571	34A-877.86	Hải Dương	1571	26A-185.66	Sơn La	2571	29K-257.69	Hà Nội
572	34A-917.99	Hải Dương	1572	26A-191.69	Sơn La	2572	29K-263.11	Hà Nội
573	35A-406.69	Ninh Bình	1573	26A-218.81	Sơn La	2573	29K-270.69	Hà Nội
574	35A-416.88	Ninh Bình	1574	26A-220.00	Sơn La	2574	29K-272.99	Hà Nội
575	35A-417.88	Ninh Bình	1575	26A-222.13	Sơn La	2575	29K-280.77	Hà Nội
576	35A-434.69	Ninh Bình	1576	26B-018.68	Sơn La	2576	29K-285.44	Hà Nội
577	35A-447.89	Ninh Bình	1577	26C-162.39	Sơn La	2577	29K-295.06	Hà Nội
578	35A-453.53	Ninh Bình	1578	26D-012.68	Sơn La	2578	29K-305.06	Hà Nội
579	36C-508.89	Thanh Hóa	1579	26D-012.88	Sơn La	2579	29K-306.22	Hà Nội
580	36C-513.33	Thanh Hóa	1580	27A-110.00	Điện Biên	2580	29K-309.69	Hà Nội
581	36K-006.99	Thanh Hóa	1581	27A-112.99	Điện Biên	2581	29K-313.33	Hà Nội
582	36K-011.86	Thanh Hóa	1582	27B-012.69	Điện Biên	2582	29K-314.66	Hà Nội
583	36K-036.69	Thanh Hóa	1583	28A-218.66	Hòa Bình	2583	29K-314.69	Hà Nội
584	36K-037.37	Thanh Hóa	1584	28A-221.55	Hòa Bình	2584	29K-320.86	Hà Nội
585	36K-060.39	Thanh Hóa	1585	28A-234.88	Hòa Bình	2585	34A-744.39	Hải Dương
586	36K-066.55	Thanh Hóa	1586	28A-240.86	Hòa Bình	2586	34A-763.86	Hải Dương
587	36K-067.69	Thanh Hóa	1587	28A-256.79	Hòa Bình	2587	34A-844.86	Hải Dương
588	36K-071.17	Thanh Hóa	1588	28A-257.79	Hòa Bình	2588	34A-856.65	Hải Dương
589	36K-072.68	Thanh Hóa	1589	28C-121.66	Hòa Bình	2589	34A-860.06	Hải Dương
590	36K-100.55	Thanh Hóa	1590	29D-612.22	Hà Nội	2590	34A-862.79	Hải Dương
591	36K-111.13	Thanh Hóa	1591	29K-222.33	Hà Nội	2591	34A-873.99	Hải Dương
592	36K-124.44	Thanh Hóa	1592	29K-229.58	Hà Nội	2592	34A-875.57	Hải Dương
593	36K-124.89	Thanh Hóa	1593	29K-236.37	Hà Nội	2593	34A-884.79	Hải Dương
594	36K-137.68	Thanh Hóa	1594	29K-239.59	Hà Nội	2594	34A-900.66	Hải Dương
595	36K-142.42	Thanh Hóa	1595	29K-244.16	Hà Nội	2595	34A-912.68	Hải Dương
596	36K-142.43	Thanh Hóa	1596	29K-247.99	Hà Nội	2596	34A-913.86	Hải Dương
597	36K-153.86	Thanh Hóa	1597	29K-248.84	Hà Nội	2597	34A-914.86	Hải Dương
598	36K-167.66	Thanh Hóa	1598	29K-249.49	Hà Nội	2598	34D-035.55	Hải Dương
599	36K-169.39	Thanh Hóa	1599	29K-283.59	Hà Nội	2599	35A-394.89	Ninh Bình
600	36K-170.66	Thanh Hóa	1600	29K-284.66	Hà Nội	2600	35A-400.39	Ninh Bình
601	36K-187.69	Thanh Hóa	1601	29K-286.11	Hà Nội	2601	35A-406.98	Ninh Bình
602	36K-187.88	Thanh Hóa	1602	29K-293.77	Hà Nội	2602	35A-408.99	Ninh Bình
603	36K-204.99	Thanh Hóa	1603	29K-299.70	Hà Nội	2603	35A-433.66	Ninh Bình
604	36K-207.02	Thanh Hóa	1604	29K-302.99	Hà Nội	2604	35A-457.69	Ninh Bình
605	36K-208.89	Thanh Hóa	1605	29K-303.86	Hà Nội	2605	36C-519.89	Thanh Hóa
606	36K-213.86	Thanh Hóa	1606	29K-318.44	Hà Nội	2606	36C-527.72	Thanh Hóa
607	36K-219.79	Thanh Hóa	1607	34A-740.79	Hải Dương	2607	36K-022.89	Thanh Hóa
608	36K-219.88	Thanh Hóa	1608	34A-757.69	Hải Dương	2608	36K-031.89	Thanh Hóa
609	36K-222.48	Thanh Hóa	1609	34A-765.99	Hải Dương	2609	36K-048.84	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
610	36K-226.39	Thanh Hóa	1610	34A-771.79	Hải Dương	2610	36K-056.69	Thanh Hóa
611	37K-290.98	Nghệ An	1611	34A-780.79	Hải Dương	2611	36K-069.68	Thanh Hóa
612	37K-294.79	Nghệ An	1612	34A-781.66	Hải Dương	2612	36K-081.79	Thanh Hóa
613	37K-295.88	Nghệ An	1613	34A-791.68	Hải Dương	2613	36K-088.79	Thanh Hóa
614	37K-305.66	Nghệ An	1614	34A-809.79	Hải Dương	2614	36K-089.86	Thanh Hóa
615	37K-307.88	Nghệ An	1615	34A-821.39	Hải Dương	2615	36K-093.93	Thanh Hóa
616	37K-320.68	Nghệ An	1616	34A-821.66	Hải Dương	2616	36K-108.80	Thanh Hóa
617	37K-320.98	Nghệ An	1617	34A-851.51	Hải Dương	2617	36K-114.68	Thanh Hóa
618	37K-325.79	Nghệ An	1618	34A-855.22	Hải Dương	2618	36K-127.66	Thanh Hóa
619	37K-344.99	Nghệ An	1619	34A-857.57	Hải Dương	2619	36K-137.99	Thanh Hóa
620	37K-352.68	Nghệ An	1620	34A-864.66	Hải Dương	2620	36K-149.86	Thanh Hóa
621	37K-370.99	Nghệ An	1621	34A-866.55	Hải Dương	2621	36K-173.68	Thanh Hóa
622	37K-373.86	Nghệ An	1622	34A-884.84	Hải Dương	2622	36K-187.39	Thanh Hóa
623	37K-376.89	Nghệ An	1623	34A-885.66	Hải Dương	2623	36K-200.44	Thanh Hóa
624	37K-378.87	Nghệ An	1624	34A-887.69	Hải Dương	2624	36K-201.99	Thanh Hóa
625	37K-388.11	Nghệ An	1625	34A-902.99	Hải Dương	2625	36K-204.20	Thanh Hóa
626	37K-399.11	Nghệ An	1626	34C-419.71	Hải Dương	2626	36K-224.25	Thanh Hóa
627	37K-408.69	Nghệ An	1627	34D-035.89	Hải Dương	2627	37C-557.86	Nghệ An
628	37K-409.09	Nghệ An	1628	35A-378.69	Ninh Bình	2628	37C-563.36	Nghệ An
629	37K-410.14	Nghệ An	1629	35A-390.69	Ninh Bình	2629	37K-254.79	Nghệ An
630	37K-412.69	Nghệ An	1630	35A-400.98	Ninh Bình	2630	37K-259.88	Nghệ An
631	37K-413.79	Nghệ An	1631	35A-403.03	Ninh Bình	2631	37K-298.66	Nghệ An
632	37K-418.39	Nghệ An	1632	35A-409.68	Ninh Bình	2632	37K-315.98	Nghệ An
633	37K-427.24	Nghệ An	1633	35A-413.68	Ninh Bình	2633	37K-341.11	Nghệ An
634	37K-433.11	Nghệ An	1634	35A-426.88	Ninh Bình	2634	37K-341.66	Nghệ An
635	37K-433.55	Nghệ An	1635	35A-438.89	Ninh Bình	2635	37K-341.88	Nghệ An
636	37K-438.69	Nghệ An	1636	35A-451.89	Ninh Bình	2636	37K-352.66	Nghệ An
637	37K-440.04	Nghệ An	1637	35A-455.69	Ninh Bình	2637	37K-409.66	Nghệ An
638	37K-449.96	Nghệ An	1638	35A-457.89	Ninh Bình	2638	37K-417.86	Nghệ An
639	37K-450.89	Nghệ An	1639	35B-022.39	Ninh Bình	2639	37K-419.71	Nghệ An
640	37K-462.64	Nghệ An	1640	36K-009.69	Thanh Hóa	2640	37K-430.68	Nghệ An
641	37K-463.36	Nghệ An	1641	36K-011.39	Thanh Hóa	2641	37K-446.79	Nghệ An
642	37K-478.89	Nghệ An	1642	36K-019.66	Thanh Hóa	2642	37K-453.35	Nghệ An
643	38A-581.89	Hà Tĩnh	1643	36K-020.88	Thanh Hóa	2643	37K-471.17	Nghệ An
644	38A-583.66	Hà Tĩnh	1644	36K-032.98	Thanh Hóa	2644	37K-471.88	Nghệ An
645	38A-583.69	Hà Tĩnh	1645	36K-035.89	Thanh Hóa	2645	37K-480.79	Nghệ An
646	38A-594.44	Hà Tĩnh	1646	36K-041.99	Thanh Hóa	2646	37K-480.99	Nghệ An
647	38A-600.55	Hà Tĩnh	1647	36K-058.66	Thanh Hóa	2647	38A-585.38	Hà Tĩnh
648	38A-625.66	Hà Tĩnh	1648	36K-059.39	Thanh Hóa	2648	38A-627.27	Hà Tĩnh
649	38A-629.89	Hà Tĩnh	1649	36K-090.88	Thanh Hóa	2649	38A-647.66	Hà Tĩnh
650	38A-631.86	Hà Tĩnh	1650	36K-092.92	Thanh Hóa	2650	38A-652.88	Hà Tĩnh
651	38A-638.89	Hà Tĩnh	1651	36K-105.88	Thanh Hóa	2651	38A-653.68	Hà Tĩnh
652	38A-654.44	Hà Tĩnh	1652	36K-108.08	Thanh Hóa	2652	38A-659.89	Hà Tĩnh
653	38A-665.79	Hà Tĩnh	1653	36K-146.69	Thanh Hóa	2653	38A-671.76	Hà Tĩnh
654	38A-666.04	Hà Tĩnh	1654	36K-159.95	Thanh Hóa	2654	38A-674.99	Hà Tĩnh
655	38A-670.39	Hà Tĩnh	1655	36K-161.62	Thanh Hóa	2655	38A-677.22	Hà Tĩnh
656	38A-677.33	Hà Tĩnh	1656	36K-167.16	Thanh Hóa	2656	38C-229.39	Hà Tĩnh
657	38C-237.86	Hà Tĩnh	1657	36K-173.86	Thanh Hóa	2657	38C-233.22	Hà Tĩnh
658	43A-804.39	Đà Nẵng	1658	36K-203.69	Thanh Hóa	2658	38C-234.45	Hà Tĩnh
659	43A-843.66	Đà Nẵng	1659	36K-209.20	Thanh Hóa	2659	38C-239.69	Hà Tĩnh
660	43A-869.89	Đà Nẵng	1660	36K-209.86	Thanh Hóa	2660	38D-017.68	Hà Tĩnh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
661	43A-871.99	Đà Nẵng	1661	37K-253.66	Nghệ An	2661	43A-821.39	Đà Nẵng
662	43A-874.44	Đà Nẵng	1662	37K-284.48	Nghệ An	2662	43A-833.36	Đà Nẵng
663	43A-887.69	Đà Nẵng	1663	37K-303.79	Nghệ An	2663	43A-835.39	Đà Nẵng
664	43A-905.09	Đà Nẵng	1664	37K-303.88	Nghệ An	2664	43A-837.88	Đà Nẵng
665	43A-909.86	Đà Nẵng	1665	37K-313.89	Nghệ An	2665	43A-847.86	Đà Nẵng
666	43A-934.39	Đà Nẵng	1666	37K-317.68	Nghệ An	2666	43A-848.86	Đà Nẵng
667	43A-938.39	Đà Nẵng	1667	37K-329.66	Nghệ An	2667	43A-854.86	Đà Nẵng
668	47A-629.66	Đắk Lắk	1668	37K-331.13	Nghệ An	2668	43A-869.88	Đà Nẵng
669	47A-630.69	Đắk Lắk	1669	37K-344.79	Nghệ An	2669	43A-873.86	Đà Nẵng
670	47A-645.68	Đắk Lắk	1670	37K-384.79	Nghệ An	2670	43A-900.86	Đà Nẵng
671	47A-650.88	Đắk Lắk	1671	37K-409.86	Nghệ An	2671	43A-909.90	Đà Nẵng
672	47A-665.99	Đắk Lắk	1672	37K-413.13	Nghệ An	2672	43A-922.44	Đà Nẵng
673	47A-675.99	Đắk Lắk	1673	37K-426.39	Nghệ An	2673	43A-927.92	Đà Nẵng
674	47A-710.86	Đắk Lắk	1674	37K-429.29	Nghệ An	2674	43A-932.89	Đà Nẵng
675	47A-711.88	Đắk Lắk	1675	37K-434.68	Nghệ An	2675	43C-305.68	Đà Nẵng
676	47A-717.66	Đắk Lắk	1676	37K-445.45	Nghệ An	2676	47A-665.69	Đắk Lắk
677	47A-723.66	Đắk Lắk	1677	37K-448.49	Nghệ An	2677	47A-681.69	Đắk Lắk
678	47A-738.99	Đắk Lắk	1678	37K-450.50	Nghệ An	2678	47A-690.09	Đắk Lắk
679	47A-740.88	Đắk Lắk	1679	37K-451.52	Nghệ An	2679	47A-692.79	Đắk Lắk
680	47A-744.39	Đắk Lắk	1680	37K-458.54	Nghệ An	2680	47A-695.59	Đắk Lắk
681	47A-763.86	Đắk Lắk	1681	37K-464.68	Nghệ An	2681	47A-733.69	Đắk Lắk
682	47A-782.22	Đắk Lắk	1682	38A-577.66	Hà Tĩnh	2682	47A-742.89	Đắk Lắk
683	47A-787.68	Đắk Lắk	1683	38A-579.98	Hà Tĩnh	2683	47A-777.26	Đắk Lắk
684	47A-788.55	Đắk Lắk	1684	38A-588.44	Hà Tĩnh	2684	47A-780.78	Đắk Lắk
685	47A-804.39	Đắk Lắk	1685	38A-601.66	Hà Tĩnh	2685	47A-784.87	Đắk Lắk
686	47A-804.80	Đắk Lắk	1686	38A-601.69	Hà Tĩnh	2686	47A-785.68	Đắk Lắk
687	47A-805.66	Đắk Lắk	1687	38A-621.66	Hà Tĩnh	2687	47A-807.69	Đắk Lắk
688	47C-376.67	Đắk Lắk	1688	38A-622.33	Hà Tĩnh	2688	47A-811.89	Đắk Lắk
689	47C-381.39	Đắk Lắk	1689	38A-628.99	Hà Tĩnh	2689	47A-813.14	Đắk Lắk
690	48A-213.39	Đắk Nông	1690	38A-630.89	Hà Tĩnh	2690	47B-039.86	Đắk Lắk
691	48A-216.86	Đắk Nông	1691	38A-642.39	Hà Tĩnh	2691	47C-385.86	Đắk Lắk
692	48A-222.55	Đắk Nông	1692	38A-644.66	Hà Tĩnh	2692	47C-391.19	Đắk Lắk
693	48A-231.39	Đắk Nông	1693	38A-661.61	Hà Tĩnh	2693	48A-211.89	Đắk Nông
694	48A-238.86	Đắk Nông	1694	38A-666.11	Hà Tĩnh	2694	48A-220.69	Đắk Nông
695	48A-244.88	Đắk Nông	1695	38A-666.48	Hà Tĩnh	2695	48A-223.88	Đắk Nông
696	48C-111.57	Đắk Nông	1696	38C-238.89	Hà Tĩnh	2696	48A-225.68	Đắk Nông
697	49A-640.69	Lâm Đồng	1697	43A-807.79	Đà Nẵng	2697	48A-237.66	Đắk Nông
698	49A-647.88	Lâm Đồng	1698	43A-809.39	Đà Nẵng	2698	48A-245.46	Đắk Nông
699	49A-648.79	Lâm Đồng	1699	43A-831.89	Đà Nẵng	2699	48A-246.39	Đắk Nông
700	49A-653.39	Lâm Đồng	1700	43A-839.66	Đà Nẵng	2700	49A-633.89	Lâm Đồng
701	49A-659.88	Lâm Đồng	1701	43A-873.99	Đà Nẵng	2701	49A-640.66	Lâm Đồng
702	49A-675.86	Lâm Đồng	1702	43A-880.99	Đà Nẵng	2702	49A-648.39	Lâm Đồng
703	49A-694.86	Lâm Đồng	1703	43A-888.05	Đà Nẵng	2703	49A-652.66	Lâm Đồng
704	49A-701.86	Lâm Đồng	1704	43A-917.19	Đà Nẵng	2704	49A-660.39	Lâm Đồng
705	49A-714.41	Lâm Đồng	1705	43A-932.69	Đà Nẵng	2705	49A-661.22	Lâm Đồng
706	49A-728.29	Lâm Đồng	1706	47A-659.66	Đắk Lắk	2706	49A-667.99	Lâm Đồng
707	49A-728.68	Lâm Đồng	1707	47A-672.72	Đắk Lắk	2707	49A-671.11	Lâm Đồng
708	49A-744.22	Lâm Đồng	1708	47A-684.39	Đắk Lắk	2708	49A-681.79	Lâm Đồng
709	49C-371.39	Lâm Đồng	1709	47A-703.68	Đắk Lắk	2709	49A-700.86	Lâm Đồng
710	49C-376.76	Lâm Đồng	1710	47A-704.40	Đắk Lắk	2710	49A-723.68	Lâm Đồng
711	51D-833.99	Hồ Chí Minh	1711	47A-711.69	Đắk Lắk	2711	49A-727.79	Lâm Đồng

47
 NG
 U G
 2 DA
 T N
 JÂN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
712	51D-836.86	Hồ Chí Minh	1712	47A-714.99	Đắk Lắk	2712	49A-734.79	Lâm Đồng
713	51D-858.69	Hồ Chí Minh	1713	47A-722.89	Đắk Lắk	2713	49A-740.04	Lâm Đồng
714	51D-861.99	Hồ Chí Minh	1714	47A-728.66	Đắk Lắk	2714	49C-372.69	Lâm Đồng
715	51D-888.22	Hồ Chí Minh	1715	47A-755.88	Đắk Lắk	2715	51B-515.86	Hồ Chí Minh
716	51E-331.13	Hồ Chí Minh	1716	47A-758.39	Đắk Lắk	2716	51D-829.68	Hồ Chí Minh
717	51E-332.68	Hồ Chí Minh	1717	47A-760.06	Đắk Lắk	2717	51D-892.86	Hồ Chí Minh
718	51M-009.98	Hồ Chí Minh	1718	47A-762.99	Đắk Lắk	2718	51M-012.55	Hồ Chí Minh
719	51M-011.99	Hồ Chí Minh	1719	47A-769.88	Đắk Lắk	2719	51M-017.26	Hồ Chí Minh
720	51M-019.11	Hồ Chí Minh	1720	47A-777.17	Đắk Lắk	2720	51M-024.33	Hồ Chí Minh
721	51M-029.65	Hồ Chí Minh	1721	47A-809.90	Đắk Lắk	2721	51M-028.22	Hồ Chí Minh
722	51M-044.98	Hồ Chí Minh	1722	47A-812.79	Đắk Lắk	2722	51M-041.14	Hồ Chí Minh
723	51M-045.33	Hồ Chí Minh	1723	47C-377.33	Đắk Lắk	2723	51M-042.22	Hồ Chí Minh
724	51M-051.69	Hồ Chí Minh	1724	48A-215.55	Đắk Nông	2724	51M-046.16	Hồ Chí Minh
725	60K-432.88	Đồng Nai	1725	48A-232.79	Đắk Nông	2725	51M-050.66	Hồ Chí Minh
726	60K-438.66	Đồng Nai	1726	48A-240.39	Đắk Nông	2726	51M-051.56	Hồ Chí Minh
727	60K-441.79	Đồng Nai	1727	48A-240.99	Đắk Nông	2727	60B-069.68	Đồng Nai
728	60K-442.89	Đồng Nai	1728	48A-245.42	Đắk Nông	2728	60C-737.99	Đồng Nai
729	60K-465.69	Đồng Nai	1729	48C-109.86	Đắk Nông	2729	60D-018.68	Đồng Nai
730	60K-481.66	Đồng Nai	1730	48C-111.86	Đắk Nông	2730	60D-019.89	Đồng Nai
731	60K-481.86	Đồng Nai	1731	49A-647.69	Lâm Đồng	2731	60K-421.88	Đồng Nai
732	60K-493.39	Đồng Nai	1732	49A-659.95	Lâm Đồng	2732	60K-433.00	Đồng Nai
733	60K-494.86	Đồng Nai	1733	49A-666.82	Lâm Đồng	2733	60K-458.66	Đồng Nai
734	60K-495.99	Đồng Nai	1734	49A-685.88	Lâm Đồng	2734	60K-461.69	Đồng Nai
735	60K-503.33	Đồng Nai	1735	49A-702.88	Lâm Đồng	2735	60K-467.66	Đồng Nai
736	60K-536.99	Đồng Nai	1736	49A-703.30	Lâm Đồng	2736	60K-468.99	Đồng Nai
737	60K-538.83	Đồng Nai	1737	49A-710.88	Lâm Đồng	2737	60K-473.99	Đồng Nai
738	60K-563.39	Đồng Nai	1738	49A-711.55	Lâm Đồng	2738	60K-478.87	Đồng Nai
739	60K-580.69	Đồng Nai	1739	49A-719.72	Lâm Đồng	2739	60K-491.68	Đồng Nai
740	60K-589.58	Đồng Nai	1740	49A-728.39	Lâm Đồng	2740	60K-491.91	Đồng Nai
741	60K-593.79	Đồng Nai	1741	51B-603.86	Hồ Chí Minh	2741	60K-494.94	Đồng Nai
742	60K-617.39	Đồng Nai	1742	51D-825.99	Hồ Chí Minh	2742	60K-520.68	Đồng Nai
743	60K-618.66	Đồng Nai	1743	51D-887.86	Hồ Chí Minh	2743	60K-535.39	Đồng Nai
744	61C-588.79	Bình Dương	1744	51E-322.66	Hồ Chí Minh	2744	60K-544.77	Đồng Nai
745	61C-588.86	Bình Dương	1745	51E-335.66	Hồ Chí Minh	2745	60K-548.66	Đồng Nai
746	61D-019.66	Bình Dương	1746	51M-008.68	Hồ Chí Minh	2746	60K-555.04	Đồng Nai
747	61K-310.86	Bình Dương	1747	51M-017.85	Hồ Chí Minh	2747	60K-556.88	Đồng Nai
748	61K-312.22	Bình Dương	1748	51M-018.66	Hồ Chí Minh	2748	60K-582.85	Đồng Nai
749	61K-318.39	Bình Dương	1749	51M-025.52	Hồ Chí Minh	2749	60K-587.68	Đồng Nai
750	61K-351.66	Bình Dương	1750	51M-029.66	Hồ Chí Minh	2750	60K-590.91	Đồng Nai
751	61K-352.25	Bình Dương	1751	51M-034.11	Hồ Chí Minh	2751	60K-594.59	Đồng Nai
752	61K-360.60	Bình Dương	1752	60K-450.79	Đồng Nai	2752	60K-594.89	Đồng Nai
753	61K-369.68	Bình Dương	1753	60K-475.69	Đồng Nai	2753	60K-603.06	Đồng Nai
754	61K-377.44	Bình Dương	1754	60K-475.88	Đồng Nai	2754	60K-617.88	Đồng Nai
755	61K-388.69	Bình Dương	1755	60K-496.68	Đồng Nai	2755	61C-606.86	Bình Dương
756	61K-419.66	Bình Dương	1756	60K-581.39	Đồng Nai	2756	61C-607.89	Bình Dương
757	61K-444.43	Bình Dương	1757	60K-581.66	Đồng Nai	2757	61K-308.86	Bình Dương
758	61K-444.77	Bình Dương	1758	60K-599.39	Đồng Nai	2758	61K-353.66	Bình Dương
759	61K-449.49	Bình Dương	1759	60K-615.86	Đồng Nai	2759	61K-357.69	Bình Dương
760	61K-467.69	Bình Dương	1760	60K-617.71	Đồng Nai	2760	61K-361.68	Bình Dương
761	61K-478.89	Bình Dương	1761	61C-592.29	Bình Dương	2761	61K-371.11	Bình Dương
762	61K-485.69	Bình Dương	1762	61C-602.88	Bình Dương	2762	61K-372.99	Bình Dương

Y
4
H
M
P.H.A

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
763	61K-488.11	Bình Dương	1763	61D-021.66	Bình Dương	2763	61K-382.68	Bình Dương
764	61K-491.39	Bình Dương	1764	61K-343.39	Bình Dương	2764	61K-414.89	Bình Dương
765	61K-493.68	Bình Dương	1765	61K-352.99	Bình Dương	2765	61K-416.69	Bình Dương
766	61K-511.66	Bình Dương	1766	61K-354.44	Bình Dương	2766	61K-427.88	Bình Dương
767	61K-514.44	Bình Dương	1767	61K-376.86	Bình Dương	2767	61K-437.99	Bình Dương
768	62A-382.68	Long An	1768	61K-381.11	Bình Dương	2768	61K-444.02	Bình Dương
769	62A-382.89	Long An	1769	61K-391.98	Bình Dương	2769	61K-451.88	Bình Dương
770	62A-393.86	Long An	1770	61K-400.88	Bình Dương	2770	61K-458.69	Bình Dương
771	62A-412.66	Long An	1771	61K-404.39	Bình Dương	2771	61K-460.88	Bình Dương
772	62A-419.69	Long An	1772	61K-412.22	Bình Dương	2772	61K-471.66	Bình Dương
773	62A-440.99	Long An	1773	61K-417.86	Bình Dương	2773	61K-491.69	Bình Dương
774	62A-441.79	Long An	1774	61K-444.01	Bình Dương	2774	61K-497.66	Bình Dương
775	62A-463.33	Long An	1775	61K-444.19	Bình Dương	2775	61K-498.69	Bình Dương
776	62A-467.77	Long An	1776	61K-459.89	Bình Dương	2776	61K-504.05	Bình Dương
777	63A-272.88	Tiền Giang	1777	61K-465.88	Bình Dương	2777	62A-381.69	Long An
778	63A-276.86	Tiền Giang	1778	61K-468.89	Bình Dương	2778	62A-387.68	Long An
779	63A-288.11	Tiền Giang	1779	61K-472.88	Bình Dương	2779	62A-412.96	Long An
780	63A-294.66	Tiền Giang	1780	61K-491.99	Bình Dương	2780	62A-420.89	Long An
781	63A-304.68	Tiền Giang	1781	61K-499.77	Bình Dương	2781	62A-435.86	Long An
782	63A-306.60	Tiền Giang	1782	61K-501.10	Bình Dương	2782	62A-444.33	Long An
783	63A-308.79	Tiền Giang	1783	61K-506.06	Bình Dương	2783	62A-448.39	Long An
784	63A-322.99	Tiền Giang	1784	61K-510.39	Bình Dương	2784	62A-463.36	Long An
785	64A-176.39	Vĩnh Long	1785	61K-513.31	Bình Dương	2785	62A-464.69	Long An
786	64A-177.68	Vĩnh Long	1786	61K-518.89	Bình Dương	2786	63A-273.68	Tiền Giang
787	64A-194.69	Vĩnh Long	1787	62A-422.39	Long An	2787	63A-278.99	Tiền Giang
788	64A-197.77	Vĩnh Long	1788	62A-446.79	Long An	2788	63A-283.58	Tiền Giang
789	64A-199.00	Vĩnh Long	1789	62A-452.39	Long An	2789	63A-295.39	Tiền Giang
790	64C-122.66	Vĩnh Long	1790	62A-454.88	Long An	2790	63A-309.66	Tiền Giang
791	64C-123.33	Vĩnh Long	1791	62A-463.66	Long An	2791	63A-319.98	Tiền Giang
792	64C-123.89	Vĩnh Long	1792	62C-213.86	Long An	2792	63B-031.66	Tiền Giang
793	65A-413.88	Cần Thơ	1793	63A-293.68	Tiền Giang	2793	64A-179.69	Vĩnh Long
794	65A-444.78	Cần Thơ	1794	63A-309.89	Tiền Giang	2794	64A-181.98	Vĩnh Long
795	65A-445.88	Cần Thơ	1795	63A-311.13	Tiền Giang	2795	64A-191.66	Vĩnh Long
796	65A-463.36	Cần Thơ	1796	63A-315.68	Tiền Giang	2796	65A-407.66	Cần Thơ
797	65A-465.88	Cần Thơ	1797	63A-317.69	Tiền Giang	2797	65A-415.68	Cần Thơ
798	65A-484.88	Cần Thơ	1798	63A-319.94	Tiền Giang	2798	65A-423.39	Cần Thơ
799	65A-490.99	Cần Thơ	1799	63A-320.02	Tiền Giang	2799	65A-454.44	Cần Thơ
800	65A-501.88	Cần Thơ	1800	63A-322.00	Tiền Giang	2800	65A-459.88	Cần Thơ
801	65A-504.05	Cần Thơ	1801	63A-322.68	Tiền Giang	2801	65A-462.39	Cần Thơ
802	65C-229.69	Cần Thơ	1802	63C-225.99	Tiền Giang	2802	65A-476.99	Cần Thơ
803	65C-229.92	Cần Thơ	1803	64A-174.88	Vĩnh Long	2803	65A-480.00	Cần Thơ
804	66A-246.99	Đồng Tháp	1804	64A-178.89	Vĩnh Long	2804	65A-483.79	Cần Thơ
805	66A-249.79	Đồng Tháp	1805	64A-187.78	Vĩnh Long	2805	65A-501.69	Cần Thơ
806	66A-252.96	Đồng Tháp	1806	65A-435.79	Cần Thơ	2806	65A-504.44	Cần Thơ
807	66A-255.86	Đồng Tháp	1807	65A-449.79	Cần Thơ	2807	65A-509.90	Cần Thơ
808	66A-260.00	Đồng Tháp	1808	65A-457.66	Cần Thơ	2808	65A-510.15	Cần Thơ
809	66A-263.69	Đồng Tháp	1809	65A-498.66	Cần Thơ	2809	65A-510.99	Cần Thơ
810	66A-263.89	Đồng Tháp	1810	65A-500.88	Cần Thơ	2810	65C-236.88	Cần Thơ
811	66A-283.99	Đồng Tháp	1811	65A-504.50	Cần Thơ	2811	66A-250.66	Đồng Tháp
812	66A-285.69	Đồng Tháp	1812	66A-271.79	Đồng Tháp	2812	66A-250.99	Đồng Tháp
813	66A-294.49	Đồng Tháp	1813	66A-274.88	Đồng Tháp	2813	66A-257.99	Đồng Tháp

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
814	66A-298.39	Đồng Tháp	1814	66A-285.99	Đồng Tháp	2814	66A-261.66	Đồng Tháp
815	67A-289.66	An Giang	1815	67A-281.86	An Giang	2815	66A-288.39	Đồng Tháp
816	67A-293.68	An Giang	1816	67A-299.55	An Giang	2816	66A-293.93	Đồng Tháp
817	67A-295.68	An Giang	1817	67A-304.68	An Giang	2817	67A-278.86	An Giang
818	67A-307.99	An Giang	1818	67A-307.70	An Giang	2818	67A-290.88	An Giang
819	67A-318.89	An Giang	1819	67A-307.79	An Giang	2819	67A-291.79	An Giang
820	67A-319.66	An Giang	1820	67A-310.39	An Giang	2820	67A-300.39	An Giang
821	67A-320.39	An Giang	1821	67A-315.55	An Giang	2821	67A-305.79	An Giang
822	67A-325.68	An Giang	1822	67A-328.68	An Giang	2822	67A-316.89	An Giang
823	67A-325.99	An Giang	1823	68A-318.89	Kiên Giang	2823	67A-327.99	An Giang
824	67A-327.88	An Giang	1824	68A-334.86	Kiên Giang	2824	68A-309.86	Kiên Giang
825	68A-325.96	Kiên Giang	1825	68A-364.65	Kiên Giang	2825	68A-323.98	Kiên Giang
826	68A-328.89	Kiên Giang	1826	69A-150.69	Cà Mau	2826	68A-327.79	Kiên Giang
827	68A-328.96	Kiên Giang	1827	69A-160.89	Cà Mau	2827	68A-333.48	Kiên Giang
828	69B-012.22	Cà Mau	1828	69A-164.16	Cà Mau	2828	68A-334.44	Kiên Giang
829	70A-495.55	Tây Ninh	1829	69A-164.69	Cà Mau	2829	68A-355.77	Kiên Giang
830	70A-512.66	Tây Ninh	1830	70A-498.66	Tây Ninh	2830	68A-364.46	Kiên Giang
831	70A-514.89	Tây Ninh	1831	70A-508.99	Tây Ninh	2831	69A-167.76	Cà Mau
832	70A-543.68	Tây Ninh	1832	70A-518.66	Tây Ninh	2832	70A-492.66	Tây Ninh
833	70A-545.89	Tây Ninh	1833	70A-525.69	Tây Ninh	2833	70A-506.86	Tây Ninh
834	70A-562.22	Tây Ninh	1834	70A-539.93	Tây Ninh	2834	70A-511.88	Tây Ninh
835	70A-564.56	Tây Ninh	1835	70A-541.41	Tây Ninh	2835	70A-522.25	Tây Ninh
836	71A-194.69	Bến Tre	1836	70A-561.89	Tây Ninh	2836	70A-529.86	Tây Ninh
837	71A-204.88	Bến Tre	1837	70A-578.69	Tây Ninh	2837	70A-533.11	Tây Ninh
838	71A-208.86	Bến Tre	1838	70A-580.08	Tây Ninh	2838	70A-552.25	Tây Ninh
839	71C-131.31	Bến Tre	1839	70A-582.39	Tây Ninh	2839	70A-574.69	Tây Ninh
840	72A-775.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	1840	71A-189.39	Bến Tre	2840	70A-576.69	Tây Ninh
841	72A-780.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	1841	71A-211.55	Bến Tre	2841	70A-577.89	Tây Ninh
842	72A-783.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	1842	72A-757.75	Bà Rịa - Vũng Tàu	2842	70D-008.88	Tây Ninh
843	72A-806.60	Bà Rịa - Vũng Tàu	1843	72A-774.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	2843	71A-186.69	Bến Tre
844	72A-814.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	1844	72A-776.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	2844	71A-194.39	Bến Tre
845	72A-836.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	1845	72A-800.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2845	71A-194.79	Bến Tre
846	72C-233.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	1846	72A-804.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2846	71A-195.89	Bến Tre
847	72C-236.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	1847	72A-805.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	2847	71A-211.33	Bến Tre
848	73A-330.89	Quảng Bình	1848	72A-830.03	Bà Rịa - Vũng Tàu	2848	71C-132.68	Bến Tre
849	73A-342.24	Quảng Bình	1849	72A-830.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	2849	72A-754.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
850	73A-342.68	Quảng Bình	1850	72C-232.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	2850	72A-781.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
851	73A-358.79	Quảng Bình	1851	73A-325.79	Quảng Bình	2851	72A-792.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
852	74A-242.39	Quảng Trị	1852	73A-346.99	Quảng Bình	2852	72A-795.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
853	74A-271.69	Quảng Trị	1853	73A-354.79	Quảng Bình	2853	72A-811.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
854	74A-276.79	Quảng Trị	1854	74A-247.86	Quảng Trị	2854	72A-819.92	Bà Rịa - Vũng Tàu
855	74C-138.88	Quảng Trị	1855	74A-254.86	Quảng Trị	2855	72A-822.39	Bà Rịa - Vũng Tàu
856	75A-349.66	Thừa Thiên Huế	1856	74A-265.39	Quảng Trị	2856	72A-826.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
857	75A-356.98	Thừa Thiên Huế	1857	74C-138.83	Quảng Trị	2857	73A-340.79	Quảng Bình
858	75A-361.66	Thừa Thiên Huế	1858	74D-009.99	Quảng Trị	2858	73A-350.50	Quảng Bình
859	75A-380.89	Thừa Thiên Huế	1859	75A-338.86	Thừa Thiên Huế	2859	73C-187.79	Quảng Bình
860	76A-287.79	Quảng Ngãi	1860	75A-350.89	Thừa Thiên Huế	2860	74B-015.68	Quảng Trị
861	76A-294.39	Quảng Ngãi	1861	75A-371.69	Thừa Thiên Huế	2861	74B-016.89	Quảng Trị
862	76A-299.00	Quảng Ngãi	1862	75A-377.44	Thừa Thiên Huế	2862	75A-344.88	Thừa Thiên Huế
863	76A-302.20	Quảng Ngãi	1863	75A-382.79	Thừa Thiên Huế	2863	75A-351.69	Thừa Thiên Huế
864	76A-318.89	Quảng Ngãi	1864	75A-382.88	Thừa Thiên Huế	2864	75A-384.68	Thừa Thiên Huế

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
865	76A-321.68	Quảng Ngãi	1865	76A-293.79	Quảng Ngãi	2865	75A-387.39	Thừa Thiên Huế
866	77A-303.89	Bình Định	1866	76A-297.39	Quảng Ngãi	2866	76A-292.39	Quảng Ngãi
867	77A-315.96	Bình Định	1867	76A-315.86	Quảng Ngãi	2867	76A-297.66	Quảng Ngãi
868	77A-317.71	Bình Định	1868	76A-317.99	Quảng Ngãi	2868	76A-300.88	Quảng Ngãi
869	77A-319.86	Bình Định	1869	76D-011.99	Quảng Ngãi	2869	76A-302.99	Quảng Ngãi
870	77A-321.86	Bình Định	1870	77A-303.33	Bình Định	2870	76A-310.39	Quảng Ngãi
871	77A-323.33	Bình Định	1871	77A-338.69	Bình Định	2871	76A-310.99	Quảng Ngãi
872	77A-334.44	Bình Định	1872	77A-339.66	Bình Định	2872	76A-314.69	Quảng Ngãi
873	77A-344.11	Bình Định	1873	77A-353.99	Bình Định	2873	77A-326.86	Bình Định
874	77A-347.48	Bình Định	1874	77A-354.53	Bình Định	2874	77A-341.89	Bình Định
875	77A-349.89	Bình Định	1875	78A-210.88	Phú Yên	2875	77A-342.89	Bình Định
876	77A-354.35	Bình Định	1876	78A-211.69	Phú Yên	2876	77A-342.99	Bình Định
877	78A-206.60	Phú Yên	1877	79A-550.69	Khánh Hòa	2877	77C-255.86	Bình Định
878	78A-207.07	Phú Yên	1878	79A-555.16	Khánh Hòa	2878	78A-183.39	Phú Yên
879	78A-209.79	Phú Yên	1879	79A-562.65	Khánh Hòa	2879	78A-201.99	Phú Yên
880	78C-123.66	Phú Yên	1880	79A-568.65	Khánh Hòa	2880	78A-209.88	Phú Yên
881	79A-501.39	Khánh Hòa	1881	81A-393.66	Gia Lai	2881	78A-210.86	Phú Yên
882	79A-511.69	Khánh Hòa	1882	81A-412.99	Gia Lai	2882	78B-015.69	Phú Yên
883	79A-534.79	Khánh Hòa	1883	81A-418.81	Gia Lai	2883	79A-514.39	Khánh Hòa
884	79A-544.88	Khánh Hòa	1884	81A-426.68	Gia Lai	2884	79A-520.88	Khánh Hòa
885	79A-554.89	Khánh Hòa	1885	81A-430.39	Gia Lai	2885	79A-548.49	Khánh Hòa
886	79C-222.33	Khánh Hòa	1886	81A-442.69	Gia Lai	2886	79A-549.79	Khánh Hòa
887	81A-382.69	Gia Lai	1887	81A-444.78	Gia Lai	2887	79A-549.86	Khánh Hòa
888	81A-387.88	Gia Lai	1888	81C-271.79	Gia Lai	2888	79A-549.94	Khánh Hòa
889	81A-411.66	Gia Lai	1889	81C-278.68	Gia Lai	2889	81A-381.39	Gia Lai
890	81A-415.68	Gia Lai	1890	82A-135.99	Kon Tum	2890	81A-385.68	Gia Lai
891	81A-415.86	Gia Lai	1891	82A-146.79	Kon Tum	2891	81A-387.69	Gia Lai
892	81A-418.39	Gia Lai	1892	82A-147.39	Kon Tum	2892	81A-391.19	Gia Lai
893	81A-425.68	Gia Lai	1893	82A-154.54	Kon Tum	2893	81A-402.89	Gia Lai
894	81A-428.39	Gia Lai	1894	82A-154.88	Kon Tum	2894	81A-437.43	Gia Lai
895	81A-429.96	Gia Lai	1895	82A-156.15	Kon Tum	2895	81A-441.14	Gia Lai
896	81A-433.79	Gia Lai	1896	82A-157.69	Kon Tum	2896	81A-445.86	Gia Lai
897	81A-439.93	Gia Lai	1897	82B-016.69	Kon Tum	2897	81C-272.79	Gia Lai
898	81A-443.68	Gia Lai	1898	82B-018.88	Kon Tum	2898	82A-134.44	Kon Tum
899	82A-132.68	Kon Tum	1899	83A-168.63	Sóc Trăng	2899	82A-150.00	Kon Tum
900	82A-144.99	Kon Tum	1900	83A-174.99	Sóc Trăng	2900	82A-154.68	Kon Tum
901	82A-145.69	Kon Tum	1901	83A-179.88	Sóc Trăng	2901	83A-192.66	Sóc Trăng
902	83A-171.86	Sóc Trăng	1902	84A-131.69	Trà Vinh	2902	84A-128.99	Trà Vinh
903	84A-129.88	Trà Vinh	1903	84B-016.69	Trà Vinh	2903	84A-130.68	Trà Vinh
904	84A-135.66	Trà Vinh	1904	84B-018.86	Trà Vinh	2904	84A-140.41	Trà Vinh
905	85A-134.99	Ninh Thuận	1905	85A-122.69	Ninh Thuận	2905	84A-141.66	Trà Vinh
906	85A-142.42	Ninh Thuận	1906	85A-137.39	Ninh Thuận	2906	84C-121.39	Trà Vinh
907	86A-282.99	Bình Thuận	1907	85A-142.79	Ninh Thuận	2907	85A-132.96	Ninh Thuận
908	86A-313.31	Bình Thuận	1908	85A-142.89	Ninh Thuận	2908	85A-135.66	Ninh Thuận
909	86A-319.97	Bình Thuận	1909	85C-081.89	Ninh Thuận	2909	85A-144.69	Ninh Thuận
910	86C-208.68	Bình Thuận	1910	86A-311.99	Bình Thuận	2910	85C-082.79	Ninh Thuận
911	88A-670.86	Vĩnh Phúc	1911	86A-316.66	Bình Thuận	2911	86A-280.86	Bình Thuận
912	88A-677.59	Vĩnh Phúc	1912	86A-317.68	Bình Thuận	2912	86A-287.89	Bình Thuận
913	88A-681.58	Vĩnh Phúc	1913	86A-319.77	Bình Thuận	2913	86A-302.89	Bình Thuận
914	88A-708.39	Vĩnh Phúc	1914	86B-022.68	Bình Thuận	2914	86A-307.89	Bình Thuận
915	88A-713.88	Vĩnh Phúc	1915	86B-023.66	Bình Thuận	2915	88A-669.19	Vĩnh Phúc

47
JG T
U G
' DA
T N
JAN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
916	88A-740.79	Vĩnh Phúc	1916	86C-207.39	Bình Thuận	2916	88A-688.59	Vĩnh Phúc
917	88A-744.22	Vĩnh Phúc	1917	88A-667.69	Vĩnh Phúc	2917	88A-691.11	Vĩnh Phúc
918	88A-748.39	Vĩnh Phúc	1918	88A-692.39	Vĩnh Phúc	2918	88A-704.39	Vĩnh Phúc
919	88A-758.85	Vĩnh Phúc	1919	88A-695.39	Vĩnh Phúc	2919	88A-717.66	Vĩnh Phúc
920	88A-763.79	Vĩnh Phúc	1920	88A-701.10	Vĩnh Phúc	2920	88A-717.86	Vĩnh Phúc
921	88A-770.69	Vĩnh Phúc	1921	88A-701.86	Vĩnh Phúc	2921	88A-737.66	Vĩnh Phúc
922	88A-770.99	Vĩnh Phúc	1922	88A-707.69	Vĩnh Phúc	2922	88A-763.86	Vĩnh Phúc
923	88A-771.72	Vĩnh Phúc	1923	88A-731.11	Vĩnh Phúc	2923	88A-765.66	Vĩnh Phúc
924	88A-783.69	Vĩnh Phúc	1924	88A-738.39	Vĩnh Phúc	2924	88A-771.86	Vĩnh Phúc
925	88B-019.86	Vĩnh Phúc	1925	88A-743.43	Vĩnh Phúc	2925	88A-773.68	Vĩnh Phúc
926	88C-295.68	Vĩnh Phúc	1926	88A-747.86	Vĩnh Phúc	2926	88A-777.19	Vĩnh Phúc
927	89A-433.77	Hưng Yên	1927	88A-756.89	Vĩnh Phúc	2927	88A-777.69	Vĩnh Phúc
928	89A-449.49	Hưng Yên	1928	88A-757.88	Vĩnh Phúc	2928	88A-786.99	Vĩnh Phúc
929	89A-456.16	Hưng Yên	1929	88A-761.66	Vĩnh Phúc	2929	88C-306.88	Vĩnh Phúc
930	89A-460.86	Hưng Yên	1930	88A-765.39	Vĩnh Phúc	2930	88C-307.69	Vĩnh Phúc
931	89A-461.56	Hưng Yên	1931	88A-775.79	Vĩnh Phúc	2931	89A-453.66	Hưng Yên
932	89A-461.88	Hưng Yên	1932	89A-437.66	Hưng Yên	2932	89A-457.57	Hưng Yên
933	89A-466.11	Hưng Yên	1933	89A-439.36	Hưng Yên	2933	89A-461.99	Hưng Yên
934	89A-470.69	Hưng Yên	1934	89A-445.89	Hưng Yên	2934	89A-464.44	Hưng Yên
935	89A-497.66	Hưng Yên	1935	89A-479.39	Hưng Yên	2935	89A-502.20	Hưng Yên
936	89A-507.88	Hưng Yên	1936	89A-490.39	Hưng Yên	2936	89A-510.51	Hưng Yên
937	89A-512.12	Hưng Yên	1937	89A-494.94	Hưng Yên	2937	89A-511.79	Hưng Yên
938	89A-521.99	Hưng Yên	1938	89A-503.69	Hưng Yên	2938	89A-518.89	Hưng Yên
939	89D-022.39	Hưng Yên	1939	89A-506.39	Hưng Yên	2939	89A-522.52	Hưng Yên
940	90A-256.28	Hà Nam	1940	89A-508.86	Hưng Yên	2940	89A-525.39	Hưng Yên
941	90A-259.88	Hà Nam	1941	89A-512.15	Hưng Yên	2941	90A-242.86	Hà Nam
942	90A-276.86	Hà Nam	1942	89D-021.66	Hưng Yên	2942	90A-243.39	Hà Nam
943	90A-279.72	Hà Nam	1943	90A-277.78	Hà Nam	2943	90A-245.66	Hà Nam
944	90A-282.39	Hà Nam	1944	90B-011.55	Hà Nam	2944	90A-259.39	Hà Nam
945	92A-380.89	Quảng Nam	1945	92A-374.68	Quảng Nam	2945	90A-276.89	Hà Nam
946	92A-402.69	Quảng Nam	1946	92A-376.67	Quảng Nam	2946	90A-281.82	Hà Nam
947	92A-420.00	Quảng Nam	1947	92A-381.86	Quảng Nam	2947	92A-376.98	Quảng Nam
948	92A-427.42	Quảng Nam	1948	92A-386.59	Quảng Nam	2948	92A-379.88	Quảng Nam
949	92C-255.79	Quảng Nam	1949	92A-406.69	Quảng Nam	2949	92A-382.39	Quảng Nam
950	93A-446.96	Bình Phước	1950	92A-408.68	Quảng Nam	2950	92A-392.66	Quảng Nam
951	93A-459.89	Bình Phước	1951	92A-411.79	Quảng Nam	2951	92A-392.99	Quảng Nam
952	93A-477.33	Bình Phước	1952	92A-419.14	Quảng Nam	2952	92A-409.09	Quảng Nam
953	93A-477.89	Bình Phước	1953	92A-424.89	Quảng Nam	2953	92A-411.69	Quảng Nam
954	93A-482.86	Bình Phước	1954	92A-428.82	Quảng Nam	2954	92A-422.66	Quảng Nam
955	93A-500.66	Bình Phước	1955	92A-432.32	Quảng Nam	2955	92A-423.86	Quảng Nam
956	94A-100.96	Bạc Liêu	1956	93A-457.39	Bình Phước	2956	92A-424.66	Quảng Nam
957	94A-103.99	Bạc Liêu	1957	93A-463.86	Bình Phước	2957	92A-425.24	Quảng Nam
958	95A-116.61	Hậu Giang	1958	93A-487.79	Bình Phước	2958	93A-444.40	Bình Phước
959	95B-011.33	Hậu Giang	1959	94A-098.59	Bạc Liêu	2959	93A-448.96	Bình Phước
960	95C-088.69	Hậu Giang	1960	94A-099.16	Bạc Liêu	2960	93A-464.68	Bình Phước
961	97A-080.79	Bắc Kạn	1961	94A-108.08	Bạc Liêu	2961	93A-485.69	Bình Phước
962	97A-092.66	Bắc Kạn	1962	94C-081.18	Bạc Liêu	2962	94A-097.68	Bạc Liêu
963	97A-093.86	Bắc Kạn	1963	95A-130.66	Hậu Giang	2963	94A-101.11	Bạc Liêu
964	97A-094.90	Bắc Kạn	1964	95A-134.39	Hậu Giang	2964	94A-107.70	Bạc Liêu
965	98A-675.88	Bắc Giang	1965	95B-013.99	Hậu Giang	2965	94A-108.68	Bạc Liêu
966	98A-691.36	Bắc Giang	1966	97A-076.86	Bắc Kạn	2966	94C-082.99	Bạc Liêu

H
M
T.P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
967	98A-702.39	Bắc Giang	1967	97A-082.55	Bắc Kạn	2967	95A-112.28	Hậu Giang
968	98A-710.69	Bắc Giang	1968	97A-088.69	Bắc Kạn	2968	95A-114.98	Hậu Giang
969	98A-725.66	Bắc Giang	1969	98A-671.86	Bắc Giang	2969	97A-080.59	Bắc Kạn
970	98A-758.86	Bắc Giang	1970	98A-673.79	Bắc Giang	2970	97A-088.55	Bắc Kạn
971	98A-784.44	Bắc Giang	1971	98A-674.79	Bắc Giang	2971	97A-089.79	Bắc Kạn
972	98A-794.39	Bắc Giang	1972	98A-732.66	Bắc Giang	2972	97B-013.79	Bắc Kạn
973	98A-820.00	Bắc Giang	1973	98A-734.89	Bắc Giang	2973	98A-672.79	Bắc Giang
974	98A-831.79	Bắc Giang	1974	98A-736.96	Bắc Giang	2974	98A-704.04	Bắc Giang
975	99A-694.88	Bắc Ninh	1975	98A-751.15	Bắc Giang	2975	98A-738.39	Bắc Giang
976	99A-705.55	Bắc Ninh	1976	98A-762.39	Bắc Giang	2976	98A-742.22	Bắc Giang
977	99A-709.09	Bắc Ninh	1977	98A-797.39	Bắc Giang	2977	98A-755.79	Bắc Giang
978	99A-726.59	Bắc Ninh	1978	98A-802.66	Bắc Giang	2978	98A-780.86	Bắc Giang
979	99A-729.88	Bắc Ninh	1979	98A-811.68	Bắc Giang	2979	98A-805.66	Bắc Giang
980	99A-733.11	Bắc Ninh	1980	98A-813.13	Bắc Giang	2980	98A-809.88	Bắc Giang
981	99A-738.96	Bắc Ninh	1981	98A-814.86	Bắc Giang	2981	98A-848.49	Bắc Giang
982	99A-743.79	Bắc Ninh	1982	98A-819.77	Bắc Giang	2982	98A-850.58	Bắc Giang
983	99A-751.39	Bắc Ninh	1983	98A-824.68	Bắc Giang	2983	98C-367.66	Bắc Giang
984	99A-753.89	Bắc Ninh	1984	98A-846.46	Bắc Giang	2984	98D-015.79	Bắc Giang
985	99A-756.86	Bắc Ninh	1985	98A-857.79	Bắc Giang	2985	99A-705.79	Bắc Ninh
986	99A-761.88	Bắc Ninh	1986	98C-358.99	Bắc Giang	2986	99A-729.39	Bắc Ninh
987	99A-761.96	Bắc Ninh	1987	99A-716.16	Bắc Ninh	2987	99A-746.99	Bắc Ninh
988	99A-764.99	Bắc Ninh	1988	99A-718.69	Bắc Ninh	2988	99A-755.77	Bắc Ninh
989	99A-810.88	Bắc Ninh	1989	99A-721.12	Bắc Ninh	2989	99A-764.44	Bắc Ninh
990	99A-812.39	Bắc Ninh	1990	99A-722.89	Bắc Ninh	2990	99A-775.86	Bắc Ninh
991	99A-819.74	Bắc Ninh	1991	99A-742.69	Bắc Ninh	2991	99A-778.86	Bắc Ninh
992	99A-823.89	Bắc Ninh	1992	99A-759.79	Bắc Ninh	2992	99A-783.79	Bắc Ninh
993	99A-824.86	Bắc Ninh	1993	99A-760.39	Bắc Ninh	2993	99A-786.87	Bắc Ninh
994	99A-824.99	Bắc Ninh	1994	99A-773.86	Bắc Ninh	2994	99A-799.22	Bắc Ninh
995	99A-825.89	Bắc Ninh	1995	99A-788.69	Bắc Ninh	2995	99A-804.69	Bắc Ninh
996	99A-831.99	Bắc Ninh	1996	99A-803.03	Bắc Ninh	2996	99A-819.75	Bắc Ninh
997	99A-835.38	Bắc Ninh	1997	99A-807.66	Bắc Ninh	2997	99A-827.86	Bắc Ninh
998	99A-840.41	Bắc Ninh	1998	99A-812.13	Bắc Ninh	2998	99A-830.83	Bắc Ninh
999	99C-326.68	Bắc Ninh	1999	99A-844.84	Bắc Ninh	2999	99C-319.68	Bắc Ninh
1000	99D-023.32	Bắc Ninh	2000	99C-321.69	Bắc Ninh	3000	99C-325.89	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3001	14C-444.44	Quảng Ninh	4001	22A-234.56	Tuyên Quang			
3002	51L-666.68	Hồ Chí Minh	4002	30L-888.89	Hà Nội			
3003	26A-233.33	Sơn La	4003	19A-688.69	Phú Thọ			
3004	30L-568.68	Hà Nội	4004	14A-966.98	Quảng Ninh			
3005	30L-898.97	Hà Nội	4005	18C-168.68	Nam Định			
3006	34A-877.77	Hải Dương	4006	30L-789.89	Hà Nội			
3007	36K-199.99	Thanh Hóa	4007	34A-866.86	Hải Dương			
3008	43A-899.86	Đà Nẵng	4008	51L-788.99	Hồ Chí Minh			
3009	20A-762.62	Thái Nguyên	4009	12A-249.99	Lạng Sơn			
3010	20A-799.96	Thái Nguyên	4010	14C-393.79	Quảng Ninh			
3011	30L-427.77	Hà Nội	4011	15K-397.77	Hải Phòng			
3012	30L-666.64	Hà Nội	4012	17A-479.97	Thái Bình			
3013	30L-769.96	Hà Nội	4013	17A-489.88	Thái Bình			
3014	30L-876.68	Hà Nội	4014	29B-652.22	Hà Nội			
3015	34A-846.68	Hải Dương	4015	30L-078.86	Hà Nội			
3016	34A-888.80	Hải Dương	4016	30L-588.95	Hà Nội			
3017	36K-213.68	Thanh Hóa	4017	30L-726.26	Hà Nội			
3018	37K-391.91	Nghệ An	4018	30L-886.61	Hà Nội			
3019	38A-658.86	Hà Tĩnh	4019	30L-999.08	Hà Nội			
3020	47A-798.69	Đắk Lắk	4020	43C-312.34	Đà Nẵng			
3021	51D-867.99	Hồ Chí Minh	4021	51L-199.68	Hồ Chí Minh			
3022	51L-407.77	Hồ Chí Minh	4022	51L-436.66	Hồ Chí Minh			
3023	51L-715.55	Hồ Chí Minh	4023	51L-676.68	Hồ Chí Minh			
3024	51L-716.66	Hồ Chí Minh	4024	51L-688.87	Hồ Chí Minh			
3025	51L-748.88	Hồ Chí Minh	4025	51L-699.65	Hồ Chí Minh			
3026	51L-788.68	Hồ Chí Minh	4026	51L-712.34	Hồ Chí Minh			
3027	51L-855.86	Hồ Chí Minh	4027	51L-889.94	Hồ Chí Minh			
3028	63A-296.66	Tiền Giang	4028	63A-296.99	Tiền Giang			
3029	65A-499.89	Cần Thơ	4029	70A-568.66	Tây Ninh			
3030	71A-189.88	Bến Tre	4030	76A-297.97	Quảng Ngãi			
3031	98A-717.77	Bắc Giang	4031	77A-299.66	Bình Định			
3032	99A-762.26	Bắc Ninh	4032	81A-396.69	Gia Lai			
3033	30K-630.79	Hà Nội	4033	92A-398.98	Quảng Nam			
3034	30K-637.86	Hà Nội	4034	99A-778.89	Bắc Ninh			
3035	30K-645.39	Hà Nội	4035	30K-624.79	Hà Nội			
3036	30K-653.66	Hà Nội	4036	30K-651.39	Hà Nội			
3037	30K-675.88	Hà Nội	4037	30K-654.44	Hà Nội			
3038	30K-690.39	Hà Nội	4038	30K-703.86	Hà Nội			
3039	30K-703.79	Hà Nội	4039	30K-704.66	Hà Nội			
3040	30K-710.89	Hà Nội	4040	30K-706.88	Hà Nội			
3041	30K-723.86	Hà Nội	4041	30K-710.66	Hà Nội			
3042	30K-726.79	Hà Nội	4042	30K-727.66	Hà Nội			
3043	30K-738.66	Hà Nội	4043	30K-732.39	Hà Nội			
3044	30K-745.66	Hà Nội	4044	30K-745.99	Hà Nội			
3045	30K-745.89	Hà Nội	4045	30K-750.68	Hà Nội			
3046	30K-756.39	Hà Nội	4046	30K-751.89	Hà Nội			
3047	30K-772.88	Hà Nội	4047	30K-753.89	Hà Nội			
3048	30K-774.99	Hà Nội	4048	30K-760.99	Hà Nội			
3049	30K-783.68	Hà Nội	4049	30K-761.86	Hà Nội			
3050	30K-783.79	Hà Nội	4050	30K-762.79	Hà Nội			
3051	30K-790.69	Hà Nội	4051	30K-774.68	Hà Nội			

H. E
C
Đ
H
VI
ANH

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3052	30K-804.89	Hà Nội	4052	30K-782.88	Hà Nội			
3053	30K-810.00	Hà Nội	4053	30K-793.98	Hà Nội			
3054	30K-815.89	Hà Nội	4054	30K-844.68	Hà Nội			
3055	30K-816.39	Hà Nội	4055	30K-850.99	Hà Nội			
3056	30K-824.44	Hà Nội	4056	30K-851.11	Hà Nội			
3057	30K-841.66	Hà Nội	4057	30K-864.44	Hà Nội			
3058	30K-850.66	Hà Nội	4058	30K-917.68	Hà Nội			
3059	30K-859.66	Hà Nội	4059	30K-934.89	Hà Nội			
3060	30K-873.79	Hà Nội	4060	30K-936.98	Hà Nội			
3061	30K-874.39	Hà Nội	4061	30K-940.66	Hà Nội			
3062	30K-894.88	Hà Nội	4062	30K-943.68	Hà Nội			
3063	30K-920.00	Hà Nội	4063	30K-951.86	Hà Nội			
3064	30K-934.69	Hà Nội	4064	30K-954.89	Hà Nội			
3065	30K-942.79	Hà Nội	4065	30K-961.89	Hà Nội			
3066	30K-947.39	Hà Nội	4066	30L-012.69	Hà Nội			
3067	30K-958.39	Hà Nội	4067	30L-025.77	Hà Nội			
3068	30K-964.69	Hà Nội	4068	30L-031.13	Hà Nội			
3069	30K-970.39	Hà Nội	4069	30L-032.68	Hà Nội			
3070	30K-971.17	Hà Nội	4070	30L-037.39	Hà Nội			
3071	30K-971.88	Hà Nội	4071	30L-042.79	Hà Nội			
3072	30K-973.33	Hà Nội	4072	30L-053.66	Hà Nội			
3073	30K-973.89	Hà Nội	4073	30L-058.66	Hà Nội			
3074	30K-980.39	Hà Nội	4074	30L-064.69	Hà Nội			
3075	30K-990.86	Hà Nội	4075	30L-070.79	Hà Nội			
3076	30K-997.69	Hà Nội	4076	30L-084.39	Hà Nội			
3077	30L-005.69	Hà Nội	4077	30L-105.69	Hà Nội			
3078	30L-031.68	Hà Nội	4078	30L-155.39	Hà Nội			
3079	30L-037.66	Hà Nội	4079	30L-157.66	Hà Nội			
3080	30L-037.69	Hà Nội	4080	30L-255.39	Hà Nội			
3081	30L-049.66	Hà Nội	4081	30L-305.50	Hà Nội			
3082	30L-073.79	Hà Nội	4082	30L-321.12	Hà Nội			
3083	30L-078.66	Hà Nội	4083	30L-324.42	Hà Nội			
3084	30L-100.77	Hà Nội	4084	30L-326.39	Hà Nội			
3085	30L-107.99	Hà Nội	4085	30L-366.44	Hà Nội			
3086	30L-120.86	Hà Nội	4086	30L-374.68	Hà Nội			
3087	30L-137.88	Hà Nội	4087	30L-378.69	Hà Nội			
3088	30L-145.66	Hà Nội	4088	30L-387.68	Hà Nội			
3089	30L-160.99	Hà Nội	4089	30L-387.88	Hà Nội			
3090	30L-164.86	Hà Nội	4090	30L-411.99	Hà Nội			
3091	30L-190.39	Hà Nội	4091	30L-420.79	Hà Nội			
3092	30L-244.55	Hà Nội	4092	30L-427.89	Hà Nội			
3093	30L-253.35	Hà Nội	4093	30L-475.66	Hà Nội			
3094	30L-278.69	Hà Nội	4094	30L-511.86	Hà Nội			
3095	30L-390.93	Hà Nội	4095	30L-543.68	Hà Nội			
3096	30L-402.68	Hà Nội	4096	30L-550.58	Hà Nội			
3097	30L-408.86	Hà Nội	4097	30L-554.45	Hà Nội			
3098	30L-419.95	Hà Nội	4098	30L-555.71	Hà Nội			
3099	30L-431.69	Hà Nội	4099	30L-558.44	Hà Nội			
3100	30L-432.99	Hà Nội	4100	30L-562.52	Hà Nội			
3101	30L-440.66	Hà Nội	4101	30L-563.26	Hà Nội			
3102	30L-444.28	Hà Nội	4102	30L-567.66	Hà Nội			

41
 NG
 Ứ G
 2-ĐA
 T N
 JÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3103	30L-450.50	Hà Nội	4103	30L-572.66	Hà Nội			
3104	30L-488.44	Hà Nội	4104	30L-573.19	Hà Nội			
3105	30L-507.66	Hà Nội	4105	30L-573.75	Hà Nội			
3106	30L-542.22	Hà Nội	4106	30L-573.96	Hà Nội			
3107	30L-551.15	Hà Nội	4107	30L-574.06	Hà Nội			
3108	30L-552.62	Hà Nội	4108	30L-575.44	Hà Nội			
3109	30L-553.53	Hà Nội	4109	30L-576.99	Hà Nội			
3110	30L-561.86	Hà Nội	4110	30L-579.18	Hà Nội			
3111	30L-570.88	Hà Nội	4111	30L-587.88	Hà Nội			
3112	30L-574.68	Hà Nội	4112	30L-590.90	Hà Nội			
3113	30L-580.85	Hà Nội	4113	30L-592.52	Hà Nội			
3114	30L-590.16	Hà Nội	4114	30L-593.09	Hà Nội			
3115	30L-593.96	Hà Nội	4115	30L-596.39	Hà Nội			
3116	30L-602.58	Hà Nội	4116	30L-596.59	Hà Nội			
3117	30L-602.77	Hà Nội	4117	30L-600.58	Hà Nội			
3118	30L-603.39	Hà Nội	4118	30L-601.26	Hà Nội			
3119	30L-604.09	Hà Nội	4119	30L-603.66	Hà Nội			
3120	30L-604.79	Hà Nội	4120	30L-604.19	Hà Nội			
3121	30L-607.06	Hà Nội	4121	30L-610.59	Hà Nội			
3122	30L-609.86	Hà Nội	4122	30L-611.28	Hà Nội			
3123	30L-614.89	Hà Nội	4123	30L-625.79	Hà Nội			
3124	30L-615.19	Hà Nội	4124	30L-630.26	Hà Nội			
3125	30L-617.16	Hà Nội	4125	30L-631.69	Hà Nội			
3126	30L-621.89	Hà Nội	4126	30L-633.95	Hà Nội			
3127	30L-622.77	Hà Nội	4127	30L-634.66	Hà Nội			
3128	30L-622.89	Hà Nội	4128	30L-635.08	Hà Nội			
3129	30L-626.92	Hà Nội	4129	30L-644.86	Hà Nội			
3130	30L-627.99	Hà Nội	4130	30L-645.98	Hà Nội			
3131	30L-628.65	Hà Nội	4131	30L-650.65	Hà Nội			
3132	30L-631.06	Hà Nội	4132	30L-654.59	Hà Nội			
3133	30L-635.88	Hà Nội	4133	30L-654.68	Hà Nội			
3134	30L-639.58	Hà Nội	4134	30L-655.22	Hà Nội			
3135	30L-640.99	Hà Nội	4135	30L-655.38	Hà Nội			
3136	30L-641.96	Hà Nội	4136	30L-660.39	Hà Nội			
3137	30L-644.68	Hà Nội	4137	30L-661.89	Hà Nội			
3138	30L-646.69	Hà Nội	4138	30L-666.12	Hà Nội			
3139	30L-648.25	Hà Nội	4139	30L-670.79	Hà Nội			
3140	30L-651.51	Hà Nội	4140	30L-673.25	Hà Nội			
3141	30L-653.98	Hà Nội	4141	30L-674.99	Hà Nội			
3142	30L-660.18	Hà Nội	4142	30L-677.16	Hà Nội			
3143	30L-663.29	Hà Nội	4143	30L-680.08	Hà Nội			
3144	30L-667.59	Hà Nội	4144	30L-701.96	Hà Nội			
3145	30L-667.76	Hà Nội	4145	30L-701.99	Hà Nội			
3146	30L-668.25	Hà Nội	4146	30L-702.07	Hà Nội			
3147	30L-671.17	Hà Nội	4147	30L-707.69	Hà Nội			
3148	30L-671.69	Hà Nội	4148	30L-707.70	Hà Nội			
3149	30L-678.41	Hà Nội	4149	30L-708.99	Hà Nội			
3150	30L-678.48	Hà Nội	4150	30L-714.25	Hà Nội			
3151	30L-678.82	Hà Nội	4151	30L-717.18	Hà Nội			
3152	30L-693.82	Hà Nội	4152	30L-718.26	Hà Nội			
3153	30L-694.39	Hà Nội	4153	30L-719.90	Hà Nội			

Y
A
H
M
TP

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3154	30L-695.09	Hà Nội	4154	30L-720.21	Hà Nội			
3155	30L-695.56	Hà Nội	4155	30L-721.06	Hà Nội			
3156	30L-697.68	Hà Nội	4156	30L-726.06	Hà Nội			
3157	30L-702.08	Hà Nội	4157	30L-728.83	Hà Nội			
3158	30L-702.66	Hà Nội	4158	30L-728.96	Hà Nội			
3159	30L-704.66	Hà Nội	4159	30L-729.69	Hà Nội			
3160	30L-714.96	Hà Nội	4160	30L-735.44	Hà Nội			
3161	30L-719.69	Hà Nội	4161	30L-740.16	Hà Nội			
3162	30L-719.78	Hà Nội	4162	30L-743.34	Hà Nội			
3163	30L-720.68	Hà Nội	4163	30L-745.29	Hà Nội			
3164	30L-724.25	Hà Nội	4164	30L-746.29	Hà Nội			
3165	30L-724.83	Hà Nội	4165	30L-748.69	Hà Nội			
3166	30L-726.89	Hà Nội	4166	30L-751.26	Hà Nội			
3167	30L-727.09	Hà Nội	4167	30L-752.39	Hà Nội			
3168	30L-728.58	Hà Nội	4168	30L-753.83	Hà Nội			
3169	30L-733.96	Hà Nội	4169	30L-757.29	Hà Nội			
3170	30L-735.68	Hà Nội	4170	30L-763.36	Hà Nội			
3171	30L-737.35	Hà Nội	4171	30L-764.16	Hà Nội			
3172	30L-738.29	Hà Nội	4172	30L-764.79	Hà Nội			
3173	30L-743.35	Hà Nội	4173	30L-766.00	Hà Nội			
3174	30L-746.83	Hà Nội	4174	30L-769.98	Hà Nội			
3175	30L-749.25	Hà Nội	4175	30L-770.07	Hà Nội			
3176	30L-750.69	Hà Nội	4176	30L-771.99	Hà Nội			
3177	30L-755.36	Hà Nội	4177	30L-774.98	Hà Nội			
3178	30L-760.60	Hà Nội	4178	30L-776.76	Hà Nội			
3179	30L-767.99	Hà Nội	4179	30L-780.81	Hà Nội			
3180	30L-771.89	Hà Nội	4180	30L-780.89	Hà Nội			
3181	30L-773.25	Hà Nội	4181	30L-785.66	Hà Nội			
3182	30L-775.76	Hà Nội	4182	30L-786.61	Hà Nội			
3183	30L-777.03	Hà Nội	4183	30L-787.29	Hà Nội			
3184	30L-778.90	Hà Nội	4184	30L-791.68	Hà Nội			
3185	30L-781.97	Hà Nội	4185	30L-794.98	Hà Nội			
3186	30L-782.96	Hà Nội	4186	30L-803.26	Hà Nội			
3187	30L-783.26	Hà Nội	4187	30L-805.06	Hà Nội			
3188	30L-783.83	Hà Nội	4188	30L-807.68	Hà Nội			
3189	30L-784.89	Hà Nội	4189	30L-809.26	Hà Nội			
3190	30L-785.38	Hà Nội	4190	30L-817.88	Hà Nội			
3191	30L-789.26	Hà Nội	4191	30L-832.66	Hà Nội			
3192	30L-790.16	Hà Nội	4192	30L-840.19	Hà Nội			
3193	30L-792.08	Hà Nội	4193	30L-840.36	Hà Nội			
3194	30L-792.09	Hà Nội	4194	30L-841.89	Hà Nội			
3195	30L-801.16	Hà Nội	4195	30L-842.96	Hà Nội			
3196	30L-801.69	Hà Nội	4196	30L-843.86	Hà Nội			
3197	30L-801.99	Hà Nội	4197	30L-844.89	Hà Nội			
3198	30L-802.20	Hà Nội	4198	30L-847.39	Hà Nội			
3199	30L-802.68	Hà Nội	4199	30L-847.58	Hà Nội			
3200	30L-804.99	Hà Nội	4200	30L-848.84	Hà Nội			
3201	30L-806.56	Hà Nội	4201	30L-849.79	Hà Nội			
3202	30L-807.99	Hà Nội	4202	30L-849.98	Hà Nội			
3203	30L-812.55	Hà Nội	4203	30L-850.39	Hà Nội			
3204	30L-813.99	Hà Nội	4204	30L-854.22	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3205	30L-819.64	Hà Nội	4205	30L-855.28	Hà Nội			
3206	30L-821.68	Hà Nội	4206	30L-855.33	Hà Nội			
3207	30L-823.38	Hà Nội	4207	30L-858.18	Hà Nội			
3208	30L-824.99	Hà Nội	4208	30L-861.85	Hà Nội			
3209	30L-829.33	Hà Nội	4209	30L-863.39	Hà Nội			
3210	30L-831.06	Hà Nội	4210	30L-863.99	Hà Nội			
3211	30L-831.31	Hà Nội	4211	30L-865.56	Hà Nội			
3212	30L-831.95	Hà Nội	4212	30L-866.43	Hà Nội			
3213	30L-832.99	Hà Nội	4213	30L-870.56	Hà Nội			
3214	30L-835.36	Hà Nội	4214	30L-870.58	Hà Nội			
3215	30L-841.58	Hà Nội	4215	30L-876.38	Hà Nội			
3216	30L-841.68	Hà Nội	4216	30L-877.55	Hà Nội			
3217	30L-842.58	Hà Nội	4217	30L-877.58	Hà Nội			
3218	30L-842.95	Hà Nội	4218	30L-879.87	Hà Nội			
3219	30L-853.58	Hà Nội	4219	30L-888.03	Hà Nội			
3220	30L-853.66	Hà Nội	4220	30L-888.17	Hà Nội			
3221	30L-856.18	Hà Nội	4221	30L-892.56	Hà Nội			
3222	30L-856.95	Hà Nội	4222	30L-893.69	Hà Nội			
3223	30L-860.06	Hà Nội	4223	30L-894.66	Hà Nội			
3224	30L-860.25	Hà Nội	4224	30L-899.16	Hà Nội			
3225	30L-860.26	Hà Nội	4225	30L-899.76	Hà Nội			
3226	30L-863.22	Hà Nội	4226	30L-901.99	Hà Nội			
3227	30L-871.55	Hà Nội	4227	30L-902.98	Hà Nội			
3228	30L-881.15	Hà Nội	4228	30L-903.56	Hà Nội			
3229	30L-885.09	Hà Nội	4229	30L-905.28	Hà Nội			
3230	30L-888.13	Hà Nội	4230	30L-910.36	Hà Nội			
3231	30L-895.25	Hà Nội	4231	30L-912.88	Hà Nội			
3232	30L-896.79	Hà Nội	4232	30L-913.55	Hà Nội			
3233	30L-897.68	Hà Nội	4233	30L-916.91	Hà Nội			
3234	30L-899.75	Hà Nội	4234	30L-917.26	Hà Nội			
3235	30L-904.59	Hà Nội	4235	30L-918.56	Hà Nội			
3236	30L-905.65	Hà Nội	4236	30L-920.39	Hà Nội			
3237	30L-908.08	Hà Nội	4237	30L-922.86	Hà Nội			
3238	30L-918.26	Hà Nội	4238	30L-923.85	Hà Nội			
3239	30L-919.70	Hà Nội	4239	30L-924.09	Hà Nội			
3240	30L-922.18	Hà Nội	4240	30L-924.69	Hà Nội			
3241	30L-922.77	Hà Nội	4241	30L-925.79	Hà Nội			
3242	30L-923.28	Hà Nội	4242	30L-926.56	Hà Nội			
3243	30L-926.08	Hà Nội	4243	30L-929.23	Hà Nội			
3244	30L-927.56	Hà Nội	4244	30L-931.99	Hà Nội			
3245	30L-931.29	Hà Nội	4245	30L-935.36	Hà Nội			
3246	30L-932.69	Hà Nội	4246	30L-935.86	Hà Nội			
3247	30L-932.95	Hà Nội	4247	30L-943.29	Hà Nội			
3248	30L-935.39	Hà Nội	4248	30L-944.66	Hà Nội			
3249	30L-935.88	Hà Nội	4249	30L-947.68	Hà Nội			
3250	30L-938.92	Hà Nội	4250	30L-950.26	Hà Nội			
3251	30L-942.88	Hà Nội	4251	30L-952.16	Hà Nội			
3252	30L-943.69	Hà Nội	4252	30L-953.33	Hà Nội			
3253	30L-944.11	Hà Nội	4253	30L-964.89	Hà Nội			
3254	30L-944.29	Hà Nội	4254	30L-966.78	Hà Nội			
3255	30L-944.45	Hà Nội	4255	30L-968.26	Hà Nội			

H. F
 C
 E
 H
 V
 HANH

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3256	30L-953.69	Hà Nội	4256	30L-972.65	Hà Nội			
3257	30L-953.88	Hà Nội	4257	30L-972.86	Hà Nội			
3258	30L-954.59	Hà Nội	4258	30L-973.98	Hà Nội			
3259	30L-959.15	Hà Nội	4259	30L-979.69	Hà Nội			
3260	30L-959.66	Hà Nội	4260	30L-982.36	Hà Nội			
3261	30L-962.82	Hà Nội	4261	30L-983.58	Hà Nội			
3262	30L-965.66	Hà Nội	4262	30L-984.95	Hà Nội			
3263	30L-970.06	Hà Nội	4263	30L-990.95	Hà Nội			
3264	30L-973.06	Hà Nội	4264	30L-997.35	Hà Nội			
3265	30L-975.69	Hà Nội	4265	30M-000.48	Hà Nội			
3266	30L-975.76	Hà Nội	4266	30M-004.00	Hà Nội			
3267	30L-981.59	Hà Nội	4267	30M-004.22	Hà Nội			
3268	30L-985.96	Hà Nội	4268	30M-004.56	Hà Nội			
3269	30L-987.98	Hà Nội	4269	30M-006.59	Hà Nội			
3270	30L-988.63	Hà Nội	4270	30M-010.98	Hà Nội			
3271	30L-990.69	Hà Nội	4271	30M-012.13	Hà Nội			
3272	30L-990.79	Hà Nội	4272	30M-012.86	Hà Nội			
3273	30L-991.26	Hà Nội	4273	30M-016.61	Hà Nội			
3274	30M-000.22	Hà Nội	4274	30M-017.25	Hà Nội			
3275	30M-003.86	Hà Nội	4275	30M-019.68	Hà Nội			
3276	30M-004.06	Hà Nội	4276	30M-021.36	Hà Nội			
3277	30M-006.78	Hà Nội	4277	30M-023.59	Hà Nội			
3278	30M-008.66	Hà Nội	4278	30M-025.88	Hà Nội			
3279	30M-010.36	Hà Nội	4279	30M-026.44	Hà Nội			
3280	30M-011.08	Hà Nội	4280	30M-026.78	Hà Nội			
3281	30M-015.88	Hà Nội	4281	30M-027.28	Hà Nội			
3282	30M-017.09	Hà Nội	4282	51L-001.88	Hồ Chí Minh			
3283	30M-018.19	Hà Nội	4283	51L-011.86	Hồ Chí Minh			
3284	30M-021.99	Hà Nội	4284	51L-024.39	Hồ Chí Minh			
3285	30M-023.06	Hà Nội	4285	51L-031.89	Hồ Chí Minh			
3286	30M-024.69	Hà Nội	4286	51L-075.88	Hồ Chí Minh			
3287	30M-024.79	Hà Nội	4287	51L-083.79	Hồ Chí Minh			
3288	30M-025.79	Hà Nội	4288	51L-087.86	Hồ Chí Minh			
3289	51L-027.39	Hồ Chí Minh	4289	51L-091.89	Hồ Chí Minh			
3290	51L-030.99	Hồ Chí Minh	4290	51L-092.66	Hồ Chí Minh			
3291	51L-032.88	Hồ Chí Minh	4291	51L-097.86	Hồ Chí Minh			
3292	51L-057.88	Hồ Chí Minh	4292	51L-102.88	Hồ Chí Minh			
3293	51L-059.88	Hồ Chí Minh	4293	51L-102.99	Hồ Chí Minh			
3294	51L-070.88	Hồ Chí Minh	4294	51L-104.89	Hồ Chí Minh			
3295	51L-071.89	Hồ Chí Minh	4295	51L-106.69	Hồ Chí Minh			
3296	51L-088.69	Hồ Chí Minh	4296	51L-107.86	Hồ Chí Minh			
3297	51L-091.69	Hồ Chí Minh	4297	51L-117.68	Hồ Chí Minh			
3298	51L-094.69	Hồ Chí Minh	4298	51L-122.79	Hồ Chí Minh			
3299	51L-102.66	Hồ Chí Minh	4299	51L-126.86	Hồ Chí Minh			
3300	51L-103.66	Hồ Chí Minh	4300	51L-132.69	Hồ Chí Minh			
3301	51L-104.79	Hồ Chí Minh	4301	51L-142.88	Hồ Chí Minh			
3302	51L-114.88	Hồ Chí Minh	4302	51L-144.00	Hồ Chí Minh			
3303	51L-117.39	Hồ Chí Minh	4303	51L-148.84	Hồ Chí Minh			
3304	51L-124.89	Hồ Chí Minh	4304	51L-174.88	Hồ Chí Minh			
3305	51L-125.89	Hồ Chí Minh	4305	51L-174.89	Hồ Chí Minh			
3306	51L-132.88	Hồ Chí Minh	4306	51L-193.69	Hồ Chí Minh			

. 41
NG
Ủ G
P DA
T N
UÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3307	51L-143.79	Hồ Chí Minh	4307	51L-202.99	Hồ Chí Minh			
3308	51L-162.66	Hồ Chí Minh	4308	51L-221.79	Hồ Chí Minh			
3309	51L-184.69	Hồ Chí Minh	4309	51L-232.89	Hồ Chí Minh			
3310	51L-190.00	Hồ Chí Minh	4310	51L-233.69	Hồ Chí Minh			
3311	51L-190.88	Hồ Chí Minh	4311	51L-239.92	Hồ Chí Minh			
3312	51L-204.86	Hồ Chí Minh	4312	51L-246.99	Hồ Chí Minh			
3313	51L-205.86	Hồ Chí Minh	4313	51L-248.99	Hồ Chí Minh			
3314	51L-209.66	Hồ Chí Minh	4314	51L-250.99	Hồ Chí Minh			
3315	51L-212.89	Hồ Chí Minh	4315	51L-257.68	Hồ Chí Minh			
3316	51L-214.44	Hồ Chí Minh	4316	51L-258.66	Hồ Chí Minh			
3317	51L-216.69	Hồ Chí Minh	4317	51L-260.99	Hồ Chí Minh			
3318	51L-218.89	Hồ Chí Minh	4318	51L-301.88	Hồ Chí Minh			
3319	51L-228.69	Hồ Chí Minh	4319	51L-304.66	Hồ Chí Minh			
3320	51L-231.86	Hồ Chí Minh	4320	51L-311.86	Hồ Chí Minh			
3321	51L-248.68	Hồ Chí Minh	4321	51L-312.68	Hồ Chí Minh			
3322	51L-250.86	Hồ Chí Minh	4322	51L-317.69	Hồ Chí Minh			
3323	51L-259.39	Hồ Chí Minh	4323	51L-320.99	Hồ Chí Minh			
3324	51L-265.98	Hồ Chí Minh	4324	51L-321.69	Hồ Chí Minh			
3325	51L-266.83	Hồ Chí Minh	4325	51L-322.86	Hồ Chí Minh			
3326	51L-285.69	Hồ Chí Minh	4326	51L-341.86	Hồ Chí Minh			
3327	51L-294.79	Hồ Chí Minh	4327	51L-343.86	Hồ Chí Minh			
3328	51L-294.86	Hồ Chí Minh	4328	51L-352.39	Hồ Chí Minh			
3329	51L-301.69	Hồ Chí Minh	4329	51L-358.99	Hồ Chí Minh			
3330	51L-304.68	Hồ Chí Minh	4330	51L-367.79	Hồ Chí Minh			
3331	51L-312.66	Hồ Chí Minh	4331	51L-367.99	Hồ Chí Minh			
3332	51L-314.39	Hồ Chí Minh	4332	51L-372.89	Hồ Chí Minh			
3333	51L-323.99	Hồ Chí Minh	4333	51L-374.88	Hồ Chí Minh			
3334	51L-338.69	Hồ Chí Minh	4334	51L-401.86	Hồ Chí Minh			
3335	51L-353.79	Hồ Chí Minh	4335	51L-421.99	Hồ Chí Minh			
3336	51L-373.39	Hồ Chí Minh	4336	51L-475.89	Hồ Chí Minh			
3337	51L-373.86	Hồ Chí Minh	4337	51L-482.69	Hồ Chí Minh			
3338	51L-452.88	Hồ Chí Minh	4338	51L-541.88	Hồ Chí Minh			
3339	51L-476.89	Hồ Chí Minh	4339	51L-579.69	Hồ Chí Minh			
3340	51L-487.99	Hồ Chí Minh	4340	51L-589.58	Hồ Chí Minh			
3341	51L-529.96	Hồ Chí Minh	4341	51L-596.95	Hồ Chí Minh			
3342	51L-566.67	Hồ Chí Minh	4342	51L-619.55	Hồ Chí Minh			
3343	51L-574.68	Hồ Chí Minh	4343	51L-620.85	Hồ Chí Minh			
3344	51L-577.66	Hồ Chí Minh	4344	51L-623.66	Hồ Chí Minh			
3345	51L-593.59	Hồ Chí Minh	4345	51L-624.62	Hồ Chí Minh			
3346	51L-599.33	Hồ Chí Minh	4346	51L-627.83	Hồ Chí Minh			
3347	51L-613.33	Hồ Chí Minh	4347	51L-629.66	Hồ Chí Minh			
3348	51L-619.95	Hồ Chí Minh	4348	51L-630.69	Hồ Chí Minh			
3349	51L-624.28	Hồ Chí Minh	4349	51L-636.89	Hồ Chí Minh			
3350	51L-625.86	Hồ Chí Minh	4350	51L-641.11	Hồ Chí Minh			
3351	51L-625.98	Hồ Chí Minh	4351	51L-644.77	Hồ Chí Minh			
3352	51L-628.36	Hồ Chí Minh	4352	51L-647.88	Hồ Chí Minh			
3353	51L-629.19	Hồ Chí Minh	4353	51L-648.28	Hồ Chí Minh			
3354	51L-633.63	Hồ Chí Minh	4354	51L-650.51	Hồ Chí Minh			
3355	51L-633.83	Hồ Chí Minh	4355	51L-652.56	Hồ Chí Minh			
3356	51L-634.59	Hồ Chí Minh	4356	51L-656.88	Hồ Chí Minh			
3357	51L-636.96	Hồ Chí Minh	4357	51L-661.39	Hồ Chí Minh			

Y/C
H
M
T.P.H.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3358	51L-638.63	Hồ Chí Minh	4358	51L-667.19	Hồ Chí Minh			
3359	51L-639.56	Hồ Chí Minh	4359	51L-669.22	Hồ Chí Minh			
3360	51L-642.86	Hồ Chí Minh	4360	51L-670.88	Hồ Chí Minh			
3361	51L-643.16	Hồ Chí Minh	4361	51L-671.15	Hồ Chí Minh			
3362	51L-645.16	Hồ Chí Minh	4362	51L-673.73	Hồ Chí Minh			
3363	51L-650.58	Hồ Chí Minh	4363	51L-677.55	Hồ Chí Minh			
3364	51L-656.96	Hồ Chí Minh	4364	51L-679.09	Hồ Chí Minh			
3365	51L-657.16	Hồ Chí Minh	4365	51L-688.39	Hồ Chí Minh			
3366	51L-657.57	Hồ Chí Minh	4366	51L-700.70	Hồ Chí Minh			
3367	51L-662.89	Hồ Chí Minh	4367	51L-705.96	Hồ Chí Minh			
3368	51L-663.16	Hồ Chí Minh	4368	51L-706.89	Hồ Chí Minh			
3369	51L-664.46	Hồ Chí Minh	4369	51L-712.55	Hồ Chí Minh			
3370	51L-668.38	Hồ Chí Minh	4370	51L-712.86	Hồ Chí Minh			
3371	51L-670.85	Hồ Chí Minh	4371	51L-717.96	Hồ Chí Minh			
3372	51L-671.86	Hồ Chí Minh	4372	51L-720.72	Hồ Chí Minh			
3373	51L-672.16	Hồ Chí Minh	4373	51L-722.44	Hồ Chí Minh			
3374	51L-672.68	Hồ Chí Minh	4374	51L-724.79	Hồ Chí Minh			
3375	51L-672.72	Hồ Chí Minh	4375	51L-727.66	Hồ Chí Minh			
3376	51L-674.56	Hồ Chí Minh	4376	51L-731.13	Hồ Chí Minh			
3377	51L-675.69	Hồ Chí Minh	4377	51L-731.68	Hồ Chí Minh			
3378	51L-676.95	Hồ Chí Minh	4378	51L-731.97	Hồ Chí Minh			
3379	51L-680.59	Hồ Chí Minh	4379	51L-746.47	Hồ Chí Minh			
3380	51L-684.19	Hồ Chí Minh	4380	51L-749.86	Hồ Chí Minh			
3381	51L-684.39	Hồ Chí Minh	4381	51L-752.86	Hồ Chí Minh			
3382	51L-688.40	Hồ Chí Minh	4382	51L-753.53	Hồ Chí Minh			
3383	51L-692.18	Hồ Chí Minh	4383	51L-753.88	Hồ Chí Minh			
3384	51L-694.06	Hồ Chí Minh	4384	51L-754.28	Hồ Chí Minh			
3385	51L-701.70	Hồ Chí Minh	4385	51L-760.56	Hồ Chí Minh			
3386	51L-703.79	Hồ Chí Minh	4386	51L-761.15	Hồ Chí Minh			
3387	51L-705.50	Hồ Chí Minh	4387	51L-762.85	Hồ Chí Minh			
3388	51L-707.36	Hồ Chí Minh	4388	51L-766.00	Hồ Chí Minh			
3389	51L-710.35	Hồ Chí Minh	4389	51L-768.81	Hồ Chí Minh			
3390	51L-711.99	Hồ Chí Minh	4390	51L-771.16	Hồ Chí Minh			
3391	51L-718.18	Hồ Chí Minh	4391	51L-772.88	Hồ Chí Minh			
3392	51L-719.91	Hồ Chí Minh	4392	51L-773.38	Hồ Chí Minh			
3393	51L-721.96	Hồ Chí Minh	4393	51L-774.29	Hồ Chí Minh			
3394	51L-721.99	Hồ Chí Minh	4394	51L-775.19	Hồ Chí Minh			
3395	51L-723.83	Hồ Chí Minh	4395	51L-776.09	Hồ Chí Minh			
3396	51L-726.27	Hồ Chí Minh	4396	51L-776.56	Hồ Chí Minh			
3397	51L-730.36	Hồ Chí Minh	4397	51L-777.05	Hồ Chí Minh			
3398	51L-734.99	Hồ Chí Minh	4398	51L-781.66	Hồ Chí Minh			
3399	51L-742.22	Hồ Chí Minh	4399	51L-781.68	Hồ Chí Minh			
3400	51L-742.47	Hồ Chí Minh	4400	51L-781.99	Hồ Chí Minh			
3401	51L-743.47	Hồ Chí Minh	4401	51L-783.39	Hồ Chí Minh			
3402	51L-750.08	Hồ Chí Minh	4402	51L-787.83	Hồ Chí Minh			
3403	51L-750.68	Hồ Chí Minh	4403	51L-788.33	Hồ Chí Minh			
3404	51L-754.65	Hồ Chí Minh	4404	51L-789.47	Hồ Chí Minh			
3405	51L-754.69	Hồ Chí Minh	4405	51L-795.86	Hồ Chí Minh			
3406	51L-755.26	Hồ Chí Minh	4406	51L-797.44	Hồ Chí Minh			
3407	51L-755.33	Hồ Chí Minh	4407	51L-805.18	Hồ Chí Minh			
3408	51L-755.69	Hồ Chí Minh	4408	51L-806.86	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3409	51L-755.95	Hồ Chí Minh	4409	51L-806.95	Hồ Chí Minh			
3410	51L-756.39	Hồ Chí Minh	4410	51L-807.79	Hồ Chí Minh			
3411	51L-757.28	Hồ Chí Minh	4411	51L-809.33	Hồ Chí Minh			
3412	51L-764.79	Hồ Chí Minh	4412	51L-809.69	Hồ Chí Minh			
3413	51L-765.69	Hồ Chí Minh	4413	51L-813.56	Hồ Chí Minh			
3414	51L-767.18	Hồ Chí Minh	4414	51L-814.28	Hồ Chí Minh			
3415	51L-769.08	Hồ Chí Minh	4415	51L-817.66	Hồ Chí Minh			
3416	51L-772.29	Hồ Chí Minh	4416	51L-819.73	Hồ Chí Minh			
3417	51L-774.75	Hồ Chí Minh	4417	51L-823.66	Hồ Chí Minh			
3418	51L-776.26	Hồ Chí Minh	4418	51L-824.42	Hồ Chí Minh			
3419	51L-776.83	Hồ Chí Minh	4419	51L-827.72	Hồ Chí Minh			
3420	51L-777.09	Hồ Chí Minh	4420	51L-827.89	Hồ Chí Minh			
3421	51L-777.83	Hồ Chí Minh	4421	51L-828.66	Hồ Chí Minh			
3422	51L-780.09	Hồ Chí Minh	4422	51L-832.22	Hồ Chí Minh			
3423	51L-783.84	Hồ Chí Minh	4423	51L-832.38	Hồ Chí Minh			
3424	51L-786.95	Hồ Chí Minh	4424	51L-835.38	Hồ Chí Minh			
3425	51L-788.08	Hồ Chí Minh	4425	51L-846.58	Hồ Chí Minh			
3426	51L-788.16	Hồ Chí Minh	4426	51L-850.69	Hồ Chí Minh			
3427	51L-793.89	Hồ Chí Minh	4427	51L-851.68	Hồ Chí Minh			
3428	51L-794.55	Hồ Chí Minh	4428	51L-856.39	Hồ Chí Minh			
3429	51L-798.18	Hồ Chí Minh	4429	51L-860.58	Hồ Chí Minh			
3430	51L-800.58	Hồ Chí Minh	4430	51L-864.65	Hồ Chí Minh			
3431	51L-811.12	Hồ Chí Minh	4431	51L-866.51	Hồ Chí Minh			
3432	51L-811.65	Hồ Chí Minh	4432	51L-866.60	Hồ Chí Minh			
3433	51L-812.86	Hồ Chí Minh	4433	51L-870.78	Hồ Chí Minh			
3434	51L-815.19	Hồ Chí Minh	4434	51L-874.39	Hồ Chí Minh			
3435	51L-815.69	Hồ Chí Minh	4435	51L-874.47	Hồ Chí Minh			
3436	51L-818.66	Hồ Chí Minh	4436	51L-874.86	Hồ Chí Minh			
3437	51L-819.18	Hồ Chí Minh	4437	51L-874.98	Hồ Chí Minh			
3438	51L-821.89	Hồ Chí Minh	4438	51L-875.66	Hồ Chí Minh			
3439	51L-823.68	Hồ Chí Minh	4439	51L-880.80	Hồ Chí Minh			
3440	51L-824.98	Hồ Chí Minh	4440	51L-881.19	Hồ Chí Minh			
3441	51L-832.28	Hồ Chí Minh	4441	51L-886.28	Hồ Chí Minh			
3442	51L-833.89	Hồ Chí Minh	4442	51L-887.68	Hồ Chí Minh			
3443	51L-840.89	Hồ Chí Minh	4443	51L-888.27	Hồ Chí Minh			
3444	51L-842.33	Hồ Chí Minh	4444	51L-893.15	Hồ Chí Minh			
3445	51L-845.58	Hồ Chí Minh	4445	51L-894.83	Hồ Chí Minh			
3446	51L-849.26	Hồ Chí Minh	4446	51L-895.15	Hồ Chí Minh			
3447	51L-850.95	Hồ Chí Minh	4447	51L-895.56	Hồ Chí Minh			
3448	51L-861.89	Hồ Chí Minh	4448	51L-895.83	Hồ Chí Minh			
3449	51L-863.66	Hồ Chí Minh	4449	51L-895.88	Hồ Chí Minh			
3450	51L-864.64	Hồ Chí Minh	4450	11A-111.58	Cao Bằng			
3451	51L-865.39	Hồ Chí Minh	4451	12A-241.86	Lạng Sơn			
3452	51L-867.39	Hồ Chí Minh	4452	12A-261.11	Lạng Sơn			
3453	51L-870.70	Hồ Chí Minh	4453	14A-835.86	Quảng Ninh			
3454	51L-872.69	Hồ Chí Minh	4454	14A-864.96	Quảng Ninh			
3455	51L-876.69	Hồ Chí Minh	4455	14A-867.39	Quảng Ninh			
3456	51L-882.35	Hồ Chí Minh	4456	14A-883.55	Quảng Ninh			
3457	51L-884.19	Hồ Chí Minh	4457	14A-907.68	Quảng Ninh			
3458	51L-884.25	Hồ Chí Minh	4458	14A-924.44	Quảng Ninh			
3459	51L-887.66	Hồ Chí Minh	4459	14A-931.66	Quảng Ninh			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3460	51L-890.90	Hồ Chí Minh	4460	14A-940.86	Quảng Ninh			
3461	11C-085.68	Cao Bằng	4461	14A-951.95	Quảng Ninh			
3462	12A-239.93	Lạng Sơn	4462	14A-955.44	Quảng Ninh			
3463	12A-259.86	Lạng Sơn	4463	14A-967.96	Quảng Ninh			
3464	12B-015.15	Lạng Sơn	4464	14A-972.72	Quảng Ninh			
3465	14A-881.69	Quảng Ninh	4465	14A-978.69	Quảng Ninh			
3466	14A-902.39	Quảng Ninh	4466	14A-987.78	Quảng Ninh			
3467	14A-905.86	Quảng Ninh	4467	15D-052.22	Hải Phòng			
3468	14A-906.89	Quảng Ninh	4468	15K-197.88	Hải Phòng			
3469	14A-917.39	Quảng Ninh	4469	15K-200.11	Hải Phòng			
3470	14A-947.74	Quảng Ninh	4470	15K-203.86	Hải Phòng			
3471	14A-953.69	Quảng Ninh	4471	15K-210.86	Hải Phòng			
3472	14A-966.22	Quảng Ninh	4472	15K-243.89	Hải Phòng			
3473	14A-982.66	Quảng Ninh	4473	15K-247.98	Hải Phòng			
3474	14A-987.86	Quảng Ninh	4474	15K-267.76	Hải Phòng			
3475	14A-988.77	Quảng Ninh	4475	15K-309.90	Hải Phòng			
3476	15K-198.39	Hải Phòng	4476	15K-337.68	Hải Phòng			
3477	15K-240.66	Hải Phòng	4477	15K-337.73	Hải Phòng			
3478	15K-241.99	Hải Phòng	4478	15K-340.43	Hải Phòng			
3479	15K-246.39	Hải Phòng	4479	15K-361.69	Hải Phòng			
3480	15K-274.89	Hải Phòng	4480	15K-390.86	Hải Phòng			
3481	15K-311.89	Hải Phòng	4481	15K-401.99	Hải Phòng			
3482	15K-329.66	Hải Phòng	4482	15K-405.06	Hải Phòng			
3483	15K-334.99	Hải Phòng	4483	17A-400.39	Thái Bình			
3484	15K-351.53	Hải Phòng	4484	17A-401.11	Thái Bình			
3485	15K-354.44	Hải Phòng	4485	17A-409.66	Thái Bình			
3486	15K-374.79	Hải Phòng	4486	17A-424.98	Thái Bình			
3487	15K-405.66	Hải Phòng	4487	17A-430.89	Thái Bình			
3488	15K-406.07	Hải Phòng	4488	17A-439.86	Thái Bình			
3489	17A-412.79	Thái Bình	4489	17A-444.36	Thái Bình			
3490	17A-431.79	Thái Bình	4490	17A-463.89	Thái Bình			
3491	17A-439.69	Thái Bình	4491	17A-465.66	Thái Bình			
3492	17A-441.66	Thái Bình	4492	17A-472.22	Thái Bình			
3493	17A-449.66	Thái Bình	4493	17A-473.99	Thái Bình			
3494	17A-450.05	Thái Bình	4494	17A-478.86	Thái Bình			
3495	17A-454.79	Thái Bình	4495	17A-480.39	Thái Bình			
3496	17C-209.39	Thái Bình	4496	17A-482.88	Thái Bình			
3497	18A-401.88	Nam Định	4497	17A-484.79	Thái Bình			
3498	18A-423.69	Nam Định	4498	17B-027.27	Thái Bình			
3499	18A-435.53	Nam Định	4499	17D-011.66	Thái Bình			
3500	18A-437.99	Nam Định	4500	18A-416.61	Nam Định			
3501	18A-457.66	Nam Định	4501	18A-427.79	Nam Định			
3502	18A-459.69	Nam Định	4502	18A-430.88	Nam Định			
3503	18A-471.69	Nam Định	4503	18A-440.79	Nam Định			
3504	18A-487.88	Nam Định	4504	18A-444.36	Nam Định			
3505	18A-488.39	Nam Định	4505	18A-447.39	Nam Định			
3506	18D-011.99	Nam Định	4506	18A-447.77	Nam Định			
3507	18D-012.22	Nam Định	4507	18A-471.17	Nam Định			
3508	19A-580.00	Phú Thọ	4508	18A-477.89	Nam Định			
3509	19A-603.68	Phú Thọ	4509	18A-482.66	Nam Định			
3510	19A-614.66	Phú Thọ	4510	18A-485.48	Nam Định			

47
NG
U G
P DA
T N
UÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3511	19A-629.86	Phú Thọ	4511	18A-486.48	Nam Định			
3512	19A-632.39	Phú Thọ	4512	19A-595.86	Phú Thọ			
3513	19A-639.86	Phú Thọ	4513	19A-597.68	Phú Thọ			
3514	19A-643.88	Phú Thọ	4514	19A-604.99	Phú Thọ			
3515	19A-650.88	Phú Thọ	4515	19A-680.86	Phú Thọ			
3516	19A-670.39	Phú Thọ	4516	19A-690.99	Phú Thọ			
3517	19A-680.99	Phú Thọ	4517	19A-691.86	Phú Thọ			
3518	19A-691.92	Phú Thọ	4518	19A-708.89	Phú Thọ			
3519	19A-701.68	Phú Thọ	4519	19A-711.22	Phú Thọ			
3520	19A-701.88	Phú Thọ	4520	20A-705.55	Thái Nguyên			
3521	19A-710.00	Phú Thọ	4521	20A-705.68	Thái Nguyên			
3522	20A-718.66	Thái Nguyên	4522	20A-711.68	Thái Nguyên			
3523	20A-718.86	Thái Nguyên	4523	20A-734.96	Thái Nguyên			
3524	20A-737.69	Thái Nguyên	4524	20A-740.68	Thái Nguyên			
3525	20A-758.89	Thái Nguyên	4525	20A-741.66	Thái Nguyên			
3526	20A-765.99	Thái Nguyên	4526	20A-743.99	Thái Nguyên			
3527	20A-817.77	Thái Nguyên	4527	20A-746.69	Thái Nguyên			
3528	20A-821.79	Thái Nguyên	4528	20A-750.79	Thái Nguyên			
3529	20A-832.33	Thái Nguyên	4529	20A-754.39	Thái Nguyên			
3530	20A-833.39	Thái Nguyên	4530	20A-755.79	Thái Nguyên			
3531	20A-849.48	Thái Nguyên	4531	20A-775.69	Thái Nguyên			
3532	20A-850.69	Thái Nguyên	4532	20A-789.66	Thái Nguyên			
3533	20A-856.65	Thái Nguyên	4533	20A-791.39	Thái Nguyên			
3534	20A-859.68	Thái Nguyên	4534	20A-802.39	Thái Nguyên			
3535	20B-033.99	Thái Nguyên	4535	20A-804.40	Thái Nguyên			
3536	20C-297.77	Thái Nguyên	4536	20A-814.14	Thái Nguyên			
3537	21A-197.77	Yên Bái	4537	20A-836.63	Thái Nguyên			
3538	21A-213.33	Yên Bái	4538	20A-846.79	Thái Nguyên			
3539	21A-219.97	Yên Bái	4539	20A-847.89	Thái Nguyên			
3540	21A-221.21	Yên Bái	4540	21A-181.68	Yên Bái			
3541	22A-224.68	Tuyên Quang	4541	21A-185.99	Yên Bái			
3542	22A-230.39	Tuyên Quang	4542	21A-191.39	Yên Bái			
3543	22A-231.23	Tuyên Quang	4543	21A-193.86	Yên Bái			
3544	22A-237.79	Tuyên Quang	4544	21A-194.96	Yên Bái			
3545	22A-244.88	Tuyên Quang	4545	21A-212.86	Yên Bái			
3546	22A-255.11	Tuyên Quang	4546	21A-218.19	Yên Bái			
3547	22C-111.15	Tuyên Quang	4547	21A-219.92	Yên Bái			
3548	22C-111.19	Tuyên Quang	4548	21C-108.68	Yên Bái			
3549	23A-137.77	Hà Giang	4549	22A-219.87	Tuyên Quang			
3550	23A-139.98	Hà Giang	4550	22A-238.79	Tuyên Quang			
3551	23A-155.77	Hà Giang	4551	22A-241.66	Tuyên Quang			
3552	23A-161.89	Hà Giang	4552	22A-246.69	Tuyên Quang			
3553	24A-259.88	Lào Cai	4553	22A-248.69	Tuyên Quang			
3554	24A-260.89	Lào Cai	4554	22A-258.79	Tuyên Quang			
3555	24A-263.88	Lào Cai	4555	22A-261.99	Tuyên Quang			
3556	24A-272.72	Lào Cai	4556	22C-111.33	Tuyên Quang			
3557	24A-275.99	Lào Cai	4557	22C-111.77	Tuyên Quang			
3558	24A-281.11	Lào Cai	4558	23A-144.00	Hà Giang			
3559	24A-294.66	Lào Cai	4559	23A-144.33	Hà Giang			
3560	24A-309.89	Lào Cai	4560	23A-153.33	Hà Giang			
3561	24B-017.77	Lào Cai	4561	23A-153.79	Hà Giang			

Y
Á
H
M
T.P.V

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3562	24C-162.99	Lào Cai	4562	23A-157.39	Hà Giang			
3563	25A-081.11	Lai Châu	4563	23A-157.68	Hà Giang			
3564	25A-082.39	Lai Châu	4564	23C-088.77	Hà Giang			
3565	25C-058.66	Lai Châu	4565	24A-254.89	Lào Cai			
3566	26A-195.88	Sơn La	4566	24A-259.66	Lào Cai			
3567	26A-199.38	Sơn La	4567	24A-261.79	Lào Cai			
3568	26A-223.24	Sơn La	4568	24A-276.39	Lào Cai			
3569	26C-159.39	Sơn La	4569	24A-287.99	Lào Cai			
3570	27A-113.99	Điện Biên	4570	24A-292.86	Lào Cai			
3571	27A-114.39	Điện Biên	4571	24A-303.89	Lào Cai			
3572	27A-115.69	Điện Biên	4572	25A-070.79	Lai Châu			
3573	27A-123.39	Điện Biên	4573	26A-193.39	Sơn La			
3574	28A-217.39	Hòa Bình	4574	26A-205.50	Sơn La			
3575	28A-218.79	Hòa Bình	4575	26A-207.68	Sơn La			
3576	28A-235.53	Hòa Bình	4576	26A-210.89	Sơn La			
3577	28A-240.79	Hòa Bình	4577	26A-222.19	Sơn La			
3578	28A-249.66	Hòa Bình	4578	26A-229.86	Sơn La			
3579	29K-222.03	Hà Nội	4579	26D-011.86	Sơn La			
3580	29K-224.99	Hà Nội	4580	26D-012.69	Sơn La			
3581	29K-225.11	Hà Nội	4581	27A-113.66	Điện Biên			
3582	29K-227.99	Hà Nội	4582	27A-113.86	Điện Biên			
3583	29K-229.33	Hà Nội	4583	27A-114.86	Điện Biên			
3584	29K-237.08	Hà Nội	4584	27A-125.26	Điện Biên			
3585	29K-248.89	Hà Nội	4585	28A-223.39	Hòa Bình			
3586	29K-249.44	Hà Nội	4586	28A-224.44	Hòa Bình			
3587	29K-249.98	Hà Nội	4587	28A-235.66	Hòa Bình			
3588	29K-257.89	Hà Nội	4588	28A-238.89	Hòa Bình			
3589	29K-259.52	Hà Nội	4589	28A-254.89	Hòa Bình			
3590	29K-263.88	Hà Nội	4590	29B-655.86	Hà Nội			
3591	29K-267.22	Hà Nội	4591	29D-611.79	Hà Nội			
3592	29K-267.88	Hà Nội	4592	29D-618.68	Hà Nội			
3593	29K-270.55	Hà Nội	4593	29D-619.89	Hà Nội			
3594	29K-274.29	Hà Nội	4594	29K-220.88	Hà Nội			
3595	29K-274.99	Hà Nội	4595	29K-235.25	Hà Nội			
3596	29K-279.65	Hà Nội	4596	29K-235.89	Hà Nội			
3597	29K-287.78	Hà Nội	4597	29K-241.69	Hà Nội			
3598	29K-289.25	Hà Nội	4598	29K-243.34	Hà Nội			
3599	29K-290.35	Hà Nội	4599	29K-258.18	Hà Nội			
3600	29K-294.77	Hà Nội	4600	29K-259.85	Hà Nội			
3601	29K-303.79	Hà Nội	4601	29K-285.28	Hà Nội			
3602	29K-306.03	Hà Nội	4602	29K-293.68	Hà Nội			
3603	29K-306.07	Hà Nội	4603	29K-294.00	Hà Nội			
3604	29K-310.29	Hà Nội	4604	29K-298.22	Hà Nội			
3605	29K-316.79	Hà Nội	4605	29K-299.39	Hà Nội			
3606	34A-744.79	Hải Dương	4606	29K-300.29	Hà Nội			
3607	34A-755.79	Hải Dương	4607	29K-301.85	Hà Nội			
3608	34A-767.66	Hải Dương	4608	29K-305.05	Hà Nội			
3609	34A-777.33	Hải Dương	4609	29K-308.68	Hà Nội			
3610	34A-786.98	Hải Dương	4610	29K-308.98	Hà Nội			
3611	34A-788.11	Hải Dương	4611	29K-316.00	Hà Nội			
3612	34A-799.55	Hải Dương	4612	29K-317.28	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3613	34A-841.89	Hải Dương	4613	34A-756.65	Hải Dương			
3614	34A-852.66	Hải Dương	4614	34A-760.06	Hải Dương			
3615	34A-860.66	Hải Dương	4615	34A-760.79	Hải Dương			
3616	34A-888.47	Hải Dương	4616	34A-765.56	Hải Dương			
3617	34A-891.66	Hải Dương	4617	34A-782.99	Hải Dương			
3618	34A-893.89	Hải Dương	4618	34A-809.86	Hải Dương			
3619	35A-394.68	Ninh Bình	4619	34A-810.69	Hải Dương			
3620	35A-424.69	Ninh Bình	4620	34A-826.99	Hải Dương			
3621	35A-427.66	Ninh Bình	4621	34A-895.98	Hải Dương			
3622	35A-439.69	Ninh Bình	4622	34A-906.99	Hải Dương			
3623	35A-444.43	Ninh Bình	4623	34A-918.86	Hải Dương			
3624	36C-525.99	Thanh Hóa	4624	34D-037.88	Hải Dương			
3625	36K-020.89	Thanh Hóa	4625	35A-374.86	Ninh Bình			
3626	36K-021.69	Thanh Hóa	4626	35A-395.88	Ninh Bình			
3627	36K-034.89	Thanh Hóa	4627	35A-405.05	Ninh Bình			
3628	36K-036.39	Thanh Hóa	4628	35A-410.79	Ninh Bình			
3629	36K-037.79	Thanh Hóa	4629	35A-422.24	Ninh Bình			
3630	36K-038.79	Thanh Hóa	4630	35A-433.55	Ninh Bình			
3631	36K-044.88	Thanh Hóa	4631	35A-436.79	Ninh Bình			
3632	36K-045.69	Thanh Hóa	4632	35A-440.88	Ninh Bình			
3633	36K-051.15	Thanh Hóa	4633	35A-444.78	Ninh Bình			
3634	36K-052.89	Thanh Hóa	4634	35A-449.89	Ninh Bình			
3635	36K-059.68	Thanh Hóa	4635	35A-461.79	Ninh Bình			
3636	36K-065.65	Thanh Hóa	4636	35B-019.66	Ninh Bình			
3637	36K-067.79	Thanh Hóa	4637	36C-509.69	Thanh Hóa			
3638	36K-077.33	Thanh Hóa	4638	36C-513.79	Thanh Hóa			
3639	36K-101.10	Thanh Hóa	4639	36K-008.79	Thanh Hóa			
3640	36K-105.89	Thanh Hóa	4640	36K-029.89	Thanh Hóa			
3641	36K-111.29	Thanh Hóa	4641	36K-034.88	Thanh Hóa			
3642	36K-137.77	Thanh Hóa	4642	36K-039.66	Thanh Hóa			
3643	36K-143.69	Thanh Hóa	4643	36K-042.39	Thanh Hóa			
3644	36K-147.14	Thanh Hóa	4644	36K-065.56	Thanh Hóa			
3645	36K-147.74	Thanh Hóa	4645	36K-085.89	Thanh Hóa			
3646	36K-158.99	Thanh Hóa	4646	36K-097.88	Thanh Hóa			
3647	36K-161.11	Thanh Hóa	4647	36K-109.86	Thanh Hóa			
3648	36K-173.39	Thanh Hóa	4648	36K-124.42	Thanh Hóa			
3649	36K-175.66	Thanh Hóa	4649	36K-126.69	Thanh Hóa			
3650	36K-177.39	Thanh Hóa	4650	36K-143.41	Thanh Hóa			
3651	36K-182.66	Thanh Hóa	4651	36K-150.50	Thanh Hóa			
3652	36K-193.66	Thanh Hóa	4652	36K-158.51	Thanh Hóa			
3653	36K-205.02	Thanh Hóa	4653	36K-189.86	Thanh Hóa			
3654	36K-205.05	Thanh Hóa	4654	36K-198.79	Thanh Hóa			
3655	36K-211.55	Thanh Hóa	4655	36K-205.79	Thanh Hóa			
3656	37K-259.68	Nghệ An	4656	36K-207.39	Thanh Hóa			
3657	37K-263.39	Nghệ An	4657	36K-208.20	Thanh Hóa			
3658	37K-283.79	Nghệ An	4658	37C-563.66	Nghệ An			
3659	37K-297.69	Nghệ An	4659	37C-565.86	Nghệ An			
3660	37K-301.01	Nghệ An	4660	37K-274.89	Nghệ An			
3661	37K-302.69	Nghệ An	4661	37K-284.68	Nghệ An			
3662	37K-306.86	Nghệ An	4662	37K-302.89	Nghệ An			
3663	37K-352.52	Nghệ An	4663	37K-305.86	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3664	37K-353.35	Nghệ An	4664	37K-312.39	Nghệ An			
3665	37K-353.66	Nghệ An	4665	37K-313.86	Nghệ An			
3666	37K-356.39	Nghệ An	4666	37K-318.39	Nghệ An			
3667	37K-366.39	Nghệ An	4667	37K-330.89	Nghệ An			
3668	37K-380.08	Nghệ An	4668	37K-350.99	Nghệ An			
3669	37K-401.40	Nghệ An	4669	37K-387.78	Nghệ An			
3670	37K-410.79	Nghệ An	4670	37K-394.68	Nghệ An			
3671	37K-414.15	Nghệ An	4671	37K-400.68	Nghệ An			
3672	37K-417.41	Nghệ An	4672	37K-403.79	Nghệ An			
3673	37K-422.79	Nghệ An	4673	37K-406.68	Nghệ An			
3674	37K-435.68	Nghệ An	4674	37K-419.78	Nghệ An			
3675	37K-437.73	Nghệ An	4675	37K-429.88	Nghệ An			
3676	37K-445.68	Nghệ An	4676	37K-442.22	Nghệ An			
3677	37K-470.68	Nghệ An	4677	37K-446.39	Nghệ An			
3678	37K-477.39	Nghệ An	4678	37K-462.63	Nghệ An			
3679	37K-480.68	Nghệ An	4679	37K-462.79	Nghệ An			
3680	38A-575.86	Hà Tĩnh	4680	37K-467.79	Nghệ An			
3681	38A-609.39	Hà Tĩnh	4681	38A-572.99	Hà Tĩnh			
3682	38A-612.99	Hà Tĩnh	4682	38A-608.89	Hà Tĩnh			
3683	38A-633.55	Hà Tĩnh	4683	38A-623.69	Hà Tĩnh			
3684	38A-665.86	Hà Tĩnh	4684	38A-627.72	Hà Tĩnh			
3685	38A-666.47	Hà Tĩnh	4685	38A-635.99	Hà Tĩnh			
3686	38A-672.72	Hà Tĩnh	4686	38A-643.64	Hà Tĩnh			
3687	38A-672.88	Hà Tĩnh	4687	38A-653.99	Hà Tĩnh			
3688	43A-825.69	Đà Nẵng	4688	38A-671.88	Hà Tĩnh			
3689	43A-835.89	Đà Nẵng	4689	38C-232.39	Hà Tĩnh			
3690	43A-871.69	Đà Nẵng	4690	43A-805.88	Đà Nẵng			
3691	43A-919.68	Đà Nẵng	4691	43A-808.39	Đà Nẵng			
3692	43A-920.00	Đà Nẵng	4692	43A-817.17	Đà Nẵng			
3693	43A-920.86	Đà Nẵng	4693	43A-826.79	Đà Nẵng			
3694	43A-930.03	Đà Nẵng	4694	43A-842.96	Đà Nẵng			
3695	43B-062.99	Đà Nẵng	4695	43A-850.39	Đà Nẵng			
3696	43C-312.39	Đà Nẵng	4696	43A-855.77	Đà Nẵng			
3697	47A-632.99	Đắk Lắk	4697	43A-881.18	Đà Nẵng			
3698	47A-641.99	Đắk Lắk	4698	43A-888.45	Đà Nẵng			
3699	47A-650.05	Đắk Lắk	4699	43A-899.11	Đà Nẵng			
3700	47A-653.69	Đắk Lắk	4700	43A-906.60	Đà Nẵng			
3701	47A-662.38	Đắk Lắk	4701	43A-918.19	Đà Nẵng			
3702	47A-662.99	Đắk Lắk	4702	43A-919.88	Đà Nẵng			
3703	47A-667.96	Đắk Lắk	4703	43A-922.55	Đà Nẵng			
3704	47A-692.68	Đắk Lắk	4704	43A-935.55	Đà Nẵng			
3705	47A-726.39	Đắk Lắk	4705	47A-636.99	Đắk Lắk			
3706	47A-746.39	Đắk Lắk	4706	47A-654.44	Đắk Lắk			
3707	47A-754.79	Đắk Lắk	4707	47A-662.36	Đắk Lắk			
3708	47A-755.00	Đắk Lắk	4708	47A-674.44	Đắk Lắk			
3709	47A-763.39	Đắk Lắk	4709	47A-697.88	Đắk Lắk			
3710	47A-764.99	Đắk Lắk	4710	47A-702.20	Đắk Lắk			
3711	47A-773.37	Đắk Lắk	4711	47A-713.69	Đắk Lắk			
3712	47A-773.69	Đắk Lắk	4712	47A-724.69	Đắk Lắk			
3713	47A-777.28	Đắk Lắk	4713	47A-772.89	Đắk Lắk			
3714	47A-781.79	Đắk Lắk	4714	47A-783.38	Đắk Lắk			

4
 CÔNG
 AN
 ỚP C
 ỆT
 XUA

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3715	47A-782.87	Đắk Lắk	4715	47A-787.69	Đắk Lắk			
3716	47A-800.99	Đắk Lắk	4716	47A-791.97	Đắk Lắk			
3717	47A-811.18	Đắk Lắk	4717	47A-794.88	Đắk Lắk			
3718	47C-392.99	Đắk Lắk	4718	47A-797.69	Đắk Lắk			
3719	47D-018.18	Đắk Lắk	4719	47C-388.87	Đắk Lắk			
3720	48A-214.69	Đắk Nông	4720	48A-205.05	Đắk Nông			
3721	48A-220.88	Đắk Nông	4721	48A-225.52	Đắk Nông			
3722	48A-225.88	Đắk Nông	4722	48A-231.79	Đắk Nông			
3723	48A-229.69	Đắk Nông	4723	48C-111.22	Đắk Nông			
3724	48C-113.66	Đắk Nông	4724	49A-638.99	Lâm Đồng			
3725	49A-634.34	Lâm Đồng	4725	49A-674.44	Lâm Đồng			
3726	49A-639.89	Lâm Đồng	4726	49A-713.89	Lâm Đồng			
3727	49A-645.98	Lâm Đồng	4727	49A-719.17	Lâm Đồng			
3728	49A-691.39	Lâm Đồng	4728	49A-720.00	Lâm Đồng			
3729	49A-692.79	Lâm Đồng	4729	49A-737.68	Lâm Đồng			
3730	49A-719.77	Lâm Đồng	4730	49A-738.86	Lâm Đồng			
3731	49A-724.89	Lâm Đồng	4731	49A-740.79	Lâm Đồng			
3732	49A-730.99	Lâm Đồng	4732	49C-370.07	Lâm Đồng			
3733	49A-743.68	Lâm Đồng	4733	49C-371.68	Lâm Đồng			
3734	51D-857.89	Hồ Chí Minh	4734	49C-379.69	Lâm Đồng			
3735	51D-865.99	Hồ Chí Minh	4735	51D-835.35	Hồ Chí Minh			
3736	51D-876.88	Hồ Chí Minh	4736	51D-883.39	Hồ Chí Minh			
3737	51E-329.68	Hồ Chí Minh	4737	51D-883.99	Hồ Chí Minh			
3738	51E-333.83	Hồ Chí Minh	4738	51E-322.79	Hồ Chí Minh			
3739	51E-338.83	Hồ Chí Minh	4739	51M-009.90	Hồ Chí Minh			
3740	51M-015.88	Hồ Chí Minh	4740	51M-028.82	Hồ Chí Minh			
3741	51M-018.00	Hồ Chí Minh	4741	51M-046.55	Hồ Chí Minh			
3742	51M-022.11	Hồ Chí Minh	4742	60K-428.79	Đồng Nai			
3743	51M-030.55	Hồ Chí Minh	4743	60K-435.39	Đồng Nai			
3744	51M-031.69	Hồ Chí Minh	4744	60K-445.79	Đồng Nai			
3745	51M-038.83	Hồ Chí Minh	4745	60K-469.86	Đồng Nai			
3746	51M-046.15	Hồ Chí Minh	4746	60K-474.69	Đồng Nai			
3747	51M-046.88	Hồ Chí Minh	4747	60K-480.88	Đồng Nai			
3748	60C-733.89	Đồng Nai	4748	60K-483.69	Đồng Nai			
3749	60C-755.77	Đồng Nai	4749	60K-500.89	Đồng Nai			
3750	60K-426.39	Đồng Nai	4750	60K-502.99	Đồng Nai			
3751	60K-434.88	Đồng Nai	4751	60K-534.39	Đồng Nai			
3752	60K-483.98	Đồng Nai	4752	60K-540.66	Đồng Nai			
3753	60K-506.68	Đồng Nai	4753	60K-554.79	Đồng Nai			
3754	60K-529.69	Đồng Nai	4754	60K-577.22	Đồng Nai			
3755	60K-533.86	Đồng Nai	4755	60K-577.86	Đồng Nai			
3756	60K-547.88	Đồng Nai	4756	60K-607.39	Đồng Nai			
3757	60K-557.57	Đồng Nai	4757	60K-612.12	Đồng Nai			
3758	60K-572.86	Đồng Nai	4758	60K-615.39	Đồng Nai			
3759	60K-581.79	Đồng Nai	4759	61C-600.06	Bình Dương			
3760	60K-584.58	Đồng Nai	4760	61C-608.08	Bình Dương			
3761	60K-615.61	Đồng Nai	4761	61D-021.88	Bình Dương			
3762	61C-603.89	Bình Dương	4762	61K-320.89	Bình Dương			
3763	61C-605.88	Bình Dương	4763	61K-344.55	Bình Dương			
3764	61K-360.69	Bình Dương	4764	61K-382.88	Bình Dương			
3765	61K-366.89	Bình Dương	4765	61K-390.99	Bình Dương			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3766	61K-376.99	Bình Dương	4766	61K-407.69	Bình Dương			
3767	61K-404.99	Bình Dương	4767	61K-418.81	Bình Dương			
3768	61K-421.66	Bình Dương	4768	61K-433.00	Bình Dương			
3769	61K-429.92	Bình Dương	4769	61K-444.35	Bình Dương			
3770	61K-431.66	Bình Dương	4770	61K-444.41	Bình Dương			
3771	61K-435.86	Bình Dương	4771	61K-447.89	Bình Dương			
3772	61K-444.69	Bình Dương	4772	61K-474.68	Bình Dương			
3773	61K-447.48	Bình Dương	4773	61K-478.66	Bình Dương			
3774	61K-448.49	Bình Dương	4774	61K-484.89	Bình Dương			
3775	61K-449.69	Bình Dương	4775	61K-485.68	Bình Dương			
3776	61K-452.54	Bình Dương	4776	61K-485.89	Bình Dương			
3777	61K-460.60	Bình Dương	4777	61K-489.96	Bình Dương			
3778	61K-463.39	Bình Dương	4778	61K-508.80	Bình Dương			
3779	61K-463.63	Bình Dương	4779	62A-383.79	Long An			
3780	61K-485.86	Bình Dương	4780	62A-412.21	Long An			
3781	61K-486.48	Bình Dương	4781	62A-418.81	Long An			
3782	61K-490.00	Bình Dương	4782	62A-422.24	Long An			
3783	61K-493.66	Bình Dương	4783	62A-433.00	Long An			
3784	61K-500.50	Bình Dương	4784	62A-438.69	Long An			
3785	61K-501.89	Bình Dương	4785	62A-463.88	Long An			
3786	62A-396.88	Long An	4786	62A-465.39	Long An			
3787	62A-406.89	Long An	4787	62D-013.99	Long An			
3788	62A-410.98	Long An	4788	63A-271.79	Tiền Giang			
3789	62A-435.55	Long An	4789	63A-277.66	Tiền Giang			
3790	62A-443.69	Long An	4790	63A-284.84	Tiền Giang			
3791	62A-453.68	Long An	4791	63A-310.89	Tiền Giang			
3792	62A-459.39	Long An	4792	63C-222.58	Tiền Giang			
3793	62A-461.79	Long An	4793	63C-227.66	Tiền Giang			
3794	62A-464.65	Long An	4794	63C-228.39	Tiền Giang			
3795	62A-464.88	Long An	4795	64A-180.88	Vĩnh Long			
3796	63A-281.66	Tiền Giang	4796	65A-420.69	Cần Thơ			
3797	63A-283.35	Tiền Giang	4797	65A-421.88	Cần Thơ			
3798	63A-284.39	Tiền Giang	4798	65A-446.64	Cần Thơ			
3799	63A-285.79	Tiền Giang	4799	65A-450.79	Cần Thơ			
3800	63A-287.87	Tiền Giang	4800	65A-455.11	Cần Thơ			
3801	63A-297.69	Tiền Giang	4801	65A-463.99	Cần Thơ			
3802	63A-302.79	Tiền Giang	4802	65A-471.17	Cần Thơ			
3803	63A-309.09	Tiền Giang	4803	65A-490.69	Cần Thơ			
3804	63A-310.01	Tiền Giang	4804	65A-499.44	Cần Thơ			
3805	63A-317.13	Tiền Giang	4805	65A-511.33	Cần Thơ			
3806	63A-323.24	Tiền Giang	4806	65C-231.79	Cần Thơ			
3807	63B-032.39	Tiền Giang	4807	66A-256.86	Đồng Tháp			
3808	63C-227.79	Tiền Giang	4808	66A-258.85	Đồng Tháp			
3809	64A-188.22	Vĩnh Long	4809	66A-258.96	Đồng Tháp			
3810	64B-015.88	Vĩnh Long	4810	66A-278.99	Đồng Tháp			
3811	65A-412.79	Cần Thơ	4811	66A-287.68	Đồng Tháp			
3812	65A-427.88	Cần Thơ	4812	66A-288.77	Đồng Tháp			
3813	65A-438.89	Cần Thơ	4813	66A-296.96	Đồng Tháp			
3814	65A-441.41	Cần Thơ	4814	66A-300.33	Đồng Tháp			
3815	65A-446.99	Cần Thơ	4815	67A-285.99	An Giang			
3816	65A-455.68	Cần Thơ	4816	67A-301.86	An Giang			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3817	65A-457.88	Cần Thơ	4817	67A-306.99	An Giang			
3818	65A-464.68	Cần Thơ	4818	67A-309.79	An Giang			
3819	65A-497.88	Cần Thơ	4819	67A-315.79	An Giang			
3820	65A-512.99	Cần Thơ	4820	67B-029.29	An Giang			
3821	65B-023.68	Cần Thơ	4821	68A-315.39	Kiên Giang			
3822	65C-229.79	Cần Thơ	4822	68A-334.69	Kiên Giang			
3823	66A-279.89	Đồng Tháp	4823	68A-350.86	Kiên Giang			
3824	66A-291.88	Đồng Tháp	4824	68A-353.33	Kiên Giang			
3825	66A-298.86	Đồng Tháp	4825	68A-355.89	Kiên Giang			
3826	66B-022.89	Đồng Tháp	4826	68A-361.66	Kiên Giang			
3827	67A-283.68	An Giang	4827	68B-032.88	Kiên Giang			
3828	67A-297.66	An Giang	4828	69A-142.99	Cà Mau			
3829	67A-303.30	An Giang	4829	69A-154.98	Cà Mau			
3830	67A-305.99	An Giang	4830	69A-156.99	Cà Mau			
3831	67A-312.68	An Giang	4831	69A-159.88	Cà Mau			
3832	67A-314.89	An Giang	4832	69A-160.61	Cà Mau			
3833	67A-319.39	An Giang	4833	69A-166.16	Cà Mau			
3834	67A-322.23	An Giang	4834	70A-493.88	Tây Ninh			
3835	68A-342.89	Kiên Giang	4835	70A-501.89	Tây Ninh			
3836	68A-357.75	Kiên Giang	4836	70A-516.96	Tây Ninh			
3837	69A-162.89	Cà Mau	4837	70A-516.99	Tây Ninh			
3838	70A-495.89	Tây Ninh	4838	70A-522.99	Tây Ninh			
3839	70A-523.99	Tây Ninh	4839	70A-523.79	Tây Ninh			
3840	70A-547.79	Tây Ninh	4840	70A-525.99	Tây Ninh			
3841	70A-556.86	Tây Ninh	4841	70A-530.89	Tây Ninh			
3842	70A-559.39	Tây Ninh	4842	70A-535.39	Tây Ninh			
3843	70A-569.39	Tây Ninh	4843	70A-545.69	Tây Ninh			
3844	70A-581.99	Tây Ninh	4844	70A-546.46	Tây Ninh			
3845	70A-583.39	Tây Ninh	4845	70A-574.79	Tây Ninh			
3846	71A-182.39	Bến Tre	4846	70A-581.88	Tây Ninh			
3847	71A-187.66	Bến Tre	4847	71A-183.88	Bến Tre			
3848	71A-189.96	Bến Tre	4848	71A-186.99	Bến Tre			
3849	71D-005.55	Bến Tre	4849	71A-188.11	Bến Tre			
3850	72A-754.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	4850	71A-196.79	Bến Tre			
3851	72A-765.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	4851	71A-201.79	Bến Tre			
3852	72A-794.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	4852	71A-202.02	Bến Tre			
3853	72A-801.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	4853	71A-202.68	Bến Tre			
3854	72A-804.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	4854	71A-207.07	Bến Tre			
3855	72A-805.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	4855	71A-208.66	Bến Tre			
3856	72A-806.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	4856	72A-752.88	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3857	72A-819.70	Bà Rịa - Vũng Tàu	4857	72A-760.06	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3858	72A-834.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	4858	72A-784.89	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3859	73A-347.89	Quảng Bình	4859	72A-799.00	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3860	73A-348.89	Quảng Bình	4860	72A-808.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3861	73A-367.68	Quảng Bình	4861	72A-814.41	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3862	74A-256.99	Quảng Trị	4862	72A-819.68	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3863	74A-276.69	Quảng Trị	4863	72A-820.68	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3864	75A-351.39	Thừa Thiên Huế	4864	72A-823.28	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3865	75A-361.11	Thừa Thiên Huế	4865	72A-829.29	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3866	75A-376.89	Thừa Thiên Huế	4866	72A-836.99	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3867	75A-386.83	Thừa Thiên Huế	4867	72C-233.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
			4868	72C-236.88	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3868	76A-286.65	Quảng Ngãi	4869	73A-325.68	Quảng Bình			
3869	76A-292.96	Quảng Ngãi	4870	73A-326.99	Quảng Bình			
3870	76A-310.86	Quảng Ngãi	4871	73A-366.33	Quảng Bình			
3871	77A-304.39	Bình Định	4872	74A-246.98	Quảng Trị			
3872	77A-308.89	Bình Định	4873	74A-257.79	Quảng Trị			
3873	77A-320.00	Bình Định	4874	74A-275.99	Quảng Trị			
3874	77A-324.24	Bình Định	4875	74C-136.63	Quảng Trị			
3875	77A-326.89	Bình Định	4876	75A-356.66	Thừa Thiên Huế			
3876	77A-330.86	Bình Định	4877	75A-359.88	Thừa Thiên Huế			
3877	77A-333.34	Bình Định	4878	75A-374.39	Thừa Thiên Huế			
3878	77A-349.68	Bình Định	4879	76A-303.33	Quảng Ngãi			
3879	78A-186.98	Phú Yên	4880	76A-317.89	Quảng Ngãi			
3880	78A-190.96	Phú Yên	4881	77A-323.66	Bình Định			
3881	78A-193.69	Phú Yên	4882	77A-326.39	Bình Định			
3882	78A-200.68	Phú Yên	4883	77A-326.99	Bình Định			
3883	78A-202.88	Phú Yên	4884	77A-350.79	Bình Định			
3884	78A-204.44	Phú Yên	4885	77C-257.99	Bình Định			
3885	78A-204.99	Phú Yên	4886	78A-183.69	Phú Yên			
3886	79A-516.99	Khánh Hòa	4887	78A-211.21	Phú Yên			
3887	79A-524.69	Khánh Hòa	4888	78A-211.44	Phú Yên			
3888	79C-223.88	Khánh Hòa	4889	78A-213.31	Phú Yên			
3889	81A-387.99	Gia Lai	4890	79A-504.68	Khánh Hòa			
3890	81A-400.88	Gia Lai	4891	79A-515.89	Khánh Hòa			
3891	81A-412.39	Gia Lai	4892	79A-537.37	Khánh Hòa			
3892	81A-421.11	Gia Lai	4893	79A-543.68	Khánh Hòa			
3893	81A-427.89	Gia Lai	4894	79A-550.86	Khánh Hòa			
3894	81A-429.86	Gia Lai	4895	79A-555.14	Khánh Hòa			
3895	81A-435.35	Gia Lai	4896	79A-560.60	Khánh Hòa			
3896	81A-436.68	Gia Lai	4897	79A-562.56	Khánh Hòa			
3897	81A-451.89	Gia Lai	4898	81A-405.89	Gia Lai			
3898	81C-282.39	Gia Lai	4899	81A-433.99	Gia Lai			
3899	82A-146.89	Kon Tum	4900	81A-441.44	Gia Lai			
3900	82A-151.88	Kon Tum	4901	81A-443.43	Gia Lai			
3901	82B-018.69	Kon Tum	4902	81A-444.45	Gia Lai			
3902	83A-180.68	Sóc Trăng	4903	82A-127.86	Kon Tum			
3903	83A-185.66	Sóc Trăng	4904	82A-129.79	Kon Tum			
3904	83C-131.79	Sóc Trăng	4905	82A-140.00	Kon Tum			
3905	84A-129.79	Trà Vinh	4906	82A-145.86	Kon Tum			
3906	84C-122.68	Trà Vinh	4907	83A-181.68	Sóc Trăng			
3907	85A-144.39	Ninh Thuận	4908	84A-143.68	Trà Vinh			
3908	85D-005.55	Ninh Thuận	4909	84B-017.69	Trà Vinh			
3909	86A-288.79	Bình Thuận	4910	85A-131.39	Ninh Thuận			
3910	86A-294.94	Bình Thuận	4911	85C-081.88	Ninh Thuận			
3911	86A-310.00	Bình Thuận	4912	86A-309.79	Bình Thuận			
3912	86A-315.13	Bình Thuận	4913	86A-310.10	Bình Thuận			
3913	86A-315.55	Bình Thuận	4914	86A-316.16	Bình Thuận			
3914	86A-315.89	Bình Thuận	4915	88A-651.79	Vĩnh Phúc			
3915	86A-319.78	Bình Thuận	4916	88A-662.18	Vĩnh Phúc			
3916	88A-655.79	Vĩnh Phúc	4917	88A-681.69	Vĩnh Phúc			
3917	88A-698.58	Vĩnh Phúc	4918	88A-710.89	Vĩnh Phúc			
3918	88A-699.29	Vĩnh Phúc						

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/Thành phố			
3919	88A-703.69	Vĩnh Phúc	4919	88A-715.88	Vĩnh Phúc			
3920	88A-725.88	Vĩnh Phúc	4920	88A-730.89	Vĩnh Phúc			
3921	88A-726.99	Vĩnh Phúc	4921	88A-745.89	Vĩnh Phúc			
3922	88A-737.89	Vĩnh Phúc	4922	88A-755.22	Vĩnh Phúc			
3923	88A-740.68	Vĩnh Phúc	4923	88A-766.11	Vĩnh Phúc			
3924	88A-744.11	Vĩnh Phúc	4924	88A-777.03	Vĩnh Phúc			
3925	88A-754.55	Vĩnh Phúc	4925	88A-777.06	Vĩnh Phúc			
3926	88A-754.89	Vĩnh Phúc	4926	88A-783.78	Vĩnh Phúc			
3927	88A-755.39	Vĩnh Phúc	4927	88B-019.68	Vĩnh Phúc			
3928	88C-301.99	Vĩnh Phúc	4928	88C-302.86	Vĩnh Phúc			
3929	88C-302.88	Vĩnh Phúc	4929	89A-445.68	Hung Yên			
3930	89A-430.69	Hung Yên	4930	89A-445.96	Hung Yên			
3931	89A-432.88	Hung Yên	4931	89A-460.79	Hung Yên			
3932	89A-441.88	Hung Yên	4932	89A-475.66	Hung Yên			
3933	89A-446.79	Hung Yên	4933	89A-480.69	Hung Yên			
3934	89A-447.68	Hung Yên	4934	89A-505.06	Hung Yên			
3935	89A-462.66	Hung Yên	4935	89A-505.66	Hung Yên			
3936	89A-462.69	Hung Yên	4936	89A-520.20	Hung Yên			
3937	89A-477.69	Hung Yên	4937	89A-527.52	Hung Yên			
3938	89A-485.88	Hung Yên	4938	89A-527.89	Hung Yên			
3939	89A-489.39	Hung Yên	4939	89A-531.11	Hung Yên			
3940	89A-490.68	Hung Yên	4940	89B-023.88	Hung Yên			
3941	89A-495.99	Hung Yên	4941	89C-333.59	Hung Yên			
3942	89A-502.68	Hung Yên	4942	90A-244.55	Hà Nam			
3943	89A-504.05	Hung Yên	4943	90A-252.69	Hà Nam			
3944	89A-506.89	Hung Yên	4944	90A-271.11	Hà Nam			
3945	89A-509.66	Hung Yên	4945	92A-377.00	Quảng Nam			
3946	89A-524.66	Hung Yên	4946	92A-388.11	Quảng Nam			
3947	90A-254.69	Hà Nam	4947	92A-391.68	Quảng Nam			
3948	90A-278.68	Hà Nam	4948	92A-398.79	Quảng Nam			
3949	92A-382.22	Quảng Nam	4949	92A-401.68	Quảng Nam			
3950	92A-382.69	Quảng Nam	4950	92A-414.86	Quảng Nam			
3951	92A-409.88	Quảng Nam	4951	92A-415.99	Quảng Nam			
3952	92A-422.99	Quảng Nam	4952	92A-428.28	Quảng Nam			
3953	92C-252.68	Quảng Nam	4953	92A-428.99	Quảng Nam			
3954	93A-444.45	Bình Phước	4954	92B-033.22	Quảng Nam			
3955	93A-448.39	Bình Phước	4955	92C-251.68	Quảng Nam			
3956	93A-449.39	Bình Phước	4956	93A-444.96	Bình Phước			
3957	93A-455.69	Bình Phước	4957	93A-447.88	Bình Phước			
3958	93A-465.55	Bình Phước	4958	93A-467.77	Bình Phước			
3959	93A-472.39	Bình Phước	4959	93A-470.99	Bình Phước			
3960	93A-489.79	Bình Phước	4960	93A-490.79	Bình Phước			
3961	93A-490.66	Bình Phước	4961	94A-107.66	Bạc Liêu			
3962	93A-504.40	Bình Phước	4962	95A-134.66	Hậu Giang			
3963	94B-012.22	Bạc Liêu	4963	98A-675.68	Bắc Giang			
3964	95A-123.39	Hậu Giang	4964	98A-706.89	Bắc Giang			
3965	97A-080.58	Bắc Kạn	4965	98A-714.86	Bắc Giang			
3966	98A-689.59	Bắc Giang	4966	98A-734.69	Bắc Giang			
3967	98A-703.68	Bắc Giang	4967	98A-745.69	Bắc Giang			
3968	98A-704.99	Bắc Giang	4968	98A-753.86	Bắc Giang			
3969	98A-715.98	Bắc Giang	4969	98A-764.86	Bắc Giang			

TỶ
GIÁ
ANH
JAM
1-T.P

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3970	98A-732.89	Bắc Giang	4970	98A-788.39	Bắc Giang			
3971	98A-733.66	Bắc Giang	4971	98A-800.00	Bắc Giang			
3972	98A-758.66	Bắc Giang	4972	98A-800.11	Bắc Giang			
3973	98A-781.66	Bắc Giang	4973	98A-800.39	Bắc Giang			
3974	98A-804.39	Bắc Giang	4974	98A-813.66	Bắc Giang			
3975	98A-805.80	Bắc Giang	4975	98A-846.64	Bắc Giang			
3976	98A-809.39	Bắc Giang	4976	98A-847.74	Bắc Giang			
3977	98A-812.13	Bắc Giang	4977	98D-015.99	Bắc Giang			
3978	98A-815.68	Bắc Giang	4978	99A-690.00	Bắc Ninh			
3979	98A-816.61	Bắc Giang	4979	99A-690.68	Bắc Ninh			
3980	98A-816.89	Bắc Giang	4980	99A-709.68	Bắc Ninh			
3981	98A-832.22	Bắc Giang	4981	99A-730.03	Bắc Ninh			
3982	98A-841.79	Bắc Giang	4982	99A-732.32	Bắc Ninh			
3983	98A-843.89	Bắc Giang	4983	99A-746.98	Bắc Ninh			
3984	98A-849.48	Bắc Giang	4984	99A-759.96	Bắc Ninh			
3985	98C-365.66	Bắc Giang	4985	99A-762.88	Bắc Ninh			
3986	99A-705.88	Bắc Ninh	4986	99A-774.88	Bắc Ninh			
3987	99A-718.89	Bắc Ninh	4987	99A-776.39	Bắc Ninh			
3988	99A-721.89	Bắc Ninh	4988	99A-777.69	Bắc Ninh			
3989	99A-741.79	Bắc Ninh	4989	99A-784.68	Bắc Ninh			
3990	99A-778.66	Bắc Ninh	4990	99A-802.99	Bắc Ninh			
3991	99A-794.44	Bắc Ninh	4991	99A-805.08	Bắc Ninh			
3992	99A-813.39	Bắc Ninh	4992	99A-808.09	Bắc Ninh			
3993	99A-815.51	Bắc Ninh	4993	99A-809.69	Bắc Ninh			
3994	99A-819.66	Bắc Ninh	4994	99A-824.89	Bắc Ninh			
3995	99A-823.69	Bắc Ninh	4995	99A-827.82	Bắc Ninh			
3996	99A-837.39	Bắc Ninh	4996	99A-831.79	Bắc Ninh			
3997	99A-840.68	Bắc Ninh	4997	99A-844.45	Bắc Ninh			
3998	99A-844.68	Bắc Ninh	4998	99C-321.12	Bắc Ninh			
3999	99A-847.68	Bắc Ninh	4999	99C-329.68	Bắc Ninh			
4000	99C-326.39	Bắc Ninh	5000	99D-023.69	Bắc Ninh			

